B2 TIỂU DIỄN GIẢI (Cullaniddesapāḷi) - Diễn Giải Phẩm Đường Đi Đến Bờ Kia (Pārāyanavaggo)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 4 (VNC PHVN, 2021)

DIỄN GIẢI PHẨM ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ KIA (PẤRẪYANAVĂGGƠ)

1. DIỄN GIẢI KÊNH AJITA (AJITĀSUTTANIDDESO)

1.1. [Tôn giả Ajita nói rằng:] "'Thế giới bi bao trùm bởi cái gì? Không chói sáng bởi điều gì? Ngài hãy nói cái gì ỉa vật làm uế nhiễm đổi với [thế giới] này? Cái gì là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới]?ĩ, Thế giới bi bao trùm bởi cái gì? Thế giói: Thế giới địa ngục, thế giới loài thú, thế giới nga quỷ, thế giới loài người, the giới chư thiên, the giới cua các uan, the giới cua các giới, the giới của các xứ, thế giới này, thế giới khác, thế giới Phạm thiên, thế giới chư thiên; đây gọi là thế giới. Thế giới này bị bao bọc, bị bao trùm, bi bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đay kín bơi cái gì? "Thế giới bị bao trùm bởi cái gi" là như thế. Tôn giả Ajita nói rằng. Răng: Từ "icca" này là sự nôi liên các câu văn, sự két hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn. Tôn giả: Từ "āyasmā" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng. Ajita: Là tên của vi Bà-la-môn ấy, là sự ấn đinh, sự chỉ đinh, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi. "T6n giả Ajita nói rằng" là như thế. Không chói sáng bỏi điều gì? Bởi điều gì mà thế giới không chói sáng, không tỏa sáng, không cháy sáng, không chiếu sáng, không được biết đến, không được nhạn biết? "Không chói sáng bởi điều gi" là như thế. Ngài hãy nói cái gì là vật làm uế nhiễm đối với [thế giối] này? Đối với thế giới, cái gì là vật làm lấm nhơ, là sự dính mắc, là sự cột trói, là vật làm ô

nhiễm? Do cái gthế giới bị lấm nhơ, bi nhiễm bẩn, bị vấy bẩn, bị ô uế, bị ô nhiễm, bị lấm lem, bị gắn bó, bi máng vào, bị vướng vào5 bị giữ lại. Ngài hãy nói: Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hay làm rõ, hay bày tỏ. "Ngài hãy nói cái gì là vật làm uế nhiễm đối với [thế giới] này" là như thế. Cái gì là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó? Đối với thế giới, cái là sự sợ hãi, là sự nguy hiểm lớn lao, là sự hành hạ, là sự đụng chạm, là sự bát hạnh, là sự nguy cơ? "Cái gì là sự nguy hiểm lớn lao đối với n6" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Ajita nói rằng:] "'Thế giới bỉ bao trùm bởi cái gì? Không chói sảng bởi điều gì? Ngài hãy nói cải gì là vật làm uế nhiễm đối với [thế giới] này? Cái gì là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới]?"

1.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Ajita] The giới bỉ bao trùm bởi vô minh, Không chói sảng bởi keo kiệt, bởi xao lãng. Ta nói ? tham muốn 9là vật • làm uếr nhiễm, r Khô là sự nguy hiêm lớn lao đôi với nó [thê giới]. ‘‘ Thế giới bi bao trùm bỏi vô minh. Vô minh: Là sự không biết về khổ, sự không biết về nhân sanh khổ, sự không biết về sự diệt tận khổ, sự không biết về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, sự không biết về điểm khởi

đầu, sự không biết về điểm kết thúc, sự không biết về điểm khởi đầu và điểm kết thúc, sự không biết về các pháp tùy thuan duyên khởi này; sự không biết nào với hình thức như vậy là sự không nhìn thấy, không chứng ngộ, không thấu hiểu, không giác ngộ, không thấu triệt, không thu thập, không thâm nhập, không xem xét, không quán xét lại, không làm cho thấy rõ, không trong sáng, trạng thái ngu si, sự không nhận biêt rõ, sự si mê, sự mê ám, sự mê muội, vô minh, sự lôi cuốn vào vô minh, sự gắn bó với vô minh, sự tiềm ẩn của vô minh, sự ngự tri của vô minh, sự ngăn trở của vô minh. si mê là góc rê của bát thiện; điêu này được gọi là vô minh. Thế gioi: Thế giới địa ngúc, thế giới loài thú, thế giới nga quỷ, thế giới loài người, thế giới chư thiên, thế giới của các uẩn, thế giới của các giới, thế giới Y - J # f e ỉ =. J r 7 D của các xứ, thê giới này, thê giới khác, thê giới Phạm thiên, thê giới chư thiên; đây gọi là thế giới. Thê giới này bi bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bi che lại, bi che kín, bị dạy kín bơi bởi vo minh này. "Thế giới bi bao trùm bởi vô minh" là như thế. Ajita: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

TIỂU DIỄN GIẢI 453

Đức Thế Tôn: Là từ ximg hô với sự tôn kính. Thêm nữa, có luyến ái đã được phá v&” là đức Thế Tôn; "vị có sân hận đã được phá v&" là đức Thế Tôn; có si mê đã được phá v&y là đức Thế Tôn; "vj có ngã mạn đã được phá là đức Thế Tôn; có tà kiến đã được phá là đức Thế Tôn; có cây gai đã được phá v&" là đức Thế Tôn; có ô nhiễm đã được phá vO" là đức Thế Tôn; đã phân phát, đã phân chia, đã phânj)hối Pháp bảo,9 là đức Thế Tôn; “vj thực hiện sự chấm dứt các hữu" là đức The Tôn; có thân đã được tu tập; có giới đã được tu tập, cỏ tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập" là đức Thế Tôn; "vị đã thân cận các khu rưng, các nơi heo hút? các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chiin& thích hợp cho viec thiền tịnh,9 là đức Thế Tôn; có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh,5 là đức Thế Tôn; có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của Pháp, về vị của giải thoát, về thắng ẸÌỚi, về thắng tâm, về thắng tuệ" là đức Thế Tôn* có dự phần hoặc sở hữu ve bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vo s*c" là đức Thế Ton; "vị có dư phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần ty" là đức Thế Tôn; có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tưởng, về mười sự thể nhập các đề mục kasỉụa. về đinh niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tử thi" 1A đức Thế Ton; uvị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần,5 là đức Thế Tôn; uvị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bôn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phát" là đức Thế Tôn. Tên gọi "Thế T6n" này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chi [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ tn Toàn tri ơ cọi cây Bồ-đề, tức là 'dức Thế Tôn.,, "Bức Thế Tôn nói: Này Ajita” là như thế. Không

chói sáng bởi keo kiệt, bởi xao lãng. Keo kiệt: Nói đến năm loại bon xẻn: Bon xẻn về chỗ &, bon xẻn về gia tộc? bon xẻn về lợi lộc, bon xẻn về danh tiếng, bon xẻn về pháp; bon xẻn nào có hình thức như vậy là biêu hiện của bon xẻn, trạng thái của bon xẻn, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bủn xỉn, trạng thái bi nắm giữ của tâm; điều này được gọi là bon xẻn. Còn nữa, bon xẻn về uẫn cũng là bon xẻn5 bon xẻn về giới cũng là bon xẻn, bổn xẻn về xứ cũng là bon xẻn, sự nắm lấy được gọi là bon xẻn. Xao lãng: cần được nói đến: Sự buông thả hoặc sự buông xuôi trong việc buông thả của tâm ở uế hạnh về thân, ở uế hạnh về khẩu, ở uế hạnh về ý, hoặc ở năm loại dục, là trạng thái thực hành không nghiêm trang, trạng thái thực hành không liên tục, trạng thái thực hành không ổn đinh, có thói quen biếng nhác,

trạng thái buông bỏ mong muốn, trạng thái buông bỏ bổn phận, sự không tập luyện, sự khôn^ tu tập, sự không làm thường xuyên, sự không quyết tâm, sự không chuyên cân, sự xao lãng trong việc tu tập các thiện pháp; sự xao lãng nào với hình thức như vậy là biêu hiện xao lãng, trạng thái xao lãng; việc này gọi là sự xao lãng. Không chói sáng bởi keo kiệt, bởi xao lãng: Bởi sự keo kiệt này và bởi sự xao lãnệ này mà thế giới không chói sáng, không tỏa sáng, không cháy sáng, không chiêu sáng, không được biết đến, không được nhận biết. "Không chói sáng bởi keo kiệt, bởi xao lâtag" là như thế. Ta nói tham muốn là vật làm uế nhiễm. Tham muốn: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt, sự say đắm, sự chiều chuộng, niềm vui, niềm vui và luyến ái, sự luyến ái mãnh liệt của tâm, ước muốn, mê mẩn, bám chặt, thèm khát, thèm thuồng, quyến luyến, đắm nhiễm, dục vọng, xảo trá, liên quan tái sanh, sự tạo ra kho, người thợ may, cái lưới bẫy, sự cuốn trôi, sự vướng mắc, sợi chỉ trói, sự lan rộng, có sự ra sức, bạn đời, nguyện vọng, lối dẫn đến hữu, rừng cây, bụi rậm, sự thân thiết, sự thương yêu, sự trông mong, sự thân mật, sự mong mỏi, sự mong ước, trạng thái mong ước, sự mong mỏi về sắc, mong mỏi về thinh, mong mỏi về hương, mong mỏi về vị, mong mỏi về xúc, mong mỏi về lợi lộc, mong mỏi về tài sản, mong mỏi về con trai, mong mỏi về mạng sống, tham muốn, khởi tham muốn, tham đắm, biểu hiện tham muốn, trạng thái tham muốn, tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, xao xuyến, ham muốn vật vừa y, luyến ái sai pháp, tham sai trái, đeo đuổi, khao khát, ước nguyện, mong cầu, ước nguyện tót đẹp, dục ái, hữu ái, phi hữu ái, ái cõi sắc, ái cõi vô sắc, ái Niết-bàn, ái cảnh sắc, ái cảnh thinh, ái cảnh khí, ái cảnh vị, ái cảnh xúc, ái cảnh pháp, dòng nước lũ, sự ràng buộc, trói buộc, chấp thủ, ngăn trở, ngăn che, che đậy, cột trói, làm ô nhiễm, tiềm ẩn, thâm nhập, quấn lấy, sự keo kiệt, cội nguồn của khổ, căn nguyên của khổ, nguồn sanh khổ, cạm bẫy của Ma vương, lưỡi câu của Ma vương, miếng mồi của Ma vương, lãnh địa của Ma vương, mồi nhử của Ma vương, hành xứ của Ma vương, sự trói buộc của Ma vương, ái ví như dòng sông, ái ví như tấm lưới, ái ví như dây xích, ái ví như biển, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện; điều này được gọi là tham muốn, là vật làm lấm nhơ, là sự dính mắc, là sự cột trói, là vật lam ô nhiễm đối với thế giới. Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở? Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Do tham muôn này, thê giới bị lâm nho, bị nhiêm bân, bị vây bân, bị ô uê? bi ô nhiễm, bi lấm lem, bị gắn bó, bi máng vào, bị vướng vào, bi giữ lại." "Ta nói tham

muốn là vật làm uế nhiễm,, là như thế. Khổ là sự nguy hiểm lớn lao đối vói nó [thế giới]. Khổ: Là khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu bi, khổ do ưu não, khổ ở địa ngục, khổ ở loài thú, khổ ở thân phận nga quỷ. khổ của loài người, khô bát nguôn từ việc nhập thai, khô bát nguôn từ việc trụ thai, khô băt

nguồn từ việc ra khỏi thai, khổ gắn liền sau khi sanh ra, khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra, khổ do sự ra sức 9 9 r của2 e bản thân, khổ do sự ra sức của kẻ khác, khô do pháp tạo tác, khô do sự biên đôi, bệnh ở mát, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết ly, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phôi, động kinh, mụt, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở? loét hậu mon, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ dám, bệnh phát khởi từ gió, bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió, bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nang và các loài bò sát là kho, cái chết của mẹ là kho, cái chết của cha là khô, cái chét của anh [em] trai là khô, cái chét của chi [em] gái là khô, cái chết của con trai là khổ, cái chết của con gái là khổ, sự tổn hại vê thân quyến là khổ, sự tổn hại về của cải là khổ, sự tổn hại vì bệnh tật là khổ, sự tổn hại về giới là khổ, sự tổn hại về kiến thức là khổ, đối với những pháp nào có sự khởi lên ban đầu được nhận biết, có sự diệt tận lúc biến mất được nhận biết, có quả thành tựu nương vào hành động, có hành động nương vào quả thành tựu, có sắc nương vào danh, có danh nương vào sắc, bị theo sau bởi sanh, bi đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, được thiết lập ở khổ, là không nơi nương tựa, là không nơi tru ẩn, là không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ; điều này được gọi là khổ. Khổ này là sự sợ hãi, sự nguy hiểm lớn lao, sự hành hạ, sự đụng chạm, sự bất hạnh, sự nguy cơ đối với thế giới. "Khổ là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới],, là như thế. v r\ J1 Ẩ m rpl Á rp A 4.JV r • W Vì thê, đức The Tôn đã noi răng: [Đức Thế Tôn nói: “Này Ajita] The giới bị bao trùm bởi vô minh, Không chói sáng bởi keo kiệt, bởi xao lãng. Ta nói tham muốn là vật làm uế nhiễm, Khô là sự nguy hiềm lớn lao đôi với nó [thê giới].

1.3. [Tôn giả Ajita nói rằng:] "'Các dòng chảy tuôn tràn kháp mọi nơi, Cải gì là sự ngăn cản các dòng chảy? Ngài hãy nói về sự ngăn chặn các dòng chảy, Các dòng chảy được chặn đứng bởi cái gì?" Các dòng chảy tuôn tràn khắp mọi noi. Các dòng chảy: Dòng chảy tham ái, dòng chảy tà kiến, dòng chảy ô nhiễm, dòng chảy uê hạnh, dòng chảy vô minh. Khắp mọi noi: ở tất cả các xứ. Tuôn tràn: Chúng tuôn tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục; từ con

mắt chúng tuôn tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục ở sắc; từ lỗ tai chúng tuôn tràn... (nt)... ở thinh; từ lỗ mũi chúng tuôn tràn... (nt)... ở hương; từ lưỡi chúng tuôn tràn... (nt)... ở vị; từ thân chúng tuôn tràn.(nt)... ở xúc; từ ý chúng tuôn tràn... (nt)... ở

pháp; tham ái ở sác từ con mắt tuôn tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục; tham ái ở thinh từ lỗ tai tuôn tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục; tham ái ở hương từ lỗ mũi... (nt)...; tham ái ở vị từ lưỡi... (nt)...;tham ái ở xúc từ thân... (nt)...; tham ái ở pháp từ ý tuôn tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục. "Các dòng chảy tuôn tràn khắp mọi noi" là như thế. Tôn giả Ajita nói rằng. Rằng: Từ "icca" này là sự nối liền các câu văn,... (nt)..tính chất tuần tự của các câu văn. Tôn giả: [Từ "āyasmā" này] là lời nói yêu mến,... (nt)... Ajita: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi. "Tôn giả Ajita nói rằng,5 là như thế. Cái gì là sự ngăn cản các dòng chảy? Cái gì là sự ngăn trở, sự ngăn cản, sự ngăn chặn, sự bảo vệ9 sự gìn giữ đối với các dòng chảy? "Cái gì là sự ngăn cản các dòng chảy" là như thế. Ngài hây nói về sự ngăn chăn các dòng chảy. Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ẩn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về sự ngăn trở, sự ngăn cản, sự ngăn chặn, về sự bảo vệ, về sự gìn giữ đối với các dòng chảy. "Ngài hãy nói về sự ngăn chặn các dòng chảy" là như thế. Các dòng chảy được chặn đứng bỏi cái gì? Bởi cái gì mà các dòng chảy bị chặn đứng, bị cắt dứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. "Các dòng chảy được chặn đứng bởi cái gi" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Ajita nói rằng:] “Các dòng chảy tuôn tràn khắp mọi nơi, Cái gì là sự ngăn cản các dòng chảy? Ngài hãy nói vê sự ngăn chặn các dòng chảy, Các dòng chảy được chặn đứng bởi cái gì?"

1.4. [Đức Thế Tôn nói: "Này Ajita]
Những dòng chảy nào hiện diện ở thê gian,
Niệm là sự ngăn cản chúng,
Ta nói vê sự ngăn chặn các dòng chảy,
Chúng được chặn đứng bởi tuệ.
Những dòng chảy nào hiện diện ờ thế gian: Là những dòng chảy đã được

giải thích? đã được kể rố? đã được chỉ dạy? đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ân định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ bởi T% tức là: Dòng chảy tham ái, dòng chảy tà kiến, dòng chảy ô nhiễm, dòng chảy uế hạnh, dòng chảy vô minh. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ. Ajita: Đức Thế Tôn ximg hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên. Niệm là sự ngăn cản chúng. Niệm: Niệm là sự tùy niệm, là niệm hiện tiền; niệm là trạng thái ghi nhớ, trạng thái ghi nhận, trạng thái không lơ là, trạng thái không quên lãng; niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo; việc này được gọi là niệm. Sự ngăn cản: Là sự ngăn trở, sự ngăn cản, sự ngăn chặn, sự bảo vệ, sự gìn giữ. "Niệm là sự ngăn cản chiing" là như thế. Ta nói về sự ngăn chặn các dòng chảy: Ta nói về, Ta chỉ dạy,... (nt)... Ta làm rõ, Ta bày tỏ vê sự ngăn trở, sự ngăn cản, sự ngăn chặn, sự bảo vệ? sự gìn giữ đối với các dòng chảy. "Ta nói về sự ngăn chặn các dòng chảy,, là nhu thế. Chúng được chặn đứng bởi tuệ. Tuệ: Tuệ là sự nhận biêt,... (nt) sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. ChUng được chặn đứng bỏi tuệ: Nhờ vào tuệ mà các dòng

chảy ấy bi chặn đứng, bị căt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuông, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: "Tất cả các hành là vô thương", các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: “Tất cả các hành là khổ9\ các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: “Tất cả các hành là vô ng",1 các dòng chảy ây bị chặn đứng, bị cát đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với ngươòd biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: "V6 minh duyên cho các hành,\ các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bi cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đôi với người thấy bằng tuệ rằng: "Các hành duyên cho thức",... (nt)... "Thức

l Có sự không thống nhất ở điểm này: Văn bản Thái Lan và PTS ghi là Dhammā (các pháp), văn bản Miến Điện va Tích Lan ghi ỉèiSankharâ (các hành). (ND)

duyên cho danh sắc", (nt) "Danh sắc duyên cho sáu xứ", (nt)... "Sáu xứ duyên cho xuc5\... (nt).. "Xúc duyên cho tho",... (nt)... uThọ duyên cho (nt).. "Ai duyên cho thiỉ",...(nt).. "Thủ duyên cho hữu",... (nt)... "Hữu duyên cho sanh95,... (nt).. "Sanh duyên cho lão tỷr", các dòng chảy ấy bi chặn đứng, bị cắt dứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: "Do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành",...(nt)..."Do sự diệt tận của các hành [đưa đến] sự diệt tan của ..(nt)... "Do sự diệt tận của thức [đưa đến] sự diệt tận của danh sắc'L...(nt).."Do sự diệt tận của danh sắc [đưa đến] sự diệt tận của sáu xứ",...(nt)... “Do sự diệt tận của sáu xứ [đưa đến] sự diệt tận của xúc",...(nt).. "Do sự diệt tận của xúc [đưa đến] sự diệt tận của thq",...(nt).."Do sự diệt tận của thọ [đưa đến] sự diệt tận của (nt).. "Do sự diệt tận của ái [đưa đến] sự diệt tận của thiỉ",... (nt).. "Do sự diệt tận của thủ [đưa đến] sự diệt tận của hữu”,... (nt)... “Do sự diệt tận của hữu [đưa đến] sự diệt tận của sanh",..(nt).."Do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử", các dòng chảy ấy bi chặn đứng, bị cắt dứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: uĐây là kh8",... (nt).. "Bây là nhân sanh kho9\... (nt).. "pây là sự diệt tận khổ9\... (nt)... "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận kh6”, các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt dứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đôi với người biêt, đôi với người thây băng tuệ răng: uĐây là các lậu hoặc",...(nt)... “Bây là nhân sanh các lậu ho/c",...(nt).. "Bây là sự diệt tận các lậu hoāc9\... (nt)... uĐây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc", các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt dứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: "Các pháp này cần được biết r”,...(nt)... "Các pháp này cần được biết toàn diên”,...(nt)."Các pháp này cần được dứt b6“,...(nt).. “Các pháp này cần được tu tập5\... (nt)... uCác pháp này cần được chứng ĩigO", các dòng chảy ấy bi chặn đứng, bị cắt dứt,

không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đối với n^ười thấy bằng tuệ về nhân sanh khởi, về sự tiêu hoại, về sự hứng thú, về sự bát lợi, vê sự thoát ra của sáu xúc xứ, các dòng chảy ây bi chăn đứng, bị căt dứt, không tuôn tràn, không chảy xuổng, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ về nhân sanh khởi, về sự tiêu hoại, về sự hứng thú, về sự bất lợi, về sự thoát ra của năm thủ uẩn,... (nt)... Đôi với người biêt, đôi với người thây băng tuệ vê nhân sanh khởi, vê sự tiêu hoại, về sự hứng thú, về sự bất lợi, về sự thoát ra của bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió],... (nt)... Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng:

TIỂU DIỄN GIẢI 459

uĐiều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh diệt t§n", các dòng chảy ấy bi chặn đứng, bi cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. "Chúng được chặn đứng bởi tue" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Đức Thế Tôn nói: "Này Ajita] Những dòng chảy nào hiện diện ở the gian, Niệm là sự ngăn cản chủng, Ta nói vê sự ngăn chặn các dòng chảy, Chủng được chặn đứng bởi tuệ.

1.5. [Tôn giả Ajita nỏi rằng:] ^Tuệ và luôn cả niệm, Danh và sác, thưa Ngài, Được tôi hỏi điều này, xin Ngài hãy nói lên, ơ đâu điều này được hoại diệt?" Tuệ và luôn cả niệm. Tuệ: Tuệ là sự nhận biết, sự chọn lựa, sự khám phá, sự chọn lựa pháp, sự quan sát, sự nhận định, sự phân biệt, sự thông thái, sự thông thạo, sự khôn khéo, sự thông suốt, sự cân nhắc, sự khảo sát, sự hiểu biết rộng rãi, sự thông minh, pháp dẫn đầu, sự thấy rõ, sự nhận biết rõ? vật xuyên thủng, tuệ là tuệ quyền, tuệ lực, tuệ là vũ khí, tuệ là lâu đài, tuệ là ánh sáng, tuệ là hào quang, tuệ là cây đèn, tuệ là báu vật, sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Niệm: Niệm là sự tùy niệm,... (nt).. chánh niệm. "Tuệ và luôn cả niệm^, là như thế. Tôn giả Ajita nói rằng:... (nt)... từ kêu gọi. "T6n giả Ajita nói r3ĩig" là như thế. Danh và sắc, thưa Ngài. Danh: Bốn nhóm không có sắc.2 Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính. Thưa Ngài: Từ "mārisā" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng. "Danh và sắc, thưa Ngài" là như thế. Được tôi hỏi điều này, xin Ngài hãy nói lên. Điều này được tôi [hỏi]: Là điều mà tôi hỏi, điều mà tôi yêu cầu, điều mà tôi thỉnh cầu, điều mà tôi đặt niềm tin.

2 Xem chú thích 6 ở trang 359. (ND)

460 KINH TIỂU BỒ

Được hỏi: Được vấn, được yêu càu, được thỉnh cầu, được đặt niềm tin. Xin Ngài hãy nói lên: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn đinh, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ? hãy bày tỏ. "Được tôi hỏi điều này, xin Ngài hãy nói lên,9 là như thế. ở đâu điều này được hoại diệt? ở đâu điều này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh? UỞ đâu điều này được hoại diet?" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Ajita nói rằng:] i(Tue và luôn cả niệm, Danh và sắc, thưa Ngài, Được tôi hỏi điêu nàyf xin Ngài hãy nói lên, ơ đâu điều này

được hoại diệt?"

1.6. Ngươi đã hỏi câu hỏi vê điêu nào, này Ajita, Ta trả lời cho ngươi vê điêu ấy, về việc danh và sắc được hoại diệt không dư sót. Do sự diệt tận của thức, ở đâyf điều này [danh và sắc] được hoại diệt. Ngươi đã hỏi câu hỏi về điều nào. về điều nào: Là về tuệ, về niệm, về danh và sắc. Ngươi đã hỏi: Ngươi đã vấn, ngươi đã yêu cầu, ngươi đã thỉnh cầu, ngươi đã đặt niềm tin. "Ngươi đã hỏi câu hỏi về điều no" là như thể. Này Ajita, Ta trả IM cho ngươi về điều ấy. Ajita: Đức Thế Tôn xưng hô với vi Bà-la-môn ấy bằng tên. về điều ấy: Là về tuệ, về niệm, về danh và sắc. Ta trả iời: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ? Ta bay tỏ. "Này Ajita, Ta trả lời cho ngươi về điều ấy" là như thế. về việc danh và sắc được hoại diệt không dư sót Danh: Bôn nhóm không có săc. Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính. Không dư sót: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợỊ), một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ "asesarn" này là loi nói của sự bao gồm. Được hoại diệt: Được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh. 66về việc danh và sắc được hoại diệt không dư s6t" là như thế. Do sự diệt tận của thức, ờ đây, điều này [danh và sắc] được hoại diệt:

TIỂU DIỄN GIẢI 461

Nhờ vào trí của đạo Nhập lưu với sự diệt tận của thức liên quan đến sự tạo tác, các pháp nào (danh và sắc) có thể sanh khởi ở sự luân hồi không biết được điểm khởi đầu tối đa là bảy kiếp sống, ở đây, các pháp này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh. Nhờ vào trí của đạo Nhất lai với sự diệt tận của thức liên quan đến sự tạo tác, các pháp nào (danh và sắc) có thể sanh khởi ở năm cõi hữu tối đa là hai kiếp sống; ở đây, các pháp này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh. Nhờ vào trí của đạo Bất lai với sự diệt tận của thức liên quan đen sự tạo tác, các pháp nào (danh và sắc) có thể sanh khởi ở sắc giới và vô sắc giới tối đa là một kiếp sống; ở đây, các pháp này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh. Nhờ vào trí của đạo A-la-hán với sự diệt tận của thức liên quan đến sự tạo tác, các pháp nào (danh và sắc) có thể sanh khởi; ở đây, các pháp này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh. Đối với vị A-la-hán đang viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn khôĩìậ còn dư sót, với sự diệt tận của thức cuối cùng, [các phapj tuệ, niệm, danh và sắc; ở đây, các pháp này được diệt tận, được vắng lặng, đi đên sự tiêu hoại, được tịch tịnh. “Do sự diệt tận của thức, ở đây, điêu này [danh và sác] được hoại diệf, là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: “Nguôi đã hỏi câu hỏi vê điêu nào, này Ajita, Ta trả lời cho ngươi vê điêu ấy, ve việc danh và sắc được hoại diệt không dư sót. Do sự diệt tận của thức, ở đây, điều này [danh và sắc] được hoại diệt."

1.7. Những vị nào đã hiểu rõ giáo pháp [là các bậc A-la-hán] và những vi nào là các bậc Hữu học đông đảo ở nơi này, tôi hỏi bậc Chín Chan ve oai nghỉ của những vi ấy, thưa Ngài, xỉn Ngài hãy nói lên. Những vi nào đã hiểu rõ giáo pháp. Đã hiểu rõ giáo pháp: Nói đến các bậc A-la-hán cỏ lậu hoặc đã được cạn kiệt. Vì lý do gì mà những vị đã hiểu rõ giáo pháp được gọi là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt? Các vị ây đã hiêu rõ giáo pháp, đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã

rõ rệt giáo pháp, đã minh đinh giáo pháp; đã hiêu rõ giáo pháp, đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác đinh giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp rằng: "Tất cả các hành là v6 thương"; đã hiên rõ giáo pháp,... (nt).. rằng: "Tất cả các hành là khổ^; đã hiểu rõ giáo pháp,... (nt)... rằng: "Tát cả các pháp là vô ngây đã hiểu rõ giáo pháp,... (nt)... rằng: 46Vô minh duyên cho các hành,9; đã hiểu rõ giáo pháp, đã biêt giáo pháp, đã cân nhác ẹiáo phSp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp răng: "Diêu gì có bản tánh được sanh lên, toan bọ điều ấy đều có bản tánh hoại diệC, Hoặc là, đối với các vị ấy, các uẩn đã được hiểu rõ, các giới đã được hiểu rõ, các xứ đã được hiểu rõ, các cảnh giới tái sanh đã được hiểu rõ, các sự tái sanh

e 9 r 9 y • 9 .9

đã được hiên rõ, sự nôi liên tái sanh đã được hiêu rõ, các hữu đã được hiêu rõ5 sự luân hồi đã được hiểu rõ, sự luân chuyển đã được hiểu rõ. Hoặc là, các vị ấy tồn tại trong giai đoạn cuối của các uẩn, tồn tại trong giai đoạn cuối của các giới, tồn tại trong giai đoạn cuối của các xứ, tồn tại trong giai đoạn cuối của cảnh giới tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự nối liền tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của kiếp sống, tồn tại trong giai đoạn cuối của luân hồi, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự luân chuyển, tồn tại trong kiếp sống cuối cùng, tồn tại trong thân xác cuối cùng, với việc duy trì thân xác cuối cùng là các vị A-la-hán. uĐối với các vị ấy, đây là lần cuối cùng, thân xác này là sau chót, việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lan nữa không có đối với các vị ấy." Vì lý do ây mà những vị đã hiên rõ giáo pháp được gọi là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. "Những vị nào đã hiểu rõ giáo pháp" là như thế. Và những vi nào là các bậc Hữu học đông đảo ờ nơi này. Các bậc Hữu học: Vì lý do gì mà được gọi là các bậc Hữu hQC? "Các vị học táp" là các bậc Hữu học. Và các vị học tập gì? Các vị học tập thắng giới, học tập thắng tâm, và học tập thắng tuệ. Việc nào là sự học tập vê thắng giới? ở đây, vi Tỳ-khiru là vi có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bổn (Pãtimokkhă), thành tựu ve hạnh kiểm và hành xứ, thay sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nhỏ, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp; việc này là sự học tập về thắng giới. Việc nào là sự học tập về thắng tâm? ở đây, vi Tỳ-khưu ngay sau khi tách ly khỏi các dục,... (nt)... đạt đến và tru thiền thứ nhất... (nt)... thiền thứ nhì... (nt).. thiền thứ ba... (nt)... thiền thứ tư; việc này là sự học tập về thắng tâm. Việc nào là sự học tập về thắng tuệ? ở đây, vị Tỳ-khưu là vị có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, góp phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đến việc cạn kiệt hoàn toàn của khổ. Vi ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Dây là kh8", nhận biết dúng theo thực thể rằng: "Bây là nhân sanh kh6",... (nt)..:Bây là sự diệt tận khơ,\..(nt);.. :Bây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận kh6", nhận biết đúng theo thực thể rằng: uĐây là các lậu hoặc^... (nt)... uĐây là nguyên nhân của các lậu hoặc",... (nt)... "Đây là sự diệt tận các lậu hQặc9\... (nt)... uĐây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoāc^; việc này là sự học tập về thắng

tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, các vị học tập; trong khi biết, các vị học tập; trong khi thấy, các vi học tập; trong khi quán xét lại, các vị học tập; trong khi quyết định tâm, các vị học tập; trong khi hướng đến đức tin, các vị học tập; trong khi ra sức tinh tấn, các vi học tập; trong khi thiết lập niệm, các

vị học tập; trong khi tập trung tâm, các vị học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ, các vị học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ, các vi học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện, các vi học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ, các vị học tập; trong khi tu tập pháp cân được tu tập, các vi học tập; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, các vị học tập, hành xử, hành theo, thọ trì và vận dụng; vì lý do ấy mà được gọi là các bậc Hữu học. Đông đảo: Là có nhiều. Các bậc Hữu học này là các bậc Nhập lưu, các bậc dang đạt đến [quả vị Nhập lưu], các bậc Nhất lai, các bậc đang đạt đến [quả vi Nhát lai], các bậc Bất lai, các bậc đang đạt đến [quả vị Bất lai], các bậc A-la- hán3 và các bậc đang đạt đến [quả vị A-la-hán]. ở nơi này: ở quan điểm này, ở sự chấp nhận này, ở sự ưa thích này, ở sự nắm giữ này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở giáo lý này, ở Phạm hạnh này, ở lời dạy này của bậc Đạo sư, ở bản thân này, ở thế giới loài người này. “Và những vi nào là các bậc Hữu học đông đảo ở nơi này55 là như thế. Tôi hỏi bậc Chín Chắn về oai nghỉ của những vi ấy, thưa Ngài, xin Ngài hãy nói lên: Bởi vì Ngài là người chín chắn, sáng suôt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh. Của những vi ấy: Của những vị đã hiểu rõ giáo pháp [A-la-hán] và của những vi Hữu học. Vê oai nghi: Vê hành động, vê hành vi, vê lôi ứng xử, vê cách hành xử, vê hành xứ, về sự trú ngụ, về lối thực hành. [Được] hỏi: Được vấn, được yêu cầu, được thỉnh cầu, được đặt niềm tin. Xin Ngài hãy nói lên: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ. Thưa Ngài: Từ "mārisā^ này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng. "T6i hỏi bậc Chín Chắn về oai nghi của những vị ấy, thưa Ngài, xin Ngài hãy nói lên^ là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: “Những vỉ nào đã hiểu rõ giảo pháp [là các bậcA-la-hảnJ và những vi nào là các bậc Hữu học đông đảo ở nơi này, tôi hỏi bậc Chỉn Chăn vê oai nghỉ của những vị ấy, thưa Ngài, xin Ngài hãy nói lên,"

1.8. Khônệ nên khát khao ở các dục, không nên bi

3 Các bậc A-la-hán: Có lẽcó sự nhầm lẫn ở đây khi các bậc A-la-hán cũng được xếp vào danh sách các bậc Sekha Hữu học. (ND)

Các loại nào là vật dục? Các sắc hợp ý, các thinh hợp ý, các hương hợp ý, các vi hợp ý, các xúc hợp ý, các vật trải lót, các vật đăp? các tôi trai và tớ gái, dê, cừu, gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở9 khu trại, nhà kho, và bất cứ vật gì đưa đến sự luyến ái là vật dục. Thêm nữa là các dục quá khứ, các dục vi lai, các dục hiện tại, các dục nội phần, các dục ngoại phần, các dục nội và ngoại phần, các dục hạ liệt, các dục trung bình, các dục cao quý, các dục thuộc địa

ngục, các dục thuộc loài người, các dục thuộc cõi trời, các dục hiện tiên, các dục được tạo ra, các dục được người khác tạo ra, các dục không được tạo ra, các dục thuộc sở hữu, các dục không thuộc sở hữu, các dục được chấp là của ta, các dục không được chấp là của ta, tính luôn tất cả các pháp dục giới, tất cả các pháp sắc giới, tất cả các pháp vô sắc giới, các dục có nền tảng là tham ái, có cảnh giới là tham ái, với ý nghĩa đưa đến sự ham muốn, với ý nghĩa đưa đen sự luyến ái, với ý nghĩa đưa đến sự say đắm. Các điều này được gọi là vật dục. Các loại nào là ô nhiễm dục? Mong muốn là dục, luyến ái là dục, mong muốn và luyến ái là dục, tư duy là dục, luyến ái là dục, tư duy và luyến ai là dục, [ô nhiễm dục] là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự thèm khát về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, Sự chập thủ ở dục, sự che lập do mong muôn vê dục liên quan đên ngũ dục. "Này dục, ta đã nhìn thây góc rê của ngươi. Này dục, ngươi sanh lên từ sự tư duy. Ta sẽ không tư duy ve ngươi nữa. Này dục, như vậy ngươi sẽ không hình thanh."4 Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Không nên khát khao ờ các dục: Không nên khát khao, không nên bị giữ lại ở các vật dục do ô nhiễm dục; nên là người không bị thèm khát, không bị buộc trói, không bi mê mẩn, không bị gàn gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lia, có sự thèm khát đã được từ b6, có sự thèm khát đã được tẩy trừ, có sự thèm khát đã được giải thoát, có sự thèm khát đã được dứt bỏ, có sự thèm khát đã được buông bỏ, có sự luyến ái đã được xa lìa, có sự luyến ái đã được tách lia, có sự luyến ái đã được từ bỏ, có sự luyến ái đã được tẩy trừ, có sự luyến ái đã được giải thoát, có sự luyến ái đã được dứt bỏ, có sự luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ? có sự cảm thọ lạc, nên sống với trạng thái cao thượng tự thân. "Không nên khát khao ở các dục^, là như thế. Không nên bi khuấy động bởi tâm. Tâm: Tức là tâm, ý? ý thức, trái tim, chát xám, ý5 ý xứ, ý ạuyên, thức, thức uân, từ đó ý thức giới sanh lên. Do uê hạnh vê thân, tâm bị khuây động, bi khuấy

4 Bồn sanh "Thq cạo Gañgamāla,, (Gañgamālajātakarn), số 421, TTPV, tập 32, trang 311, câu kệ 1185. (ND)

rối, bi di độnệ, bị đụng chạm, bi dao động, bi chao đảo, không được vắng lặng; do uế hạnh ve khẩu.(nt)... do uế hạnh về ý... (nt).. do luyến ái... (nt)... do sân hận... (nt)... do si mê... (nt)... do giận dữ... (nt)... do thù hằn... (nt)... do gièm pha... (nt)... do ác ý... (nt)... do ganh tỵ... (nt).. do bon xẻn..(nt)... do xảo trá... (nt).. do lừa gạt... (nt).. do bướng bỉnh... (nt)... do hung hăng... (nt).. do ngã mạn... (nt)... do cao ngạo... (nt).. do đam mê... (nt).. do xao lãng... (nt).. do tất cả ô nhiễm... (nt)... do tất cả uế hạnh... (nt)... do mọi sự lo lắng..(nt)... do mọi sự bực bội... (nt).; do mọi sự nóng nảy... (nt).. do tất cả các pháp tạo tác bất thiện, tâm bi khuấy động, bị khuấy rối, bị di động, bị đụng chạm, bị dao động, bị chao đảo, không được vắng lặng. Không nên bi khuấy động bởi tâm: Nên là người có tâm không bi khuấy động, không bị khuấy rối, không bi di động, không

bi đụng chạm, không bị dao động, không bị chao đảo, được vắng lặng; nên dứt bỏ, nên dứt trừ, nên xua di, nên làm cham dứt, nên khiến cho không còn hiện hữu các ô nhiễm tạo ra trạng thái khuấy động; nên là người đã xa lánh, đã tránh khỏi, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc với các ô nhiễm tạo ra trạng thái khuấy động, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không nên bị khuấy động bởi tâm" là như thế. Thiện xảo đối với tất cả các pháp: Là thiện xảo đối với tất cả các pháp rằng: “Tất cả các hành là vô thường,\ thiện xảo đối với tất cả các pháp rằng: uTât cả các hành là kh6", thiện xảo đối với tất cả các pháp rằng: “Tất cả các pháp là vô ngã9,? thiện xảo đối với tất cả các pháp rằng: UVÔ minh duyên cho các hành",..(rít)... thiện xảo đối với tất cả các pháp rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet"; như vậy là "thiện xảo đối với tất cả các pháp.,, Hoặc là, thiện xảo đối với tất cả các pháp là vô thường, thiện xảo đối với tất cả các pháp là khổ... là cơn bệnh.. là mụt ghẻ... là mũi tên... là tai ương... là tật nguyền... là không sai khiến được... là tiêu hoại... là tai họa... là bất hạnh... [là không thú vị]... là sợ hãi... là nguy cơ... là thay đổi... là mảnh mai... là không bền... là không nơi nương náu... là không nơi trú ẩn... là không nơi nương nhờ... là trạng thái không nơi nương nhờ... là trống rỗng.. là rỗng không... là ướng không... là vô ngã... là bất lợi... là có bản chất biến đổi... là không có cốt lõi... là gốc gác của tai ương... là kẻ giết hại... là vật hư hỏng... là có sự rò rỉ... là bi tạo tác... là moi nhử của Ma vương... là có bản chất sanh ra... là có bản chất già... là có bản chất bệnh... là có bản chất chết... là có bản chát sâu-bi-khô-ưu-não... là có bản chát ô nhiêm... là nhân sanh khởi... là sự biên hoại... là sự hứng thú... là sự bát lợi... là sự thoát ra; như vậy cũng là "thiên xảo đồi với tất cả các pháp." Hoặc là, thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về tùy thuận duyên khởi, thiện xảo vê việc thiêt lập niệm, thiện xảo vê chánh cân,

TIỂU DIỄN GIẢI 467

[Đức Thế Tôn nói: "Này Sabhiya] vị đã tự mình thực hành theo đường lối, đã đi đến sự tịch diệt hoàn toàn [ô nhiễm], đã vượt qua sự nghi ngờ, đã lìa bỏ [hai thái cực] phi hữu và hữu, đã được hoàn mãn, có sự tái sanh đã được cạn kiệt; vị ấy là TVkhưu."Tỳ-khưu có niêm” là như thế. Có niệm, vi Tỳ-khưu ra đi du phương: Có niệm, vị Tỳ-khưu ra đi du phương là vị có niệm khi đi, vi có niệm khi đứng, vị có niệm khi ngồi, vị có niệm khi nằm, vị có niệm khi đi tới, vi có niệm khi đi lui, vị có niệm khi nhìn qua, vị có niệm khi nhìn lại, vi có niệm khi co tay, vi có niệm khi duỗi tay, vị có niệm khi mang y hai lớp, bình bát, y phục, vị có niệm khi thực hành, khi trú ngụ, khi sinh hoạt, khi vận hành, khi bảo hộ, khi nuôi dưỡng, khi bảo dưỡng. "C6 niệm, vị Tỳ-khưu ra đi du phương" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "'Không nên khát khao ở các dục, không nên bi khuây động bởi tâm, thiện xảo đối với tất cả các pháp, có niệm, vi Tỳ-khưu ra đi du phương." Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn, Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến nhiều ngàn sinh mạng là những người có cùng sự mong muốn, có cùng sự thực hành, có cùng chủ tâm, có cùng sự huân tập thành thói quen [trong quá khứ] với vi Bà-la-môn ấy, rằng: "Biều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet.99 Và hơn nữa, tâm của vị Bà- la-môn ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Ngay khi đạt đến phẩm vị

A-la-hán, áo choàng da dê, tóc bện, y phục vỏ cây, gậy chống ba chân, bình nước, tóc và râu đều biến mất. Ajita trở thành [vị Tỳ-khuu] có đầu cạo, mặc y phục vải màu ca-sa, mang y hai lớp, bình bát và y, bằng hành động thuận theo đạo lý, đã ngồi xuống, ch tay lên, cúi lạy đức Thế Tôn [nói rằng]: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử." “Diễn giải kỉnh Ajita” được hoàn tất.

468 KINH TIÊU Bộ

2. DIỄN GIẢI KINH TISSAMETTEYYA (TỈSSAMETTEYY4SUTTANỈDDESO)

2.Ỉ. [Tôn giả Tỉssametteyya nói răng:] đây, người nào được hài lòng ở the gian? Đoi với người nào các sự xao động không hiện hữu? Người nào, sau khi biết rõ cả hai thải cực, Không bỉ nhiễm ban ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ? Ngài nỏi ai là 'bậc Đại nhăn'? ở đây, người nào đã vượt qua thợ may [tham ái]?" ở đây, người nào được hài lòng ờ thế gian? Người nào ở thế gian được vui sướng, được vừa lòng, được hoan hỷ, có tâm tư được trọn vẹn. UỞ dây, người nào được hài lòng ở thế gian?" là như thế. Tôn giả Tissametteyya nói rằng. Rằng: Từ "icca" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn. Tôn giả: Từ "āyasmā " này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng. Tissa: Là tên của vị Bà-la-môn ây, là sự ân đinh, sự chỉ đinh, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi. Metteyya: Là họ của vi Bà-la-môn ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy đinh, sự diễn tả. "Tôn giả Tissametteyya nói rằng,, là như thế. Đối với người nào các sự xao động không hiện hữu? Sự xao động do tham ái, sự xao động do tà kiến, sự xao động do ngã mạn, sự xao động do ô nhiễm, sự xao động do [ngũ] dục. Đối với người nào, các sự xao động này không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. "Đối với người nào các sự xao động không hiện hữu?" là như thế. Người nào sau khi biết rõ cả hai thái cực: Người nào sau khi biết rõ cả hai thái cực là sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác đinh, sau khi minh đinh, sau khi làm rõ rệt.

TIÊU DIỄN GIẢI >469

"Người nào sau khi biết rõ cả hai thái cực" là như thế. Không bỉ nhiễm bẩn ờ khoảng giữa nhờ váp trí tuệ: Nhờ vào trí tuệ mà không bị nhiễm bẩn ở khoảng giữa, đã không bị lấm nhơ, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không bị nhiễm bẩn ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ,9 là như thế. Ngài nói ai là í4bậc Đại nhân?55 Bậc Đại nhân là con người cao cả, con người hạng nhát, con người thù thăng, con người dân đâu, con người tôi thượng, con người lỗi lạc, con người cao quý. Ngài nói ai: Ngài thuyết về ai, Ngài nghĩ về ai, Ngài nói đến ai, Ngài nhìn thấy ai, Ngài diễn tả về ai. "Ngài nói ai là 'bậc Đại nhân?9là như thế. ở đây, người nào đã vượt qua thợ may [tham ái]? ở đây, người nào đã vượt qua, đã vượt khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi thợ may tham ái? “d dây, người nào đã vượt qua thợ may [tham ái]?” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Tissametteyya nói rằng:] “O đây, người nào được hài lòng ở thê gian? Đoi với người nào các sự xao động không hiện hữu? Người nào, sau khi biết rõ cả hai thái cực, Không bi nhiêm bân ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ? Ngài nói ai là 'bậc Đại nhân'? ớ đây, người nào đã vượt qua thợ may [tham ái]?"

2.2. [Đức Thế Tôn nói: yNày Metteyya] Vi có Phạm hạnh về các dục, Đã xa lìa tham ải, luôn luôn có niệm, Sau khi đã suy xét, vi Tỳ-khưu được tịch diệt. Đối với vỉ ấyf các sự xao động không hiện hữu. Vi• có Phạm • hạnh • về các dục. • Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục.... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Vị có Phạm hạnh: Phạm hạnh nói đến sự kiêng cữ, sự xa lánh, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lằn ranh đối với việc đạt đến các pháp thấp kém. Thêm nữa, theo cách không vòng vo, Phạm hạnh nói đến đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh

tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Vị nào đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu đạo lộ Thánh thiện tám chi phần này; vị ấy được gọi là có Phạm hạnh?9 Giống như với tài sản được gọi là "người có tài sản9\ với của cải được gọi là "người có của cải”với danh vọng được gọi là "người có danh vọng55, với tài nghệ được gọi là "người có tài nghe", với giới được gọi là "người có gi&i", với nỗ lực được gọi là "người có nỗ lúc", với trí tuệ được gọi là "người có trí tue”với kiến thức được gọi là t6người có kiến thức"; tương tự y như vậy, người nào đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu đạo lộ Thánh thiện tám chi phần này, người ấy được gọi là "vj có Phạm hanh." “Vi có Phạm hạnh về các dục" là như thế. Metteyya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng họ. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “dức Thế Ton.55 “Bức Thế Tôn nói: Này Metteyya” là như thế. Đã xa lìa tham ái9 luôn luôn có niệm. Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp. Đối với vị nào, tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thê sanh khởi nữa, đã được thiêu đót bởi ngọn lửa trí tuệ; vi ây được gọi là có tham ái đã được xa lìa, có tham ái đã được tách lìa, có tham ái đã được từ bỏ? có tham ái đã được tẩy trừ, có tham ái đã được giải thoát, có tham ái đã được dứt bỏ, có tham ái đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyên ái đã được từ bỏ, có luyên ái đã được tây trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có Ưạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi, thường xuyên, liên tục, không gián đoạn, tiếp nối liên tục, sanh lên tuần tự [như sóng nước], không lưa thua, không đứt khoảng, không ngừng lại, được liền lăn, trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào canh dầu, vào canh giữa, vào canh cuối, vào hậu bán nguyệt, vào tiền bán nguyệt, vào mùa mưa, vào mùa lạnh, vào mùa nóng, ở chặng đầu của tuổi thọ, ở chặng giữa của tuổi thọ, ở chặng cuối của tuổi thọ. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự

thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc qun

472 KINH TIỂU Bộ

2.3. Vi ấy, sau khi biết rõ cả hai thái cực, Không bi lam nhơ ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ. Ta nói vi ấy là ^bậc Đại nhân," ơ đây, vị ây vượt qua thợ may [tham ái], Vi ấy, sau khỉ biết rõ cả hai thái cực, không bi lấm nhơ ờ khoảng giữa nhờ vào trí tuệ. Thái cực: Là hai thái cực: Xúc là một thái cực, nhân sanh khởi xúc là thái cực thứ hai, sự diệt tận xúc là khoảng giữa. Quá khứ là một thái cực, vị lai là thái cực thứ hai, hiện tại là khoảng giữa. Cảm thọ lạc là một thái cực, cảm thọ khổ là thái cực thứ hai, cảm thọ không khổ không lạc là khoảng giữa. Danh là một thái cực, sắc là thái cực thứ hai, thức là khoảng giữa. Sáu nội xứ là một thái cực, sáu ngoại xứ là thái cực thứ hai, thức là khoảng giữa. Sự chấp thân này là một thái cực, nhân sanh khởi sự chấp thân này là thái cực thứ hai, sự diệt tận việc chấp thân này là khoảng giữa. Trí tuệ nói đến tuệ. Tuệ là sự nhận biết,... (nt)... không si mê? sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Sự lấm nhơ: Có hai sự lấm nhơ: Lấm nhơ do tham ái và lấm nhơ do tà kiến. Lấm nhơ do tham ái là điều nào? Cho đến vật đã được tạo lập ranh giới, đã được tạo lập biên giới, đã được tạo lập giới hạn, đã được tạo lập hạn định, đã thuộc sở hữu, đã được chấp là của ta bởi cái gọi là tham ái rằng: Cái này là của tôi, cái ấy là của tôi, chừng này là của tôi, cho đến chừng này là của tôi, các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, các vật trải, các vật(tóp, các tôi trai tớ gái, các con dê cừu, các con gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng, trị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại, nhà kho của tôi, và luôn cả toàn thể đại địa câu, đêu được chập là của ta do tác động của tham ái, được giải rộng ra cho đến một trăm lẻ tám ái; điều này là lấm nhơ do tham ái. Lâm nhơ do tà kiên là điêu nào? Thân kiên có hai mươi nên tảng, tà kiên có mười nền tảng, hữu biên kiến có mười nền tảng, quan điểm nào có hình thức như vậy là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối tài nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến; điều này là lấm nhơ do tà kiến. Vi ấy, sau khi biết rõ cả hai thái cực, không bỉ lấm nhơ ờ khoảng giữa nhờ vào trí tuệ: Là sau khi biết rõ, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh đinh, sau khi làm rõ rệt cả hai thái cực và khoảng giữa nhờ vào trí tuệ, vị ấy không bị lấm nhơ, không bị nhiễm bẩn, không bi vấy bẩn, đã không bi lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

TIÊU DIỄN GIẢI 473

ấy, sau khi biết rõ cả hai thái cực, không bị lấm nhơ ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ,5 là như thế. Ta nói vi ấy là 66bậc Đại nhân59: Bậc Đại nhân là con người cao cả, con người hạng nhất, con người thù thắng, con người dẫn đầu, con người tối thượng, con người cao quy như thế Ta nói về vị ấy, Ta thuyết về vị ấy, [Ta nghĩ về vi ấy] Ta phát ngôn ve

vị ấy, Ta giảng giải về vị ấy, Ta diễn tả về vị ấy. Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, 'bậc Đại nhân, bậc Đại nhân9 được nói đen. Bạch Ngài, vậy cho đen mức nào thì trở thành bạc Đại ĩlhân?^, "Này Sāriputta, người có tâm đã được giải thoát, Ta nói là 'bậc Đại nhân\ Người có tâm chưa được giải thoát, Ta nói 'không phải là bậc Đại nhân.' ở đây, này Sāriputta, vị Tỳ-khưu sống có sự quan sát thân trên thân thuộc nội phần, có nhiệt tâm, có sự nhận biết rõ rệt, có niệm, sau khi đã loại trừ tham đăm và ưu phiên ở thê gian. Đôi với vị ây, trong khi đang sông có sự quan sát thân trên thân, tâm của vị ấy được lìa khỏi luyến ái9 được giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn châp thủ;... (nt)... trên các thọ... (nt)... trên tâm... (nt)... sông có sự quan sát pháp trên các pháp, có nhiệt tâm, có sự nhận biết rõ rệt, có niệm, sau khi đã loại trừ tham đắm và ưu phiền ở thế gian. Đối với vị ấy, trong khi đang sống có sự quan sát pháp trên các pháp, tâm của vi ấy được lìa khỏi luyến ái, được giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ. Như vậy, này Sāriputta, là có tâm đã được giải thoát. Này Sāriputta, người có tâm đã được giải thoát, Ta nói là 'bậc Đại nhân.' Người có tâm chưa được giải thoát, Ta nói 'không phải làbậc Đại nhản\,9 “Ta nói vị ấy là 'bậc Đại nhân"' là như thế. ở dây, vi ấy vượt qua thợ may [tham ái]. Thợ may nói đến tham ái, tức là sự luyên ái? luyến ái mãnh liệt,... (ĩit).. tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với nẹười nào, thợ may tham ái ấy là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vang lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy đã vượt qua, đã vượt khỏi, là đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi thợ may tham ái. “d đây, vị ấy vượt qua thợ may [tham ái] là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: r r i(Vị ây, sau khi biêt rõ cả hai thái cực, Không bỉ lam nhơ ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ. Ta nói vi ấy là 'bậc Đại nhân ơ đây, vỉ ây vượt qua thợ may [tham Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn, Pháp nhãn không nhiễm bụi tràn, không vết nhơ đã sanh khởi đến nhiều ngàn sinh mạng là những người có cùng sự mong muốn, có cùng sự thực hành, có cùng chủ tâm, có cùng sự huân tập thành thói quen [trong quá khứ] với vị Bà-la-môn ấy, rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh

lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt/9 Và hơn nữa, tâm của vị Bà-la- môn ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Ngay khi đạt đến phẩm vị A-la-hán, áo choàng da dê, tóc bện, y phục vỏ cây, gậy chống ba chân, bình nước, tóc, và râu đều biến mất. Vị ấy có đầu cạo, mặc y phục vải màu ca-sa, mang y hai lớp, bình bát và y, bằng hành động thuận theo đạo lý, đã ngồi xuống, chắp tay lên, cúi lạy đức Thế Tôn [nói rằng]: “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.” “Diễn giải kỉnh Tissametteyya59 được hoàn tất.

3. DIỄN GIẢI KINH PUNNAKA (PUNNAKASUTTĀNIDDESO) A

3.1. [Tôn giả Punnaka nói răng:] '"Vớiỷ đinh hỏi câu hỏi, tôi đã đi đến , Bậc không dục vọng, bậc có sự nhìn thấy gốc rễ [của các pháp]: 'Nương tựa vào điêu gì, các vị ân sĩ, loài người, Các Sdt-dế-lỵ, các Bà-la-môn, đoi với các thiên than, Đã chuẩn bi lê hiên tê

đông đảo tại nơi này, ở thê gian Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều ndy" Bậc không dục vọng, bậc có sự nhìn thay góc re [của các pháp]. Dục vọng: Nói đến tham ái? tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với đức Phật Thế Tôn, dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. Vì thế, đức Phật là bậc không dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không dục vọng, đức Thế Tôn không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì khổ đau, không dao động, không run rây, không chân động. "Không dục vQĩig" là như thê. Bậc có sự nhìn thấy gốc rễ [của các pháp]: Đức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ, có sự nhìn thấy nhân, có sự nhìn thấy căn nguyên, có sự nhìn thấy nguồn xuất phát, có sự nhìn thây nguôn sanh khởi, có sự nhìn thây nguôn phát khởi, có sự nhìn thấy yếu tố nuôi dưỡng, có sự nhìn thấy đối tượng, có sự nhìn thấy duyên khởi, có sự nhìn thấy nhân sanh khởi. Ba gốc rễ của bất thiện: Tham là gốc rễ của bất thiện, sân là gốc rễ của bất thiện, si là gốc rễ của bất thiện. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Ba pháp này, này các Tỳ-khxru, là căn nguyên đưa đến sanh khởi các nghiệp. Ba điều nào? Tham là căn nguyên đưa đến sanh khởi các nghiệp, sân là căn nguyên đưa đến sanh khởi các nghiệp, si là căn nguyên đưa đến sanh khởi các nghiệp. Này các Tỳ-khiru, không phải do nghiệp sanh lên bởi tham, do nghiệp sanh lên bởi sân, do nghiệp sanh lên bởi si, mà chư thiên được biết đến, loài người được biêt đên, hoặc thậm chí bát cứ cảnh giới an vui nào khác. Quả thật, này các Tỳ-khưu, do nghiệp sanh lên bởi tham, do nghiệp sanh lên bởi sân, do

nghiệp sanh lên bởi si, mà địa ngục được biết đến, loài thú được biết đến, thân phận nga quỷ được biết đến, hoặc thậm chí bất cứ cảnh giới khổ đau nào khác: ở địa ngục, ở loài thú, ở thân phận nga quỷ tùy theo sự tái sanh của bản thân. Đây là ba gốc rễ của bất thiện,\ đức Thế Tôn biết và thấy như thế. "Bức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ... (nt)... có sự nhìn thấy nhân sanh khỏi" là như vậy. Ba gốc rễ của thiện: Vô tham là gốc rễ của thiện, vô sân là gốc rễ của thiện, vô si là gốc rễ của thiện. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Ba pháp này,... (nt)... Này các Tỳ-khưu, không phải do nghiệp sanh lên bởi vô tham, do nghiệp sanh lên bởi vô sân, do nghiệp sanh lên bởi vô si, mà địa ngục được biết đến, loài thú được biết đến, thân phận nga quỷ được biết đến, hoặc thậm chí bất cứ cảnh giới khổ đau nào khác. Quả thật, này các Tỳ-khưu, do nghiệp sanh lên bởi vô tham, do nghiệp sanh lên bởi vô sân, do nghiệp sanh lên bởi vô si, mà chư thiên được biết đến, nhân loại được biết đến, hoặc thậm chí bất cứ cảnh giới an vui nào khác: ở chư thiên và ở loài người tùy theo sự tái sanh của bản thân. Đây là ba gốc rễ của thiện,\ đức Thế Tôn biết và thấy như thế. "Dức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ... (nt)... có sự nhìn thấy nhân sanh khởr là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khun, bất cứ những pháp nào là bất ứiiện, dự phần vào bất thiện, thuộc về nhóm bất thiện, tất cả những pháp ấy có gốc rễ ở vô minh, có vô minh là nơi

hội tụ; do sự tiêu diệt vô minh, tất cả những pháp ấy đi đến sự tiêu diệf\ đức Thế Tôn biết và thấy như thế. “Bức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ... (nt).. có sự nhìn thấy nhân sanh kh&i" còn là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu5 bất cứ những pháp nào là thiện, dự phần vào thiện, thuộc về nhóm thiện, tất cả những pháp ấy có gốc rễ ở sự không xao lãng, có sự không xao lãng là nơi hội tụ; sự khônệ xao lãnẹ được xem là hàng đầu trong số các pháp ấy”, đức Thế Tôn biết và thạy như the. ÍCĐức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ... (nt)... có sự nhìn thấy nhân sanh kh&i" còn là như vậy. Hoặc là, đức Thế Tôn biết và thấy rằng: "V6 minh là gốc rễ của các hành, các hành là gốc rễ của thức, thức là gốc rễ của danh sắc, danh sắc là gốc rễ của sáu xứ9 sáu xứ là gốc rễ của xúc, xúc là gốc rễ của thọ, thọ là gốc rễ của ái, ái là gốc rễ của thủ, thủ là gốc rễ của hữu, hữu là gốc rễ của sanh, sanh là gốc rễ của lão, tử", đức Thế Tôn biết và thấy như thế. "Đức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ... (nt)... có sự nhìn thấy nhân sanh khởi,, còn là như vậy. Hoặc là, đức Thế Tôn biết và thấy rằng: "Mắt là gốc rễ của các bệnh ở mắt, tai là gốc rễ của các bệnh ở tai, mũi là gốc rễ của các bệnh ở mũi, lưỡi là gốc rễ của các bệnh ở lưỡi, thân là gốc rễ của các bệnh ở thân, ý là gốc rễ của các nỗi khổ thuộc về tâm”, đức Thế Tôn biết và thấy như thế. "Đức Thế Tôn có sự nhìn thây góc rê, có sự nhìn thây nhân, có sự nhìn thây căn nguyên, có sự nhìn thây nguồn xuất phát, có sự nhìn thấy nguồn sanh khởi, có sự nhìn thấy nguồn phát

khởi, có sự nhìn thấy yếu tố nuôi dưỡng, có sự nhìn thấy đối tượng, có sự nhìn thấy duyên khởi, có sự nhìn thấy nhân sanh kh&i" còn là như vậy. "Bậc không dục vọng, bậc có sự nhìn thấy gốc rễ [của các pháp]" là như thế. Tôn giả Punnaka nói rằng. Răng: [Từ "icccT này] là sự nôi liên các câu văn,... (nt)... "Tôn giả Punnaka nói rằng^ là như thế. Vói ý đinh hỏi câu hỏi, tôi đã đi đến: Là người có nhu cầu với câu hỏi, tôi đã đi đến; có ý muốn hỏi câu hỏi, tôi đã đi đến; có ý muốn nghe câu hỏi, tôi đã đi đến. "Với ý định [hỏi] câu hỏi, tôi đã đi đến" là như vậy. Hoặc là, có sự đi đến, sự tiến đến, sự đến gần, sự ngồi gần của những người có ý định về câu hỏi, của những người có ý muốn hỏi câu hỏi, của những người có ý muốn nghe câu hỏi.:'Vói V định [hỏi] câu hỏi, tôi đã đi đến” còn là như vậy. Hoặc là, Ngài có sự hiểu biết về câu hỏi, Ngài cũng có năng lực, có tiềm lực, có khả năng để thuyết giảng, để giải thích điều được hỏi bởi tôi, Ngài hãy dời di gánh nặng này. "Với ý định [hỏi] câu hỏi, tôi đã đi đến” còn là như vậy. Nương tựa vào điều gì, các vi ẩn sĩ, loài người. [Nương tựa vào điêu gì]: Đã nương nhờ, đã bám vào, đã đên gân, đã bám chặt, đã huvng đến điều gì. Các vi ân sĩ: Bát cứ những ai đã xuât gia theo đời sông xuât gia của vị ân sĩ: Các đạo sĩ kho hạnh, các đạo sĩ lõa the, các đạo sĩ bện tóc, các đạo sĩ hành xác đều có tên gọi là ẩn sĩ. Loài người: Nói đến người nhân loại. "Nương tựa vào điêu gì, các vị ân sĩ, loài ngu&i" là như thê. Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần. Các Sát-đế-ly: Bất cứ những người nào thuộc dòng dõi Sát-đế-ly. Các Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ "6ng.” Đôi với các thiên thân: Đôi 9 # \ A với các môn đô của các đạo sĩ khô hạnh, các A 9 •

đạo sĩ khô hạnh là thiên thân; * 2 . A L đôi với các \môn đô của các đạo • sĩ lõa thê, các đạos sĩ lõa thê. là thiên thân; r# đôi với A các môn đô của các đạo sĩ bện tóc, • các •

đạo sĩ bện tóc là thiên thần; đôi với các môn đô của các du sĩ ngoại dạo, các du sĩ ngoại đạo là thiên thần; đôi với các môn đô của các kẻ nôi loạn, các kẻ nôi loạn là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài voi, các con voi là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài ngựa, các con ngựa là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài bò, các con bò là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài chó, các con chó là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài quạ, các con quạ là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của thần Vāsudeva, Vâsudeva là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của thần Baladeva, Baladeva là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của thần Punnabhadda, Punnabhadda là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của

thần Manibhadda, Manibhadda là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của thần lửa, ngọn lửa là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài rồng, các con rồng là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài linh điểu, các linh điểu là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của dạ-xoa, các dạ-xoa là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của a-tu-la, các a-tu-la là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của càn-thát~bà, các càn-thát-bà là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của các vị Đại Thiên vương, các vị Đại Thiên vương là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của Mặt trăng, Mặt trăng là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của Mặt trời, Mặt trời là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của Thiên chủ Inda, Thiên chủ Inda là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của đấng Brahmā, đấng Brahmā là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của thiên nhân, vi thiên nhân là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh thờ phượng các phương hướng, các phương hướng là thiên thần; những ai là đối tượng xứng đáng cúng dường của những người nào đó thì đối với nhưng người ấy, họ là thiên thần. “Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần,, là như thế. Đã chuẩn bi lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ờ thế gian. Lễ hiến tế: Nói đến phẩm vật cúng dường:1 Y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc. Đã chuẩn bỉ lễ hiến tế: Những ngươi nào tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu vật hiến tế là y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ tru ngụ, đèn đuốc; những người ấy chuẩn bị lễ hiến tế. Những người nào sửa soạn vật hiến tế là y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước,... (nt)... giường nằm, chỗ tru ngụ, đèn đuốc; những người ấy chuẩn bị lễ hiến tế. Những người nào ban tặng, hiến dâng, xả thí vật hiến tế là y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước,... (nt)... giường năm, chô tru ngụ, đèn đuốc; những người ấy chuẩn bi lễ hiên te. đảo: Các vật hiến tế là đông đảo, hoặc những người dâng hiến cuộc lễ hiến te là đông đảo, hoặc các đối tượng xứng đáng cúng dường là đông đảo. uCác vật hiến tế ấy là d6ng do" là thế nào? Là có nhiều các vật hiến tế ấy: Y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ tru ngụ, đèn đuốc. "Các vật hiến tế là đông đảo” là như vậy. "Những ngươi dâng

hiến cuộc lễ hiến tế là đông âåo" là thế nào? Là có nhiều người dâng hiến cuộc lễ hiến tế ấy: Các Sát-đế-lỵ, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người. "Những người dâng hiến

1 Như vậy, ngoài ý nghĩa là Ucuộc lễ hiến tế", yaññam còn có thêm ý nghĩa là Ế<vật hiến tế". (ND)

CUỘC lễ hiến tế là đông đảo,9 là như vậy. uCác đối tượng xứng đáng cúng dường là đông đảo,9 là thế nào? Là có nhiều các đối tượng xứng đáng cúng dường ấy: Các vi Sa-môn, các vị Bà-la-môn, những kẻ lang thang cơ cực, những người nghèo khổ và những kẻ hành khất. uCác đối tượng xứng đáng cúng dường là đông đảo" là như vậy. Tại nơi này, ờ thế gian: ở thế giới loài người. uĐã chuẩn bi lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian" là như thế. Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này. Câu hỏi: Có ba loai câu hỏi: Cau hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy, câu hỏi để trao đổi điều đã thấy, câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng chưa được biết, chưa được thay, chưa được cân nhắc, chưa được xác định, chưa được rõ rệt, chưa được minh định, thì người ta hỏi câu hỏi để biết, để thấy, để can nhắc, để xác định, để phân biệt về điều ấy. Đây là câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy. Câu hỏi để trao đổi điều đã thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng đã được biết, đã được thấy, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định, thì người ta hỏi câu hỏi nhằm mục đích trao đổi cùng với các vị sáng suốt khác. Đây là câu hỏi để trao đổi điều đã thấy. Câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn là loại nào? Thông thường, lìẸười bị rơi vào sự ngờ vực, bị rơi vào sự nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rang: 'Thải chăng như vầy là đúng, phải chăng là không đúng, là cái gì đây, là thế nào dây?" người ấy hỏi câu hỏi nham mục đích cắt đứt sự nham lẫn. Đây là câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là ba loại câu hỏi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi của loài người, câu hỏi của phi nhân, câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra. Câu hỏi của loài người là loại nào? Loài người đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các vị Tỳ-khxru hỏi, các vi Tỳ-khưu-ni hỏi, các nam cư sĩ hỏi, các nữ cư sĩ hỏi, các vị vua hỏi, các vị Sát-đế-lỵ hỏi, các vi Bà-la-môn hỏi, các thương buôn hỏi, các kẻ nô lệ hỏi, các người tại gia hỏi, các vị xuất gia hỏi. Đây là câu hỏi của loài người. Câu hỏi của phi nhân là loại nào? Các phi nhân đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các loài rồng hỏi, các loài linh điểu hỏi, các dạ-xoa hỏi, các a-tu-la hỏi, các càn-thát-bà hỏi, các vị Đại Thiên vương hỏi, các Thiên chủ hỏi, các Phạm thiên hỏi, các thiên nhân hỏi. Đây là câu hỏi của phi nhân. Câu hỏi của vi [Phật] do thần thông biến hóa ra là loại nào? Đức Thế Tôn hóa hiện ra hình dáng [vị Phật] được tạo thành bởi ý, có tất cả các bộ phận than thể lớn nhỏ, có giác quan không bị khiếm khuyết. Vị [Phật] do thần thông biến hóa ra ấy đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi, đức Thế Tôn trả lòd. Đây là câu hỏi của vi [Phật] đã được hóa hiện ra. Đây là ba loại câu hỏi.

Còn CÓ ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của bản thân, câu hỏi vê lợi ích của người khác, câu hỏi vê lợi ích của cả hai. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích trong đời này, câu hỏi về lợi ích trong đời sau, câu hỏi về lợi ích tối thượng. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của sự không tội lỗi, câu hỏi về lợi ích của sự không ô nhiễm, câu hỏi về lợi ích của sự trong sạch. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quá khứ, câu hỏi về vị lai, câu hỏi về hiện tại. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về nội phân, câu hỏi vê ngoại phân, câu hỏi vê nội phân và ngoại phân. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiện, câu hỏi về bất thiện, câu hỏi về vô ký. Còn CÓ ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi vê uân, câu hỏi vê giới, câu hỏi vê xứ. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiết lập niệm, câu hỏi về chánh cần, câu hỏi vê nên tảng của thân thông. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quyền, câu hỏi về lực, câu hỏi về giác chi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về Bạo, câu hỏi về Quả, câu hỏi về Niết-bàn. Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu cầu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho tôi. "Tôi hỏi Ngài" là như thế. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (ĩit).. sự quy đinh do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế Ton.55 Xin Ngài hãy trả lơi tôi về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ. 'Xin Ngài hãy trả lơi tôi về điều ny" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: _ [Tôn giả Punnaka nói răng:] 'Với ỷ định hỏi câu hỏi, tôi đã đi đến Bậc không dục vọng, bậc có sự nhìn thây góc rê [của các pháp]: 'Nương tựa vào điều gì, các vị ẩn Sỉ, loài người, Các Sát-đê-lyf các Bà-la-môn, đôi với các thiên thân, Đã chuẩn bỉ lê hiên tê đông đảo tại nơi này, ở thê gian.' Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.

3.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này, Punnaka] Bất cứ những ai, các vị an sĩ, loài người, Các Sát-đế-lyf các Bà-la-môn, đổi với các thiên thần, Đã chuân bi lê hiên tê đông đảo tại nơi này, ở thê gian, Này Punnaka, trong khi mong ước bản the này, Bi phụ thuộc vào tuổi giaf họ đã chuẩn bị le hiến te." Bất cứ những ai, các vi ẩn Sỉ, loài người. Bát cứ những ai: Tát cả theo tông thê, tát cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm tìt ^ye kecC này là loi nói của sự bao gồm. Các vi ẩn sĩ: Bất cứ những ai đã xuất gia theo đàd sống xuất gia của vị ẩn

TIỂU DIỄN GIẢI 481

9 9

SĨ: Các đạo sĩ khô hạnh, các đạo sĩ lõa thê, các đạo sĩ bện tóc, các đạo sĩ hành xác đêu có tên gọi là ân sĩ. Loài người: Nói đến người nhân loại. "Bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài ngu&i" là như thế. Đức Thế Tôn nói: Này Punnaka. Punnaka: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “dức Thế 11.“ "Bức Thế Tôn nói: Này PuỊipaka" là như thế. Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần. Các Sát-đế-lỵ: Bất cứ những người nào thuộc dòng dõi Sát-đế-lỵ. Các Bà-la-môn: Bất cứ những người nào ximg hô với từ "6ĩig" Đối với các thiên thần: Đối với các mon đồ của các đạo sĩ khổ hạnh, các đạo sĩ khổ hạnh là thiên thần;... (nt)... đối với những kẻ tu theo hạnh thờ phượng các

phương hướng, các phương hướng là thiên thần; những ai là đối tượng xứng đáng cúng dường của những người nào đó thì đối với những người ấy] họ là thiên than. “Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn5 đối với các thiên thần^, là như thế. Đã chuẩn bỉ lễ hiến tế đông đảo tại noi này, ờ thế gian. Lễ hiến tế: Nói đến phẩm vật ciing dường: Y phục, đồ ăn khất thực,... (nt).. giường nằm, chỗ tru ngụ, đèn đuoc. Đã chuẩn bi lễ hiến tế: Những người nào tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu vật hiến tế... (nt).. giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc, những người ấy chuẩn bị lễ hiến tế. Đônẹ đảo: Các vật hiến tế là đông đảo, hoặc là những người dâng hiến cuộc lễ hiến tê là đông đảo, hoặc là các đối tượng xứng đáng cúng dường là đông đảo. ... (nt)... uCác đối tượng xứng đáng cúng dường là đông do” là như vậy. Tại nơi này, ờ thế gian: ở thế giới loài người. "Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian” là như thế. Này Punnaka, trong khi mong ước bản thể này. Trong khi mong ước: Trong khi mong ước đạt được sắc, trong khi mong ước đạt được thinh, trong khi mong ước đạt được hương, trong khi mong ước đạt được vị, trong khi mong ước đạt được xúc, trong khi mong ước đạt được con trai, trong khi mong ước đạt được vợ, trong khi mong ước đạt được tài sản, trong khi mong ước đạt được danh vọng, trong khi mong ước đạt được quyền uy, trong khi mong ước đạt được bản thân ở gia tộc giàu có dòng dõi Sát-đế-lỵ, trong khi mong ước đạt được bản thân ở gia tộc giàu có dòng dõi Bà-la-môn, trong khi mong ước đạt được bản thân ở gia tộc giàu có của gia chủ, trong khi mong ước đạt được bản thân ở chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương, trong khi

mong ước đạt được bản thân ở chư thiên cối Đạo-lợi... (nt)... ở chư thiên cõi Dạ-ma... (nt)... ở chư thiên cõi Đẩu-suất... (nt)... ở chư thiên cõi Hóa Lạc... (nt)... ở chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại... (nt)... ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên, trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu. "Trong khi mong u&c" là như thế. Này Punnaka,... bản thể này: Trong khi mong ước sự tái sanh của bản thân tại nơi này, trong khi mong ước sự tái sanh của bản thân ở gia tộc giàu có dòng dõi Sát-đê-lỵ tại nơi này,... (nt)... trong khi mong ước sự tái sanh của bản thân ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên tại nơi này, trong khi ước muốn, tronẹ khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cau. "Này Punnaka, trong khi mong ước bản thê này,, là như thê. Bỉ phụ thuộc vào tuổi già, họ đã chuẩn bi lễ hiến tế. [Bị phụ thuộc vào tuổi già:] Là bi lệ thuộc vào sự già, bi lệ thuộc vào sự bệnh, bị lệ thuộc vào sự chết, bị lệ thuộc vào sầu-bi-khổ-ưu-não. Bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự sanh, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự già; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự già, cho nên họ bi lệ thuộc vào sự bệnh; bởi vì họ bi lệ thuộc vào sự bệnh, cho nên họ bi lệ thuộc vào sự chết; bởi vì họ bi lệ thuộc vào sự chết. cho nên họ bị lệ thuộc vào sâu-bi-khô-ưu-não; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sâu-bi-khô-ưu-não5 cho nên họ bi lệ thuộc vào cảnh giới tái sanh; bởi vì họ bị lệ thuộc vào cảnh giới tái sanh, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự tái sanh; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự tái sanh, cho nên họ bi lệ thuộc vào sự nối liền tái sanh; bởi vì họ bi lệ thuộc vào Sự noi liền tái sanh, cho nên họ bi lệ thuộc vào sự hiện hữu; bởi vì họ bi lệ thuộc vào sự hiện hữu, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự luân hồi; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự luân hồi, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự luân chuyển, bi bám

vào, bị đến gan, bị bám chặt, bi hướng đen. phụ thuộc vào tuổi già, họ đã chuẩn bi lễ hiến tế" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Đức Thế Tôn nói: “Này Punnaka] Bát cứ những aif các vị ân sĩ, loài người, Các Sắt-đế-ly, các Bà-la-môn, đoi với các thiên than, Đã chuẩn bi le hiến te đông đảo tại nơi này, ở the gian, Này Punnaka, trong khi mong ước bản thể này, Bỉ phụ thuộc vào tuổi già, họ đã chuân bi lê hiên

3.3. [Tôn giả Punnaka nói răng:] "Bát cứ những ai, các vị ân Sỉ, loài người, các Sát-đê-ỉy, các Bà4a-mônf đôi với các thiên thân, đã chuân bi lê hiến te đông đảo tại nơi này, ở the gièm, thưa đức The Tôn, có phải những người ây không xao lãng ở đường lôi tê lêf thưa Ngài, thỉ họ đã vượt qua sanh và già? Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điêu này." Bất cứ những ai, các vi ẩn sĩ, loài người. Bất cứ những ai: ... (nt)...

TIÊU DIỄN GIẢI 483

Thưa đức Thế Tôn, có phải những người ấy không xao lãng ờ đường loi te le. Có phải: Các cụm từ "evannu kho", “na nu kho' "kinnu kho", ^kathannu kho" là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì lưỡng lự5 câu hỏi do không dứt khoát.C6 phai,9 là như thế. Những người ấy: Nói đến những người dâng hiến cuộc lễ hiến tế. Đức Thế Tôn: Là từ ximg hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế "Thua đức Thế Tôn, có phải những người ấy,9 la nlnr thế. Không xao lãng ờ đường lối tế lễ: Lễ hiến tế nói đến đường lối tế lễ. Giống như Thánh đạo là đường lối của Thánh nhân, Thiên đạo là đường lối của Thiên nhân, Brahmā đạo là đường lối của đấng Brahmā; tương tự y như thế, lễ hiến tế nói đến đường lồi tế lễ. Không xao lãng: Những người nào không xao lãng ở đường lối tế lễ, có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghí, có thói quen không biêng nhác, không buông bỏ mong muôn, không buông bỏ bổn phận, đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, uốn cong theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướn^ đen nó, xem nó là chủ đạo; những người ấy là không xao lãng ở đường lối tế lê. Những người nào tìm kiếm, tìm tòi, tầm cau vật hiến tế là y phục, đồ ăn khất thưc, cho nam ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc, có sự thực hành nghiêm tranjg,... (nt)... xem nó là chủ đạo; những người ấy là không xao lãng ở đường lối tê lễ. Những người nào sửa soạn vật hiến tế là y phục, đồ ăn khất thực? chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyên, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc, có sự thực hành nghiêm trang,...(nt)... xem nó là chủ đạo, những người ấy là khônệ xao lãng ở đường lối tê lễ. Những nguời nào ban tặng, hiến dâng, xả thí vật hiên tế là y phục, đồ ăn khất thực, cho nam ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước,... (nt)... giường nằm, chỗ tru ngụ, đèn đuốc, có sự thực hành nghiêm tran^... (nt)... xem nó là chủ đạo; những người ấy là không xao lãng ở đường lối tế lễ. "Thua đức Thế Tôn, có phải những người ấy không xao lãng ở đường lối tế lễ” là như thế. Thưa Ngài, thì họ đã vượt qua sanh và già: Họ đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết. Thưa Ngài: Từ "mārisā^ này là lời nói yêu mên, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng. "Thua Ngài, thì họ đã vượt qua sanh và gia” là như thế. Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin

Ngài hãy trả lòi tôi về điều này. Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu cầu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đát niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho tôi. "T6i hỏi Ngàf9 là như thế.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt).. sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế lon.^ Xin Ngài hãy trả IM tôi về điều này: Xin Ngài hãy nói? hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn đinh, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ. "Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này99 là như thế. Vì thế, vi Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Punnaka nói răng:] ^Bât cứ nhữn& ai, các vi ân sĩ, loài người, các Sái-đế-lỵ, các Bà-la-môn, đổi với các thiên thân, đã chuẩn bi lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế ệian, thưa đức Thế Tôn, có phải những người ấy không xao lãng ở đường loi te le, thưa Ngài, thì họ đã vượt qua sanh và già? Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điêu này,"

3.4. [Đức Thế Tôn nói: “Này Punnaka] những kẻ mong ước, khen ngợi, ngityện cau, cúng tếf những kẻ nguyện cau các dục bởi vì lợi lộc; Ta nói rang: 'Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lê, bi luyến ái với sự luyến ải vào hữu, đã không vượt qua sanh và già. Những kẻ mong ước, khen ngợi, nguyện cầu, cúng tế. Những kẻ mong ước: Chúng mong ước đạt được sắc, mong ước đạt được thinh, mong ước đạt được hương, mong ước đạt được vi, mong ước đạt được xúc, mong ước đạt được con trai, mong ước đạt được vợ, mong ước đạt được tài sản, mong ước đạt được danh vọng, mong ước đạt được quyền uy, mong ước đạt được bản thân ở gia tộc giàu có dòng dõi Sát-đế-lỵ?... (nt)... ở gia tộc giàu có dòng dõi Bà-la-môn, mong ước đạt được bản thân ở gia tộc giàu có của gia chủ,..(nt).. ở chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương, mong ước đạt được bản thân ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên, chúng ước muốn, chúng ưng thuận, chúng ước nguyện, chúng mong câu. "Những kẻ mong ước59 là như thê. Khen ngợi: Chúng khen ngợi lễ hiến tế, hoặc chúng khen ngợi quả báo, hoác chúng khen ngợi các đối tượng xứng đáng cúng dường. Chúng khen ngợi lễ hiến tế thế nào? Chúng khen ngợi, tán dương, ca tụng, ca ngợi vật thí được trong sạch, vật thí được hợp ý, vật thí là cao quý, vật thí là hợp thời, vật thí đã làm thành được phép, vật thí đã được chọn lọc, vật thí không bị lỗi, vật thí thường kỳ, tâm trong lúc bô thí được tịnh tín; chúng khen ngợi lễ hiến tế như vậy. Chúĩ^g khen ngợi quả báo thế nào? Chúng khen ngợi, tán dương, ca tụng, ca ngợi răng: "V&i căn nguyên từ nơi này, sẽ có sự đạt được sắc... (nt)... sẽ có sự đạt được bản thân ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên” chúng khen ngợi quả báo như vậy. Chúng khen ngợi các đối tượng xứng đáng cúnẹ dường thế nào? Chúng khen ngợi, tán dương, ca tụng, ca ngợi rằng: uCác đoi tượng xứng đáng cúng dường được thành tựu về xuât thân; thành tựu về dòng họ, là các bậc Thầy tổ,

năm vững chú thuật, thông thạo vê ba bộ Vệđà cùng các từ vưng và nghi thức? luôn cả âm từ với sự phân tích, và truyền thống là thứ năm, biết về cú pháp, về văn phạm, không thiểu về phần triết học và các tướng trạng của bậc Đại nhân, các vi đã xa lìa

luyến ái hoặc đã thực hành để diệt trừ luyến ái5 đã xa lìa sân hân hoặc đã thực hành để diệt trừ sân hận, đã xa lìa si mê hoặc đã thực hành để diệt trừ si mê, đã thành tựu đức tin, đã thành tựu giới, đã thành tựu định, đã thành tựu tuệ, đã thành tưu giải thoát, đã thành tựu sự biết và thấy về giải thoát.2 Chúng khen ngợi các đối tượng xứng đáng cúng dường như vậy. "Những kẻ mong ước, khen ĩigọí" là như the. Nguyện câu: Chúng nguyện câu đạt được sác, nguyện câu đạt được thinh, nguyện cầu đạt được hương, nguyện cầu đạt được vị,... (nt).. nguyện cầu đạt được bản thân ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên. "Những kẻ mong ước, khen ngợi, nguyện cầu" là như thế. Cúng tế: Chúng cúng tế, ban tặng, hiến dâng, xả thí y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc. "Những kẻ mong ước, khen ngợi, nguyện câu, cúng t" là như thê. Đức Thế Tôn nói: Này Punnaka. Punnaka: Đức Thế Tôn xưng hô với vi Bà-la-môn ấy bằng tên. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính..(nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế 11." uĐức Thế Tôn nói: Này Punnaka,, là như thế. Những kẻ nguyện cầu các dục bởi vì lơi lộc: Chúng nguyện cầu các dục bởi vì việc đạt được sắc, chúng nguyện cầu các dục bởi vì việc đạt được thinh,..(nt).. chúng nguyện cầu các dục bởi vì việc đạt được bản thân ở chư thiên thuọc Phạm Chung thiên. "Những kẻ nguyện cầu các dục bởi vì lợi 10c" là như thế. Ta nói rằng: 66Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bi luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không virựt qua sanh và già.” Những kẻ ấy: Nói đến những người dâng hiến cuộc lễ hiến tế. Do sư gắn bó vào tế lễ: Bi gắn bó, bị gắn vào, bị gắn chặt, bị gắn liền với các sự gắn bó vào lễ hiến tế, có sự thực hành theo nó, phát triển theo n6, xem trọng nó, uốn cong theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo. “Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ" là như thế. Bi luyến ái với sự luyến ái vào hữu: Sự luyến ái vào hữu nói đến sự mong muốn về hữu ở các hữu, sự luyến ái về hữu, niềm vui về hữu, sự tham ái về hữu, Sự yêu mên vê hữu, [sự khao khát vê hữu] sự nông nhiệt vê hữu, sự mê mân vê hữu, sự bám chặt vào hữu. Do sự luyến ái vào hữu, chúng bị luyến ái, bị thèm

2 Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

khát, bị buộc trói, bi mê mẩn, bi gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở các hữu. "Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu” là như thế. Ta nói rằng: ... đã không vượt qua sanh và già: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở? Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bi luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua, đã không vượt lên, đã không vượt khỏi, đã không vượt qua hẳn, đã không vượt qua khỏi sanh-già-chết. Chúng không đi ra ngoài, không rời ra, không vượt trội, không vượt qua, không vượt qua hẳn, không vượt qua khỏi sanh-già-chết, chúng quay cuồng bên trong sanh-già-chết, chúng quay cuồng bên trong con đường luân hồi. Chúng bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nh&." “Ta nói răng: 'Những kẻ ây, do sự găn bó vào tê lê, bị luyên ái với sự luyên ái vào hữu, đã

không vượt qua sanh và già'" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Đức The Tôn nói: “Này Punnaka] những kẻ mong ước, khen ngợi, nguyện cầu, cúng tếf những kẻ nguyện cầu các dục bởi vì lợi lộc; Ta nói rằng: 'Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễf bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua sanh và già.

3.5. [Tôn gid Puụụaka nói rằng:] "Thưa Ngài, nếu những kẻ ấy, do sự gắn bó vào te lễ, đã không vượt qua sanh và già nhờ vào các le hiến tế, vậy giờ đầy, thưa Ngài, người nào ở the giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Thưa đức Thể Tôn, tôi hỏi Ngài. Xỉn Ngài hãy trả lời tôi về điều này. “ Nếu những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, đã không vượt qua: Những kẻ ấy, những người dâng hiến cuộc lễ hiến tế, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua, đã không vượt lên, đã không vượt khỏi, đã không vượt qua hẳn, đã không vượt qua khỏi sanh-già-chết. Chúng không đi ra ngoài, không rời ra, không vượt trội, không vượt qua, không vượt qua han, không vượt qua khỏi sanh-già-chết, chúng quay cuồng bên trong sanh- già-chết, chúng quay cuồng bên trong con đường luân hồi. Chúng bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi tru ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ. “Nếu những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, đã không vượt qua" là như thế. Tôn giả Puọọaka nói rằng. Rằng: [Từ "c" này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

TIÊU DIỄN GIẢI 487

"Tôn giả Punnaka nói rằng55 là như thế. Thưa Ngài,...sanh và già nhờ vào các lễ hiến tế. Nhờ vào các lễ hiến tế: Nhờ vào các lễ hiến tế dồi dào? nhờ vào các lễ hiến tế đa dạng, nhờ vào các lễ hiến tế đông đảo. Thưa Ngài: Từ "mārisā" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng. "Thua Ngài,... sanh và già nhờ vào các lễ hiến tế” là như thế. Vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ờ thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Vậy giờ đây, người nào ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn9 Bà-la-môn, chư thiên và loài người đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết. Thưa Ngài: Từ "mārisa^ này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng. "Vậy giờ dây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già?” là như thế. Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này. Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu cầu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng điều này cho tôi; "tôi hỏi Ngài" là như thế. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy đinh do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế Tôn.55 Xin Ngài hãy trả IM tôi về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ. "Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Punnaka nói rằng:] "Thưa Ngài, nếu những kẻ ấy, do sự gắn bó vào te le, đã không vượt qua sanh và già nhờ vào các lễ hiến tế, vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở the giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.”

3.6. [Đức Thế Tôn nói: “Này Punnaka] sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác ở the gian, vi nào không có sự xao động tại bất cứ nơi nào ở the gian, là bậc an tịnh, không còn khói mùf không phiên muộn, không mong câu; Ta nói rằng, vỉ ấy đã vượt qua sanh và già." Sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác ờ thế gian. Suy xét nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,...(nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

N(ri này và nơi khác: Nơi này nói đến bản thân của chính mình, nơi khác nói đến bản thân của người khác; nơi này nói đến sắc-thọ-tưởng-hành-thức của chính mình, nơi khác nói đến sắc-thọ-tưởng-hành-thức của người khác; nơi này nói đến sáu nội xứ, nơi khác nói đến sáu ngoại xứ; nơi này nói đến thế giới loài người, nơi khác nói đến thế giới chư thiên; nơi này nói đến dục giới, nơi khác nói đến sắc ệiới và vô sắc giới; nơi này nói đên dục giới và sác giới, nơi khác nói đên vô săc giới. Sau khi đã suy xét noi này và nơi khác ờ thế gian: Sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác là vô thường,... (lít)... là khô,... (nt)... là cơn bệnh,... (nt)... là mụt gh&.. . (nt)... là sự thoát ra, sau khi đã suy xét, sau khi biết được, sau khi cân nhăc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. "Sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác ở thế gian" là như thế. Đức Thế Tôn nói: Này Punnaka. Punnaka: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế “Bức Thế Tôn nói: Này Punnaka,, là như thế. Vi nào không có sự xao động tại bất cứ nơi nào ờ thế gian. [Đối với] vỉ nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Sự xao động: Là sự xao động do tham ái, sự xao động do tà kiến, sự xao động do ngã mạn, sự xao động do ô nhiễm, sự xao động do [ngũ] dục. Đối với vị nào, các sự xao động này là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Tại bất cứ n(ri nào: Tại bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, tại bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh... (nt)... ở thế gian của các xứ. nào không có sự xao động tại bất cứ nơi nào ở thế gian,, là như thế. Là bậc an tỉnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng, vi ấy đã vượt qua sanh và gia. An tinh: Do trạng thái đã được an tinh đối với luyến ái là an tinh; do trạng thái đã được an tinh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được vắng lặng, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với sân hận... (nt)... đối với si mê... (nt)... đối với giận dữ... (nt)... đối với thù hằn... (nt)... đối với gièm pha... (nt).. đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tinh, yên tinh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. “An tmh,9 là như thế. Không còn khói mù: uế hạnh về thân đã không còn bị bốc khói, đã được phá tan, đã được khô cạn, đã được khô héo, đã được làm cho chấm dứt; uế hạnh về khẩu... uế hạnh về ý đã không còn bị bốc khói, đã được phá tan, đã được

khô cạn, đã được khô héo, đã được làm cho chấm dứt; sự luyến ái... sân hận... si mê đã không còn bi bốc khói, đã được phá tan, đã được khô cạn, đã được khô héo, đã được

làm cho chấm dứt; giận dữ. thù han... gièm pha... ác ý... ganh tỵ... bon xẻn... xảo trá... lừa gạt... bướng bỉnh... hung hăng... ngã mạn... cao ngạo... đam mê... xao lãng... tất cả ô nhiễm... tất cả uế hạnh... mọi sự lo lắng... mọi sự bực bội... mọi sự nóng nảy... tất cả các pháp tạo tác bất thiện đã không còn bi bốc khói, đã được phá tan, đã được khô cạn, đã được khô héo, đã được làm cho châm dứt. Hoặc là? sự giận dữ được gọi là khói mù: “Này Bà-la-môn, đoi với ngươi, ngã mạn chính là gánh nặng, Sự giận dữ là khói mù, lời nói sai trái là đống tro, Lưỡi là cái vá múc, trái tim là bệ thờ lửa, Bản thân đã khéo được rèn luyện là ánh sáng của con nguôi." Và hơn nữa, sự giận dữ sanh khởi theo mười biểu hiện: [Nghĩ rằng:] "Nó đã làm điều bất lợi cho ta”, giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] '"Nó đang làm điều bất lợi cho ta", giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] "No sẽ làm điều bất lợi cho giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] “N6 đã làm điều bất lợi... đang làm điều bất lợi... sẽ làm điều bất lợi cho người yêu quý, hợp ý của ta”, giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] "Nó đã làm điều có lợi... đang làm điêu có lợi... sẽ làm điều có lợi cho người không yêu quý, không họp ý của ta”, giận dữ sanh khởi; thêm nữa là sự giận dữ sanh khởi vô cớ. Sự tức tối nào của tâm có hình thức là sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ5 sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý? sự giận dữ, biêu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biêu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự độc ác, biểu hiện độc ác, trạng thái độc ác, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm; điều này được gọi là sự giận dữ. Thêm nữa, trạng thái nhiều ít của sự giận dữ nên được biết đến: Có lúc sự giận dữ là ở mức độ làm xáo trộn tâm, nhưng chưa nhíu mày nhăn mặt; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nhíu mày nhăn mặt, nhưng chưa nghiên hai hàm răng; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nghiến hai hàm răng, nhưng chưa thốt ra lời nói thô lỗ; có lúc sự giận dữ là ở mức độ thốt ra lời nói thô lỗ, nhtrng chưa nhìn trừng trừng; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nhìn trừng trừng, nhung chưa nắm lấy gậy gộc gươm đao; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nắm lấy gậy gộc gươm đao, nhưng chưa giơ gậy gộc gươm đao lên; có lúc sự giận dữ là ở mức độ giơ gậy gộc gươm đao lên, nhưng chưa giáng gậy gộc gươm đao xuống; có lúc sự giận dữ là ở mức độ giáng gậy gộc gươm đao xuông, nhtrng chưa làm việc băm chém; có lúc sự giận dữ là ở mức độ làm việc băm chém, nhưng chưa có sự tổn thương gãy vỡ; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự tổn thương gãy vỡ, nhưng chưa có sự đứt lìa các phần cơ thê; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự đứt lìa các phan cơ thể, nhưng chưa có sự đoạt lấy mạng sống; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự đoạt lấy mạng sống, nhưng chưa đến mức buông bỏ tất cả? luôn cả việc tự sát. Khi nào sự giận dữ khiến cho giết chết người khác rồi giết chết mình, đến chừng ấy thì sự giận dữ [của người ấy] đã đạt đến mức quá lo, đã đạt

đến mức tận cùnẸ. Đối với người nào, sự giận dữ ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được văng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không còn khói mù. Do Ưạng thái đã dứt bỏ đối với sự giận dữ là "không còn khói mù.,, Do trạng thái đã biết toàn diện về nền tảng của sự giận dữ là ukhông còn khói Do trạng thái đã biết toàn diện về nhân của sự giận dữ là "không còn khói mù.,^ Do trạng thái đã chặt đứt nhân của sự giận dữ là "không còn

khói mti." Không phiên muộn: Sự luyên ái là phiên muộn, sân hận là phiên muộn, si mê là phiền muộn, giận dữ là phiền muộn, thù hằn là phiền muộn,... (rít)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là phiền muộn. Đối với người nào, các phiền muộn này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được văng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không phiền muộn. Không mong cầu: Mong cầu nói đến tham ái? tức là sự luyến ái? luyến ái mãnh liệt,... (nt).. tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, mong cầu tham ái này đã được dứt bỏ? đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không mong cầu. Sanh: Sự sanh ra, sự sanh khởi, sự nhập thai, sự phát sanh, sự xuất hiện của các uẩn, sự đạt được các xứ ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác. Già: Sự suy tàn, trạng thái già nua, tình trạng răng long, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ suy giảm, sự hư hoại của những giác quan ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác. Là bậc an tinh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng, vi ấy đã vượt qua sanh và già: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở5 Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Người nào là bậc an tịnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu, người ấy đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết.55 uLà bậc an tịnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng, vị ấy đã vượt qua sanh và già" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Đức The Tôn nói: “Này Punnaka] sau khỉ đã suy xét nơi này và nơi khác ở thế gian, vị nào không có sự xao động tại bất cứ nơi nào ở thế gian, là bậc an tinh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu; Ta nói rằng, vi ấy đã vượt qua sanh và già," Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)..[vị ấy] đã ngồi xuống, chắp tay lên, cúi lạy đức Thế Tôn [nói rằng]: “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử." “Diễn giải kỉnh Punnaka95 được hoàn tất.

TIÊU DIỄN GIẢI 491

4. DIỄN GIẢI KINH METTAGŪ (METTAGŪSUTTANIDDESO)

4.1. [Tôn giả Mettāya nói rằng:] “Thua đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi vê điêu này, Tôi nghĩ răng, Ngài là bậc đã đạt được sự hiếu biết, có bản thân đã được tu tập, Từ đâu mà các khổ này đã được khởi lênf bất ke loại nào ở the gian, với nhiều hình thức?" Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lòi tôi về điều này. Tôi hỏi: Có ba loại câu hỏi: Cau hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy, câu hỏi để trao đổi điều đã thấy, câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng chưa được biết, chưa được thấy, chưa được cân nhắc, chưa được xác định, chưa được rõ rệt, chưa được minh đinh thì người ta hỏi câu hỏi để biết, để thấy, để cân nhắc, để xác định, với mục đích được rõ rệt, với mục đích minh định vê điêu ây. Đây là câu hỏi đê làm sáng tỏ điêu chưa thây. Câu hỏi để trao đổi điều đã thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng đã được biết, đã được thấy, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh đinh thì người ta hỏi câu hỏi nhằm mục đích trao đổi cùng với các vị sáng suốt khác. Đây là câu hỏi để trao

đổi điều đã thấy. Câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn là loại nào? Thông thường, người bị rơi vào sự ngờ vực, bị rơi vào sự nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rằng: 'Thải chăng như vầy là dúng, phải chăng là khônẹ đúng, là cái gì đây, là thế nào day?59 Người ây hỏi câu hỏi nhăm mục đích cát đứt sự nhâm lân. Đây là câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là ba loại câu hỏi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi của loài người, câu hỏi của phi nhân, câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra. Câu hỏi của loài người là loại nào? Loài người đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các vi Tỳ-khmi hỏi, các vi Tỳ-khưu-ni hỏi, các nam cư sĩ hỏi, các nữ cư sĩ hỏi, các vị vua hỏi, các vi Sát-đế-lỵ hỏi, các vị Bà-la-môn hỏi, các thương buôn hỏi, các kẻ nô lệ hỏi, các người tại gia hỏi, các vi xuất gia hỏi. Đây là câu hỏi của loài người. Câu hỏi của phi nhân là loại nào? Các phi nhân đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các loài rồng hỏi, các loài linh điểu hỏi, các dạ-xoa hỏi, các a-tu-la hỏi, các càn-thát-bà hỏi, các vị Đại Thiên vương hỏi, các Thiên chủ hỏi, các Phạm thiên hỏi, các thiên nhân hỏi. Đây là câu hỏi của phi nhân.

Câu hỏi của vị [Phật] do thần thông biến hóa ra là loại nào? Đức Thế Tôn hóa hiện ra hình dáng vị [Phật] được tạo thành bởi ý, có tất cả các bộ phận thân thể lớn nhỏ, có giác quan không bị khiếm khuyết. Vị [Phật] do thần thông biến hoa ra áy đi đen gặp đức Phạt The Ton va hoi cau hỏi, đức Thê Tôn trả lơi. Đây là câu hỏi của vi [Phật] đã được hóa hiện ra. Đây là ba loại câu hỏi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của bản thân, câu hỏi vê lợi ích của người khác, câu hỏi vê lợi ích của cả hai. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi ve lợi ích trong đời này, câu hỏi ve lợi ích trong đời sau, câu hỏi về lợi ích tối thượng. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của sự không tội lôi5 câu hỏi vê lợi ích của sự không ô nhiêm, câu hỏi vê lợi ích của sự trong sạch. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi ve quá khứ, câu hỏi về vị lai, câu hỏi về hiện tại. Còn có ba loại cau hỏi khác nữa: Câu hỏi về nội phần, câu hỏi về ngoại phần, câu hỏi về nội phần và ngoại phần. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiện, câu hỏi về bất thiện, câu hỏi về vo ký. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về uẩn, câu hỏi về giới, câu hỏi về xứ. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi vê thiêt lập niệm, câu hỏi vê chánh cân, câu hỏi về nền tảng của thần thông. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quyền, câu hỏi về lực, câu hỏi về giác chi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về Bạo, câu hỏi về Quả, câu hỏi về Niết-bàn. Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu càu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho tôi. "Tôi hỏi Ngài" là như thế. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính...(nt).. sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “dức Thế n.” Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở? hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ. "Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này^, là như thế. Tôn giả Mettagũ nói rằng. Rằng: [Từ "c" này] là sự nối liền các câu văn,... (nt).. "Tôn giả Mettagũ nói lẳng” là như thế. Tôi nghĩ rằng Ngài là bậc đã đạt được sự hiểu biết, có bản thân đã được tu tập: Tôi nghĩ về Ngài rằng: "Là bậc đã đạt được sự hiểu biếf\ Tôi nghi về Ngài rằng: "Là bậc có bản thân đã được tu tập9\ [tôi nghĩ như vậy] tôi biêt như vậy, tôi hiểu như vậy, tôi nhận thức như vậy, tôi thừa nhận như vậy, tôi thấu triệt như vậy. Bậc đã đạt được sự hiểu biết, có bản

thân đã đươc tu tập: Đức Thế Ton là bậc đã đạt được sự hiểu biết nghĩa là thế nào? Sự hiểu biết nói đến trí ở bốn đạo, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực,...(nt).. trạch pháp giác chi, sự thẩm xét, sự thấy rõ? chánh kiến. Với các sự hiểu biết ấy, đức Thế Tôn đã đi đến điểm cuối đoi

TIỂU DIỄN GIẢI 493

với sanh-già-chết, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương tựa, đã đạt đến nơi nương tựa, đã đi đến nơi tru ẩn, đã đạt đến nơi tru ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết- bàn. "Người đã đi đến điểm cuối của các sự hiểu biết" là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc "người đã đi đến điểm cuối nhờ vào các sự hiểu biết" là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc là bậc đã đạt được sự hiểu biết do trạng thái đã hiểu biết về bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân đã được hiểu biết, sự hoài nghi đã được hiểu biết, sự bám víu vào giới và phận sự đã được hiểu biết, sự luyến ái... sân hận... si mê... ngã mạn đã được hiên biêt; đôi với người này, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được hiểu biết. 1. [Đức Thế Tôn nói: “Này Sabhiya] vị đã suy gẫm toàn bộ các loại kiến thức thuộc về các Sa-môn, thuộc về các Bà-la-mônf vi đã xa lìa sự luyến ải ở tất cả các cảm thọ, vị đã vượt qua mọi kiến thức, vi ấy là 'bậc đã đạt được sự hiểu biết." Đức Thế Tôn là bậc đã đạt được sự hiểu biết nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn có bản thân đã được tu tập nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập, có việc thiết lập niệm đã được tu táp, có chánh cần đã được tu tập, có nền tảng của thần thông đã được tu táp, có quyền đã được tu tập, có lực đã được tu tập, có yếu tố đưa đến giác ngộ đã được tu tập, có đạo đã được tu tập, có ô nhiễm đã được dứt bỏ, có sự không xao động đã được thấu triệt, có sự diệt tận đã được chứng ngộ; đối với Ngài, khổ đã được biết toàn diện, tập đã được dứt bỏ, đạo đã được tu tập, diệt đã được chứng ngộ, điều cần được biết rõ đã được biết rõ, điều cần được biết toàn diện đã được biết toàn diện, điều cần được dứt bỏ đã được dứt bỏ, điều cần được tu tập đã được tu tập, điều cần được chứng ngộ đã được chứng ngộ, Ngài tương tự như biển cả, không nhỏ nhoi, vĩ đại, sâu thẳm, không thể đo lường, khó thâm nhập, có nhiều báu vật, Ngài có pháp hành xả ở sáu tình huống: Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, không có ý ưa thích cũng không có ý ghét bỏ, hành xả, Ngài sống có niệm, có sự nhận biết rõ; sau khi nghe âm thanh bằng tai,...(nt)... sau khi ngửi hương bằng mũi5... (nt)... sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... sau khi nhận thức pháp bằng ý, không có ý ưa thích cũng không có ý ghét bỏ, hành xả, Ngài sống có niệm, có sự nhận biết rõ. Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc hợp ý, Ngài không khao khát, không vui mừng, không làm sanh khởi luyến ái; thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Trái lại, sau khi thây cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc không hợp ý, Ngài không khó chịu,

không có tâm bực bội, không có ý lui sụt, không có ý tức giận; thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,..(nt)... Sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt) Sau khi nếm vi bằng lưỡi,... (nt)... Sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, Ngài không khao khát, không vui mừng, không làm sanh khởi luyên ái; thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Trái lại, sau khi nhận thức pháp bằng ý, đối với pháp không hợp ý, Ngài không khó chịu, không có tâm bực bội, không có ý lui sụt, không có ý tức giận; thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài tru ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc hợp ý hay không hợp ý, thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài tru ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt).. Sau khi nhận thức pháp bằng ý5 đối với pháp hợp ý hay không hợp ý, thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, Ngài không luyến ái ở vật đáng luyến ái, không sân hận ở vật đáng sân hận, không si mê ở vật đáng si mê, không bực tức ở vật đáng bực tức, không say đắm ở vật đáng say đắm, không bị ô nhiễm ở vật đáng bi ô nhiễm. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt).. Sau khi nhận thức pháp bằng ý, Ngài không luyến ái ở vật đáng luyến ái, không sân hận ở vật đáng sân hận, không si mê ở vật đáng si mê5 không bực tức ở vật đáng bực tức, không say đắm ở vật đáng say đắm, không bị ô nhiễm ở vật dáng bị ô nhiễm. ở điều đã được nghe chỉ là điều đã được nghe, ở điều đã được thay chỉ là điều đã được thấy, ở điều đã được cảm giác chỉ là điều đã được cảm ệiác, ở điều đã được nhận thức chỉ là điều đã được nhận thức, Ngài không bi lẩm nhơ ở điều đã được thấy, không bị lấm nhơ ở điều đã được nghe, không bị lấm nhơ ở điều đã được cảm giác, không bi lấm nhơ ở điều đã được nhận thức, về điều đã được thây, Ngài không có sự đên gân, không có sự xa lánh, không nương tựa, không bị trói buộc, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Vê điêu đã được nghe... (nt)... Vê điêu đã được cảm giác... (nt)... về điều đã được nhận thức, Ngài không có sự đến gần, không có sự xa lánh, không bị trói buộc, đã được thoát khỏi, không bi ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Mắt của đức Thế Tôn hiện hữu, đức Thế Tôn nhìn cảnh sắc bằng mắt. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không có, đức Thế Tôn có tâm khéo được giải thoát. Tai của đức Thế Tôn hiện hữu, đức Thế Tôn nghe âm thanh bằng tai. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không có, đức Thế Tôn có tâm khéo được giải thoát. Mũi của đức Thế Tôn hi hữu, đức Thế Tôn ngửi hương bằng mũi. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không có, đức Thế Tôn có tâm khéo được giải thoát. Lưỡi của đức Thế Tôn hiện hữu, đức Thế Tôn nếm vị bằng lưỡi. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không c6, đức Thế Tôn

CO tam kheo được giải thoát. Than cua đức The Ton hiện hữu, đức Thê Tôn xúc chạm bằng thân. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không có, đức Thế Tôn co tâm

kheo được giải thoát. Y cua đức The Ton hiện hữu, đức Thê Tôn nhận thức pháp bàng ý. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không c6, đức Thế Tôn có tâm khéo được giải thoát. Mắt có sự thỏa thích ở sắc, thích thú ở sắc, vui thích ở sắc; mắt của đức Thế Tôn đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và Ngài thuyết pháp về sự thu thúc đối với mắt. Tai có sự thỏa thích ở âm thanh, thích thú ở âm thanh, vui thích ở âm thanh... (nt)... Mũi có sự thỏa thích ở hương, thích thú ở hương, vui thích ở hương. Lưỡi có sự thỏa thích ở vị nếm, thích thú ở vị nếm, vui thích ở vị nếm; lưỡi của đức Thế Tôn đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và Ngài thuyết pháp về sự thu thúc đối với lưỡi. Thân có sự thỏa thích ở xúc chạm, thích thú ở xúc chạm, vui thích ở xúc chạm... (nt)... Ý có sự thỏa thích ở pháp, thích thú ở pháp, vui thích ở pháp; ý của đức Thế Tôn đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, , M. \ xẢ* r • r . đã được thu thúc; và Ngài thuyết pháp vê sự thu thúc đôi với ý. 2. Người ta đưa [ngựa] đã được rèn luyện đến nơi tụ hột Đức vua cỡi lên [ngựa] đã được rèn luyện. Người đã được rèn luyện chịu đựng lời mang nhiếc là hạng nhất giữa loài người 3. Quỷ báu thay những con lừa đã được thuần hóa, những con ngựa Sỉndhu thuân chủng và những con voi thuộc loài không tượng, người đã tự rèn luyện bản thân là quỷ báu hơn cả, 4. Bởi vì chẳng phải nhờ vào những cỗ xe ấy mà có thể đi đến nơi chưa đi đên [Nỉêt-bàn]f như là nhờ vào bản thân đã khéo được rèn luyện. Do nhờ đã được rèn luyện mà người đã được rèn luyện đi đên [Niêt-bàn]. 5. Các vỉ không lay động ở các trạng thái kiêu mạn, đã được thoát khỏi việc sanh ra lần nữa, đã đạt đến lãnh vực của các bậc đã được rèn luyện, các vị ấy là những người chiến thắng ở thế gian. 6. Vi nào có các giác quan đã được tu tập, ở nội phần, ở ngoại phần và ở toàn the the gian, sau khi thau hiểu đời này và đời sauf vị có bản thân đã được tu tập chờ đợi thời diêm, vi ây là đã được huân luyện, Đức Thế Tôn có bản thân đã được tu tập nghĩa là như vậy. Tôi nghĩ rằng Ngài là bậc đã đạt được sự hiểu biết, có bản thân đã được tu tập. Từ đâu mà các khổ này đã được khỏi lên? Từ đâu mà: Các cụm từ ^evannu kho' nu kho", "kinnu kho", ^kathannu kho" là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì hai nghĩa, câu hỏi do không dứt khoát. “Từ đâu mà" là như thế. Các khổ: Là khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu-bi-khổ- iru-não5 kho ở địa ngục, khổ ở loài thú, khổ ở thân phận nga quỷ, khổ của loài

người, khô bát nguôn từ việc nhập thai, khô bát nguôn từ việc trụ thai, khô bát nguồn từ việc ra khỏi thai, khô găn liên sau khi sanh ra, khô do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra, khổ do sự ra sức của bản thân, khổ do sự ra sức của kẻ khác, khổ do [thọ] khổ, khổ do pháp tạo tác, khổ do sự biến đổi; bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở dầu, bệnh ở lỗ tai? bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão5 dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụt9 nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ đàm, bệnh phát khởi từ gió, bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió, bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc

chạm vơi ruôi, muôi, gio, năng va các loai bo sát la kho, cai chét của mẹ la khô, cái chết của cha là khổ, cái chết của anh [em] trai là khổ, cái chết của chị [em] gái là khô, cái chét của con trai là khô, cái chét của con gái là khô, sự tôn hại vê thân quyến là khổ, [sự tổn hại vì bệnh tật là khổ] sự tổn hại về của cải là khổ, sự tôn hại vê giới là khô, sự tôn hại vê kiên thức là khô, đôi với những pháp nào có sự khởi lên ban đầu được nhận biết. có sự diệt tận lúc biến mất được nhận biết. CÓ quả thành tựu nương vào hành động, có hành động nương vào quả thành tựu, CÓ sác nương vào danh, có danh nương vào săc, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống tri bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, được thiết lập ở khổ, là không nơi nương tựa, là không nơi tru ẩn, là không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ; các điều này được gọi là khổ. Vị ây hỏi vê nguồn gôc? hỏi vê nhân, hỏi vê căn nguyên, hỏi vê nguôn xuât phát, hỏi về nguồn sanh khởi, hỏi về nguồn phát khởi, hỏi về yếu tố nuôi dưỡng, hỏi về đối tượng, hỏi về duyên khởi, hỏi về nhân sanh khởi của các khổ này: “Các khô này khởi lên từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ dâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?,, Vị ấy chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin. “Từ đâu mà các khổ này đã được khởi lên?^, là như thế. Bất kể loại nào ờ thế gian, với nhiều hình thức. Bất kể loại nào: Là tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "ye keci" này là lối nói của sự bao gồm. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ. Với nhiêu hình thức: Các khô có nhiêu loại, có những kiêu cách khác nhau. "Bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

TIỂU DIỄN GIẢI 497

[Tôn giả Metta^ū nói rằng:] "Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xỉn Ngài hãy trả lời tôi vê điêu này. Tôi nghĩ răng Ngài là bậc đã đạt được sự hiểu biêt, có bản thân đã được tu tập. Từ đâu mà các khô này đã được khởi lên, bát kê loại nào ở the gian, với nhiều hình thức?"

4.2. [Đức Thế Tôn nói: "'Này Mettagū] quả thật ngươi đã hỏi Ta về nguồn sanh khởi của khô. Ta sẽ tuyên thuyết vê điêu ây cho ngươi theo như điêu Ta nhận biết, Các khẻ phát khởi đều có căn nguyên là mầm tải sanh, bất ke loại nào ở the gian, với nhiều hình thức." Quả thật ngươi đã hỏi Ta về nguồn sanh khỏi của khổ. Của khổ: Của khổ sanh, của khổ già, của khổ bệnh, của khổ chết, của khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não. Ngươi đã hỏi về nguồn sanh khởi: Ngươi hỏi về nguồn gốc, ngươi hỏi về nhân, ngươi hỏi về căn nguyên, ngươi hỏi về nguồn xuất phát, ngươi hỏi về nguồn sanh khởi, ngươi hỏi về nguồn phát khởi, ngươi hỏi về yếu tố nuôi dưỡng, ngươi hỏi về đối tượng, ngươi hỏi về duyên khởi, ngươi hỏi về nhân sanh khởi của khổ, ngươi yêu cầu, ngươi thỉnh cầu, ngươi đặt niềm tin. uQuả thật ngươi đã hỏi Ta về nguồn sanh khởi của khổ,9 là như thế. Đức Thế Tôn nói: Này Mettagū: Đức Thế Tôn xưng hô với vi Bà-la-môn ấy bằng tên. ' Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế l^n." “Dức Thế Tôn nói: Này Mettagũ" là như thế. Ta sẽ tuyên thuyết về điều

ấy cho ngươi theo như điều Ta nhận biết Điều ấy: Ta sẽ tuyên thuyết về nguồn gốc, Ta sẽ tuyên thuyết về nhân, Ta sẽ tuyên thuyết về căn nguyên, Ta sẽ tuyên thuyết về nguồn xuất phát, Ta sẽ tuyên thuyết về nệuồn sanh khởi, Ta sẽ tuyên thuyết về nguồn phát khỏi, Ta sẽ tuyên thuyết về yêu tố nuôi dưỡng, Ta sẽ tuyện thuyết về đối tượng, Ta sẽ tuyên thuyết về duyên khởi, Ta sẽ tuyên thuyết về nhân sanh khởi của khổ, Ta sẽ chỉ dạy, Ta sẽ chỉ bảo, Ta sẽ thông báo, Ta sẽ ấn đinh, Ta sẽ khai mở, Ta sẽ chia sẻ, Ta sẽ làm rõ, Ta sẽ bày tỏ. "Ta sẽ tuyên thuyết về điều ấy cho nguôi" là như thế. Theo như điều Ta nhận biết: Theo như điều Ta đang nhận biết, dang hiểu, đang nhận thức, đang thừa nhận, đang thấu triệt, không do nghe lời đon đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan diêm, Ta sẽ thuyết giảng cho ngươi về pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét lại. "Ta sẽ tuyên thuyết về điều ấy cho ngươi theo như điều Ta nhận biết" là như thế.

498 > KINH TIỂU Bộ

Các khổ phát khởi đều có căn nguyên là mầm tái sanh. Mầm tái sanh: Có mười mầm tái sanh: Tham ái là mầm tái sanh, tà kiến là mầm tái sanh, ô nhiễm [luyến ái, sân hận, v.v...] là mầm tái sanh, nghiệp [thiện, ác] là mầm tái sanh, uê hạnh [về thân, khâu, ý] là mầm tái sanh, yếu tố nuôi dưỡng [bốn loại vật thực] là mầm tái sanh, bất bình là mầm tái sanh, bốn nguyên tố [đất, nước, lửa, gió] đã được chấp thủ là mầm tái sanh, sáu nội xứ là mầm tái sanh, sáu nhóm thức là mầm tái sanh; tất cả các khổ với ý nghĩa khó chiu đựng là mầm tái sanh; các điều này được gọi là mười mầm tái sanh. Các khổ: Là khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu-bi-khổ-ưu- não9 khổ ở địa ngục,... (nty.. sự tổn hại về kiến thức là khổ, đối với những pháp nào có sự khởi lên ban đau được nhận biết, có sự diệt tận lúc biến mất được nhận biết, có quả thành tựu nương vào hành động, có hành động nương vào quả thành tựu, có sắc nương vào danh, có danh nương vào sắc, bi theo sau bởi sanh, bi đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, được thiết lập ở khổ, là không nơi nương tựa, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ, các điều này được gpi là kho. Các khổ này phát khởi, xuất phát, sanh ra, sanh khởi, hạ sanh, xuât hiện, có mầm tái sanh là căn nguyên, có mầm tái sanh là nhân, có mầm tái sanh là duyên, có mầm tái sanh là lý do. “Các khổ phát khởi đều có căn nguyên là mầm tái sanh" là như thế. Bất kể loại nào ờ thế gian, với nhiều hình thức. Bất kể loại nào: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "ye kecr này là lôi nói của sự bao gôm. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ. Vói nhiêu hình thức: Các khô có nhiêu loại, có những kiêu cách khác nhau. “Bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Đức Thế Tôn nói: “Này Mettāya] quả thật ngươi đã hỏi Ta về n^uồn sanh khởi của khô. Ta sẽ tuyên thuyết vê điêu ẩy cho ngươi theo như điêu Ta nhận biết. Các khổ phát khởi đều có căn nguyên là mầm tái sanh, bất kể loại nào ở the gian, với nhiều hình thức.”

4.3. ^Thật vây, kẻ nào [do] không có sự hiếu biêt roi tạo ra mâm tải sanh, là kẻ ngu [sẽ] đi đên khô lân này roi lân khác. Vĩ thê, người có sự quán xét vê sự sanh ra và phát khởi của khô, trong khi biêt, không nên tạo ra mâm tái sanh." Thật vậy, kẻ nào [do] không có sự hiểu biết rồi tạo ra mầm tái sanh. Kẻ nào: Kẻ nào là người như thế, được gắn bó như thế, được định đặt như

thế, có biểu hiện như thế, đã đạt đến địa vị ấy, đã thành tựu phẩm chất ấy, hoặc là vị Sát-đế-lỵ9 hoặc là vị Bà-la-mon, hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô lệ, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vị thiên nhân, hoặc là người nhân loại. [Do] không có sự hiểu biết: Không đạt đến kiến thức, không có trí, không có sự rành rẽ, có tuệ tồi. Rồi tạo ra mầm tái sanh: Tạo ra tham ái là mầm tái sanh, tạo ra tà kiến là mầm tái sanh, tạo ra ô nhiễm là mầm tái sanh, tạo ra nghiệp là mầm tái sanh, tạo ra uế hạnh là mầm tái sanh, tạo ra yếu tố nuôi dưỡng là mầm tái sanh, tạo ra bát bình là mâm tái sanh, tạo ra bôn nguyên tô đã được chập thủ là mâm tái sanh, tạo ra sáu nội xứ là mầm tái sanh, tạo ra sáu nhóm thức là mầm tái sanh, làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh. í4Thật vậy, kẻ nào [do] không có sự hiểu biết rồi tạo ra mầm tái sanh" là như thế. Là kẻ ngu [sẽ] đi đến khổ lần này rồi lần khác. [Đi đến khổ lần này rồi lần khác:] Là đi đến, tiếp cận, đi đến gần, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu- bi-khổ-ưu-não lần này rồi lần khác. Là kẻ ngu: Kẻ ngu là kẻ si mê, không có sự hiểu biết, không đạt đến kiến thức, không có trí, không có sự rành rẽ, có tuệ tồi. "Là kẻ ngu [sẽ] đi đến khổ lần này rồi lần khác" là như thế. Vì thế, trong khi biết, không nên tạo ra mầm tái sanh. Vì thế: Là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy rõ sự bất lợi như vậy ở các mầm tái sanh. "Vi thế" là như thế. Trong khi biết: Trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt; trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt rằng: "Tất cả các hành là vô thương"; trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thâu triệt răng: uTât cả các hành là kh6"...(nt).."Tất cả các pháp là vô ng*'...(nt)... "Diều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệty Không nên tạo ra mầm tái sanh: Không nên tạo ra tham ái là mầm tái sanh, không nên tạo ra tà kiến là mầm tái sanh, không nên tạo ra ô nhiễm là mâm tái sanh, không nên tạo ra nghiệp là mâm tái sanh, không nên tạo ra uê hạnh là mâm tái sanh, không nên tạo ra yêu tô nuôi dưỡng là mâm tái sanh, không nên tạo ra bất bình là mầm tái sanh, không nên tạo ra bốn nguyên tố đã được chập thủ là mâm tái sanh, không nên tạo ra sáu nội xứ là mâm tái sanh, không nên tạo ra sáu nhóm thức là mầm tái sanh, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh.

“Vi thế, trong khi biết, không nên tạo ra mầm tái saĩlh,, là như thế. Của khổ: Của khổ sanh, của khổ già, của khổ bệnh, của khổ chết, của khổ do sầu-bi-khổ-iru-não. Người có sự quán xét về sự phát khởi: Có sự quán xét về nguồn gốc, có Sự quán xét vê nhân, có

sự quán xét vê căn nguyên, có sự quán xét vê nguồn xuất phát, có sự quán xét vê nguôn sanh khởi, có sự quán xét vê nguôn phát khởi, có sự quán xét vê yêu tô nuôi dưỡng, có sự quán xét vê đôi tượng, có sự quán xét về duyên khởi, có sự quán xét về nhân sanh khởi của khổ. Sự quán xét nói đến có sự nhận biết bằng tuệ, là sự nhận biết,..(nt).. sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiên. Người đã tiên đên, đã tiên gân, đã tiên vào, đã tiên sát, đã đạt đên, đã tròn đủ, đã thành tựu sự quán xét băng tuệ này, người ây gọi là có sự quán xét. "Người có sự quán xét về sự sanh ra và phát khởi của kh6" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "ThQt vậy, kẻ nào, [do] không có sự hiêu biêt, roi tạo ra mâm tái sanh, là kẻ ngu, [sẽ] đi đến khổ lần này rồi lần khác, Vì thế, người có sự quản xét về sự sanh ra và phát khởi của khổ, trong khỉ biết, không nên tạo ra mầm tái sanh,"

4.4. "Điều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã giải thích cho chúng tôi. Chúng tôi hỏi Ngài điêu khác, vậy xỉn Ngài hãy trả lời điêu ây. Làm the nào các bậc sáng trí vượt qua dòng la, Sanh và già, sầu muộn và than vãn? Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho tôi, r 9 Bởi vì pháp này đã được Ngài biêt đủng theo bản thê," Điều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã giải thích cho chúng tôi: Điều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, chúng tôi đã yêu cầu, chúng tôi đã thỉnh cầu, chúng tôi đã đặt niềm tin. Ngài đã giải thích cho chúng tôi: [Điều ấy] đã được giải thích, đã được chỉ dạy, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. "Diều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã giải thích cho chúng tôf, là như thế. Chúng tôi hỏi Ngài điều khác, vậy xin Ngài hãy trả lời điều ấy: Chúng tôi hỏi Ngài điều khác, chúng tôi yêu cầu Ngài điều khác, chúng tôi thỉnh cầu Ngài điều khác, chúng tôi đặt niềm tin nơi Ngài điều khác, chúng tôi hỏi Ngài thêm nữa. Vậy xin Ngài hãy trả lời điều ấy: Vậy xin Ngài hãy nói, Ngài hãy chỉ dạy, Ngài hãy chỉ bảo, Ngài hãy thông báo, Ngài hãy ấn định, Ngài hãy khai mở, Ngài hãy chia sẻ? Ngài hãy làm rõ, Ngài hãy bày tỏ về điều ấy. "Chúng tôi hỏi Ngài điều khác, vậy xin Ngài hãy trả lời điều ấy" là như thế.

TIỂU DIỄN GIẢI 501

Làm thế nào các bậc sáng trí vượt qua dòng lũ, sanh và già, sầu muộn và than vãn? r Làm thê nào: Các cụm từ "evannu kho'\ "na nu kho", "kinnu kho'\ ^kathannu kho" là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì hai nghĩa, câu hỏi do không dứt khoát. uLàm thế nao,5 là như thế. Các bậc sáng trí: Các bậc sáng trí là các bậc sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ? có sự thông minh. Dòng lũ: Dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh. Sanh: Sự sanh ra, sự sanh khởi, sự nhập thai, sự phát sanh, sự xuất hiện của các uẩn, sự đạt được các xứ ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác. Già: Sự suy tàn, trạng thái già nua, tình trạng răng long, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ suy giảm, sự hư hoại của những giác quan ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác. Sâu muộn: Sâu muộn là sự buôn râu, trạng thái buôn phiên, sự sâu muộn ở nội tâm, sự buồn thảm ở nội tâm, sự nóng nảy ở nội tâm, sự bực tức ở nội tâm, nôi ưu phiên do trạng thái bực bội của tâm, mũi tên sâu muộn của người bi tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị

tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bi tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự kho này hoặc sự kho khác. Than vãn: Sự than van, sự than trách, sự than thở? sự than vãn, trạng thái than van, trạng thái than trách, lời nói, nói lảm nhảm, nói huyên thuyên, nói kể lể5 lối nói kể lể, trạng thái noi kể lể của người bi tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bi tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bi tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác. Làm thế nào các bậc sáng trí vượt qua dòng lũ, sanh và già, sầu muộn và than vãn? Các bậc sáng trí vượt qua, vượt lên, vượt khỏi, vượt qua hẳn, vượt qua khỏi dòng lũ, sanh và già, khô đau, sâu muộn và than vãn như thê nào? "Làm thế nào các bậc sáng trí vượt qua dòng lũ, sanh và già, sầu muộn và than vãn?^, là như thế. Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho tôi. Điều ấy: Là điều tôi hỏi, điều tôi yêu cầu, điều tôi thỉnh cầu, điều tôi đặt niềm tin. Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... . e r _ •• (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiên. Được thành tựu với trí ây? đức Thế Tôn đạt đến bản thể hiền trí.

Ba hiền trí hạnh: Hiền trí hạnh về thân, hiền trí hạnh về khẩu, hiền trí hạnh về ý. Hiền trí hạnh về thân là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về thân ỉa hiền trí hạnh về thân, ba loại thiện hạnh về thân là hiền trí hạnh về thân, trí ở đối tượng thân là hiền trí hạnh về thân, sự biết toàn diện về thân là hiền trí hạnh về thân, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về thân, sự dứt bỏ mong muôn và luyên ái ở thân là hiên trí hạnh vê thân, sự chứng đạt tứ thiên có sự diệt của thân hành là hiền trí hạnh về thân; điều này là hiền trí hạnh về thân. Hiền trí hạnh về khẩu là điều nào? Sự dứt bỏ bốn loại uế hạnh về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, bốn loại thiện hạnh về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, trí ở đối tượng khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự biết toàn diện về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về khẩu, sự dứt bỏ mong muôn và luyên ái ở khâu là hiên trí hạnh vê khâu, sự chứng đạt nhị thiền có sự diệt của khẩu hành là hiền trí hạnh về khẩu, đạo đồng hành với Sự biêt toàn diện là hiên trí hạnh vê khâu, sự dứt bỏ mong muôn và luyên ái ở khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự chứng đạt tam thiền có sự diệt của khẩu hành là hiền trí hạnh về khẩu;1 điều này là hiền trí hạnh về khẩu. Hiền trí hạnh về ý là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về ý là hiền trí hạnh về ý, ba loại thiện hạnh về ý là hiền trí hạnh về v, trí ở đối tượng tâm là hiền trí hạnh về v, sự biết toàn diện về tâm là hiền trí hạnh về ý, đạo(tòng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về ý, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở tâm là hiền trí hạnh về ý, sự chứng đạt Diệt thọ tưởng có sự diệt của tâm hành là hiền trí hạnh về ý. Điêu này là hiền trí hạnh về ý. 7. [Chư Phật] đã nói về bậc Hiền trí về thân, bậc Hiền trí về khẩu, bậc Hiền tri về ý, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiền trí thành tựu hiền trí hạnh là bậc có sự dứt bỏ tất cả, 8. [Chư Phật] đã nói về bậc Hiền trí về thân, bậc Hiền tri về khẩu, bậc Hiền trí ve ỷ, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiền trí thành tựu hiền trí hạnh là bậc có điêu ác đã được rửa sạch. Được thành tựu ba pháp hiền trí hạnh này là sáu hạng hiền trí: Các bậc Hiền trí tại gia, các bậc Hiền trí

xuất gia, các bậc Hiên trí Hữu học, các bậc Hiền trí Vô học, các bậc Hiền trí Độc Giác, các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí. Các bậc Hiền trí tại gia là các hạng nào? Những người tại gia đã thấy Niết- bàn9 đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiền trí tại gia. Các bậc Hiền trí xuất gia là các hạng nào? Những vị xuất gia đã thấy Niếtbàn, đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiền trí xuất gia. Bảy hạng Hữu học là các bậc Hiền trí Hữu học. Các vi A-la-hán là các bậc Hiền trí Vô học. Các vi Phật Độc Giác là các bậc Hiền*

14tĐạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền tríhạnh về khẩu, sự dứt bỏ mongmu8n và luyến ái ở khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự chứng đạt tam thiền có sự diệt của khẩu hành là hiền trí hạnh ve khẩu.^, Đoạn văn này chỉ khác ở đoạn văn liên trước đó ở chỗ <4nhị thiền,5 và “tam thien.,? Tam tạng của Miến Điện và Thái Lan không có đoạn này. Hai đoạn văn tương tự ở trang 51 và 279 trong tập này cũng khổng có đoạn này. (ND)

trí ĐỘC Giác. Các đức Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác là các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí. 9. Không phải do trạng thái ỉm lặng mà kẻ có bộ dạng khờ khạo, ngu dốt trở thành bậc Hiền trí Nhưng người nào, tựa như người cầm lấy cái cân rồi chọn lấy vật quỷ giá, là người sáng suốt, 10. rNgười lánh xa han2 các điêu ác, người ây là bậc Hiên r trí, do việc • ây người ây trở thành bậc Hiên trí Người nào hiêu rõ cả hai thê giới [nội tâm và ngoại cảnh], do việc ấy được gọi là bậc Hiền trí 11. Vỉ biết được bản chất của những kẻ xấu và của những người tốt, nội phần và ngoại phần, ở tất cả thế gian, vi được tôn vinh bởi chư thiên và nhân loại, vi đã vượt qua sự quyên luyên và mạng lưới [tham ái và tà kiên], vi ây là bậc Hiền trí. Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở? hãy chia sẻ? hãy làm rõ, hãy bày tỏ điều ấy một cách tường tận. "Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho tôi” là như thế. BỎI vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể: Bởi vì pháp này đã được biết, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh đinh bởi Ngài đúng theo bản thể. "Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: “Diều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã giải thích cho chúng tôi. Chủng tôi hỏi Ngài điều khác, vậy xin Ngài hãy trả lời điều ấy. Làm thế nào các bậc sáng trí vượt qua dòng lũ, Sanh và già, sâu muộn và than vãn? Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho tôi, Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đủng theo bản the,"

4.5. [Đức Thế Tôn nói: “Này Mettagū] Ta sẽ giải thích cho ngươi giáo pháp, Ve pháp đã được thay, không phải do nghe nói lại, Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống, Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian. Ta sẽ giải thích cho ngươi giáo pháp. Giáo pháp: Ta sẽ giải thích, Ta sẽ chỉ dạy, Ta sẽ chỉ bảo, Ta sẽ thông báo, Ta sẽ ấn định, Ta sẽ khai mở, Ta sẽ chia sẻ, Ta sẽ làm rõ5 Ta sẽ bày tỏ toàn hảo ở đoạn đâu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn két, thành tựu vê ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy • • 7 •• •• J đủ,7

[gôm có] bôn sự thiêt lập niệm, bôn chánh cân, bôn nên tảng của thân thông, năm quyên, năm lực, bảy yêu tô đưa đên giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn, và sự thực hành đưa đến Niết-bàn. "Ta sẽ giải thích cho ngươi giáo pháp" là như thê. Đức Thế Tôn nói: Này Mettagũ: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên. về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại. về pháp đã được thấy:23 *về pháp đã được thấy, về pháp đã được biết, về pháp đã được cân nhác, vê pháp đã được xác đinh, vê pháp đã được rõ rệt, vê pháp đã được minh đinh; về pháp đã được thấy, về pháp đã được biết, về pháp đã được cân nhắc, về pháp đã được xác định, về pháp đã được rõ rệt, về pháp đã được minh đinh rằng: "Tất cả các hanh là vô thuơng",...(nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt?5 “về pháp đã được thấy” là như vậy. Hoặc là, Ta sẽ giải thích về khổ ở khổ đã được thấy, Ta sẽ giải thích về tập ở nhân sanh khởi đã được thấy, Ta sẽ giải thích về diệt ở sự diệt tận đã được thấy, Ta sẽ giải thích về đạo ở đạo lộ đã được thấy.3 “về pháp đã được thấy" còn là như vậy. Hoặc là, vê pháp đã được thây là pháp hoàn toàn hiên nhiên, không bị chi phối bởi thời gian, hãy đến và hãy thấy, có khả năng dẫn dắt về hướng [Niết-bàn], và nên được hiểu biết tự cá nhân bởi các bậc trí tuệ. uvề pháp đã được thấy” còn là như vậy. Không phải do nghe nói lại: Ta sẽ thuyết giảng cho ngươi về pháp đã được chính bản thân biết rõ? đã được tự thân quán xét, không do nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghi, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm. “về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại" là như thế. Sau khi hiểu pháp ấy, vi có niệm, trong khi sống: Sau khi làm cho pháp ấy được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh đinh, sau khi làm rõ rệt răng: "Tát cả các hành là vô thường,,; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là khổ9\... (nt)... "Tất cả các pháp là vô ngã,\... (nt)... "Diều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có ban Sih hoại

2 về pháp đã được thấy (ditthe dhamme)'. Chủ giải của Suttanỉpãta (Kỉnh tập) ghi rằng: ^Ditthe dhammeti ditthe dukkhādidhamme, imasmimyeva vã attabhāve (Paramatthạiotỉkã^ PTS. II. 590), nghĩa là uvề pháp khổ, (tập, diệt, đạo) đã được thấy, hoặc ngay ở bản ngã này,\ (ND) 3 ở đây nói đến bốn chân lý cao thượng (tứ diệu đế): Khổ, tập (nhân sanh khổ), diệt (sự diệt tận khổ), đạo (sự thực hành đưa đến sự diệt tận Idio).

TIỂU DIỄN GIẢI 505

Vi có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... VỊ ấy được gọi là có niệm. Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng. "Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống95 là như thế. Có the vượt qua sự vướng măc ờ thê gian: Sự vướng mác nói đên tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn cua

bất thiển. Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì? "Được trải r0ng" là vướng mắc, "bao qut" là vướng mắc, "được lan rộng,5 là vướng mắc, "n6 lôi kéo theo" là vướng mắc, unó mang lại chất độc" là vướng mắc, "truyền bá chất độc" là vướng mắc, "gốc rễ của chất d0c" là vướng mắc, "kết quả của chất độc" là vướng mắc, "SỊT thọ dụng độc hại" là vướng mắc. Hoặc hơn nữa, "tham ái ấy là bao quát ở sắc, ở thinh, ở hương, ở vị, ở xúc, ở gia tộc, ở đồ chúng, ở chỗ ngụ, ở lợi lộc, ở danh vọng, ở lời khen, ở hạnh phúc, ở y phục, ở đồ ăn khất thực, ở chỗ nằm ngồi, ở vật dụng là thuốc men chữa bệnh, ở dục giới, ở sắc giới, ở vô sắc giới, ở cõi dục, ở cõi sắc, ở cõi vô sắc, ở cõi hữu tưởng, ở cõi vô tưởng, ở cõi phi tưởng phi phi tưởng, ở cõi một uẩn, ở cõi bốn uẩn, ở cõi năm uẩn, ở quá khứ, ở vi lai, ở hiện tại, ở các pháp đã được thây, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, được trải rộng, được lan r0ng" là vướng mắc. ơ thê gian: ơ thê gian của khô cảnh, ở thê gian của loài người, ở thê gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ. Có thể vượt qua sự vướng mắc ờ thế gian: Sự vướng mắc này là ở ngay tại thế gian. Vị có niệm có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có • 9 % • 9 • thê vượt qua han, có thê vượt qua khỏi sự vướng mác này ở ngay tại thê gian. "C6 thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi rang: [Đức Thế Tôn nói: "Này Mettagū] Ta sẽ giải thích cho ngươi giáo pháp, về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại. Sau khỉ hiếu pháp âyf vị có niệm, trong khỉ sông, Có thê vượt qua sự vướng mác ở thê gian."

4.6. Và tôi thích thủ^ về điều ấy,
Thưa bậc Đại Ân Sĩ, về giáo pháp tối thượng.
Sau khi hiểu pháp ấy, vi có niệm, trong khi sống,
Có the vượt qua sự vướng mắc ở the gian.
Và tôi thích thú về điều ấy.
506 KINH TIỂU Bộ

về điều ấy: Là lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời chỉ dạy, lời khuyên bảo của Ngài. Tôi thích thú: Tôi vui thích, tôi vui mừng, tôi tùy hỷ? tôi ước muốn, tôi ưng thuận, tôi yêu cầu, tôi ước nguyện, tôi mong cầu, tôi nguyện càu. "Và tôi thích thú về điều ấy" là như thế. Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, về giáo pháp tối thượng. Bậc Đại Ẩn Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ẩn Sĩ. uVị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu định uẩn lớn lao... tuệ uẩn lớn lao... giải thoát uẩn lớn lao... giải thoát tri kiến uẩn4 lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự pha tan khối tăm tối lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. ctVị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự phá vỡ điều trái khuấy lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. uVị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự nhổ len mũi tên tham ái lớn lao, là bậc Đại Ẩn Sĩ. uVị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự tháo tung mối rối rắm tà kiến lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự xô ngã ngọn cờ ngã mạn lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. uVị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cau sự vắng lặng pháp tạo tác lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. ayị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự thoát khỏi dòng lũ lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự quănậbỏ gánh nặng lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. uVị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tam cầu sự cắt đứt yòn^ quay luân hồi lớn lao" là bậc

Đại Ẩn Sĩ. "Vj đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu việc dập tắt sự nóng nảy lớn lao" là bậc Đại Ân Si. "Vj đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu việc tịch tịnh sự bực bội lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. ÍẾVị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu việc nâng lên ngọn cờ giáo pháp lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu các sự thiết lập niệm lơn lao... các chánh can lớn lao... các nen tảng của than thông lớn lao... các quyền lớn lao... các lực lớn lao... các yêu tô đưa đên giác ngộ lớn lao... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần lớn lao... lợi ích tối thượng lớn lao, bất tử, Niết-bàn,5 là bậc Đại Ẩn Sĩ. uVị được tầm cầu, được tìm tòi, được tìm kiếm bởi các chúng sanh có uy lực lớn lao [hỏi rằng]: Đức Phật ngự ở đâu? Đức Thế Tôn ngự ở đâu? Chúa của chư thiên ngự ở đâu? Đấng Nhân Ngxru ngự ở d2u?" là bậc Đại Ẩn Sĩ. về giáo pháp tối thượng: Giáo pháp tối thượng nói đến bất tử, Niết-bàn? tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Toi thượng: Là giáo pháp cao cả, nhát hạng, thù thăng, dân dâu, tôi thượng, cao quý. “Thua bậc Đại Ân Sĩ, về giáo pháp tối thượng,, là như thế. Sau khi hiểu pháp ấy, vi có niệm, trong khỉ sống: Sau khi làm cho pháp ấy được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi

4 Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

làm rõ rệt; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rang: "Tất cả các hành ỉa vô thuơng"; sau khi làm cho được hiểu rõ5 sau khi cân nhắc, sau khi xác đinh, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằn^: “Tất cả các hành là kh6",...(nt)... "Tất cả các pháp là vô ngã9\... (nt).."Biểu gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tanh hoại diệt.59 Vi có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thọ trên các thọ,... (nt)... ở việc quan sát tâm trên tâm,... (nt)... ở việc quan sát pháp trên các pháp, vị ấy được gọi là có niệm. Trong khỉ sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng. "Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,, là như thế. Có thể vượt qua sự vướng mắc ờ thế gian: Sự vướng mắc nói đến tham ái? tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn cua bất thiển. Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì?... (nt)... "được trải rộng, được lan rộng95 là vướng mắc. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ. Có thể vượt qua sự vướng mắc ờ thế gian: Sự vướng mắc này là ở ngay tại thế gian. Vị có niệm có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thê vượt qua hãn, có thê vượt qua khỏi sự vướng mác này ở ngay tại thê gian. "C6 thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian,, là như thế. Vì thế, vi Bà-la-môn ấy đã nói rằng: ííVà tôi thích thú về điều ấy, Thưa bậc Đại Ân Sĩ, về giáo pháp tối thượng. Sau khi hiểu pháp ấy, vi có niệm, trong khỉ sống, Cỏ thê vượt qua sự vướng mác ở thê gian."

4.7. [Đức Thế Tôn nói: "Này Mettagū] bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biết, bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa, ngươi hãy xua đi sự vui thích, sự chấp

chặt, và tâm thức liên quan đến các pháp ấy; không nên trụ lại ở hữu." Bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biết: Bất cứ điều nào mà ngươi nhận biết, ngươi hiểu, ngươi nhận thức, ngươi thừa nhận, ngươi thấu triệt. “Bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biếf, là như thế. Đức Thế Tôn nói: Này Mettagũ: Đức Thế Tôn ximg hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế Ton.,, "Dức Thế Tôn nói: Này Mettagũ" là như thế. Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa. Bên trên là nói đến thời tương lai, bên dưới là nói đến thời quá khứ, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là thời hiện tại. Bên trên là thế giới chư thiên, bên dưới là thế giới địa ngục, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là thể giới loài người. Hoặc là, bên trên là các pháp thiện, bên dưới là các pháp bất thiện, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là các pháp vô ký. Bên trên là vô sắc giới, bên dưới là dục giới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là sắc giới. Bên trên là cảm thọ lạc, bên dưới là cảm thọ khổ, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là cảm thọ không kho không lạc. Bên trên là từ lòng bàn chân trở lên, bên dưới là từ đỉnh ngọn tóc trở xuống, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là ở chính giữa. "Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa,? là như thế. Ngươi hãy xua đi sự vui thích, sự chấp chặt, và tâm thức liên quan đến các pháp ấy; không nên trụ lại ờ hữu. Liên quan đến các pháp ấy: Liên quan đến các pháp đã được chỉ dạy, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. Sự vui thích: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái5 luyến ái mãnh liệt,... (nt).. tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Sự chấp chặt: Có hai sự chấp chặt: Chấp chặt do tham ái và chấp chặt do tà kiến. Điều nào là chấp chặt do tham ái? Cho đến... (nt)... bởi cái gọi là tham ái rằng:... (nt)... điều này là chấp chặt do tham ái. Điều nào là chấp chặt do tà kiến? Thân kiến có hai mươi nền tảng,... (nt)... điều này là chấp chặt do tà kiến. Ngươi hãy xua đi tâm thức: Ngươi hãy xóa đi, hãy đuổi đi, hãy xóa tan, hãy xua tan, hãy từ bỏ5 hãy dứt bỏ5 hãy xua di, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu thức đi cùng với phúc hành, thức đi cùng với phi phúc hành, thức đi cùng với bất động hành.5 "Ngươi hãy xua đi sự vui thích, sự chấp chặt, và tâm thức liên quan đến các pháp ấy” là như thế. Không nên trụ lại ờ hữu. Hữu: Có hai sự hiện hữu: Sự hiện hữu do nghiệp và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. Cái nào là sự hiện hữu do nghiệp? Phúc

5 Thức đi cùng với phúc hành là 13 tâm thiện (8 tâm thiện dục giới, 5 tâm sắc giới); thức đi cùng với phi phúc hành là 12 tâm bất thiện (8 tâm thâm, 2 tâm sân, 2 tầm si); thức đi cùng VƠI bất động hh là 4 tâm vô sắc giới (NidA. II. 26)

hành, phi phúc hành, bất động hành,6 cái này là sự hiện hữu do nghiệp. Cái nào là sự hiện hữu lân nữa liên quan đên việc nôi liên tái sanh? Săc? thọ, tưởng, hành, thức liên quan đến việc nối liền tái sanh, cái này là sự hiện hữu lần nữa liên quan đen việc noi liền tái sanh. Không nên trụ lại ờ hữu: Trong khi dứt bỏ, trong khi xua đi, trong khi làm

chấm dứt, trong khi làm cho không còn hiện hữu sự vui thích, sự chấp chặt, thức đi cùng với các sự tạo tác, sự hiện hữu do nghiệp, và sự hiện hữu lan nữa liên quan đen việc nối liền tái sanh, không nên trụ lại ở sự hiện hữu do nghiệp, không nên trụ lại ở sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh, không nên trụ vững. "Nguôi hãy xua đi tâm thức liên quan đến các pháp này; không nên trụ lại ở hữu" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Đức The Tôn nói: "Này Mettagū] bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biết, bên trên, bên dưới, luôn cả be ngang và khoảng giữa, ngươi hãy xua đi sự vui thích, sự chấp chặt, và tâm thức liên quan đen các pháp ấy; không nên trụ lại ở hữu."

4.8. An trủ như vậy, có niệm, không xao lãng, Vị Tỳ-khĩm, trong khi sống, sau khi từ bỏ các vật đã được chấp là của ta9 Là vi hiểu biết, ngay tại nơi này, có the dứt bỏ kho đau Sanh, già, sầu muộn và than vãn. An trú như vậy, có niệm, không xao lãng. An trú như vậy: Trong khi dứt bỏ, trong khi xua đi, trong khi làm chấm dứt, trong khi làm cho không còn hiện hữu sự vui thích, sự châp chặt, thức đi cùng với các sự tạo tác, sự hiện hữu do nghiệp, và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. "An trú như vậy,, là như thế. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân... (nt)... vị ấy được gọi là có niệm. Không xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghi, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bổn phận, không bị xao lãng trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] "Bằng cách nào ta có thể làm đầy đủ giới uẩn chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ giới uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia, tại chỗ nọ bằng trí tue?" Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cần cù, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ5 sự nhiệt tâm, sự cân mân, sự quyêt tâm, sự chuyên cân không bị xao lãng, sự không xao lãng trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] "Bằng cách nào ta có thể làm đầy đủ định uân... (nt)... tuệ uân... (nt)... giải thoát uẩn... (nt)... giải thoát tri kiến uẩn

6 Xem chú thích về uphúc hành, phi phúc hành, bất động hành" ở trang 77. (ND)

chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ giải thoát tri kiến uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia, tại chỗ nọ bằng trí tue?" Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cân cù, sự găng sức, sự ráng sức, sự không thôi chí, niệm, sự nhận biêt rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần không bị xao lãng, sự không xao lãng trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] "Bằng cách nào ta có thể biết toàn diện về khổ chưa được biêt toàn diện, hoặc có thê dứt bỏ các ô nhiễm chưa được dứt b6, hoặc tu tập đạo chưa được tu tập, hoặc chứng ngộ diệt chưa được chứng ng?" Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cần cù, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyêt tâm, sự chuyên cân không bị xao lãng, sự không xao lãng trong các thiện pháp. r "An trú như vậy, có niệm, không xao lng" là như thê. Vi Tỳ-khưu, trong khi sống, sau khi từ bỏ các vật đã được chấp là của ta. Vi Tỳ-khưu: Là vi Tỳ-khưu phàm nhân tốt lành hoặc vị Tỳ-khưu là bậc Hữu học. Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong

khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng. Các vật đã được chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt).. điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Sau khi dứt bỏ trạng thái chấp là của ta do tham ái, sau khi buông bỏ trạng thái châp là của ta do tà kiên, sau khi từ bỏ, sau khi phê bỏ, sau khi dứt bỏ, sau khi buông bỏ? sau khi xua di, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các trạng thái chấp là của ta. uVị Tỳ-khưu, trong khi sống, sau khi từ bỏ các vật đã được chấp là của ta" là như thế. Là vi hiểu biết, ngay tại noi này, có thể dứt bỏ khổ đau, sanh, già, sầu muộn và than vãn. Sanh: Sự sanh ra, sự sanh khởi, sự nhập thai, sự phát sanh, sự xuất hiện của các uẩn, sự đạt được các xứ ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác. Già: Sự suy tàn, trạng thái già nua, tình trạng răng long, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ suy giảm, sự hư hoại của những giác quan ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác. Sầu muộn: [Sầu muộn là sự buồn rầu]... (nt)... của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến,... (nt)... Than vãn: Là sự... (nt).. của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyên,... (nt)... Tại nơi này: ở quan điểm này,... (nt).. ở thế giới này.

Vị hiểu biết: Vị đã đạt đến kiến thức, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh. Khổ đau: Là khổ sanh,...(nt)... kho do ưu não. Là vi hiểu biết, ngay tại noi này, có thể dứt bỏ khổ đau, sanh, già, sầu muộn và than vãn: Vị đã đạt đến kiến thức, có trí, có sự rành rẽ, có sự thônẹ minh, ngay tại nơi này, có thể dứt bỏ, có thể xua đi, có thể làm chấm dứt, có the làm cho không còn hiện hữu sanh, già, sầu muộn, than vãn và khổ đau. "Là vị hiểu biết, ngay tại nơi này, có thể dứt bỏ khổ đau, sanh, già, sầu muộn và than vản,9 là như the. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: (íAn trủ như vây, có niệm, không xao lãng, Vỉ Tỳ-khưuf trong khỉ song, sau khi từ bỏ các vật đã được chấp là của ta, Là vị hiếu biêt, ngay tại nơi này, có thê dứt bỏ khô đau, Sanh, già, sầu muộn và than vãn.ỉf

4.9. Tôi thích thủ lời nói này của bậc Đại Ân Sĩ, thưa Ngài Gotama, trạng thải không liên quan đến mầm tải sanh đã khéo được trình bày, bởi vì đức Thế Tôn đương nhiên đã dứt bỏ khổ, bởi vì pháp này đã được Ngài biết đủng theo bản the. Tôi thích thú lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ. [Điều] này: Là lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ngài. Tôi thích thú: Tôi vui thích, tôi thích thú, tôi vui mừng, tôi tùy hỷ? tôi ước muốn, tôi img thuận, tôi ước nguyện, tôi mong cầu, tôi nguyện cầu. Của bậc Đại Ẩn Sĩ: Đức Thế Tôn là bậcĐại Ẩn Sĩ. uVị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. ... (nt)... "đấng Nhân Ngưu ngự ở đâu?^, là bậc Đại Ẩn Sĩ. "T6i thích thú lời nói này của bậc Đại Ấn Sĩ9 là như thế. Thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày. Đã khéo được trình bày: Đã được trình bày khéo léo, đã được chỉ dạy khéo léo, đã được chỉ bảo khéo léo, đã được thông báo khéo léo, đã được ấn định khéo léo, đã được khai mở khéo léo, đã được chia sẻ khéo léo, đã được làm rõ khéo léo, đã được bày tỏ khéo léo. "Đã khéo được trình by" là như thế. Thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh: Mầm tái sanh nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các sự tạo tác. Sự dứt bỏ mầm tái sanh, sự vắng lặng mầm

tái sanh, sự buông bỏ mầm tái sanh, sự tịch tinh mầm tái sanh là bát tư, Niết-bàn. “Thua Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bẩy” là như thế. Bởi vì đức Thế Tôn đương nhiên đã dứt bỏ khổ.

512 KINH TIỂU Bộ

Đương nhiên: Từ "addhā " này là lời nói nhất đinh, lời nói không ngờ vực, lời nói không nghi ngờ, lời nói không hai nghĩa, lời nói không gây ra sự lưỡng lự, lời nói bao đảm, lơi nói không sai trái, lơi nói khẳng định. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “dức Thế Đã dứt bỏ khổ: Ngài đã dứt bỏ, đã dứt trừ, đã xua di, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não. “Bỏi vì đức Thế Tôn đương nhiên đã dứt bỏ khổ,, là như thế. Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể: Bởi vì pháp này đã được biết, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định bởi Ngai đúng theo bản thể. "Bỏi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: thích thủ lời nói này của bậc Đại Ân Sĩ, thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đen mầm tái sanh đã khéo được trình bày, bởi vì đức The Tôn đương nhiên đã dứt bỏ khô, bởi vì pháp này đã được Ngài biêt đủng theo bản thể."

4.10. Những người nào, thưa bậc Hiền trí, được Ngài giáo huấn không ngừng nghỉ, luôn cả những người ấy chắc chan có the dứt bỏ khổ đau. Vĩ thế, thưa bậc Long Tượng, sau khi gặp Ngài, con1 xin kỉnh le Ngài. Mong sao đức The Tôn sẽ giáo huấn con không ngừng nghỉ. Luôn cả những người ấy chắc chắn có thể dứt bỏ khổ đau. Luôn cả những người ấy: Các Sát-đế-lỵ9 các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vi xuất gia, chư thiên và loài người. Có thể dứt bỏ khổ đau: Họ có thế dứt bỏ, có thể xua đi, có thể làm chấm dứt, có thể làm cho không còn hiện hữu khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, kho do sầu-bi-khổ-ưu-não. "Luôn cả những người ấy chắc chắn có thể dứt bỏ khổ dàu" là như thế. Những người nào, thưa bậc Hiền trí, được Ngài giáo huấn không ngừng nghỉ. Những người nào: Các Sát-đê-lỵ, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người. Ngài: Nói đến đức Thế Tôn. Bậc Hiên trí: Bản thê hiên trí nói đên trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyên luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

7 Xem chú thích 2 ở trang 438. (ND)

TIÊU DIỄN GIẢI 513

Giáo huấn không ngùng nghỉ: Là có thể giáo huấn không ngừng nghí, có thể giáo huấn một cách nghiêm trang, có thể giáo huấn thường xuyên, có thể giáo huấn, có thể chỉ dạy lần này đến lần khác. "Những người nào, thưa bậc Hiền trí, được Ngài giáo huấn không ngừng nghi" là như thế. Vì thế, thưa bậc Long Tượng/ sau khỉ gặp Ngài, con xin kính lễ Ngài. Ngài: Nói đến đức Thế Tôn. Con xin kính lễ: Con kính lễ bằng thân, hoặc con kính lễ bằng lời nói, hoặc con kính lễ bằng tâm, hoặc con kính lễ với sự thực hành thuận theo đạo lý, hoặc con kính lễ với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, con thể hiện sự trọng vọng, con thể hiện sự cung kính, con sùng bái, con cúng dường. Sau khi

gặp: Là sau khi biết, sau khi thấu hiểu, sau khi gặp mặt, sau khi đi đến bên cạnh, con trực tiếp kính lễ Ngài. Bậc Long Tượng: bậc Long Tượng là [nói đến] đức Thế Tôn. không làm điều tội lỗiy là bậc Long Tượng, không đi đến,, là bậc Long Tượng, "vị không trở về" là bậc Long Tượng. "'Đức Thế Tôn không làm điều tội 16i" là bậc Long Tượng nghĩa là thế nào? Điều tội lỗi nói đến các ác bất thiện pháp, các điêu ô nhiêm đưa đên tái sanh, có sự phiên muộn, có két quả khô, đưa đên sanh-già-chết ở vị lai. 12. [Đức Thế Tôn nói: “Này Sabhiya] vị không làm bất cứ điều tội lỗi nào ở the gian, sau khi tháo gỡ tất cả các sự ràng buộc [và] các sự trói buộc, không bám víu vào bát cứ nơi đâu, đã được giải thoát, bậc Long Tượng, có bản thê như thế, được gọi là 'bậc Tự Tại \ "Đức Thế Tôn không làm điều tội loi99 là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy. "Bức Thế Ton không đi đến" là bậc Long Tượng nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn không đi đến sự thiên vị vì mong muốn, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đen sự thiên vị vì sợ hãi, không đi đên do tác động của luyên ái, không đi đên do tác động của sân hận, không đi đên do tác động của si mê, không đi đên do tác động của ngã mạn, không đi đên do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi di, không bị mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm. “Bức Thế Tôn không đi đến" là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy. "Bức Thế Tôn không trở về" là bậc Long Tượng nghĩa là thế nào? Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhập lưu, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại. Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo

8 “Thua bậc Long Tượng,, được dịch từ chữ nāgā theo văn bản Miến Điện và PTS. (ND)

9 SuttanipâtapãỊi (Kinh tập), TTPV, tập 29, trang 159, câu kệ 525. (ND)

Nhất lai... bởi đạo Bất lai... bởi đạo A-la-hán, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại. "Bức Thế Tôn không trở về" l bậc Long Tượng nghĩa là như vậy. "Vi thế, thưa bậc Long Tượng, sau khi gặp Ngài, con xin kính lễ Ngài” là như thế. Mong sao đức Thê Tôn sẽ giáo huân con không ngùng nghỉ: Mong sao đức Thế Tôn có thể giáo huấn con không ngừng nghỉ, có thể giáo huấn một cách nghiêm trang, có thể giáo huấn thường xuyên, có thể giáo huấn, có thể chỉ dạy lần này đến lần khác. "Mong sao đức Thế Tôn sẽ giáo huấn con không ngừng nghỉ^, là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: "Những người nào, thưa bậc Hiên trí, được Ngài giảo huân không ngừng nghỉ, luôn cả những người ấy chắc chắn có thể dứt bỏ khổ đau, Vì thế, thưa bậc Long Tượng, sau khỉ gặp Ngài, con xin kỉnh lê Ngài. Mong sao đức Thê Tôn sẽ giáo huấn con không ngừng nghí "

4.11. Vỉ Bà-la-môn nào mà ngươi có thể biết rõ là bậc đã đạt được sự hiểu , r ĩ biêt, không còn vướng bận, không bi đỉnh mác ở dục và hữu, vị ây đương nhiên đã vượt qua dòng lũ này và đã vượt qua đen bờ kia, không còn sự cứng cỏi [của tâm], không còn nghi ngờ. Vi Bà-la-môii nào mà ngươi có thể biết rõ là bậc đã đạt được sự hiểu biết Vi Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân

được loại trừ, sự hoài nghi được loại trừ, sự bám víu vào giới và phận sự được loại trừ, luyến ái được loại trừ, sân hận được loại trừ, si mê được loại trừ, ngã mạn được loại trừ. Đoi với người này, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được loại trừ. 13. [Đức Thế Tôn nói: “Này Sabhiya] sau khi loại trừ tất cả các điều ác, là người không còn vết nhơ, tốt lành, định tĩnh, có bản thân vững chãi, vị ấy đã vượt qua luân hồi, có sự toàn hảo, không nương nhờ, tự tại, vi ấy được gọi là Bà-la-môn." Bậc đã đạt được sự hiểu biết: Sự hiểu biết nói đến trí ở bốn đạo,... (nt)... vị đã vượt qua mọi kiến thức, vi ấy là ubậc đã đạt được sự hiểu biết.,, Ngươi có thể biết rõ: Ngươi có thể biết rõ, có thể hiểu, có thể nhận thức, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt. Bà-la-môn nào mà ngươi có thể biết rõ là bậc đã đạt được sự hiểu biết" là như thế. Không còn vướng bận, không bỉ dính mắc ờ dục và hữu.

TIỂUDIỄNGIẢI^ 515

Không còn vướng bận: Luyến ái là vướng bận,10 sân hận là vướng bận, si mê là vướng bận, ngã mạn là vướng bận, tà kiến là vướng bận, ô nhiễm là vướng bận, uế hạnh là vướng bận. Đối với vị nào, các vướng bận này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không còn vướng bận. Dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)..• Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Hữu: Có hai sự hiện hữu: Sự hiện hữu do nghiệp và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. ... (nt)... cái này là sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. Không còn vướng bận, không bị dính mắc ờ dục và hữu: Người không còn vướng bận, không bị dính mác, không bị máng vào, không bi vướng vào, không bi giữ lại ở dục và hữu, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, đang sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Không còn vướng bận, không bị dính mắc ở dục và hữu” là như thế. Vi ấy đương nhiên đã vượt qua dòng lũ này. Đương nhiên: Từ "addhā" này là lời nói nhất định,... (nt)... lời nói khẳng định. Dòng lũ: Dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh. Đã vượt qua: Đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi. ấy đương nhiên đã vượt qua dòng lũ này” là như thế. Và đã vượt qua đến bờ kia, không còn sự cứng cỏi [của tâm], không còn nghi ngờ. Đã vượt qua: Đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua mọi nẻo đường luân hồi, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, đã hoàn mãn cuộc hành trình, đã hoàn mãn hướng di, đã đi đến điểm cuối cùng, đã hộ trì Phạm hạnh, đã đạt đến kiến tối thượng, đã tu tập đạo lộ, đã dứt bỏ ô nhiễm, đã thấu triệt sự không xao động, đã chứng ngộ diệt đế. Đối với vị ấy, khổ đã được biết toàn diện, tập đã được dứt bỏ, đạo đã được tu tập, diệt đã được chứng ngộ, điều cần được biết rõ đã được biết rõ, điều cần được biết

10 Akiñcanam'. Được ghi nghĩa là ukhông còn vướng bân,5 dựa vào sự giải thích của Chú giải ^rāga-kiñcananti râgapalibodharn9\ thay vì nghĩa 4tkhông có gì, vô sở hưu^^ như đã gặp ở các nơi khác. (ND) ” '

toàn diện đã được biết toàn diện, điều cần được dứt bỏ đã được dứt bỏ, điều cần được tu tập đã được tu tập, điều cần được chứng ngộ đã được chứng ngộ. Vị ấy đã hất tung rào chắn [vô minh], đã san lấp mương rãnh [luân hồi tái sanh], đã nhổ lên cột trụ [tham ái], không còn chốt cửa, là Thánh thiện, đã hạ xuống ngọn cờ [ngã mạn], đã đặt xuống gánh nặng, đã tháo khỏi ách, đã dứt bỏ hẳn ngũ dục, đã thành tựu sáu căn, có một sự bảo hộ [niệm], có bôn sự nâng đỡ,11 đã xua đi sự độc đoán, có sự tầm cầu đã được hoàn toàn cởi bỏ5 có tâm tư không bị xáo trộn, có thân hành đã được an tịnh, có tâm khéo được giải thoát, có tuệ khéo được giải thoát, có sự toàn hảo, đã được hoàn mãn, là con người tối thượng, con người tột đỉnh, đã đạt được sự thành đạt tột đỉnh. Vi ấy không tích lũy [nghiệp] cũng không loại trừ, tồn tại sau khi đã loại trừ [ô nhiễm]; không dứt bỏ [ô nhiễm] cũng không chấp thủ, tồn tại sau khi đã dứt bỏ; không tự kết nối [tham ái] cũng không tháo gỡ, tồn tại sau khi đã tháo gỡ; không dập tắt [lửa phiền não] cũng không đốt cháy, tồn tại sau khi đã dập tắt; tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về giới uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về định uẩn của bậc Vô học,..(nt)... về tuệ uân của bậc Vô học,..(nt).. vê giải thoát uân của bậc Vô học,... (nt)... vê giải thoát tri kiến uẩn1112 của bậc Vô học; tồn tại sau khi đã thấu suốt chân lý, tồn tại sau khi đã vượt qua hẳn dục vọng, tồn tại sau khi đã trấn áp lửa phiền não, tồn tại do không xoay vòng [ở luân hồi], tồn tại sau khi đã thọ trì lời giảng, tồn tại do thân cận với giải thoát, tồn tại với sự thanh tịnh của từ, tồn tại với sự thanh tinh của bi... (nt)... của hỷ... (nt)... của xả, tồn tại với sự thanh tinh tột cùng, tồn tại với sự thanh tịnh của trạng thái không còn tham ái, tà kiến, và ngã mạn, tồn tại với trạng thái đã được giải thoát, tồn tại với trạng thái đã được hài lòng, tồn tại trong giai đoạn cuối của các uẩn, tồn tại trong giai đoạn cuối của các giới, tồn tại trong giai đoạn cuối của các xứ, tồn tại trong giai đoạn cuối của cảnh giới tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự nối liền tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự hiện hữu, tồn tại trong giai đoạn cuối của luân hồi, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự luân chuyển, tồn tại trong sự hiện hữu cuối cùng, tồn tại trong thân xác cuối cùng, với việc duy trì thân xác cuối cùng, là vị A-la-hán. 14. ^Đối với vi ấyf đây là lần cuối cùng, thân xác này là sau chót, việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đổi với vỉ ấy." Và đã vượt qua đến bờ kia: Bờ kia nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Vị ấy đã đi đến bờ kia, đã đạt đến bờ kia, đã đi đến điểm cuối, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đĩĩứi, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt

11 Bốn sự nâng đỡ (caturāpasseno)'. uVị Tỳ-khưu sau khi suy xét rồi thọ dụng, sau khi suy xét rồi chịu đựng, sau khi suy xét rồi ưánh xa, sau khi suy xét rồi xua đuổi,, (D. 33, Sañgitisuttam). 12 Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương tựa, đã đạt đến nơi nương tựa, đã đi đến nơi tru ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn? đã đạt đến Niết-bàn. Vi ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,...(nt).. việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy. “Và đã vượt qua đến bờ kia” là như thế. Không còn sự cứng cỏi [của tâm]: Luyến ái là sự cứng cỏi, sân hận là sự cứng cỏi, si mê là sự cứng cỏi, giận dữ là sự cứng cỏi, thù hằn là sự cứng cỏi,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là các sự cứng cỏi. Đối với người nào, các sự cứng cỏi này đã được dứt bỏ? đã được trừ tuyệt, đã được vắng lăng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không còn sự cứng cỏi [của tâm]. Không còn nghi ngờ: Nghi ngờ về khổ, nghi ngờ về nhân sanh khổ, nghi ngờ về sự diệt tận khổ, nghi ngờ vê sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, nghi ngờ về điểm khởi dầu, nghi ngờ về điểm kết thúc, nghi ngờ về điểm khởi đầu và điểm kết thúc, nghi ngờ về các pháp tùy thuận duyên khởi này; sự nghi ngờ nào có hình thức như vậy là biểu hiện nghi ngờ, trạng thái nghi ngờ, sự nhầm lẫn, sự hoài nghi, sự lưỡng lự, sự phân vân, sự ngờ vực, sự không nắm chắc, sự không quyết định, sự không quả quyết, sự không thể xác quyết, trạng thái sửng sốt, sự bối rối của tâm. Đối với vị nào, các nghi ngờ này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vi ấy được gọi là không còn nghi ngờ. uVà đã vượt qua đến bờ kia, không còn sự cứng cỏi [của tâm], không còn nghi ng&” là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Vị Bà-la-môn nào mà ngươi có thê biêt rõ là bạc đã đạt được sự hiêu biêt, không còn vướng bận, không bỉ đỉnh mắc ở dục và hữu, vị ấy đương nhiên đã vượt qua dòng lũ này và đã vượt qua đen bờ kia, không còn sự cứng cỏi [của tâm], không còn nghi ngờ,"

4.12. Và người nào ở nơi này có sự hiêu biêt, là bậc đã đạt được sự hiêu biêt, sau khi tháo gỡ sự quyến luyến này ở hữu và phi hữu, người ấy có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, không có mong cầu, Ta nói rang, người ấy đã vượt qua sanh và già. Và người nào ờ nơi này có sự hiểu biết, là bậc đã đạt được sự hiểu biết. Có sự hiểu biết: Có sự hiểu biết là đã đạt đến kiến thức, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh. Người nào: Người nào là người như thế,... (nt)... hoặc là vị thiên nhân, hoặc là người nhân loại.

Bậc đã đạt được sự hiểu biết: Các sự hiểu biết nói đến trí ở bốn đạo, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp giác chi, sự thẩm xét, sự thấy rõ, chánh kiến. Với các sự hiểu biết ấy, [vj ấy] đã đi đến điểm cuối đối với sanh-già-chết, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương tựa, đã đạt đến nơi nương tựa, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi khônẹ sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi

đến bất tử, đã đạt đến bát tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. "Người đã đi đến điểm cuôi của các sự hiên biêt" là bậc đã đạt được sự hiêu biêt, hoặc "người đã đi đên điểm cuối nhờ vào các sự hiểu biết" là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc do trạng thái đã hiên biêt vê bảy pháp: Sự nhận thức sai trái vê thân đã được hiên biết, sự hoài nghi đã được hieu biết, sự bám víu vào giới và phận sư đã được hiểu biết, sự luyến ái... sân hận... si mê... ngã mạn đã được hiểu biết; đối với người này, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được hiểu biết. 15. [Đức Thế Tôn nói: “Này Sabhiya] vị đã suy gẫm toàn bộ các loại kiến thức thuộc về các Sa-môn, thuộc về các Bà-ỉa-môn, vị đã xa lìa sự luyến ải ở tất cả các cảm thọ, vi đã vượt qua mọi kiến thức, vi ấy là 'bậc đã đạt được sự hiểu biết. Người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, con người, người đi theo nghiệp, sinh vật, nhân loại. ở nơi này: ở quan điểm này,... (nt)... ở thế giới loài người này. uVà người nào ở nơi này có sự hiểu biết, là bậc đã đạt được sự hiểu biết" là như thế. Sau khi tháo gỡ sự quyến luyến này ờ hữu và phỉ hữu. ở hữu và phi hữu: ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lan nữa là dục giới, ở sự hiện hữu của nghiej) là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự hiện hữu được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tái sanh của bản thân được lặp đi lặp lại. Sự quyến luyến: Có bảy sự quyến luyến: Quyến luyến do luyến ái, quyến luyến do sân hận, quyến luyến do si mê, ạuyến luyến do ngã mạn, quyến luyến do tà kiến, quyến luyến do ô nhiễm, quyến luyến do uế hạnh. Sau khi tháo gỡ: Sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự quyến luyến; hoặc là sau khi tháo rời hoặc sau khi tháo gỡ các sự quyến luyến, các vật đã bị buộc trói, đã bị trói buộc, đã bị cột trói, các vật đã bị máng vào, đã bị vướng vào, đã bị giữ lại, các sự trói chặt. Giống như người thực hiện sự tháo gỡ, phá vỡ cái kiệu khiêng, cỗ xe, xe tải, hoặc xe kéo đã được ráp lại; tương tự như vậy,

TIÊUDIỄNGIẢI^ 519

sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo ẹỡ các sự quyến luyến, hoặc là sau khi tháo rời, sau khi tháo gỡ các sự quyến luyển, các vật đã bi buộc trói, đã bị trói buộc, đã bị cột trói, các vật đã bị máng vào, đã bị vướng vào, đã bị giữ lại, các sự trói chặt. "Sau khi tháo gỡ sự quyến luyến này ở hữu và phi hữu" là như thế. Người ấy có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, không có mong cầu, Ta nói rằng, người ấy đã vượt qua sanh và già. Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt).. tham ái cảnh pháp. Đối với người nào, các tham ái này là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là có tham ái đã được xa lìa, có tham ái đã được tách lìa, có tham ái đã được từ bỏ, có tham ái đã được tây trừ, có tham ái đã được giải thoát, có tham ái đã được dứt bỏ, có tham ái đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ? không còn khao khát, được tịch tịnh, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với

trạng thái cao thượng tự thân. "Ngươi ấy có tham ai đã được xa iia" la như thế. Không còn phiền muộn: Luyến ái là phiền muộn, sân hận là phiền muộn, si mê là phiền muộn, giận dữ là phiền muộn, thù hằn là phiền muộn,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là phiền muộn. Đối với người nào, các phiền muộn này đã được dứt b6, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lăng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không còn phiền muộn. Không có mong cầu: Sự mong cầu nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyên ái mãnh liệt,... (nt)... tham đăm, tham, cội nguồn của bát thiện. Đối với riỆười nào, các sự mong cầu này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được văng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không có mong cầu. Sanh: Sự sanh ra, sự sanh khởi, sự nhập thai, sự phát sanh, sự xuất hiện của các uẩn, sự đạt được các xứ ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác. Già: Sự suy tàn, trạng thái già nua, tình trạng răng long, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ suy giảm, sự hư hoại của những giác quan ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác. Người ấy có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, không có mong cầu, Ta nói rằng, người ấy đã vượt qua sanh và già: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Người nào có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, và không có mong cầu, người ấy, quả thật, đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết/9 "Người ây có tham ái đã được xa lìa, không còn phiên muộn, không có mong cầu, Ta nói rằng, người ấy đã vượt qua sanh và già" là như thế.

-T T\ ri Á .X / . rpl Á rp/\ ma s L : w Vì the, đức The Ton đã noi răng: i(Va người nào ở nơi này, có sự hiểu biết, là bậc đã đạt được sự hiểu biết, sau khi tháo gỡ sự quyến luyến này ở hữu và phi hữu, người ấy có tham ải đã được xa lìa, không còn phiền muộn, không có mong cau, Ta nói rằng, người ấy đã vượt qua sanh và g" Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt).."Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.,, uDiễn giải kỉnh Mettagũ95 là thứ tư.

5. DIỄN GIẢI KINH DHO1AKA (DHOTAKASUTTANIDDESO)

5.1. [Tôn giả Dhotaka noi rằng:] "Thưa đức Thể Tôn, con hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời con về điều này. Thưa bậc Đại Ẩn Sĩf con mong mỏi lời nói của Ngài. Sau khi lăng nghe lời tuyên bô của Ngài, con có thê học tập vê sự tịch diệt cho bản thân." Thưa đức Thế Tôn, con hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời con về điều này. Câu hỏi: Có ba loại câu hỏi: Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy, câu hỏi để trao đổi điều đã thấy, câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn.... (nt)... Đây là ba loại câu hỏi.... (nt)... câu hỏi về Niết-bàn. Con hỏi Ngài: Con hỏi Ngài, con yêu câu Ngài, con thỉnh câu Ngài, con đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho con. "Con hỏi Ngài" là như thế. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế I^n." Xin Ngài hãy trả lời con về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn

đinh, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ9 hãy bày tỏ. "Thưa đức Thế Tôn, con hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời con về điều này" là như thế. Tôn giả Dhotaka nói rằng. Rằng: Là sự nối liền các câu văn,... (nt).. Tôn giả: Từ "āyasmā" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng. Dhotaka: Là tên của vi Bà-la-môn ây, là sự ân định, sự chỉ đinh, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi? sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi. "Tôn giả Dhotaka nói lẳng" là như thế. Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, con mong mỏi lòi nói của Ngài: Con chờ đợi, con mong mỏi, con ước muốn, con ưng thuận, con ước nguyện, con mong cầu, con nguyện cầu lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời chỉ dạy, lời khuyên bảo của Ngai. Bậc Đại Ẩn Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ẩn Sĩ. uVị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ.... (nt)... Đấng Nhân Ngưu ngự ở(fâu?" là bậc Đại Ẩn Sĩ. J

522 KINH TIÊU Bộ

"Thua bậc Đại Ần Si, con mong mỏi lời nói của Ngài" là như thế. Sau khi lắng nghe lỉri tuyên bố của Ngài: Sau khi lắng nghe, sau khi nghe được, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi nhận định lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời Idiuyên bảo của Ngài. "Sau khi lắng nghe lời tuyên bố của Ngài" là như thế. Con có thể học tập về sự tịch diệt cho bản thân. 'v e • Sự học tập: Có ba sự học tập: Học tập vê thăng giới, học tập vê thăng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập về thắng tuệ. Sự tịch diệt cho bản thân: Nhằm làm cho tịch diệt sự luyến ái của bản thân, nhằm làm cho tịch diệt sân hận, nhằm làm cho tịch diệt si mê, nhằm làm cho tịch diệt sự giận dữ, nhằm làm cho tịch diệt sự thù hằn... (nt).. nhăm sự yên lặng, nhăm sự yên tịnh, nhăm làm văng lặng, nhăm làm cho tịch diệt, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh tất cả các pháp tạo tác bất thiện, nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, thì nên học tập; trong khi biết, thì nên học tập; trong khi thấy, thì nên học tập; trong khi quán xét lại, thì nên học tập; trong khi quyết định tâm, thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin, thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn, thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm, thì nên học tập; trong khi tập trung tâm, thì nên học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ, thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ, thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện, thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ, thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập, thì nên học tập; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng. "Con có thể học tập về sự tịch diệt cho bản than" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Dhotaka nói rằng:] "Thưa đức Thế Tôn, con hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời con về điều này, Thưa bậc Đại An Sĩ, con mong mỏi lời nỏi của Ngài. Sau khi lăng nghe lời tuyên bô của Ngài, con có thê học tập vê sự tịch diệt cho bản thân."

5.2. [Đức Thế Tôn nói: (íNày Dhotaka] chỉnh vì điều ẩy ngươi hãy thực hiện sự nhiệt tâm, ngay tại nơi này, hãy là người có sự chỉn chăn, có niệm. Sau khi lắng nghe lời tuyên bổ từ nơi đây, nên học tập về sự tịch diệt cho bản thân." Chính vì điều ấy ngươi hãy thực hiện sự nhiệt tâm: Ngươi hãy thực hiện sự nhiệt tâm, hãy thực hiện sự gắng sức, hãy thực hiện sự ráng sức, hãy thực hiện sự dõng mãnh, hãy thực hiện nghị lực,

hãy thực hiện sự tinh tấn, hãy làm

TIÊU DIỄN GIẢI 523

sanh ra, hãy làm sanh khởi, hãy lập nên, hãy thiết lập, hãy làm hạ sanh, hãy làm phát sanh sự mong muốn. "Chính vì điều ấy ngươi hãy thực hiện sự nhiệt tâm" là như thế. Đức Thế Tôn nói: Này Dhotaka. Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính..(nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế l^n." "Bức Thế Tôn nói: Này Dhotaka" là như thế. Ngay tại noi này, hãy là người có sự chín chắn, có niệm. Tại nơi này: ở quan điểm này, ở sự chấp nhận này, ở sự ưa thích này, ở sự nắm giữ này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở giáo lý này, ở Phạm hạnh này, ở lời dạy này của bậc Đạo sư, ở bản thân này, ở thê giới loài người này. Người có sự chín chắn: Là người chín chắn, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... vị ấy được gọi là có niệm. e e r e r

"Ngay tại nơi này, hãy là người có sự chín chăn, có niêm" là như thê. Sau khi lắng nghe lời tuyên bố từ nơi đây: Sau khi lắng nghe, sau khi nghe được, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi nhận đinh lời nói, lời phát biêu, lời chỉ bảo, lời Idiuyên bảo của Ta từ nơi đây. "Sau khi lắng nghe lời tuyên bố từ nơi dây" là như thế. Nên học tập về sự tịch diệt cho bản thân. Sự hoe tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập về thắng tuệ. Sự tích diệt cho bản thân: Nhằm làm cho tịch diệt sự luyến ái của bản thân, nhăm làm cho tịch diệt sân hận, nhằm làm cho tịch diệt si mê, nhằm làm cho tịch diệt sự giận dữ, nhằm làm cho tịch diệt sự thù hằn... (nt)... nhằm sự yên lặng, nhằm sự yên tịnh, nhằm làm vắng lặng, lứiằm làm cho tịch diệt, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh tất cả các pháp tạo tác bất thiện, nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, thì nên học tập; trong khi biết, thì nên học tập;... (nt).. trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng. uNên học tập về sự tịch diệt cho bản thân,, là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: [Đức Thế Tôn nói: "Này Dhotaka] chỉnh vì điều ấy ngươi hãy thực hiện sự nhiệt tâm, ngay tại nơi này, hãy ỉa người có sự chín chan, có niệm. Sau khi lang nghe lời tuyên bổ từ nơi đây, nên học tập về sự tịch diệt cho bản thân."

524 KINH TIỂU Bộ

T Ấ 9 1 Ả r 9 1 T/\l\\

5.3. "Con nhìn thầy ở thê giới của chư thiên và loài người, vi Bà-la-môn không còn vướng bận, đang sỉnh hoạt [trong bổn oai nghi]. Vì thế, thưa bậc Toàn Nhãn, con xỉn kính le Ngài. Thưa vi dòng Sakya, xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các noi nghỉ hoặc." Con nhìn thấy ờ thế giới của chư thiên và loài người. Chư thiên: Có ba hạng chư thiên: Chư thiên do chế định, chư thiên do tái sanh, chư thiên do thanh tịnh. Chư thiên do chế đinh là những ai? Chư thiên do chế định nói đến các vị vua, các hoàng tử và các

hoàng hậu; những người này là chư thiên do chế định. Chư thiên do tái sanh là những ai? Chư thiên do tái sanh nói đến chư thiên cối Tứ Đại Thiên Vương, chư thiên cõi Đạo-lợi, chư thiên cõi Dạ-ma, chư thiên cõi Đẩu-suất, chư thiên cõi Hóa Lạc, chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại, chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên, và chư thiên nào vượt lên trên cõi ấy; các vị này là chư thiên do tái sanh. Chư thiên do thanh tịnh là những ai? Chư thiên do thanh tịnh nói đến các đệ tử của đức Như Lai là các vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt, và các vi Phật Độc Giác; các vị này là chư thiên do thanh tịnh. Đức Thế Tôn là vị thiên nhân trong số chư thiên do chế đinh, trong số chư thiên do tái sanh, và trong số chư thiên do thanh tịnh, là vị thiên nhân vượt trội, là vị thiên nhân vượt trội của chư thiên, là con sư tử vượt trội của loài sư tử, là con voi vượt trội của loài voi, là người có đồ chúng vượt trội trong số các vị có đồ chúng, là bậc Hiền trí vượt trội trong số các bậc Hiền trí, là vi vua vượt trội trong so các vị vua. Con nhìn thấy ờ thế giói của chư thiên và loài người: ở thế giới loài người, con nhìn thấy vị thiên nhân, con nhìn thấy vị thiên nhân vượt trội, con nhìn thấy vị thiên nhân vượt úội của chư thiên, con nhận thấy, con quan sát, con suy xét, con khảo sát. “Con nhìn thấy ở thế giới của chư thiên và loài người" là như thế. Vi Bà-la-môn không còn vướng bận, đang sinh hoạt [trong bốn oai nghi]. Không còn vướng bận: Luyên ái là vướng bận, sân hận là vướng bận, si mê là vướng bận, ngã mạn là vướng bận, tà kiên là vướng bận, ô nhiễm là vướng bận, uế hạnh là vướng bận. Đối với đức Phật, đối với đức Thế Tôn? các vướng bận này đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lia, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bi làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Thế Tôn là Idiông còn vương bận. Vi Bà-ỉa-môn: Đức Thế Tôn là vị Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ, sự hoài nghi được loại trừ, sự bám víu vào giới và phận sự được loại trừ, luyến ái được loại trừ, sân hận được loại trừ, si mê được loại trừ, ngã mạn được loại trừ; đối với Ngài, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được loại trừ. 1. [Đức Thế Tôn nói: “Này Sabhiya] sau khi loại trừ tất cả các điều ácf là người không còn vết nhơ, tốt lành, định tĩnh, có bản thân vững chãi, vỉ ấy đã

vượt qua luân hồi, có sự toàn hảo, không nương nhờ, tự tại, vi ẩy được gọi là Bà-la-môn." Đang sinh hoạt [trong bốn oai nghỉ]: Đang thực hành, đang tru ngu, đang sinh hoạt, đang vận hành, đang bảo hộ, đang nuôi dưỡng, đang bảo dưỡng. "Vị Bà-la-môn không còn vướng bận, đang sinh hoạt [trong bốn oai nghi]^, là như thế. Vì thế, thưa bậc Toài! Nhãn, con xin kính lễ Ngài. Ngài: Nói đến đức Thế Tôn. Con xin kính lễ: Con kính lễ bằng thân, hoặc con kính lễ bằng lời nói, hoặc con kính lễ bằng tâm, hoặc con kính lễ với sự thực hành thuận theo đạo lý, hoặc con kính lễ với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, con thể hiện sự trọng vọng, con thể hiện sự cung kính, con sùng bái, con cúng dường. Bậc Toàn Nhãn: Toàn nhãn nói đến trí toàn giác. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu với trí toàn giác. r y

2. "D6i với Ngài, không cỏ bát cứ điêu ẸÌ ở nơi đây là không được nhìn thấy, không được nhận thức, hoặc không thê biêt được. Điều nào có thể biết được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn. ” "Vi thế, thưa bậc Toàn Nhãn, con xin kính lễ Ngài" là như thế. Thưa vi dòng Sakya, xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các nỗi nghi hoặc. Vi dòng Sakya: Đức Thế Tôn là vi dòng Sakya, ''người đã xuất gia từ gia tộc Sakya" là vị dòng Sakya. Hoặc là, "người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn" là vi dòng Sakya. Vị ấy sở hữu các tài sản này, tức là: Tài sản về đức tin, tài sản về giới, tài sản về ho thẹn [tội lỗi], tài sản về ghê sợ [tội lỗi], tài sản về kiến thức, tài sản về xả thí, tài sản về trí tuệ, tài sản ve thiết lập niệm, tài sản về chánh cần, tài sản về nền tảng của thần thông, tài sản về quyền, tài sản về lực, tài sản về yếu tố đưa đến giác ngộ, tài sản về Đạo, tài sản về Quả, tài sản về Niết-bàn; ungười sở hữu tài sản, giàu c6, có tài sản lớn với các tài sản và bảo vật nhiều loại này99 là vị dòng Sakya. Hoặc là, "vi có đủ sức, có năng lực, có tiềm lực, có khả năng, dũng cảm, anh hùng, quả cảm, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lia" là vi dòng Sakya. Nghi hoặc: Nói đến hoài nghi, sự nghi ngờ về khổ, nghi ngờ về nhân sanh khô, nghi ngờ vê sự diệt tận khô, nghi ngờ vê sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, nệhi ngờ về điểm khởi đầu, nghi ngờ về điểm kết thúc, nghi ngờ về điểm khởi đâu và điểm kết thúc, nghi ngờ về các pháp tùy thuận duyên khởi này; sự nghi ngờ nào có hình thức như vậy là biêu hiện nghi ngờ, trạng thái nghi nệờ5 sự nhầm lẫn, sự hoài nghi, sự lưỡng lự, sự phân vân, sự ngờ vực, sự không năm

chắc, sự không quyết đinh, sự không quả quyết, sự không thể xác quyết, trạng thái sửng sốt, sự bối rối của tâm. Thưa vi dòng Sakya, xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các nỗi nghi hoặc: Xin Ngài hãy cứu thoát con, hãy giải thoát cho con, hãy giúp cho con được cứu thoát, hãy ẹiúp cho con được giải thoát, hãy nâng con lên, hãy nâng bổng con lên, hãy nhấc con lên khỏi mũi tên nghi hoặc. "Thua vị dòng Sakya, xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các nỗi nghi hoặc,9 là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: "Con nhìn thay ở the giới của chư thiên và loài người, vị Bà-la-môn không còn vướng bân, đang sinh hoạt [trong bon oai nghi]. Vì thế, thưa bậc Toàn Nhãn, con xin kỉnh le Ngài. Thưa vị dòng Sakyaf xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các nỗi nghi hoặc."

5.4. Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát Bất cứ người nào ở the gian có noi nghi hoặc, này Dhotaka. Nhưng trong khi hiểu được giảo pháp tối thượng, Như vậy ngươi có the vượt qua dòng lũ này. Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát: Ta không có thể giải thoát cho ngươi, giải phóng cho ngươi, giúp cho ngươi được giải thoát, giúp cho ngươi được giải phóng, nâng ngươi lên, nâng bổng ngươi lên, giúp cho ngươi được nhấc lên, giúp cho ngươi được nhấc bổng lên khỏi mũi tên nghi hoặc. "Ta sẽ không có khả năng ve việc giúp cho giải thoWt" là như vậy. Hoặc là, Ta không đi đên, không tự mình đi đên, không găng sức, khônạ tinh tấn, không thể hiện sự gắng sức, không thể hiện sự ráng sức, không the hiện sự dõng mãnh, không thể hiện nghi lực, không thể hiện sự tinh tấn, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ

sanh, không làm phát sanh sự mong muốn đối với việc thuyết giảng giáo pháp cho người không có đức tin, không có nguyện vọng, biếng nhác, có sự tinh tấn thấp kém, không chịu thực hành. "Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoaf9 còn là như vậy. Hoặc là, không có kẻ nào khác là người giúp cho giải thoát. Nếu những người ấy có thể giúp cho [bản thân được] giải thoát thì họ có thể giúp cho [bản thân được] giải thoát bằng sức mạnh của mình, bằng năng lực của mình, bằng sự tinh tấn của mình, bằng sự nỗ lực của mình, bằng sức mạnh nam nhân của mình, bằng năng lực nam nhân của mình, bằng sự tinh tấn nam nhân của mình, bằng sự nỗ lực nam nhân của mình, trong khi họ tự thân thực hành sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp. "Ta sê không có khả năng về việc giúp cho giải thoái5 còn là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

TIỂU DIỄN GIẢI 527

"Này Cunda, thật vậy kẻ ấy, tự thân đã bị lún ở bãi lầy, sẽ nâng lên kẻ khác đã bị lún ở bãi lầy, sự kiện này không thể có được. Này Cunda, thật vậy kẻ ấy, tự thân không được thuần phục, không được huấn luyện, không được hoàn toàn tịch diệt, sẽ thuần phục, sẽ huấn luyện, sẽ giúp cho kẻ khác hoàn toàn tịch diệt, sự kiện này không thể có được.,^ "Ta sẽ không có khả năng vê việc giúp cho giải thoát" còn là như vậy. Bởi vì điêu nay đã được đức The Ton noi đen: 3. ^Việc ác đã được làm bởi chỉnh bản thân, bởi bản thân mà trở thành ô nhiễm. Việc ác đã không được làm bởi bản thân, bởi chỉnh bản thân mà trở thành trong sạch. Trong sạch [hay] không trong sạch tùy thuộc vào bản thân, không ai có the làm cho người khác trở thành trong sạch." "Ta sẽ không có khả năng vê việc giúp cho giải thoát" còn là như vậy. Bởi vì điêu nay đã được đức The Ton noi đen: "Này Bà-la-môn, tương tự y như thế, Niết-bàn quả là có thật, con đường đưa đến Niết-bàn là có thật, Ta là người hướng dẫn là có thật, và hơn nữa các đệ tử của Ta, trong khi được Ta giáo huấn như vậy, trong khi được chỉ dạy như vậy, một số đệ tử đạt đến mục đích tột cùng là Niết-bàn, một số không đạt đến. Này Bà-la-môn, ở đây Ta làm được điều gì? Này Bà-la-môn? Như Lai là người chỉ đường. Chư Phật chỉ ra con đường. Chúng sanh, trong khi tự thân thực hành, thì có thể giải thoát?9 "Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát" còn là như vậy. Cho bất cứ người nào ờ thế gian có nỗi nghi hoặc, này Dhotaka: Cho người có nỗi nghi hoặc, có sự nghi ngờ, có sự bối rối, có sự lưỡng lự, cỏ sự hoài nghi. Cho bất cứ người nào: Cho bất cứ Sát-đế-l^9 hoặc Bà-la-môn? hoặc thương buôn, hoặc nô lệ, hoặc người tại gia, hoặc vị xuất gia, hoặc vi thiên nhân, hoặc người nhân loại. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh..(nt)... ở thế gian của các xứ. "Cho bất cứ người nào ở thế gian có nỗi nghi hoặc, này Dhotaka" là như thế. Nhưng trong khi hiểu được giáo pháp tối thượng: Giáo pháp tối thượng nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. . Tối thượng: Là giáo pháp cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý. Trong khi hiểu được: Trong khi hiểu được là trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt. "Nhưng trong khi hiểu được giáo pháp tối thượng“ là như thế. Như vậy ngươi có thể vượt qua dòng lũ này: Như thế ngươi có thể vượt

qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi dòng lữ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh. "Nhu vậy ngươi có thể vượt qua dòng lũ này" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Đức Thế Tôn nói: "Này Dhotaka] Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát bất cứ người nào ở the gian có noi nghi hoặc, này Dhotaka. Nhưng trong khi hiểu được giáo pháp toi thượng, như vây ngươi có the vượt qua dòng lũ này." y L

5.5. [Tôn giả Dhotaka nói răng:] {íThưa đang Phạm Thiên, xỉn Ngài hãy từ mẫn chỉ dạy pháp viễn ly để con có thể nhận thức được pháp ấy, theo đó, con ví như hư không, không bị xáo trộn, con có thể sổng ở chỉnh nơi này, được an tinh, không nương nhờ." Thưa đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy từ mẫn chỉ dạy. Thưa đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy chỉ dạy: Thưa đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy chỉ dạy; thưa đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy giúp đỡ; thưa đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy thương tưởng. "Thưa đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy chỉ dạy" là như thế. Từ mẫn: Trong lúc có lòng từ mẫn, trong lúc có lòng trắc ẩn, trong lúc bảo vệ, trong lúc giúp đỡ, trong lúc có lòng thương tưởng. "Thua đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy từ mẫn chỉ dạy" là như thế. Pháp viễn ly để con có thể nhận thức được pháp ấy: Pháp viễn ly nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lăng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đe con có thể nhận thức được pháp ấy: Đe con có thể biết, có thể hiểu, có thể nhận thức, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt, có thể chứng đắc, có thể chạm đến, có thể chứng ngộ pháp ấy. "Pháp viễn ly để con có thể nhận thức được pháp ấy" là như thế. Theo đó, con ví như hư không, không bị xáo trộn: Giống như hư không thì không bám víu, không nắm giữ, không bi trói buộc, không bị giữ lại, tương tự như vậy, con không bám víu, không nắm giữ, không bị trói buộc, không bi giữ lại. "Ví như hư không, không bị xáo trộn,, là như vậy. Giống như hư không thì không bị nhuốm màu bởi màu nâu cánh kiến, hoặc bởi màu vàng nghệ, hoặc bởi màu chàm, hoặc bởi màu đỏ sậm, tương tự như vậy, con không bị luyến ải, không bị sân hận, không bị mê mờ, không bị ô nhiễm. "Ví như hư không, không bị xáo tr0rT còn là như vậy. Giống như hư không thì không bực tức, không bất bình, không phản kháng, không làm tổn thương, tương tự như vậy, con không bực tức, không bất bình, không phản kháng, không làm tổn thương.

"Ví như hư không, không bị xáo trộn,5 còn là như vậy. Con có thể sống ờ chính noi này, được an tinh, không nương nhờ. ở chính noi này, được an tinh: Là trong khi được an tịnh ở chính nơi này, trong khi đang ngồi ở chính nơi này, trong khi đang ngồi ngay tại chỗ ngồi này, trong khi đang ngồi ngay tại hội chúng này. "d chính nơi này, được an tinh" là như vậy. Hoặc là, được an tịnh, được yên tịnh, được vang lặng, được tịch diệt, được tịch tịnh ở chính nơi này. "d chính nơi này, được an tịnh,, còn là như vậy. Không nirơng nhờ: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Sau khi dứt bỏ sự nương tựa vào tham ái, sau khi buông bỏ sự nương tựa

vào tà kiến, không nương tựa vào mắt, không nương tựa vào tai, không nương tựa vào mũi, không nương tựa vào lưỡi, không nương tựa vào thân, không nương tựa vào ý5 không nương nhờ các sắc,... các thinh,... các hương,... các vi,... các xúc,... các pháp,... gia tộc, đo chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đo ăn khất thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cối hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vi lai, hiện tại, điêu đã được thấy, điều đã được nghe, điều đã được cảm giác, điều đã được nhận thức, [không nương nhờ] tất cả các pháp, không nương tựa, không bám vào, không đến gần, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bi ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Con có thể sống: Con có thể thực hành, có thể trú ngụ, có thể sinh hoạt, có thể vận hành, có thể bảo hộ, có thể nuôi dưỡng, có thể bảo dưỡng. “Con có thê sông ở chính nơi này, được an tịnh, không nương nh&" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: fíThưa đấng Phạm Thiên, xin Ngài hãy từ mẫn chỉ dạy Pháp viên ly đê con có thê nhận thức được pháp âyf Theo đó, con ví như hư không, không bỉ xảo trộn, Con có thể sống ở chỉnh nơi này, được an tỉnh, không nương nhờ."

5.6. [Đức Thế Tôn nói: “Này Dhotaka] Ta sẽ giải thích cho ngươi ve sự an tinh, Ve pháp đã được thay, không phải do nghe nói lại; Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khỉ sống, Có the vượt qua sự vướng mắc ở the gian.ĩf Ta sẽ giải thích cho ngươi về sự an tinh: Ta sẽ giải thích, Ta sẽ giải bày, Ta sẽ chỉ dạy, Ta sẽ chỉ bảo, Ta sẽ thông báo, Ta sẽ ấn định, Ta sẽ khai mở, Ta

sẽ chia sẻ, Ta sẽ làm rõ, Ta sẽ bày tỏ vê sự an tịnh của luyên ái, vê sự an tịnh của sân hận, về sự an tịnh của si mê, về sự an tịnh của giận dữ, về sự an tịnh của thù hằn,... của gièm pha,... của ác ý,... của ganh tỵ,... của bon xẻn,... của xảo trá,... của lừa gạt,... của bướng bỉnh,... của hung hăng,... của ngã mạn,.. của cao ngạo, của đam mê,.. của xao lãng,, của tát cả ô nhiễm,... của tất cả uế hạnh,... của mọi sự lo lắng,... của mọi sự bực bội,... của mọi sự nónệ nảy,... của tất cả các pháp tạo tác bất thiện, về sự yên tịnh, về sự vắng lặng, vê sự tịch diệt, về sự tịch tinh. "Ta sẽ giải thích cho ngươi về sự an tjnh” là như thế. Đức Thế Tôn nói: Này Dhotaka. Dhotaka: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là uđức Thế Ton?9 "Đức Thế Tôn nói: Này Dhotaka^, là như thế. về pháp đã được thấy, không phài do nghe nói lại. về pháp đã được thấy: về pháp đã được thấy, về pháp đã được biết, về pháp đã được cân nhắc, về pháp đã được xác đinh, về pháp đã được rõ rệt, về pháp đã được minh định; ve pháp đã được thấy, về pháp đã được biết, về pháp đã được cân nhắc, về pháp đã được xác định, về pháp đã được rõ rệt, về pháp đã được minh định rằng: “Tất cả các hành là vô thuơng",...(nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." “về pháp đã được thấy" là như vạy. Hoặc là, Ta sẽ giải thích về khổ ở khổ đã được thấy, Ta sẽ giải thích về

táp ở nhân sanh khởi đã được thấy, Ta sẽ giải thích về diệt ở sự diệt tận đã được thấy, Ta sẽ giải thích về đạo ở đạo lộ đã được thấy. "V pháp đã được thấy" còn là như vậy. Hoặc là, về [pháp đã được thấy là] pháp hoàn toàn hiển nhiên, không bị chi phôi bởi thời gian, hãy đên và hãy thây, có khả năng dân dát vê hướng [Niết-ban]? và nên được hiểu biết tự cá nhân bởi các bậc trí tuệ. "về pháp đã được thấy" còn là như vậy. Không phải do nghe nói lại: Ta sẽ thuyêt giảng cho ngươi vê pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét lại, không do nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm. “về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại” là như thế. Sau khi hiểu pháp ấy, vi có niệm, trong khỉ sống: Sau khi làm cho pháp ấy được hiểu rõ5 sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác đinh, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thương"; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định,

TIÊU DIỄN GIẢI 531

sau khi làm rõ rệt rằĩìậ “Tất cả các hành là kh8",...(nt).."Tất cả các pháp là vô ng",...(nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tanh hoại diệt?9 Vi có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... vị ấy được gọi là có niệm. Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi tru ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng. "Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống" là như thế. Có thể vượt qua sự vướng mắc ờ thế gian: Sự vướng mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt) ... tham đắm, tham, cội nguồn cua bất thiển. Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì?... (nt)... "được trải rộng, được lan rOng" là vướng mắc. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ. Có thể vượt qua sự vướng mắc ờ thế gian: Sự vướng mắc này là ở ngay tại thế gian. Vị có niệm có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có • ? % • 9 • 9 ; 9 -t a • thê vượt qua han, có thê vượt qua khỏi sự vướng măc này ở ngay tại thê gian. "C6 thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian,, là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Đức Thế Tôn nói: “Này Dhotaka] Ta sẽ giải thích cho ngươi ve sự an tịnh, về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại; Sau khi hiểu pháp ấy, vi có niệm, trong khỉ sổng, Có the vượt qua sự vướng mắc ở the gian."

5.7. Và con thích thủ về điều ấy, Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, về sự an tinh tối thượng; Sau khi hiểu pháp ẩy, vi có niệm, trong khi sống, Có the vượt qua sự vướng mắc ở the gian. Và con thích thú về điều ấy. về điều ấy: Con vui thích, con thích thú, con vui mừng, con tùy hỷ; con ước muốn, con ưng thuận, con ước nguyện, con mong cầu, con nguyện cầu về lời nói, về lời phát biểu, về lòd chỉ bảo, về lời chỉ dạy, về lời khuyên bảo của Ngài. "Và con thích thú về điều ấy" là như thế. Thưa bậc Đại Ẩn Sĩ, về sự an tịnh tối thượng. Bậc Đại Ẩn Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ẩn Sĩ. đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao" là bậc Đại Ần Sĩ.... (nt).. Đấng Nhân Ngưu ngự ở đâu?^ là bậc Đại Án Sĩ.

về sự an tinh tối thượng: Sự an tinh nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Tối thượng: Là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn dầu, tối thượng, cao quý. "Thua bậc Đại Ẩn Sĩ, về sự an tịnh tối thượng55 là như thế. Sau khi hiểu pháp ấy, vi có nỉệm, trong khi sống: Sau khi làm cho pháp ấy được hiểu rõ?... (nt)...sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác đinh, sau khi minh đinh, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là vô thương" sau khi làm cho được hiêu rõ, sau khi cân nhăc? sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là kh6",...(nt)... "Tất cả các pháp là vô ngã^... (nt).. "Diều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại dief9 Vi có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt) ... vị ấy được gọi là có niệm. Trong khỉ sống: Là trong khi thực hành,... (nt)... trong khi bảo dưỡng. "Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi s6ng" là như thế. Có thể vượt qua sự vướng mắc ờ thế gian: Sự vướng mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)..tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiển. Sự vướng mác: Sự vướng măc với ý nghĩa gì?... (nt)... được trải rộng, được lan rộng,, là vướng mắc. *7^ r 9. r 9 -r

ơ thê gian: ơ thê gian của khô cảnh,... (nt)... ở thê gian của các xứ. Có thể vượt qua sự vướng mắc ờ thế gian: Sự vướng mắc này là ở ngay tại thế gian. Vi có niệm có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thê vượt qua hãn, có thê vượt qua khỏi sự vướng mác này ở ngay tại thê gian. "C6 thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: fiVa con thích thủ về điều ấy, Thưa bậc Đại An Sĩ, vê sự an tinh tôi thượng; Sau khỉ hiểu pháp ấyf vị có niệm, trong khi sống, Con có thê vượt qua sự vướng mác ở thê gian."

5.8. [Đức Thế Tôn nói: "Này Dhotaka] bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biết, bên trênf bên dưới, luôn cả be ngang và khoảng giữa, sau khi hiểu điều này là 'sự quyến luyến fở thế gian, ngươi chớ tạo ra tham ái ở hữu và phỉ hữu." Bất cứ điều gì mà nginri tự mình nhận biết: Bất cứ điều nào mà n^ươi tự mình nhận biết, ngươi hiểu, ngươi nhận thức, ngươi thừa nhận, ngươi thau triệt. "Bất cứ điều gì ma ngươi tự mình nhạn biếc la như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Dhotaka. Dhotaka: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên. Đức Thế Tôn: Là từ xtrng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy đinh do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế l^n." "Bức Thế Tôn nói: Này Dhotaka" là như thế. Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa. Bên trên là nói đến thời tương lai, bên dưới là nói đến thời quá khứ, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là thời hiện tại. Bên trên là thế giới chư thiên, bên dưới là thế giới địa ngục, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là thế giới loài người. Hoặc là, bên trên là các pháp thiện, bên dưới là các pháp bất thiện, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là các pháp vô ký. Bên trên là vô sắc giới, bên dưới là dục

giới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là sắc giới. Bên trên là cảm thọ lạc, bên dưới là cảm thọ khô, luôn cả bê ngang và khoảng giữa là cảm thọ không khổ không lạc. Bên trên là từ lòng bàn chân trở lên, bên dưới là từ đỉnh ngọn tóc trở xuống, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là ở chính giữa. "Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa" là như thế. Sau khi hiểu điều này là "sụ* quyến luyến" ờ thế gian: Sau khi biết, sau khi biêt được, sau khi cân nhác, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt răng: "Điêu này là sự quyên luyên, điêu này là sự dính mác, điêu này là sự cột trói, điều này là sự vướng bận.,, "Sau khi hiểu điều này là 'sự quyến luyếnở thế gian,, là như thế. Ngươi chớ tạo ra tham ái ờ hữu và phi hữu. Tham ái: Tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thinh,...(nt)... tham ái cảnh pháp. ở hữu và phi hữu: Ngươi chớ tạo ra, chớ làm sanh ra, chớ làm sanh khởi, chớ làm hạ sanh, chớ làm phát sanh, ngươi hãy dứt bỏ9 hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu tham ái ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lần nữa là dục giới; ở sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới; ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự hiện hữu được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tái sanh của bản thân được lặp đi lặp lại. "Ngươi chớ tạo ra tham ái ở hữu và phi hữu,, là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Đức Thế Tôn nỏi: "Này Dhotaka] bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biết, bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa, sau khỉ hiểu điều này là 'sự quyến luyến 'ở thế gian, ngươi chớ tạo ra tham ải ở hữu và phỉ hữu." Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt).. "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử." 6'Diễn giải kỉnh Dhotaka" là thứ năm.

534 KINH TIÊU Bô

6. DIỄN GIẢI KINH UPASĪVA (UPASĨVASUTTANIDDESƠị

6.1. [Tôn giả Upasĩva nói rằng:] "Thua vi dòng Sakya, một mình con, không nương tựa [nơi nào]f con không có khả năng vượt qua dòng lũ lớn. Thưa bậc Toàn Nhãn, xin Ngài hãy nói về đối tượng, được nương tựa vào nơi ấy, con có thể vượt qua dòng lũ này." Thưa vi dòng Sakya, một mình con [đối vói] dòng lũ lớn. Một mình: Người là bạn của con không có, hoặc pháp là bạn của con không có; sau khi nương tựa vào người ấy hoặc nương tựa vào pháp, con có thể vượt qua, có thê vượt lên, có thê vượt khỏi, có thê vượt qua han, có thê vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh lơn lao. uMột minh^la như thế. Vi dòng Sakya: Đức Thế Tôn là vị dòng Sakya, "người đã xuất gia từ gia tộc Sakya" là vị dòng Sakya. Hoặc là, "người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn" là vị dòng Sakya. Vị ấy sở hữu các tài sản này, tức là: Tài sản về đức tin, tài sản về giới, tài sản về hổ thẹn [tội lỗi], tài sản về ghê sợ [tội lỗi], tài sản về kiến thức, tài sản về xả thí, tài sản về trí tuệ, tài sản về thiết lập niệm,... (nt)... tài sản về Niết-bàn, "người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn với nhiều tài sản và bảo vật này" là vị dòng Sakya. Hoặc là, "vi có đủ sức, có năng lực, có tiềm năng, có khả năng, dũng cảm, anh hùng, quả cảm, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã

được xa lia" là vị dòng Sakya. "Thua vị dòng Sakya, một mình con [đối với] dòng lũ lớn" là như thế. Tôn giả Upasīva nói rằng. Rằng: [Từ "icca" này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)... Tôn giả: [Từ "āyasmā" này] là lời nói yêu mến,... (nt).. Upasīva: Là tên của vi Bà-la-môn ấy,...(nt)... từ kêu gọi. uTôn giả Upasīva nói rằng" là như thế. Không nương tựa [nơi nào], con không có khả năng vượt qua. Không nương tựa [nơi nào]: Không nương tựa vào người, hoặc không nương tựa vào pháp, con không có khả năng, con không thể ra sức, con không thể nào, con không có năng lực để vượt qua, để vượt lên, để vượt khỏi, để vượt

7 <2 9 qua han, đê vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiên, dòng lũ vô minh lớn lao. "Không nương tựa [nơi nào], con không có khả năng vượt qua" là như thế. Thưa bậc Toàn Nhãn, xin Ngài hãy nói về đối tượng. về đối tượng: về nơi nâng đỡ, về nơi nương tựa, về nơi nương nhờ. Xin Ngài hãy nói: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, khai mở, hãy chia sẻ, hay làm ro, hấy bày tỏ. Thưa bậc Toàn Nhãn: Toàn nhãn nói đến trí toàn giác. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến ệần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu với trí toàn giác ấy. 2. "Đôi với Ngài, không có bát cứ điêu ỊÌ ở nơi đây là không được nhìn thấy, không được nhận thức, hoặc không the biết được. Điều nào có thể biết được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn. "Thua bậc Toàn Nhãn, xin Ngài hãy nói về đối tượng" là như thế. Được nương tựa vào noi ấy, con có thể vượt qua dòng lũ này. Được nương tựa vào nơi ấy: Được nương tựa vào người ấy hoặc được mrơng tựa vào pháp, con có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thê vượt qua han, có thê vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh lớn lao. "Được nương tựa vào nơi ấy, con có thể vượt qua dòng lũ này" là như thế. Vì thế, vi Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Upasīva nói rằng:] "Thưa vi dòng Sakya, một mình con, không nương tựa [nơi nào]f con khônệ có khả năng vượt qua dòng lũ lớn. Thưa bậc Toàn Nhãn, xỉn Ngài hãy nói vê đôi tượng, được nương tựa vào nơi ây, con có thể vượt qua dòng lũ này "

6.2. [Đức Thế Tôn nói: "Này Upasīva] trong khi xem xét về Vô sở hữu xứ, có niệm, nương tựa vào [ỷ niệm] 'không cóngươi hãy vượt qua dòng lũ. Sau khỉ dứt bỏ các dục, đã xa lảnh hẳn các điều nghỉ hoặc, ngươi hãy quán sát sự cạn kiệt của tham ái, đêm và ngày. Trong khi xem xét về Vô sở hữu xứ, có niệm. Vi Bà-la-môn ấy là n^ười có sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ một cách bình thường, nhưng không biết sự an tịnh chính là nơi nương tựa [không nghĩ rằng]: uCái này là nơi nương tựa của tôi.59 Và đức Thế Tôn chỉ dạy cho vị ấy về sự nương tựa và thêm nữa chỉ đường loi dẫn dắt ra khỏi. Vị có niệm, sau khi thể nhập sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ, sau khi xuất ra từ nơi ấy, tại chỗ đó trong khi xem xét các pháp tâm và sở hữu tâm được sanh lên là vô thường,... là khổ,... là cơn bệnh,... là mụt ghẻ,... là mũi tên,... là tai ương,... là tật nguyền,... là không sai khiến được,... là tiêu hoại,... là tai họa,... là bất hạnh,... là sợ hãi,... là nguy cơ5... là thay đổi,...

là mảnh mai,... là không bền,... là không nơi nương tựa,... là không nơi trú ẩn,... là không nơi nương nhờ, ...là trạng thái không nơi nương nhờ, ...là trong rỗng, ...là rỗng không, ...là trống không,... là vô ngã, ...là bất lợi,... là có bản chất biến đổi, là không có cốt lõi,... là gốc gác của tai ương,... là kẻ giết hại,... là vật hư hỏng,... là có sự rò rỉ,... là bi tạo tác,... là mồi nhử của Ma vương,... là có bản chất sanh ra5... là có bản chất già,... là có bản chất bệnh,... là có bản chất chết,... là có bản chất sầu-bi-khổ-ưu-não9... là có bản chất ô nhiễm,... là nhân sanh khởi,... là sự biến hoại,... là sự hứng thú,... là sự bất lợi,... là sự thoát ra, trong khi xem xét, trong khi nhận thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi khảo sát. CÓ niệm: Niệm là sự tùy niệm, là niệm hiện tiên... (nt)... chánh niệm; điêu này được gọi là niệm. Vị đã tiên đên,... (nt).. đã thành tựu với niệm này, vị này được gọi là có niệm. "Trong khi xem xét về Vô sở hữu xứ", có niệm là như thế. Đức Thế Tôn nói: Này Upasĩva. Upasĩva: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế Tôn.,, "Dức Thế Tôn nói: Này Upasíva" là như thế. Nương tựa vào [ý niệm] í6không ngươi hãy vượt qua dòng lũ: "Không có gi" là sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ. Vì lý do gì mà "không có gi" là sự chứng đạt vê Vô sở hữu xứ? Vị có niệm, sau khi thê nhập sự chứng đạt vê Thức vô biên xứ, sau khi xuất ra từ nơi ấy, rồi làm cho không hiện hữu, làm cho hoàn toàn không còn hiện hữu, làm cho biên mát chính cái thức ây, và nhìn thây "không có gi"; vì lý do ấy mà "không có gi" là sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ. Sau khi nương tựa vào điêu ây, sau khi nương nhờ, sau khi tạo ra nơi nâng đỡ, ngươi hãy vượt qua, hãy vượt lên, hãy vượt khỏi, hãy vượt qua han, hãy vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh. “Nuông tựa vào [ý niệm] 'không có\ ngươi hãy vượt qua dòng lũ,, là như thế. Sau khỉ dứt bỏ các dục, đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc. Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục.... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt).. Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Sau khi dứt bỏ: Sau khi biêt toàn diện vê các vật dục, sau khi dứt bỏ9 sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm châm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục. "Sau khi dứt bỏ các dục59 là như thế. Đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc: Nghi hoặc nói đến hoài nghi, sự nghi ngờ về khổ,... (nt).. trạng thái sửng sốt, sự bối rối của tâm. Vi đã xa lánh, đã tránh khỏi, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không

TIỂU DIỄN GIẢI 537

bị ràng buộc với sự nghi hoặc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. uĐã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc" là như vậy. Hoặc là5 vị đã xa lánh, đã tránh khỏi, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc với ba mươi hai việc nói phù phiếm, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. "Dãi xa lánh han các điều nghi hoặc” còn là như vậy. “Sau khi dứt bỏ các dục, đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc,, là như thế. Ngươi hãy quán sát sự cạn kiệt của tham ái, đêm và ngày. Tham ái: Tham ái cảnh sắc,..(nt)... tham ái cảnh pháp. Đêm: Nói đến ban đêm, ngày: Là ban ngày. Ngày và đêm, ngươi hãy nhìn xem, hãy quán sát, hãy nhận thấy, hãy quan sát, hãy suy xét, hãy khảo sát sự cạn kiệt của tham ái, sự cạn kiệt của luyến ái, sự cạn kiệt của sân hận, sự cạn kiệt của si mê5 sự cạn kiệt của cảnh giới

tái sanh, sự cạn kiệt của việc tái sanh, sự cạn kiệt của việc nối liền tái sanh, sự cạn kiệt của hữu, sự cạn kiệt của luân hồi? sự cạn kiệt của việc luân chuyển. "Nguôi hãy quán sát sự cạn kiệt của tham ái, đêm và ngày" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Đức Thế Tôn nói: “Này Upasīva] trong khi xem xét về Vô sở hữu xứf có niệmf nương tựa vào [ỷ niệm] 'không cóngươi hãy vượt qua dòng lũ. Sau khi dứt bỏ các dục, đã xa lánh han các điều nghỉ hoặc, ngươi hãy quản sát sự cạn kiệt của tham áif đêm và ngày.

6.3. [Tôn giả Upasīva nói rằng:] "Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục, đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác,1 đã hướng đên sự giải thoát do tưởng cao nhát, phải chăng vị ầy có thê trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa?" Vi nào đã xa lìa sự luyến ái ờ tất cả các dục. ở tất cả: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ "sabbesiT này là lối nói của sự bao gồm. ở các dục. Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục.... y : y (nt)... Các điêu này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điêu này được gọi là ô nhiễm dục. Vi nào đã xa lìa sự luyến ái ờ tất cả các dục: Là vị nào có sự luyến ái đã được xa lìa, có sự luyên ái đã được tách lìa, có sự luyên ái đã được từ bỏ, có sự luyên ái đã được tây trừ, có sự luyêĩi ái đã được giải thoát, có sự luyên ái đã được dứt bỏ, có sự luyến ái đã được buông bỏ ở tất cả các dục bởi sự đè nén.

1 Xem chú thích 3 ở trang 439. (ND)

“Vj nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các diỊC” là như thế. Tôn giả Upasīva nói rằng. Rằng: [Từ "iccR' này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)... Tôn giả: [Từ "āyasmā này] là lời nói yêu mến,... (nt).. Upasīva: Là tên của vi Bà-la-môn ây9... (nt).. từ kêu gọi. "Tôn giả upasīva nói rằng" là như thế. Đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ, sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác: Sau khi từ bỏ, sau khi phế b6, sau khi buông bỏ, sau khi vượt quá, sau khi vượt qua hẳn, sau khi vượt qua khỏi sáu sự chứng đắc ở bên dưới, đã nương tựa, đã nương nhờ, đã bám vào, đã đến gần, đã tiến vào, đã bám chặt, đã hướng đến sự chứng đắc về Vô sở hữu xứ. uĐã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác" là như thế. Đã hướng đến sự gi thoát do tưởng cao nhất: Sự giải thoát do tưởng nói đến bảy sự chứng đác do tưởng.2 Liên quan đên các sự chứng đắc do tưởng, trong số đó, sự giải thoát với sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng và cao quý. Vơi sự gi Ai thoát thiên về cảnh giới cao nhất, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn dầu, tôi thượng, cao quý, vị ấy đã thiên về [Vô sở hữu xứ], đã thiên về nơi ấy, [đã thiên về nó] đã đi theo nó, đã phát triển theo nó, đã xem trọng nó, đã uốn cong theo nó, đã chiều theo nó, đã xuôi theo nó, đã hướng đến nó, đã xem nó là chủ đạo. íaĐã hướng đến sự giải thoát do tưởng cao nhất" là như thế. Phải chăng vi ấy có thể trụ lại ờ nơi ấy, không đi tiếp nữa? Phải chăng vi ấy có thể trụ lại: Các cụm từ ^evannu kho", “na nu kho", "kinnu kho'\ ^kathannu kho" là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nham lẫn, câu hỏi vì lưỡng lự, câu hỏi do không dứt khoát. 'Thải chăng vi ấy có thể trụ lại" là như thế. ở noi ấy: ở Vô sở hữu xứ. Khôn^ đi tiếp nữa: Không đi tiếp nữa là không rời ra, không rời di, không bị biến mát, không bị suy giảm. Hoặc là, không bi luyến ải, không bị sân hận, không bị si mê, không bị ô nhiễm. 'Thải

chăng vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Upasĩva nói rằng:]' nào đã xa lìa sự luyến ải ở tất cả các dục, đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác, đã hướng đên sự giải thoát do tưởng cao nhát, phải chăng vi ấy có thê trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa? ”

2 Bảy sự kiêu ngạo (^attasaññāsamāpattiyo) : Là sự chứng đắc 4 tầng thiền sắc giới và 3 tầng thiền đầu thuốc vồ sắc giơ!. (ND)

ĩ Z r

6.4 [Đức Thê Tôn nỏi: “Này UpasīvaJ VỊ nào đã xa lìa sự luyến ái ở tát cả các dục, đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác, đã hướng đến sự giải thoát do tưởng cao nhất, vị ấy cỏ thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữci” Vi nào đã xa lìa sự luyến ái ờ tất cả các dục. ở tất cả: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ "sabbesù"' này là lối nói của sự bao gồm. ở các dục. Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục.... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ờ tất cả các dục: Là vị nào có sự luyến ái đã được xa lìa,..(nt)... có sự luyến ái đã được buông bỏ ở tất cả các dục bởi sự đè nén. nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dqc" là như thế. Đức Thế Tôn nói: Này UpasTva. Upasĩva: Đức Thế Tôn xưng hô với vi Bà-la-môn ấy bằng tên. Đức Thế Tôn: Là từ ximg hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế T6n.” “Bức Thế Tôn nói: Này upasíva" là như thế. Đã nương tựa vào Vô sử hữu xứ, sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác: Sau khi từ bỏ, sau khi phế bỏ? sau khi buông bỏ, sau khi vượt quá, sau khi vượt qua hẳn, sau khi vượt qua khỏi sáu sự chứng đắc ở bên dưới, đã nương tựa, đã nương nhờ, đã bám vào, đã đến gần, đã tiến vào, đã bám chặt, đã hướng đến sự chứng đắc về Vô sở hữu xứ. "Đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác" là như thế. Đã hướng đến sự ạiải thoát do tưởng cao nhất: Sự giải thoát do tưởng nói đến bảy sự chứng đăc do tưởng. Liên quan đến các sự chứng đắc do tưởng, trong số đó, sự giải thoát với sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng và cao quý. Với sự giải thoát thiên về cảnh giới cao nhất, cao cả? nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý, vị ấy đã thiên về [Vô sở hữu xứ], đã thiên về nơi ấy, đã thiên về nó,... (nt).. đã xem nó là chủ đạo. "Đã hướng đến sự giải thoát do tưởng cao nhất" là như thế. Vi ấy có thể trụ lại ờ nơi ấy, không đi tiếp nữa. Có thể trụ lại: Có thể trụ lại sáu mươi ngàn kiếp. ở nơi ấy: ở Vô sở hữu xứ.

Kh6ng đi tiếp nữa: Không đi tiếp nữa là không rời ra, không rời đi, không bị biến mát, không bị suy giảm. Hoặc là, không bị luyến ái, không bi sân hận, không bị si mê, không bị ô nhiễm. ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa” là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Đức Thê Tôn nói: “Này Upasīva] vị nào đã xa lìa sự luyên ái ở tát cả các dục, đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khỉ từ bỏ pháp [chứng đắc] khác, đã hướng đến sự giải thoát do tưởng cao nhất, vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấyf không đi tiếp nữa. ”

6.5. [Tôn giả Upasīva nói răng:] "Nêu vị ây trụ lại ở nơi ầy, không đi tiêp nữa, thậm chỉ một so năm, thưa bậc Toàn Nhãn, ngay tại cho ấy, vị ấy có the có sự mát mếf được giải thoát, có phải thức của vỉ thuộc hạng như the ẩy có thể diệt tắt? ” Nếu vi ấy trụ lại ờ noi ấy, không đĩ tiếp nữa: Nếu vị ấy trụ lại sáu mươi ngàn kiếp. ở noi ấy: ở Vô sở hữu xứ. Khôn^ đi tiếp nữa: Không đi tiếp nữa là không rời ra, không rời đi không bị biên mát, không bị suy giảm. Hoặc là, không bi luyên ái, không bị sân hận, không bị si mê, không bị ô nhiễm. “Nếu vi ấy trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa" là như thế. Thậm chí một số năm, thưa bậc Toàn Nhãn. Thậm chí một số năm: Thậm chí một số năm là nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, nhiều kiếp, nhiều trăm kiếp, nhiều ngàn kiêp, nhiêu trăm ngàn kiêp. Thưa bậc Toàn Nhãn: Toàn nhãn nói đến trí toàn giác.... (nt)... vì thế, đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn. "Thậm chí một số năm, thưa bậc Toàn Nhãn^, là như thế. Ngay tại chỗ ấy, vi ấy có thể có sự mát mẻ, được giải thoát, có phải thức của vị thuộc hạng như thế ấy có thể diệt tắt? Là hỏi về trạng thái thường còn và đoạn diệt của vị đã đạt đên Vô sở hữu xứ răng: “Ngay tại nơi ây, vi ây có thể đạt được trạng thái mát mẻ, [trở thành] thường còn, bền vững, trương tồn, không có bản chát biến đổi, có thể trụ lại một cách vĩnh cửu y như thế ấy, hay là thức của vị ấy có thể diệt tắt, có thể bị đứt lìa, có thể bị hư hoại, có thể bị tiêu hoại, có thê không hiện hữu, roi thức nôi liên tái sanh cho sự hiện hữu lân nữa có thể hạ sanh ở dục giới, hoặc ở sắc giới, hoặc ở vô sắc giód?" Hoặc là, hỏi về sự viên tịch Niết-bàn và sự nối liền tái sanh của vị đã sanh lên Vô sở hữu xứ răng: "Ngay tại nơi ây, vị ây có thê viên tịch Niêt-bàn ở cảnh giới Niêt-bàn khônẸ còn dư sót, hay là thức của vị ấy có thể diệt tắt, rồi thức nối liền tái sanh có thê hạ sanh tiếp tục ở dục giới, hoặc ở sắc giới, hoặc ở vô sắc giói?"

TIỂU DIỄN GIẢI 541

Của vỉ thuộc hạng như thế ấy: Của vi thuộc hạng như thế ấy là của vị giông như thê ây, của vị được tôn tại thê ây, của vi có kiêu cách ây, của vị có biểu hiện ấy, của vị đã sanh lên Vô sở hữu xứ. “Ngay tại chô ây? vị ây có thê có sự mát mẻ, được giải thoát, có phải thức của vị thuộc hạng như thế ấy có thể diệt tắt?” là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Upasīva nói răng:] "Nêu vị ây trụ lại ở nơi âyf không đi tiêp nữa, thậm chỉ một số năm, thưa bậc Toàn Nhãn, ngay tại chỗ ấy, vị ấy có thể có sự mát mẻ, được giải thoát, có phải thức của vị thuộc hạng như the ấy có the diệt tắt?"

6.6. [Đức Thê Tôn nói: “Này Upasīva] giông như ngọn lửa đã bi dập tát bởi lực đay của làn gió, thời đi đen sự cham dứt, không đạt đen danh xưng; tương tự như vây, vị Hiền trí đã được giải thoát khỏi danh thân3 thời đi đen sự cham dứt, không đạt đen danh xưng." Giống như ngọn lửa đã bi dập tắt bỏi lực đẩy của làn gió. Ngọn lửa: Nói đến chóp đỉnh của ngọn lửa. Làn gió: Gió hướng Đông, gió hướng Tây, gió hướng Bác, gió hướng Nam, gió có bụi, gió không có bụi, gió mát, gió nóng, gió ít, gió nhiều, hắc phong, gió ở thượng tầng khí quyển, gió do cánh chim, gió của loài linh điểu, gió do lá thốt nốt, gió từ cay quạt. Đã bi dập tắt bỏi lực đẩy của làn gió: Đã bị dập tắt, đã bị hất tung, đã bị dời đi, đã bị dẹp đi, đã bị đè nén, đã bị áp chế bởi lực đẩy của làn gió. "Giống như ngọn lửa đã bi dập tắt bởi lực đẩy của làn gi6” là như thế. Đức Thế Tôn nói: Này Upasīva. Upasīva: Đức Thế Tôn ximg hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên. Đức Thế Tôn: Là từ xrnig

hô với sự tôn kính..(nt).. sự quy định do việc chứng ngộ9 tức là "dức Thế 11.” "Dức Thế Tôn nói: Này upasíva" là như thế. Thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng. Đi đến sự chấm dứt: Đi đến sự chấm dứt là đi đến sự biến mất, di chuyển đến sự biến mất, được diệt tận, được vắng lặng, được tịch tinh. Không đạt đến danh xưng: [Gió] không đạt đến danh xưng, không đạt đến sự chỉ định, không đạt đến sự tính toán, không đạt đến sự quy định rằng: "Gi6 thổi theo hướng Đông, hoặc gió thổi theo hướng Tây, hoặc gió thổi theo hướng Bắc, hoặc gió thổi theo hướng Nam, hoặc gió thổi lên, hoặc gió thổi xuống, hoặc gió thổi ngang, hoặc gió thổi theo hướng phụ,,; không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy gió có thể đi đến danh xưng.

3 Danh thân (nãmakãyà)'. Tập hợp các yếu tố thuộc về tâm. (ND)

“Thòi đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng” là như thế. Tương tự như vậy, vi Hiền trí đã được giải thoát khỏi danh thân. Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh. Vi Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)...đã vượt qua sự quyến luyên và mạng lưới [tham ái và tà kiên], vị ây là bậc Hiên trí. Đã được giải thoát khỏi danh thân: Vị Hiền trí ấy đã được giải thoát khỏi sắc thân4 một cách bình thường ngay trước đó, đã được dứt bỏ do việc vượt qua một cách tạm thời băng sự dứt bỏ bởi sự đè nén. Vị Hiên trí ây, nhờ vào đức Thế Tôn, đã đạt được bốn Thánh đạo; do trạng thái đã đạt được bốn Thánh dạo, danh thân và sác thân được biêt toàn diện; do trạng thái đã biêt toàn diện về danh thân và sắc thân, [vị ấy] được tự do, được giải thoát, được giải thoát tốt đẹp khỏi danh thân và sắc thân bằng việc giải thoát khỏi chấp thủ một cách tuyệt đối. "Tương tự như vậy, vị Hiền trí đã được giải thoát khỏi danh thân" là như thế. Thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng. Thời đi đến sự chấm dứt: Là viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Không đạt đến danh xưng: Vị đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót thì không đạt đến danh xưng, không đạt đến sự chỉ đinh, không đạt đến sự tính toán, không đạt đến sự quy đinh là: "SM-dế-iy, hay uBà-la-môn,\ hay "thương bu6n", hay "nô lệ5\ hay 6'tại gia", hay "xuất gia”, hay "thiên nhân”, hay Toài nguôi", hay "người hữu sắc", hay "người vô sắc", hay "người hữu tưởng", hay "người vô tưởng", hay "người phi tưởng phi phi tưởng"; không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy vị ấy có thể đi đến danh xưng. “Thòi đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng” là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Đức Thê Tôn nói: “Này Upasĩva] giông như ngọn lửa đã bị dập tát bởi lực đẩy của làn gió, thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng; tương tự như vây, vị Hiền tri đã được giải thoát khỏi danh thăn thời đi đen sự cham dứt, không đạt đen danh xưng."

6.1 .Có phải vị ấy đi đến sự chấm dứt hay vị ấy không có [hiện hữu], Hay là vi ây thật sự ở vào trạng thái trường tôn, vô bệnh? Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho con, Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản the. Có phải vi ấy đi đến sự chấm dứt hay vi ấy không có [hiện hữu]: Vị ấy

4 sắc thân (rũpakãyă)'. Tập hợp các yếu tố thuộc về sắc. (ND)

Đức Thế Tôn nói: Này Upasīva. Upasīva: Đức Thế Tôn xưng hô với vi Bà-la-môn ấy bằng tên. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt).. sự quy đinh do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế Ton.^, "Bức Thế Tôn nói: Này upasiva" là như thế. Với điều nào người ta có thể nói về vị ấy, thì điều ấy không còn có đối vói vi ấy: Với sự luyến ái nào người ta có thể nói, với sự sân hận nào người ta có thể nói, với sự si mê nào người ta có thể nói, với sự ngã mạn nào người ta có thể nói, với tà kiến nào người ta có thể nói, với sự phóng dật nào người ta có thể nói, với hoài nghi nào n^ười ta có thể nói, với các pháp tiềm ẩn nào mà người ta có thể nói [về vi ấy] rang: "Kẻ bị luyến ái", hoặc "kẻ bi sân han", hoặc "k bi si me,,5 hoặc "kẻ bị trói buOc", hoặc "kẻ bị bám víu", hoặc "kẻ bi tán loạn", hoặc "kẻ không dứt khoát", hoặc 6Ckẻ cứng cỏf\ các pháp tạo tác ấy đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, với cảnh giới tái sanh nào người ta có thể nói [về vị ấy] là: "Người địa ngúc", hoặc Toài thii", hoặc "thân phận nga quy"hoặc Toài nguồi"hoặc "thiên nhân,\ hoặc "người hữu sắc", hoặc "người vô sắc", hoặc "người hữu tưởng", hoặc "người vô tưởng", hoặc "nguồi phi tưởng phi phi tưởng"; không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy người ta có thể nói, có thể thuyết, có thể phát ngôn, có thể giảng giải, có thể diễn tả [về vi ấy]. "Vói điêu nào người ta có thê nói vê vị ây, thì điêu ây không còn có đôi với vị ấy,5 là như thế. Khi tất cả các pháp đã được bứng lên hoàn toàn: Khi tất cả các pháp, khi tát cả các uân, khi tát cả các xứ, khi tát cả các giới, khi tát cả các cảnh giới tái sanh, khi tát cả các sự tái sanh, khi tát cả các sự nôi liên tái sanh, khi tát cả các hữu, khi tất cả các sự luân hồi, khi tất cả các sự luân chuyển đã được bứng lên, đã được bứng lên hoàn toàn, đã được lấy lên, đã được lấy lên hoàn toàn, đã được nhổ lên, đã được nhổ lên hoàn toàn, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. "Khi tất cả các pháp đã được bứng lên hoàn toàn" là như thế. Ngay cả nền tảng của lời nói cũng được bứng lên hoàn toàn: Nen tảng của lời nói đề cập đến các ô nhiễm, các uẩn và các sự tạo tác. Đối với vị ấy, thì lời nói, nên tảng của lời nói, sự diên đạt, nên tảng của sự diên dạt, sự mô tả, nên tảng của sự mô tả, sự quy định, nền tảng của sự quy định đã được bứng lên, đã được bứng lên hoàn toàn, đã được lấy lên, đã được lấy lên hoàn toàn, đã được nhổ lên, đã được nhổ lên hoàn toàn, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. "Ngay cả nền tảng của lời nói cũng được bứng lên hoàn toàn" là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Đức Thế Tôn nói: "Này Upasīva] đối với vỉ đã đi đến sự chấm dứt thì không có sự ướcr lượng. Với r điêu nào r người ta có thê nói vê vị âyf thì điêu ây không còn có đôi với vỉ ây. Khỉ tát cả các pháp đã được bứng lên hoàn toàn, ngay cả nen tảng của lời nói cũng được bứng lên hoàn toàn." Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... [vị ấy] đã ngồi xuống, chắp tay lên, cúi lạy đức Thế Tôn [nói rằng]: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử." "Diễn giải kỉnh Upasĩva^ ỉa thứ sáu.

7. DIỄN GIẢI KINH NANDA (NANDASUTTANIDDESƠ)

7.1. [Tôn giả Nanda nói rằng:] "'Cgc bậc Hiền tri hiện hữu ở thế gianmọi người nói như thế; theo Ngài, điều này [có ỷ nghĩa] thế nào? Họ nói người đã thành tựu ve trí là bậc Hiền trí, hay là người đã thực sự thành tựu ve lối sống?" Các bậc Hiền trí hiện hữu ở thế gian. Hiện hữu: Hiện hữu là tìm thấy, có, tồn tại. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh... (nt)... ở thế gian của các xứ. Các bậc Hiền trí: Các đạo sĩ khổ hạnh, các đạo sĩ lõa thể, các đạo sĩ bện tóc, các đạo sĩ hành xác đêu có tên gọi là Hiên trí. uCác bậc Hiền trí hiện hữu ở thế gian" là như thế. Tôn giả Nanda nói rằng. Rằng: [Từ "c" này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)... Tôn giả: [Từ "āyasmā^ này] là lời nói yêu mến,... (nt)... Nanda: Là tên của vị Bà-la-môn ây?... (nt)... từ kêu gọi. "T6n giả Nanda nói rằng" là như thế. Mọi người nói như thế; theo Ngài, điều này [có ý nghĩa] thế nào? Mọi người: Các Sát-đế-lỵ9 các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người. Nói: Họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả. Theo Ngài, điều này [có ý nghĩa] thế nào? Các cụm từ "evannu kho", "na nu kho", "kinnu kho", "kathannu kho" là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì lưỡng lự, câu hỏi do không dứt khoát. "Mọi người nói như thế; theo Ngài, điều này [có ý nghĩa] thế nào?^, là như thế. Họ nói người đã thành tựu về trí là bậc Hiền trí: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảnẹ giải, họ diễn tả người đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiên vào, đã tiến sát, đã đạt đen, đã đầy đủ, đã thành tựu trí của tám sự chứng đạt [về định] hoặc trí của năm thắng trí [thần thông]. "Hq nói người đã thành tựu về trí là bậc Hiền trí" là như thế. Hay là người đã thực sự thành tựu về lối sống? Hay là họ nói, họ thuyết,

họ phát ng6n, họ giảng giải, họ diễn tả người đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiên sát, đã đạt đên, đã đầy đủ, đã thành tựu sự chuyên cần ở cuộc sống khốn khó với nhiều cách thức. "Hay là người đã thực sự thành tựu về lối sống?,, là như thế. Vì thế, vi Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Nanda nói rằng:] : 'Các bậc Hiền trí hiện hữu ở thế gianmọi người nói như thể; theo Ngài, điều này [có ỷ nghĩa] thế nào? Họ nói người đã thành tựu về trí là bậc Hiền trí, hay là người đã thực sự thành tựu về lối sổng?"

7.2. ifKh0ng phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, mà các bậc thiện xảo ở nơi đây gọi là bậc Hiên trí. Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm] song khôn^ phiền muộn, không mong cau, Ta nỏi rang những người ấy là các bậc Hiền trí." Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí. Không phải do thấy: Không phải nhờ vào sự trong sạch do điều đã được thấy? Không phải do nghe: Không phải nhờ vào sự trong sạch do điều đã được nghe. Không phải do trí: Cũng không phải nhờ vào trí của tám sự chứng đạt [về định], cũng không phải nhờ vào trí của năm thắng trí [thần thông], cũng không phải nhờ vào tà trí. "Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí" là như thế. Mà các bậc thiện xảo ờ nơi đây gọi là bậc Hiền trí. Các bậc thiện xảo: Là các bậc thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về pháp tùy thuận sanh khởi, thiện xảo về sự thiết lập niệm, thiện xảo về

chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về giác chi, thiện xảo về Bạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn, các bậc thiện xảo ấy không nói, không thuyết, không phát ngon, không giảng giải, không diễn tả [rằng] người 66đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, được đầy đủ, được hội đủ với sự trong sạch do điều đã được thấy, hoặc với sự trong sạch do điều đã được nghe, hoặc với trí của tám sự chứng đạt [về định], hoặc với trí của năm thắng trí [thần thông], hoặc với tà trí, hoặc với việc đã được thây, hoặc với việc đã được nghe" là bạc Hiền trí. "Mà các bậc thiện xảo ở nơi đây gọi là bậc Hiền trí" là như thế. Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm] sống khôn^ phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng những người ấy là các bậc Hiền trí. Đạo binh: Nói đến đao binh của Ma vương, uế hạnh về thân là đạo binh của Ma vương, uế hạnh về khẩu là đạo binh của Ma vương, uế hạnh về ý là đạo binh của Ma vương, luyến ái là đạo binh của Ma vương, sân hận là đạo binh

của Ma vương, si mê là đạo binh của Ma vương, giận dữ là đạo binh của Ma vương, thù hằn... gièm pha... ác ý... ganh tỵ... bon xẻn.. xảo trá... lừa gạt... bướng bỉnh... hung hăng... ngã mạn... cao ngạo... đam mê... xao lãng... tất cả ô nhiễm... tất cả uế hạnh... mọi sự lo lắng... mọi sự bực bội... mọi sự nóng nảy... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là đạo binh của Ma vương. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: r r 1. Các dục là đạo binh thứ nhát của ngươi, thứ nhì nói đên sự không thích thủ, thứ ba của ngươi là đói và khát, thứ tư gọi là tham át 2. Thứ năm của ngươi là dã dượi và buồn ngủf thứ sáu gọi là sự khiếp đảm, thứ bảy của ngươi là hoài nghi, thứ tám của ngươi là gièm pha, bướng bỉnh. 3. Lợi lộc, sự nổi tiếng, sự trọng vọng và danh vọng nào đã đạt được một cách sai trái, kẻ nào đề cao bản thân và khi dễ những người khác. 4. - Này Namucī, chúng là đạo binh của ngươi, là quân xung kích của Hắc ảm. Kẻ khiếp nhược không chiến thắng nó, và vị đã chiến thắng thì đạt được sự an lạc. Khi nào tất cả các đạo binh của Ma vương và tất cả các ô nhiễm có hành động đối kháng đã bị đánh bại và đã bị khuất phục, đã bị đổ vỡ, đã bị tan rã, không còn hiện diện nhờ vào bon Thánh đạo, vì the, được gọi là "sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm]. Không phiên muộn: Sự luyên ái là phiên muộn, sân hận là phiên muộn, si mê là phiên muộn, giận dữ là phiên muộn, thù hãn là phiền muộn,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là phiền muộn. Đối với những người nào, các phiền muộn này đã được dứt bỏ9 đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; những người ấy được gọi là không phiền muộn. Không mong cầu: Mong cầu nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt).. tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với những người nào, các mong cầu tham ái ấy là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, những người ấy được gọi là không mong cầu. Những người nào: Là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm] sống không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng những người ấy là các bậc Hiền trí: Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ5 nuôi dưỡng, bảo dưỡng, không phiền muộn, không

mong cầu; Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông bao, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "Những người ấy là 'các bậc Hiền trí' ở thế gian.” "Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm] sống không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng những người ấy là các bậc Hiền trí" là như thế.

TIÊU DIỄN GIẢI 549

y T\ ji Á m rpii Á rpi/\ r • Vì the, đức The Ton đã noi răng: fíKhông phải do thây, không phải do nghe, không phải do trí, mà các bậc thiện xảo ở nơi đay gọi là bậc Hiền trí. Những người nào sau khỉ tiêu diệt đạo bỉnh [ô nhiêm] sông không phiên muộn, không mong câu, Ta nói răng những người ấy là các bậc Hiền trí." \ ỉ

7.3. [Tôn giả Nanda nói răng:] "Bát cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rang sự trong sạch là do điều đã được thay và do điều đã được nghe, nói rằn^ sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rang sự trong sạch là do nhiêu hình thức, có phải những vỉ ây, thưa đức Thê Tôn, trong khỉ sông kiềm che ở nơi ấyf họ đã vượt qua sanh và già, thưa Ngài? Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này.ĩf Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào. Bất kể những vi nào: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "ye kecĩ" này là lôi nói của sự bao gôm. Sa-môn: Bất cứ những người nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này. Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ "6ng." "Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào,, là như thế. Tôn giả Nanda nói rằng. Rằng: [Từ "icccT này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)... Tôn giả: [Từ "āyasmā" này] là lời nói yêu mến,... (nt)... Nanda: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi. "Tôn giả Nanda nói lẳng" là như thế. Nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tinh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tinh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được nghe. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe. “N6i rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe" là như thế. Nói rằng sự trong sạch là do giối và phận sự: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do giới. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự

550 KINH TIỂU BÔ

thanh tinh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do phận sự. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do giới và phận sự. “N6i rằng sự trong sạch là do giới và phận sự" là như thế. Nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn,

họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do nhiêu loại điềm báo hiệu tốt xấu. "N6i rằng sự trong sạch là do nhiều hình thúrc" là như thế. Có phải những vi ấy, thưa đức Thế Tôn, trong khi sống kiềm chế ờ nơi ấy. Có phải: Các cụm từ ^evannu kho'\ "na nu kho", ^kinnu kho", ^kathannu k" là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì lưỡng lự, câu hỏi do không dứt khoát. ^Có phải^ là như thế. Những vị ấy: Là những người theo tà kiến. Đức Thế Tôn: Là từ ximg hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy đinh do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế T6ïi""C6 phải những vị ấy, thưa đức Thế T6n" là như thế. Trong khi sống kiềm chế ờ nơi ấy. ở nơi ấy: Là ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình. Kỉềm chế: Là đã kiềm chế, đã kiềm giữ, đã bảo vệ, đã gìn giữ, đã thu thúc. Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trủ ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng. “C6 phải những vi ấy, thưa đức Thế Tôn, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy" là như thế. Họ đã vượt qua sanh và già9 thưa Ngài: Họ đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết. Thưa Ngài: Từ "mārisā" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng. "Hq đã vượt qua sanh và già, thưa Ngai" là như thế. Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả ỈM con về điều này. Con hỏi Ngài: Con hỏi Ngài, con yêu cầu Ngài, con thỉnh cầu Ngài, con đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho con. “Con hỏi Ngài" là như thế. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế Ton/5 Xin Ngài hãy trả lòi con về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy

chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ. "Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: r

[Tôn giả Nanda nói răng:] ^Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rang sự trong sạch là do điều đã được thay và do điều đã được nghe, nói rang sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rang sự trong sạch là do nhiều hình thức, có phải những vị ấy, thưa đức Thế Tôn, trong khỉ sống kiềm chế ở nơi ấy, họ đã vượt qua sanh và già, thưa Ngài? Con hỏi Ngài, thưa đức The Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này."

7.4. [Đức Thế Tôn nói: "Này NandaJ bất cứ những vi Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch ỉa do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hĩnh thức, mặc dầu những vi ấy, trong khỉ song kiềm che ở nơi ấy; Ta nói rằng: 'Họ đã không vượt qua sanh và già,'" Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào. Bất kể những vị nào: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ ^ye kecC này là lối nói của sự bao gồm. Sa-môn: Bất cứ những người nào đã đi đến hạnh du si, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này. Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ "6ng" "Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào" là như thế. Đức Thế Tôn nói: Này Nanda. Nanda: Đức Thế Tôn ximg hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên. Đức Thế Tôn:

Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “dức Thế 11.“ “Dức Thế Tôn nói: Này Nanda" là như thế. Nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được nghe. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe.

TIÊU DIỄN GIẢI 553

Vì the, đức The Ton đã noi răng: [Đức Thế Tôn nói: “Này Nanda] bất cứ những vỉ Sa-mon và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rang sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rang sự trong sạch là do nhiều hình thức, mặc dầu những vỉ ấy, trong khi song kiềm che ở nơi ấy; Ta nói rang: 'Họ đã không vượt qua sanh và già.'"

7.5-6. [Tôn giả Nanda nói rằng:] “Bất cứ những vỉ Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rang sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rang sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rang sự trong sạch là do nhiều hình thức. Thưa bậc Hiên trí, nêu Ngài nói những vị ây là không vượt qua dòng la, vây giờ đây, thưa Ngài, người nào ở the giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Con hỏi Ngài, thưa đức The Tôn, xin Ngài hãy trả lời con ve điều này. Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào. Bất kể những vi nào: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ "ye kecC này là lôi nói của sự bao gồm. Sa-môn: Bất cứ những người nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này. Bà-la-môn: Bất cứ những người nào ximg hô với từ "6ng" "Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào,, là như thế. Tôn giả Nanda nói rằng: ... (nt)... Nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe: Họ nói, họ thuyêt, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả răng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được nghe. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rang sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thay và do điều đã được nghe. “N6i răng sự trong sạch là do điêu đã được thây và do điêu đã được nghe" là như thế. Nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do giới. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do phận sự. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn

tả rằng sự trong sạch, sự thanh tinh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do giới và phận sự. "N6i rằng sự trong sạch là do giới và phận sự" là như thế. Nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do nhiều loại điềm báo hiệu tốt xấu. “N6i rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức" là như thế. Thưa bậc Hiền trí, nếu Ngài nói những vị ấy là không vượt qua dòng lũ. Nếu những vị ấy: Là những người theo tà kiến. Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí noi đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến]; vị ấy là bậc Hiền trí. Ngài nói là không vượt qua dòng lũ: Là không vượt qua, không vượt lên, không vượt khỏi, không vượt qua hẳn, không vượt qua khỏi dòng lũ [nệũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh; họ đang quay cuông bên trong sanh-già-chết; họ đang quay cuồng bên trong con đường luân hồi; họ bi theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi tru ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ. Ngài nói: Ngài nói, Ngài chỉ dạy, Ngài chỉ bảo, Ngài thông báo, Ngài ấn đinh, Ngài khai mở, Ngài chia sẻ, Ngai Imn rõ5 Ngài bày tỏ. "Thưa bậc Hiền trí5 nếu Ngài nói những vị ấy là không vượt qua dòng lũ" là như thế. Vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ờ thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Vậy giờ đây, người nào ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết? Thưa Ngài: Từ "mārisā" này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng. "Vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thê giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già?" là như thế. Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xỉn Ngài hãy trả lòi con về điều này. Con hỏi Ngài: Con hỏi Ngài, con yêu cầu Ngài, con thỉnh cầu Ngài, con đặt niềm tin ở Ngài. Đức Thế Tôn: Là từ ximg hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là uđức Thế ^on.,^ Xin Ngài hãy trả IM con về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy

chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ? hãy làm rõ? hãy bày tỏ. "Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều nSy" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Nanda nói rằng:] "Bất cứ nhữnệ vi Sa-môn và Bà-la-môn nào nói răng sự trong sạch là do điêu đã được thây và do điêu đã được nghet nói rang sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rang sự trong sạch là do nhiều hình thức. Thưa bậc Hiền trí, nếu Ngài nói những vi ấy là không vượt qua dòng lũ, vây giờ đây, thưa Ngài, người nào ở the giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này,"

7.7. [Đức Thế Tôn nói: “Này Nanda,] Ta không nói rằng tất cả các vi Sa-môn và Bà-la-môn đều bị bao trùm bởi sanh và già. ơ đây, nhữn^ vi nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chỉ tất cả giới và

phận sự, đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại, đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc; Ta nói rằng 'những con người ấy thật sự đã vượt qua dòng lũ.'‘ Đức Thế Tôn nói: Này Nanda, Ta không nói rằng tất cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đều bi bao trùm bởi sanh và già: Này Nanda, Ta không nói rằng: "Tất cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đều bi bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bi che lại, bị che kín, bị đậy kín bởi sanh và già." Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở; Ta chia sẻ? Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: "C6 những vị Sa-môn và Bà-la-môn mà đối với những vị ấy, sanh, già, và chết là đã được dứt bỏ9 có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nót đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai." "Bức Thế Tôn nói: Này Nanda, Ta không nói rằng tất cả các vi Sa-môn và Bà-la-môn đều bi bao trùm bởi sanh và già" là như the. ở đây, những vi nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được căm giác, hoặc thậm chí tất cả giói và phận sự: Những vị nào đã dứt bỏ mọi sự ở tro

TIÊU DIỄN GIẢI 557

tà kiên, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi mọi nẻo đường luân h3i."
"Đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc; Ta nói rằng 'những con người ấy thật sự đã vượt qua dòng la như thế.
X T\
J *1 A 4_
f
FTI'I _ Ạ
FT1 f
A
Vì the, đức The Ton đã noi răng: [Đức Thế Tôn nói: "Này Nanda] Ta không nói rằng tất cả các vi Sa-môn và Bà-la-môn đều bi bao trùm bởi sanh và già. ớ dây, những vi nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự, đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại, đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc; Ta nói rằng 'những con người ấy thật sự đã vượt qua dòng lũ.'"

7.8. [Tôn giả Nanda nói rằng:] ífThưa Ngài Gotama, con thích thú lời nói này của bậc Đại Ân Sĩf trạng thái không liên quan đến mầm tải sanh đã khéo được trình bày. ở đây, những vỉ nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chỉ tất cả giới và phận sự, đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại, đã biết toàn diện vê tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói răng: 'Những vỉ ây đã vượt qua dòng lu' Con thích thú lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ. Điều này: Con vui thích, con thích thú, con vui mừng, con tùy hỷ, con ước muốn, con ưng thuận, con ước nguyện, con mong cầu, con nguyện cầu lời nói, lời phát biểu, lơi chỉ bảo, lời khuyển bao của Ngai. Của bậc Đại Ẩn Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao" là bậc Đại Ẩn Sĩ. ... (nt).. “Đấng Nhân Ngiru ngự ở dâu?” là bậc Đại Ẩn Sĩ. "Con thích thú lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ9' là như thế. Thưa Ngài

Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày. Đã khéo được trình bày: Đã khéo được chỉ dạy, đã khéo được chỉ bảo, đã khéo được thông báo, đã khéo được ấn định, đã khéo được khai mở, đã khéo được chia sẻ? đã khéo được làm rõ, đã khéo được bày tỏ. Thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh: Mầm tái sanh nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các sự tạo tác. Sự dứt bỏ mầm tái sanh, sự văng lăng mâm tái sanh, sự buông bỏ mâm tái sanh, sự tịch tịnh mâm tái sanh là bát tư, Niết-bàn. "Thua Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bay^ là như thế. ở dây, những vi nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự:

Những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được thấy, đã từ bỏ, đã dứt trừ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu; những vi nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được nghe,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được cảm giác,... (nt)...; những vi nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác,... (nt)...; những vi nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do giới,... (nt).. những vi nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do phận sự9... (nt)...những vi nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do giới và phận SỊT, đã từ bỏ? đã dứt trừ, đã xua di, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu. UỞ đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự" là như thế. Đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại: Sau khi dứt bỏ, sau khi từ bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do nhiều loại điềm báo hiệu tốt xấu. uĐã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại95 là như thế. Đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói rằng: ẾÍNhững vi ấy đã vượt qua dòng lũ." Tham ái: Tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thinh, tham ái cảnh hương, tham ái cảnh vi, tham ái cảnh xúc, tham ái cảnh pháp. Đã biết toàn diện về tham ái: Sau khi biết toàn diện về tham ái với ba cách biết toàn diện: Biết toàn diện về điều đã được biết, biết toàn diện về sự xét đoán, biết toàn diên về sự dứt bỏ. Biết toàn diện về điều đã được biết là những gì? Biết về tham ái, biết rằng, thấy rằng: “Cái này là tham ái cảnh sắc, cái này là tham ái cảnh thinh, cái này là tham ái cảnh hương, cái này là tham ái cảnh vị5 cái này là tham ái cảnh xúc, cái này là tham ái cảnh pháp"; điều này là biết toàn diện về điều đã được biết. Biêt toàn diện vê sự xét đoán là những gì? Sau khi thực hiện điêu đã được biết như vậy thì xét đoán về tham ái, xét đoán là vô thường, là khổ, là cơn bệnh, là mụt ghẻ, là mũi tên, là tai ương, là tật nguyền, là không sai khiến được, là tiêu hoại, là tai họa, là bất hạnh, là sợ hãi, là nguy cơ, là thay đổi, là mảnh mai, là không bên, là không nơi nương tựa, là không nơi trú ân, là không nơi nương nhờ, là trạng thái không nơi nương nhờ, là trống rỗng, là rỗng không, là trống không, là vô ngã, là bất lợi, là có bản chất biến đổi, là không có cốt lõi, là gốc gác của tai ương, là kẻ giết hại, là vật hư hỏng, là có sự rò ri, là bi tạo tác, là mồi nhử của Ma vương, là có bản chất sanh ra, là có bản chất già, là có bản chất bệnh, là có bản chát chết, là có bản chất sầu-bi-khổ-ưu-não, là

có bản chất ô nhiễm, là nhân sanh khởi, là sự biến hoại, là sự hứng thú, là sự bất lợi, là sự thoát ra; điều này là biết toàn diện về sự xét đoán. Biết toàn diện về sự dứt bỏ là những gì? Sau khi xét đoán như vậy thì dứt

TIỀU DIỄN GIẢI 559

bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tham ái; điều này là biết toàn diện về sự dứt bỏ. Đã biết toàn diện về tham ái: Sau khi biết toàn diện về tham ái với ba cách biêt toàn diện này. Không còn lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu. Đối với những vị nào, các lậu hoặc này là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; những vị ấy được gọi là không còn lậu hoặc, là các vị A-la-hán, có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói rằng: “Những vị ấy đã vượt qua dòng lũw: Những vị nào đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói, cũng phát biêu răng: "Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi mọi nẻo đường luân hoi?9 "Đã biêt toàn diện vê tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói răng: 'Những vi ấy đã vượt qua dòng lũ" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Nanda nói răng:] "'Thưa Ngài Gotama, con thích thủ lời nói này của bậc Đại Ân Sĩ, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khẻo được trình bày. ở dây, những vi nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chỉ tất cả giới và phận sự, đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại, đã biết toàn diện về tham áit không còn lậu hoặc, con cũng nói rằng: 'Những vi ấy đã vượt qua dòng lũ.'‘ uDiễn giải kỉnh Nandaw ỉa thứ bảy.

560 KINH TIỂU BÔ

8. DIỄN GIẢI KINH HEMAKA (HEMAKASUTTANIDDESO)

8.1. [Tôn giả Hemaka nỏi rằng:] "Những người nào trước đây đã giải thích cho con Khác với lời dạy của đức Gotama [nói rằng]: 'Đã là như vay, sẽ là như vay: Mọi điêu ây đêu do nghe lời đôn đãi, Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ, Con đã không thích thủ ve điều ấy." Những người nào trước đây đã giải thích cho con. Những người nào: Là vị Bà-la-môn Bâvari và những người khác là thầy của vị ấy; những vị ấy đã giải thích, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ vê quan diêm của mình, vê Sự chập nhận của minh, vê sự ưa thích của mình, vê quan niệm của mình, vê ý định của mình, ve chủ tâm của mình. "Những người nào trước đây đã giải thích cho con" là như thế. Tôn giả Hemaka nói rằng. Răng: Từ "icca" này là sự nôi liên các câu văn,... (nt)... tính chát tuân tự của các câu văn. Tôn giả: [Từ "āyasmā" này] là lời nói yêu mến,... (nt)... Hemaka: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi. "Tôn giả Hemaka nói rằng" là như thế. Khác với lời dạy của đức Gotama: Khác với lời dạy của đức Gotama là khác hẳn lời dạy của đức Gotama, trước cả lời dạy của đức Gotama, trước tiên so với lời dạy của đức Gotama, so với lời dạy của

đức Phật, so với lời dạy của đang Chiên Thăng, so với lời dạy của đức Như Lai, so với lời dạy của vị Chúa của chư thiên, so với lời dạy của bậc A-la-hán. "Khác với lời dạy của đức Gotama" là như thế. Đã là như vây, sẽ là như vay: Nghe nói đã là như vây, nghe nói sẽ là như vây. "Đã là như vầy, sẽ là như v*y" là như thế. Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi: Họ đã thuyết giảng mọi điều ấy do nghe lời đồn đãi, do nghe nói như thế, do sự truyền thừa, do sự thành tựu của

việc thu thập kiến thức, do nhân suy nghĩ, do nhân suy luận, do suy đoán theo biểu hiện, do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm, không được chính bản thân biết rõ, không được tự thân quán xét lại. 6CMọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi,5 là như thế. Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ: Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ, sự tăng trưởng của suy tư, sự tăng trưởng của tư duy, sự tăng trưởng của suy tư về dục, sự tăng trưởng của suy tư về sân hận, sự tăng trưởng của suy tư về hãm hại, sự tăng trưởng của suy tư về thân quyến, sự tăng trưởng của suy tư về xứ sở, sự tăng trưởng của suy tư về chư thiên, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đến sự trắc ẩn đối với người khác, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đến lợi lộc, sự trọng vọng, sự nổi tiếng, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đen việc không bi khi dễ. "Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ5' là như thế. Con đã không thích thú về điều ấy: Con đã không thích thú, đã không tìm đến, đã không đạt đến, đã không tiếp nhận điều ấy. “Con đã không thích thú về điều ấy" là như thế. Vì thế, vi Bà-la-môn ấy đã nói rằng: y [Tôn giả Hemaka nói răng:] "Những người nào trước đây đã giải thích cho con Khác với lời dạy của đức Gotama [nói rằng]: 'Đã là như vầy, sẽ là như vầy y r y \ Mọi điêu ây đêu do nghe lời đôn đãi, Mọi điêu ây đêu là sự tăng trưởng của suy nghĩ, Con đã không thích thú về điều ”

8.2 Và xin Ngài hãy nói ra cho con vê giáo pháp, về sự diệt trừ tham ái, thưa bậc Hiền trí; Sau khi hiểu pháp ấy, con có niệm, trong khỉ song, Có thê vượt qua sự vướng mác ở thê gian. Và xin Ngài hãy nói ra cho con về giáo pháp. Ngài: [Vị Hemaka] nói với đức Thế Tôn. Xin Ngài hãy nói về giáo pháp. về giáo pháp: Xin Ngài hãy nói ra, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đây đủ, [gôm có] bôn sự thiêt lập niệm, bôn chánh cân, bôn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đến Niết-bàn. uVà xin Ngài hãy nói ra cho con về giáo pháp" là như thế.

về sự diệt trừ tham ái, thưa bậc Hiền trí. Tham ái: Tham ái cảnh sắc,..(nt)... tham ái cảnh pháp. Sự diệt trừ tham ái là sự dứt bỏ tham ái, sự vắng lặng tham ái, sự buông bỏ tham ái, sự tịch tịnh tham ai, là bất tử, Niết-ban. Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc

Hiền trí. uvề sự diệt trừ tham ái, thưa bậc Hiền trí" là như thế. Sau khi hiểu pháp ấy, con có niệm, trong khỉ sống: Sau khi làm cho pháp ấy được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt răng: ÍCTât cả các hành là vô thương"; sau khi làm cho được hiêu rõ, sau khi cân nhác, sau khi xác đinh, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là kh8",... (nt).."Tất cả các pháp là vô ngã9\... (nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.,^ Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... vi ây được gọi là có niệm. Trong khỉ sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng. "Sau khi hiểu pháp ấy, con có niệm, trong khi sống" là như thế. Có thể vượt qua sự vướng mắc ờ thế gian. Sự vướng mắc nói đến tham ải, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Sự vướng mác: Sự vướng măc với ý nghĩa gì? ... (nt)... được trải rộng, được lan rOng" là vướng mắc. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thê gian của các uân, ở thê gian của các giới, ở thê gian của các xứ. Có thể vượt qua sự vướng mắc ờ thế gian: Sự vướng mắc này là ở ngay tại thê gian. Có niệm, con có thê vượt qua, có thê vượt lên, có thê vượt khỏi, có the vượt qua han, có the vượt qua khỏi sự vướng mắc này ở ngay tại the gian. “C6 thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian^, là như thế. Vì thế, vi Bà-la-môn ấy đã nói rằng: fiVa xỉn Ngài hãy nói ra cho con về giáo pháp, Ve sự diệt trừ tham áỉf thưa bậc Hiền trí; Sau khi hiểu pháp ấyf con có niệm, trong khi song, Có thê vượt qua sự vướng mác ở thê gian."

TIỂU DIỄN GIẢI 563

8.3. ơ đây, sự xua đi mong muôn và luyên ái ở các vật có vẻ đáng yêu đã được thay, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, này Hemaka, là vi thế Niết-bàn, bất hoại. ở dây,... đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức. Đã được thấy: Đã được thấy bằng mắt. Đã được nghe: Đã được nghe băng tai. Đã được cảm giác: Đã được ngửi bằng mũi, đã được nếm bằng lưỡi, đã được xúc chạm bằng thân. Đã được nhận thức: Đã được nhận thức băng ý. "d đây?... đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức" im nĩiu thế. ở các vật có vẻ đáng yêu, này Hemaka: Và cái gì ở thế gian là có vẻ dáng yêu có vẻ vừa lòng? Mắt ở the gian là có vẻ dáng yêu có vẻ vừa lòng, tai ở the gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, mũi ở the gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, lưỡi ở thế gian là có vẻ đán^ yêu có vẻ vừa lòng, thân ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, ý ở thê gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; các sắc ở thế gian là có vẻ đán^ yêu có vẻ vừa lòng, các thinh ở thế gian... các hương ở thế gian... các vị ở thê gian... các xúc ở thế gian... các pháp ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; nhãn thức ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, nhĩ thức ở thế gian... tỷ thức ở thế gian... thiệt thức ở thế gian... thân thức ở thế gian... ý thức ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; nhãn xúc ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, nhĩ xúc ở thế gian... tỷ xúc ở thế gian... thiệt xúc ở thế gian.. thân xúc ở thế gian... ý xúc ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; thọ sanh ra từ nhãn xúc ở thế gian... thọ sanh ra

từ nhĩ xúc ở the gian... thọ sanh ra từ tỷ xúc ở the gian... thọ sanh ra từ thiệt xúc ở the gian... thọ sanh ra từ thân xúc ở thế gian... thọ sanh ra từ ý xúc ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; sắc tưởng ở thế gian... thinh tưởng ở thế gian... hương tưởng ở thế gian. vị tưởng ở thế gian... xúc tưởng ở thế gian... pháp tưởng ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; sắc tư ở thế gian. thinh tư ở thế gian... hương tư ở thế gian... vị tư ở thế gian... xúc tư ở thế gian... pháp tư ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; sắc ái ở thế gian... thinh ái ở thế gian... hương ái ở thế gian... vị ái ở thế gian... xúc ái ở thế gian... pháp ái ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; sắc tam ở thế gian... thinh tầm ở thế gian... hương tâm ở thê gian.. vị tâm ở thê gian... xúc tâm ở thê gian... pháp tầm ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; sắc tứ ở thế gian... thinh tứ ở thế gian... hương tứ ở thế gian... vị tứ ở thế gian... xúc tứ ở thế gian... pháp tứ ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng. UỞ các vật có vẻ đáng yêu, này Hemaka" là như thế. Sự xua đi mong muôn và luyên ái.

Mong muốn và luyến ái: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, Sự chập thủ ở dục, sự che lập do mong muôn vê dục liên quan đên ngũ dục. Sự xua đi mong muôn và luyên ái: Sự dứt bỏ mong muôn và luyên ái, sự vắng lặng mong muốn và luyến ái, sự buông bỏ mong muốn và luyến ái, sự tịch tinh mong muốn và luyến ái là bất tử, Niết-bàn. "Sự xua đi mong muốn và luyến ái" là như thế. Vi thế Niết-bàn, bất hoại. Vi thế Niết-bàn: Vị thế Niết-bàn là vị thế nương tựa, là vi thế trú ẩn, là vị thế nương nhờ, là vị thế không sợ hãi. Bất hoại: Là thường còn, bền vững, trường tòn, không có bản chất biến đổi. thế Niết-bàn, bất hoại" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “O đây, sự xua đi mong muôn và luyến ái ở các vật có vẻ đảng yêu đã được thẩyf đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, này Hemaka, là vi thê Niết-bànf bát hoại.

8.4 Sau khỉ hiếu thông điêu nàyf những người nào có niệm, Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt, Và những người ấy luôn luôn yên tinh, Họ đã vượt qua sự vướng mắc ở the gian. Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm. Điều này: Là bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Sau khỉ hiểu thông: Sau khi hiểu thông, sau khi hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. Sau khi hiểu thông, sau khi hiểu rõ? sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: 6CTất cả các hành là vô thuơng"; sau khi hiểu thông, sau khi hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: "Tất cả các hành là kh6”,...(nt)... "Tất cả các phấp là vô ng*',...(nt).. "Biểu gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.^, Những người nào: Là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Do trạng thái đã phát triển sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân là có niệm... (nt)... các vi ấy được gọi là có niệm. "Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm^, là như thế. Đã nhận thức được giáo pháp, đã

được diệt tắt.

TIỂU DIỄN GIẢI 565

Đã nhận thức được giáo pháp: Đã nhận thức được giáo pháp, đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp. Đã nhận thức được giáo pháp, đã biết giáo pháp, đã cân nhác giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh đinh giáo pháp rằng: "Tát cả các hành là vô thương";...(nt)... "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet,9 Đã được diệt tắt: Do trạng thái đã được tịch diệt đối với luyến ái là đã được tịch diệt; do trạng thái đã được tịch diệt đoi với sân hận là đã được tịch diệt; do trạng thái đã được tịch diệt đối với si mê là đã được tịch diệt; do trạn^ thái đã được an tinh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được v^ig lặng, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với sự giận dữ... (nt).. đối với sự thù hằn,... (nt)... đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện là được an tịnh, được yên tinh, được vang lặng, được tịch diệt, được tịch tinh. "Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt" là như thế. Và những người ấy luôn luôn yên tinh. Yên tịnh: Do trạng thái đã được vắng lặng, do trạng thái đã được tịch diệt đối với luyến ái là được yên tịnh,... (nt)... sân hận, ...si mê5 ...sự giận dữ,... sự thù hằn, do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được yên tinh, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện là được an tinh, được yên tinh, được vắng lặng, được tịch diệt, được tịch tịnh; yên tịnh là như thế. Những người ấy: Là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi, thường xuyên, liên tục, không gián đoạn, tiếp nối liên tục, sanh lên tuần tự [như sóng nước], không lưa thưa, không đứt khoảng, không ngừng lại, được liền lặn, trước bữa ăn9 sau bữa ăn, vào canh đầu, vào canh giữa, vào canh cuối, vào hậu bán nguyệt, vào tiền bán nguyệt, vào mùa mưa, vào mùa lạnh, vào mùa nóng, ở chặng đầu của tuổi thọ, ở chặng giữa của tuổi thọ, ở chặng cuối của tuổi thọ. "Và những người ấy luôn luôn yên tjnh" là như thế. Họ đã vượt qua sự vướng mắc ờ thế gian: Sự vướng mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn cua bất thiển. Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì? ... (nt)... được trải rộng, được lan rộng,9 là vướng mác. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ. Đã vượt qua sự vướng mắc ờ thế gian: Sự vướng mắc này là ở ngay tại thế gian. Các vị đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sự vướng mắc này ở ngay tại thế gian.

566 KINH TIỂU BÔ

"Hẹ)đã vượt qua sự vướng mắc ở thế gian,, là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: (íSau khỉ hiểu thông điều này, những người nào có niệm, Đã nhận thức được giảo pháp, đã được diệt tắt, Và những người ấy luôn luôn yên tịnh, Họ đã vượt qua sự vướng mác ở the gian. Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt).."Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.^, "Diễn giải kinh Hemaka" được hoàn tất.

TIÊU DIỄN GIẢI 567

9. DIỄN GIẢI KINH TODEYYA (TODEYỈ^SUTTÂNIDDESO)

9.1. [Tôn giả Todeyya nói rằng:] ọ y

“O người nào các dục không sinh tôn, Đối với người nào tham ái không tìm thấy, Và người nào đã vượt qua các noi nghỉ hoặc, Sự giải thoát của người ấy là như thế nào?" ở người nào các dục không sỉnh tòn: ở người nào các dục không sinh tồn, không cộng trú, không cư trú, không lưu trú. "d người nào các dục không sinh t8n" là như thế. Tôn giả Todeyya nói rằng: ... (nt)... Đoi với người nào tham ái không tìm thây: Đôi với người nào tham ái là không c6, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. uĐối với người nào tham ái không tìm thấy" là như thế. Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc: Và người nào đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi các nỗi nghi hoặc. "Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc" là như thế. Sự giải thoát của người ấy là như thế nào? Hỏi về sự giải thoát rằng: “Sự giải . 2 thoát . r c. được tôn tại thê nào, có kiêu cách gì? có của người ây là như thê nào, biêu hiện gì, có nên được ước mu6n?" “Sịt giải thoát của người ấy là như thế nào?” là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Todeyya nói răng:] y

“O người nào các dục không sỉnh tôn,
Đối với người nào tham ái không tìm thấy,
Và người nào đã vượt qua các noi nghỉ hoặc,
Sự giải thoát của người ấy là như thế nào?"
568 KINH TIỂU Bộ

9.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Todeyya] ơ người nào các dục không sinh ton, Đổi với người nào tham ái không tìm thấy, Và người nào đã vượt qua các noi nghi hoặc, Đổi với người ấy không có sự giải thoát nào khác nữa." ở người nào các dục không sinh tồn. ở người nào: ở cá nhân nào là bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục.... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. ở người nào các dục không sinh tồn: ở người nào các dục không sinh tồn, không cộng trú, không cư trú, không lưu tru. UỞ người nào các dục không sinh tồn" là như thế. Đức Thế Tôn nói: Này Todeyya: ... (nt)... Đối với người nào tham ái không tìm thấy. Tham ái: Tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thinh, tham ái cảnh hương, tham ái cảnh vị, tham ái cảnh xúc, tham ái cảnh pháp. Đối vơi người nào: Đối với bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Đối với người nào tham ái không tìm thấy: Đối với người nào tham ái là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa tn tuệ. "Đối với người nào tham ái không tìm thấy" là như thế. Và người nào đã vượt qua các nôi nghỉ hoặc: Nghi hoặc nói đên hoài nghi, sự nghi ngờ về khổ,... (nt)... trạng thái sửng sốt, sự bối rối của tâm. Người nào: Người nào là bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc: Và người nào đã vượt qua, đã vượt

lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt qua, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi các nỗi nghi hoặc. uVà người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc" là như thế. Đối với người ấy không có sự giải thoát nào khác nữa: Đối với vị ấy không có sự giải thoát nào khác nữa mà vi ấy có thể giải thoát bằng sự giải thoát ấy, vị ấy đã được giải thoát; đối với vị ấy, việc cần làm đối với giải thoát đã được làm xong. "Đối với người ấy không có sự giải thoát nào khác nữa,9 là như thế. Vì thê, đức The Ton đã noi răng: [Đức Thế Tôn nói: "Này TodeyyaJ ơ người nào các dục không sinh tôn,

Đổi với người nào tham ải không tìm thấy, Và người nào đã vượt qua các noi nghi hoặc, Đổi với người ấy không có sự giải thoát nào khác nữa."

9.3. Vi ây không còn mong ước, hay là [vỉ ầy] đang mong ước? Vi ấy có sự hiểu biết hay là có sự sắp đặt nhờ vào tuệ? Thưa vị dòng Sakyaf đê cho con có thê nhận biêt vê vi Hiên trí, Thưa bậc Toàn Nhãn, xin Ngài hãy nói rõ điều ấy cho con. Vị ấy không còn mong ước, hay là [vị ấy] đang mong ước? Phải chăng y không còn tham ải, hay là có tham ái? Phải chăng vị ấy mong ước các sắc, mong ước các thinh,.các hương,... các . các xúc,... gia tộc, ...đồ chúng,... chỗ ngụ,... lợi lộc,... danh vọng,... lời khen,... hạnh phúc, ...y phục,... đô ăn khất thực,... chỗ nằm ngồi,.. vật dụng là thuốc men chữa bệnh,... dục giới,... sắc giới,... vô sắc giới,... cõi dục,... cõi sắc,... cõi vô sắc,... cõi hữu tưởng,... cõi vô tưởng,... cõi phi tưởng phi phi tưởng,... cõi một uẩn,... cối bốn uẩn,... cõi năm uẩn,... quá khứ,... vị lai,... hiện tại,... các pháp đã được thấy,... đã được nghe,... đã được cảm giác,... đã được nhận thức, ước muốn, ưng thuận, ước nguyện, mong cầu, nguyện cầu? ấy không còn mong ước? hay là [vi ấy] đang mong tróc?" là như thế. Vị ấy có sự hiểu biết hay là có sự sắp đặt nhờ vào tuệ? Vi ấy có sự hiểu biết: Phải chăng là vi sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh? Hay là có sự sắp đặt nhờ vào tuệ? Hay là vị ấy sắp xếp, làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh sự sắp đặt do tham ái, hoặc sự sắp đặt do tà kiến nhờ vào trí của tám sự chứng đạt [về định], hoặc nhờ vào trí của năm thắng trí [thần thông], hoặc nhờ vào tà trí? "Vị ấy có sự hiểu biết hay là có sự sắp đặt nhờ vào tue?" là như thế. Thưa vi dòng Sakya, để cho con có thể nhận biết về vi Hiền trí. Vi dòng Sakya: Đức Thế Tôn là vị dòng Sakya, "người đã xuất gia từ gia tộc Sakya" là vị dòng Sakya. Hoặc là, "người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn" là vị dòng Sakya. Vị áy sở hữu các tài sản này, tức là: Tài sản về đức tin, tài sản về giới, tài sản về hổ thẹn [tội lỗi], tài sản về ghe sợ [tội lỗi], tài sản về kiến thức, tài sản về xả thí, tài sản về trí tuệ, tài sản về thiết lập niệm, tài sản về chánh càn, tài sản về nền tảng của thần thông, tài sản về quyền, tài sản về lực, tài sản về yếu tố đưa đến giác ngộ, tài sản về Đạo, tài sản về Quả, tài sản về Niết-bàn, "người sở hữu tài sản, giàu c6, có tài sản lớn với các tài sản và bảo vật nhiều loại ấy" là vị dòng Sakya. Hoặc là, có năng lực, có tiềm năng, có khả năng, dũng cảm, anh hùng, quả cảm, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lia" là vị dòng Sakya.

Thưa vi dòng Sakya, để cho con có thể nhân biết về vi Hiền trí: Thưa vị dòng Sakya5 để cho con có thể biết, có thể hiểu, có thể nhận biết, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt về vi Hiền trí. "Thua vi dòng Sakya, để cho con có thể nhận biết về vi Hiền trí" là như thế. Thưa bậc Toàn Nhãn, xin Ngài hãy nói rõ điều ấy cho con. Điêu áy: Là điêu mà con hỏi, điêu mà con yêu câu, điêu mà con thỉnh câu, điều mà con đặt niềm tin. Xỉn Ngài hãy nói rõ: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ. Bậc Toàn Nhãn: Toàn nhãn nói đến trí toàn giác. ... (nt)... vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn. "Thua bậc Toàn Nhãn, xin Ngài hãy nói rõ điều ấy cho con" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: "Vị ấy không còn mong ước, hay là [vi ấy] đang mong ước? Vị ây CÓ Sự hiểu biêt hay là có sự sáp đặt nhờ vào tuệ? : 9 9 - -tỉ A

Thưa vị dòng Sakya, đê cho con cỏ thê nhận biêt vê vi Hiên tríf Thưa bậc Toàn Nhãn, xỉn Ngài hãy nói rõ điều ấy cho con."

9.4. Vị ây không còn mong ước, vi ây không mong ước. /C , 1 Ẩ 1 Ả y -y l l /i , A Vị ây CÓ Sự hỉêu biêt và không có sự sáp đặt nhờ vào tuệ, Này Todeyya, ngươi hãy nhận biêt vê vị Hiên trí là như vầy, Là vi không còn vướng bân, không bị dính mắc ở dục và hữu. Vi ấy không còn mong ước, vi ấy không mong ước: Vị ấy không còn tham ái, vị ây không có tham ái, vị ây không mong ước các săc, không mong ước các thinh... các hương... (nt).. các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không ước muốn, không ung thuận, không ước nguyện, không mong cầu, không nguyện cầu. “Vj ây không còn mong ước, vi ây không mong tróc" là như thê. Vi ấy có sự hiểu biết và không có sự sắp đặt nhờ vào tuệ. Vị áy co sự hieu biêt: La vi sang su6t, co tuệ, co sự giác ngọ, co trí, co sự rành rẽ, có sự thông minh. Và không có sự sắp đặt nhờ vào tuệ: Nhờ vào trí của tám sự chứng đạt [về định], hoặc nhờ vào trí của năm thắng trí [thần thông], hoặc nhờ vào tà trí, vị ây không sáp đặt sự sáp đặt do tham ái, hoặc không sáp đặt sự sáp đặt do tà kiến, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh. "Vị ấy có sự hiểu biết và không có sự sắp đặt nhờ vào tue” là như thế. Này Todeyya, ngươi hãy nhân biết về vi Hiền trí là như vây.

TIÊU DIÊN GIẢI 571

Vị Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt) ...đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí. Này Todeyya, ngươi hãy nhận biết về vi Hiền trí là như vậy: Này Todeyya, ngươi hãy biết, hãy nhận biết, hãy thừa nhận, hãy thấu triệt về vị Hiền trí là như vậy. “Này Todeyya, ngươi hãy nhận biết về vị Hiền trí là như vay” là như thế. Là vi không còn vướng bận, không bị dính mác ờ dục và hữu. Vi không còn vướng bận: Luyến ái là vướng bận, sân hận là vướng bận, si mê là vướng bận, ngã mạn là vướng bận, tà kiến là vướng bận, ô nhiễm là vướng bận, uế hạnh là vướng bận. Đối với vị nào, các vướng bận này đã được dứt bỏ9 đã được trừ tuyệt, đã được văng lặng, đã được tịch tịnh, không thê sanh khởi nữa, đã được thiêu đót bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ây được gọi là không còn vướng bận. Dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Hữu: Có hai sự hiện hữu: Sự hiện hữu do nghiệp

và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh.... (nt)... cái này là sự hiện hữu lần nữa liên quan đên việc nôi liên tái sanh. Là vi không còn vướng bận9 không bi dính mắc ờ dục và hữu: Người không còn vướng bận thì không bị dính mắc, không bị máng vào, không bi vướng vào, không bị giữ lại ở dục và hữu, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, đang sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. “Là vị không còn vướng bận? không bi dính mắc ở dục và hữu” là như thế. y TyJ1 Ẩ ^4- r N rpi Á r-p/\ -r • W Vì thê, đức Thê Tôn đã noi răng: '"Vị ấy không còn mong ước, vi ấy không mong ước. Vị ây có sự hiếu biêt và không có sự sáp đặt nhờ vào tuệ. Này Todeyya, ngươi hãy nhận biêt vê vi Hiên trí là như vầy, Là vị không còn vướng bậnf không bi dính mắc ở dục và hữu." Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt).. "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử." “Diễn giải kinh Todeyya” được hoàn tất.

10. DIỄN GIẢI KINH KAPPA (KAPPASUTTANIDDESƠ)

10.1. [Tôn giả Kappa nói rằng:] "'Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về hòn đảo Dành cho những người đang đứng giữa hô nước, ơ dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra, Dành cho những người đang bỉ che ngự bởi lão và tử. Và xin Ngài hãy nói ra cho con ve hòn đảo Đê cho cải [khô] khác giông như cái [khô] này không thê xảy ra." Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước: Hồ nước nói đến luân hồi, là việc đi đến [thế giới này], việc ra đi [đến thế giới khác], việc đi và đến, thời điểm [từ trần], cảnh giới tái sanh, kiếp sống khác từ kiếp sống này5 sự tử vong, sự tái sanh, sự hạ sanh, sự tan rã5 sự sanh, sự già và sự chết. Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến, điểm cuối cùng cũng không được biết đến, các chụriệ sanh tồn tại, thiết lập, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến ở dòng luân hôi, ngay chính giữa. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết d&n” là thế nào? "Sịt luân chuyên đã xoay vân chỉ chừng ây kiêp sông, trước đó đã không xoay vn”chắc chắn không có như thế. “Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến” là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm kiếp sống, trước đó đã không xoay vn", chắc chắn không có như thế; "điểm đầu tiên của luân hồi không đươc biết đến,, còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vàn chỉ chừng ấy ngàn kiếp sống, trước đó đã không xoay vần,\ chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biêt dép” còn là như vậy. "Sịt luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm ngàn kiếp sống, trước đó đã không xoay yần,\ chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến” còn là như vậy. "Sụ* luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy kotix kiếp sống, trước đó đã không xoay vần,\ chắc chắn không có như the. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến,9 còn là như vậy. uSự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm koti kiếp sống, trước đó đã không xoay vần9\ chắc chan không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hòi không được biêt d"còn là như vậy. "Sự luân chuyên đã xoay vần chỉ chừng ấy ngàn koti kiếp sống, trước đó đã không xoay vn", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã

1 l koti = 10.000.000 (mười triệu).

xoay vân chỉ chừng ây trăm ngàn kotỉ kiêp sông, trước đó đã không xoay vân", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sịt luân chuyên đã xoay vân chỉ chừng ây năm, trước đó đã không xoay vần9\ chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sịt luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm năm, trước đó đã không xoay v2n", chác chăn không có như thê. uĐiêm đâu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sịt luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy ngàn năm, trước đó đã không xoay vần,\ chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sịt hiân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm ngàn năm, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sịt luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy koti năm, trước đó đã không xoay vần,\ chắc chan không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm kotỉ năm, trước đó đã không xoay vần,\ chắc chắn không có như the. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy ngàn koti năm, trước đó đã không xoay vần,\ chắc chắn không có như thế. "piểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sụ* luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm ngàn koti năm, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến^, còn là như vậy. "Sịt luân chuyên đã xoay vân chỉ chừng ây kiêp trái đát, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm kiếp trái đất, trước đó đã không xoay vần,\ chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết d" còn là như vậy. uSự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy ngàn kiếp trái đất, trước đó đã không xoay vần,\ chắc chắn không có như thế. "Điểm đau tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm ngàn kiếp trái đất, trước đó đã không xoay vần,\ chắc chắn không có như thế. "Biếm đầu tiên của luân hồi không được biết đến,, còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vàn chỉ chừng ấy kotỉ kiếp trái đất, trước đó đã không xoay vần,\ chắc chắn không có như thế. "Điểm đau tiên của luân hồi không được biết đến^, còn là như vậy. "Sịt luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm kotỉ kiếp trái đất, trước đó đã không xoay vần"chắc chắn không có như thế. "Điểm đàu tiên của luân hồi không được biết đến,, còn là như vậy. "Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy ngàn koti kiếp trái đất, trước đó đã không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến,, còn là như vậy. "Sịt luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trâm ngàn koti kiếp trái đất, trước đó đã không xoay vần,\ chắc chắn không có như thế. "Điểm đau tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: uNày các Tỳ-khưu, luân hồi này là không biết được điểm khởi đầu. Điểm đầu tiên không được biết đến đối với các chúng sanh có

sự che lấp bởi vô minh,... có sự ràng buộc bởi tham ái?... đang chạy quanh, đang chuyển dịch. Một thời gian dài lâu như vậy, quả thật, này các Tỳ-khưu, khổ đau được trải nghiệm, khô não được trải nghiệm, sự tôn hại được trải nghiệm, các nghĩa trang được tăng thêm. Cho đến chừng ấy, này các Tỳ-khưu, thật quá đủ để nhàm chán về các pháp tạo tác, quá đủ để xa lìa luyến ái, quá đủ để giải thoát.,, "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" còn là như vậy. “Điểm cuối cùng của luân hồi không được biết đến” là thế nào? "Sự luân chuyên sẽ xoay vân chừng ây kiêp sông, sau đó sẽ không xoay vn", chắc chắn không có như thế; diêm cuối cùng của luân hồi không được biết đến là như vậy. "Sự luân chuyển sẽ xoay vần chừng ấy trăm kiếp sống,... (nt)... chừng ấy ngàn kiếp sống,... (nt)... chừng ấy trăm ngàn kiếp sống,... (nt)... chừng ây koti kiêp sống,... (nt)... chừng ây trăm koti kiêp sốnệ,... (nt)... chừng ấy ngàn koti kiếp sống,... (nt)... chừng ấy trăm ngàn koti kiêp sống,... (nt)... chừng ấy năm,... (nt)... chừng ấy trăm năm,... (nt).. chừng ấy ngàn năm,... (nt)... chừng ấy trăm ngàn năm,..(nt)... chừng ấy koti năm,... (nt)... chừng ấy trăm koti năm,... (nt)... chừng ấy ngàn koíi năm,..(nt)... chừng ấy trăm ngằn koti năm,... (nt)..; chừng ấy kiếp trai đất,... (nt).. chừng ấy trăm kiếp trái đất,... (nt)... chừng ấy ngàn kiếp trái đất,... (nt)... chừng ấy trăm ngàn kiếp trái đất,... (nt)... chừng áy kati kiếp trái đất,... (nt)... chừng ây trăm koti kiếp trái đất,... (nt)... chừng ấy ngàn koti kiếp trái đất,... (nt)... chừng ấy trăm ngàn kotỉ kiếp trái đất, sau đó sẽ không xoay vần", chắc chắn không có như thế. "Điểm cuối cùng của luân hồi không được biết còn là như vậy. “Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến, điểm cuối cùng cũng không được biết đến, các chứng sanh tồn tại, thiết lập, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến ở dòng luân hôi, ngay chính giữa" là như vậy. "Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước" là như thế. Tôn giả Kappa nói rằng. Rằng: [Từ "” này] là sự nối liền các câu văn.(nt). Tôn giả: [Từ "āyasmā^ này] là lời nói yêu mến,...(nt)... Kappa: Là tên của vi Bà-la-môn ấy,... (nt).. từ kêu gọi. uTôn giả Kappa nói rằng,, là như thế. ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra: ở dòng lũ [ngũ] dục, ở dòng lũ của hữu, ở dòng lũ tà kiên, ở dòng lũ vô minh đã được sanh ra, đã được sanh khởi, đã được hạ sanh, đã được phát sanh, đã được xuất hiện. Sự nguy hiêm lớn: Nguy hiêm vê sanh, nguy hiêm vê già, nguy hiềm vê bệnh, nguy hiểm về chết. "d dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra" là như thế.

_____ TIÊU DIỄN GIẢI 575

Dành cho những người đang bi chế ngự bỏi lão và tử: Đối với những người bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi già, bị xúc chạm, bi chế ngự, bị xâm nhập, bi sở hữu bởi chết, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bi thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ. "Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử" là như thế. Thưa Ngài, xin Ngài hãy noi về hòn đảo: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về hòn đảo, nơi nương tựa, nơi tru ẩn, nơi nương nhờ, cảnh giới tái sanh, sự nâng đỡ. Thưa Ngài: Từ "mārisā^ này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng. “Thua Ngài, xin Ngài hãy nói về hòn đảo59 là như thế. Và xin Ngài hãy nói ra cho con về hòn đảo. Ngài: Nói đến đức Thế Tôn. Xin Ngài hãy nói ra về hòn

đảo: Xin Ngài hãy nói ra, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về hòn đảo, nơi nương tựa, nơi trú ẩn, nơi nương nhờ, cảnh giới tái sanh, sự nâng đỡ. "Và xin Ngài hãy nói ra cho con về hòn do" là như thế. Đe cho cái [khổ] khác giống như cái [khổ] này kh6ng thể xảy ra: Đe cho khổ đau giống như khổ đau này, ở ngay tại nơi dây, có the được diệt tận, có thể vĩig lặng, có thể đi đến sự tiêu hoại, có thể tịch tịĩứì, [để cho] khổ đau liên quan đên tái sanh lại nữa không thể hạ sanh, không thể sanh ra; không thể sanh khởi, không thể hạ sanh, không thể phát sanh ở dục giới, hoặc ở sắc giới, hoặc ở vô sắc giới, hoặc ở cõi dục, hoặc ở cõi sắc, hoặc ở cõi vô sắc, hoặc ở cõi hữu tưởng, hoặc ở cõi vô tưởng, hoặc ở cõi phi tưởng phi phi tưởng, hoặc ở cõi một uẩn, hoặc ở cõi bốn uẩn, hoác ở cõi năm uẩn, hoặc ở cảnh giới tái sanh, hoặc ở sự tái sanh, hoặc ở sự tiếp nối tái sanh, hoặc ở sự hiện hữu, hoặc ở sự luân hồi, hoặc ở sự luân chuyển, [và] có thể được diệt tận, có thể vắng lặng, có thể đi đến sự tiêu hoại, có thể tịch tịnh ở ngay tại nơi đây. "Dể cho cái [khổ] khác giống như cái [khổ] này không thể xảy ra" là như thế. Vì thế, vi Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Kappa nói răng:] "'Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói vê hòn đảo Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước, ơ dòng lũ có sự nguy hiếm lớn đã được sanh ra, Dành cho những người đang bi che ngự bởi lão và tử. Và xỉn Ngài hãy nói ra cho con vê hòn đảo Đe cho cái [khổ] khác giống như cải [khổ] này không thể xảy ra."

576 KINH TIỂU Bộ

10.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Kappa] Ta [sẽ] nói với ngươi vê hòn đảo, này Kappa, Dành cho những người đang đứng giữa ho nước, ơ dòng lũ có sự nguy hiếm lớn đã được sanh ra, Dành cho những người đang bỉ che ngự bởi lão và tử." Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước: Hồ nước nói đến luân hồi, là việc đi đến [thế giới này], việc ra đi [đến thế giới khác], việc đi và đến, thời điểm [từ trần], cảnh giới tái sanh, kiếp sống khác từ kiếp sống này, sự tử vong, sự tái sanh, sự hạ sanh, sự tan rã, sự sanh, sự già, và sự chết. Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến, điểm cuối cùng cũng không được biết đến, các chúng sanh tồn tại, thiết lập, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến ở dòng luân hoi, ngay chính giữa. "Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến” là thế nào?...(nt).. "điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến" là như vậy. "Điểm cuối cùng của luân hồi không được biết đến” là thế nào? ... (nt)... "điểm cuối cùng của luân hoi không được biết dn" là như vậy. "Điếm đau tiên của luân hoi không được biết đến, điểm cuối cùng cũng không được biết đến, các chúng sanh tồn tại, thiết lập, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến ở dòng luân hồi, ngay chính giữa" là như vậy. uĐối với những người đang đứng giữa hồ mróc" là như the. Đức Thế Tôn nói: Này Kappa:.(nt)... ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra: ở dòng lũ [ngũ] dục, ở dòng lũ của hữu, ở dòng lũ tà kiến, ở dòng lũ vô minh đã được sanh ra, đã được sanh khởi, đã được hạ sanh, đã được phát sanh, đã được xuất hiện. Sự nguy hiểm lớn: Nguy hiểm về sanh, nguy hiểm về già, nguy hiểm về bệnh, nguy hiểm về chết. "d dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra” là như thế. Dành cho những người đang bi chế ngự bởi lão và tử: Đối với những người bị xúc chạm, bi chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi già, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi chết, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bi hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa,

không nơi trú ẩn? không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ. "Dành cho những người đang bi chế ngự bởi lão và tử" là như thế. Ta [sẽ] nói với ngươi về hòn đảo, này Kappa: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn đinh, Ta khai mở? Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ về hòn đảo, nơi nương tựa, nơi trú ẩn, nơi nương nhờ, cảnh giới tái sanh, sự nâng đỡ. “Ta [sẽ] nói với ngươi về hòn đảo, này Kappa" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng:

_____ TIÊU DIỄN GIẢI 577

[Đức Thế Tôn nói: "Nàỵ Kappa] Ta [sẽ] nói với ngươi ve hòn đảo, này Kappa, Dành cho những người đang đứng giữa ho nước, ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh raf Dành cho những người đang bi che ngự bởi lão và tử." r 10.3. Hòn đảo ây là không vướng bận, không nam giữ, không có cái nào khác, Ta gọi cải ấy là ^Nỉết-bàn ", sự diệt trừ hoàn toàn lão và tử. Không vướng bận, không nắm giữ. Vướng bận: Luyến ái là vướng bận, sân hận là vướng bận, si mê là vướng bận, ngã mạn là vướng bận, tà kiên là vướng bận, ô nhiêm là vướng bận, uê hạnh là vướng bận. Sự dứt bỏ điều vướng bận, sự vang lặng điều vướng bận, sự buông bỏ điều vướng bận, sự tịch tịnh điều vướng bận là bất tử, Niết-bàn. "Không vướng ban” là như thế. Không nắm giữ: Nắm giữ nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (ní)... tham đăm, tham, cội nguôn của bát thiện. Sự dứt bỏ việc nắm giữ, sự vắng lặng việc nắm giữ, sự buông bỏ việc nắm giữ, sự tịch tịnh việc nắm giữ là bất tử, Niết-bàn. "Không vướng bận, không nắm giữ" là như thế. Hòn đảo ấy là không có cái nào khác: Hòn đảo ấy là nơi nương tựa, nơi trú ẩn, nơi nương nhờ, cảnh giới tái sanh, sự nâng đồ. Không có cái nào khác: Không có hòn đảo nào khác so với cái ấy. Và chính hòn đảo ây là cao cả, nhát hạng, thù thăng, dân đâu, tôi thượng, cao quý. uHòn đảo ấy là không có cái nào khác^, là như thế. Ta gọi cái ấy là Niết-bàn: Thêu dệt {yānāni) nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ải mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Sự dứt bỏ thêu dệt, sự vắng lặng thêu dệt, sự buông bỏ thêu dệt, sự tịch tinh thêu dệt là bất tử, Niết-bàn. Iti: Từ "iti" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm y k r đây đủ các câu văn5 sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuôi từ ngữ, tính chát tuân tự của các câu văn. Ta gọi: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia se, Ta làm rõ, Ta báy tỏ. “Ta gọi cái ấy là Niết-bàn” là như thế. Sự diệt trừ hoàn toàn lão và tử: Sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với già và chết, là bất tử, Niết-bàn. "Sịt diệt trừ hoàn toàn lão và tử" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng:

578 KINH TIÊU Bộ

r r -

"'Hòn đảo ây là không vướng bân, không năm giữ, không cỏ cải nào khác, Ta gọi cái ấy là 'Niết-bànsự diệt trừ hoàn toàn lão và tử." I y

10.4. Sau khi hiểu thông điêu này, những người nào có niệm, đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt, những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương, những người ấy không là nô bộc của Ma vương. Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm. Điều này: Là bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự

buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái? sự diệt tận, Niết-bàn. Sau khỉ hiểu thông: Sau khi hiểu thông, sau khi hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. Sau khi hiểu thông, sau khi hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thuơng";...(nt)... “Diều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet?9 Những người nào: Là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Bản thân đã phát triển sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân là có niệm... (nt)... các vị ấy được gọi là có niệm. "Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm^^ là như thế. Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt Đã nhận thức được giáo pháp: Đã nhận thức được giáo pháp là đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp. Đã được diệt tắt: Do trạng thái đã được tịch diệt đối với luyến ái là đã được tịch diệt; do trạng thái đã được an tinh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được vắng lặng, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với sân hận... (nt)... đôi với tát cả các pháp tạo tác bát thiện, là được an tịnh, được yên tinh, được vắng lặng, được tịch diệt, được tịch tịnh. "Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt" là như thế. Những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương. Ma vương: Ma vương ấy là Kaụha (Hắc ám), Adhipati (Chúa tể của sáu cõi trời dục giới), Antagũ (Đi đến tận cùng của các bất thiện pháp), Namucī (Không thả ra những kẻ ác), Pamattabandhu (Thân quyến của những kẻ bị xao lãng). Những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương: Các vị ấy không vận hành theo quyền lực của Ma vương, thậm chí Ma vương cũng không vận hành được quyền lực ở các vi ấy. Sau khi khắc phục, sau khi thống trị, sau khi đè bẹp, sau khi trấn áp, sau khi nghiền nát Ma vương, phe nhóm của Ma vương, cạm bẫy của Ma vương, lưỡi câu của Ma vương, thức ăn của Ma vương, lãnh địa của Ma vương, mồi nhử của Ma vương, hành xứ của Ma vương và sự

trói buộc của Ma vương; các vị ấy thực hành, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng. "Những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương” là như thế. Những người ấy không là nô bộc của Ma vương: Các vị ấy không phải là người hầu hạ, người theo hầu, người hầu cận, học trò của Ma vương; các vị ấy là người hầu hạ, người theo hầu, người hầu cận, học trò của đức Phật, của đức The Ton. "Những người ấy không là nô bộc của Ma vương^, là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Sau khi hỉêu thông điêu này, những người nào có niệm, đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt, những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương, những người ấy không là nô bộc của Ma vương. Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử." 6íDiễn giải kỉnh Kappaṃ được hoàn tất.

11. DIỄN GIẢI KINH JATUKANNĪ (JATUKANNĪSUTTANIDDESO)

11.1. [Tôn giả Jatukannī nói rằng:] "Thưa bậc Anh Hùng, sau khi con nghe về vỉ không có ham muốn các dục, con đã đi đen đe hỏi vi đã vượt qua dòng lũ, vi không có ham muốn. Thưa bậc có nhãn quan đã được đong sanh [với trí toàn giác,] xin Ngài hãy nói về vị thế an tinh. Thưa đức The Tôn, xin Ngài hãy nói cho con về điều này đủng theo sự thật," Thưa bậc Anh Hùng, sau khi con nghe vê vi không có ham muôn các dục. Sau khi nghe: Sau khi nghe, sau khi lắng nghe, sau khi tiếp thu? sau khi tiếp nhận, sau khi nhận định. Sau khi con nghe rang: "Bức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán,... (nt)... Phật, Thế Tôn/5 Bậc Anh Hùng: Bậc Anh Hùng là [nói đến] đức Thế Tôn; có sự tinh tấn" là bậc Anh Hùng, có năng lực" là bậc Anh Hùng, có tiềm năng^, là bậc Anh Hùng, có khả năng^ là bậc Anh Hùng, dũng cảm" là bậc Anh Hùng, quả cảm, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lìa,, là bạc Anh Hung. Vị đã lánh xa tất cả các việc ác xấu ở đời này, Vi có tinh tấn ấy đã vượt qua sự khổ đau ở địa ngục, Vị ấy có sự tinh tấn, có sự nỗ lực, Là bậc Anh Hùng, có bản thể như thế, được gọi là Ếíbậc Tự Tại." "Thua bậc Anh Hùng, sau khi con nghe,, là như thế. về vi không có ham muốn các dục. Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt).. Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Đối với đức Phật Thế Tôn, các vật dục đã được biết toàn diện, các ô nhiễm dục đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được biết toàn diện đối với các vật dục, do trạnệ thái đã được dứt bỏ đối với các ô nhiễm dục, đức Thế Tôn không ham muốn các dục, không ước nguyện các dục, không mong cầu các dục? không nguyện cầu các dục. Những người nào ham muốn các dục, ước nguyện các dục, mong càu các dục, nguyện cầu các dục, những người ấy có sự ham muốn các dục? có sự luyến ái với ái dục, có sự suy tưởng đến tưởng [về dục]. Đức Thế Tôn không ham muốn các dục, không ước nguyện các dục, không mong cầu các dục, không nguyện cầu các dục; vì thế, đức Phật không có

dục,1 không còn dục, có dục đã được từ bỏ? có dục đã được tẩy trừ, có dục đã được giải thoát, có dục đã được dứt bỏ, có dục đã được buông bỏ? có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ5 có luyến ái đã được buông bỏ, đã không còn khao khát, đã được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. "Thua bậc Anh Hùng, sau khi con nghe vê vi không có ham muôn các duc^ là như thế. Tôn giả JatukannT nói rằng. Rằng: Từ "c" này là sự nối liền các câu văn,... (nt)... tính chất tuần tự của các câu văn. Tôn giả: Từ "āyasmā" này là lời nói yêu mến,... (nt)... lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng. JatukannT: Là họ của vị Bà-la-môn ây9 là sự ân định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả. "Tôn giả Jatukannī nói rằng" là như thế. Con đã đi đến để hỏi vi đã vượt qua dòng lũ, vi không có ham muốn. Vi đã vượt qua dòng lũ: Vi đã vượt qua dòng lũ là vị đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi dòng lũ. đã vượt qua dòng lũ,, là như thế. Đe hỏi: Đe hỏi, để vấn, để yêu cầu, để thỉnh cầu, để đặt niềm tin. Con đã đi đến [để hỏi] vi không có ham muốn: Đe hỏi vị không có ham muốn, không còn ham muốn, có ham muốn đã được từ bỏ, có ham muốn đã được tẩy trừ, có ham muốn đã được giải thoát,

có ham muốn đã được dứt bỏ, có ham muôn đã được buông bỏ5 có luyên ái đã được xa lìa, có luyên ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tay trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, con đã đi lại, đã đi đến, đã đi đến gần, đã đạt đến, đã đi đến gặp Ngài. "Con đã đi đến để hỏi vị đã vượt qua dòng lũ, vị không có ham muốn,, là như thế. Thưa bậc có nhãn quan đã được đông sanh [với trí toàn giác], xin Ngài hãy nói về vi thế an tinh. " An tinh: Theo một khía cạnh, sự an tịnh cũng như vị the an tinh, chính cái ây là bát tử, Niêt-bàn, tức là sự yên lặng của tát cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

1 Động từkãmeti được ghi nghĩa Việt là 44hạm muốn.,, Còn danh từ kāmā được dịch theo hai nghĩa là t4ham muốn,9 và 4tduc,9 tuy theo ngữ cảnh, ở đây, akãmo được dịch là '"không có dục,5 ở đoạn kế tiếp được dịch là 4tkhông có ham muốn . (ND)

"Vj thê này là an tịnh, vị thê này là hảo hạng, tức là sự yên lặng của tát cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn." Hoặc là, theo một khía cạnh khác, các pháp nào vận hành đưa đến việc chứng đắc sự an tịnh, đưa đến việc chạm đến sự an tinh, đưa đến việc chứng ngộ sự an tịnh, như là: Bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh càn, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Các pháp này gọi là các vị thế an tịnh. Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thong báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về vị thế an tịnh, vi thế nương tựa, vị thế trú ẩn, vi thế nương nhờ, vị thế không sợ hãi, vi thế bất hoại, vị thế bất tò, vị thế Niết-bẳn. Bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [vói trí toàn giác]: Nhãn quan nói đến trí toàn giác. Nhãn quan và bản thể chiến thắng của đức Phật Thế Tôn đã được sanh lên tại gốc cây Bồ-đề vào cùng một thời điểm không trước không sau; vì thế đức Phật là bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác]. "Thua bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác], xin Ngài hãy nói về vị thế an tjnh“ là như thế. Thưa đức Thế Tôn, xỉn Ngài hãy nói cho con về điều này đúng theo sự thật: Đúng theo sự thật nói đến bất tử, Niết-bàn..(nt)... sự diệt tận, Niết-bàn. Đức Thế Tôn: Là từ ximg hô với sự tôn kính..(nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế Ton.95 Xin Ngài hãy nói cho con về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy,.. (nt)... hãy bày to. "Thua đức Thê Tôn, xin Ngài hãy nói cho con vê điêu này đúng theo sự thát" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Jatukanriī nói rằng:] "Thưa bậc Anh Hùng, sau khỉ con nghe về vị không có ham muốn các dục, con đã đi đen đe hỏi vi đã vượt qua dòng la, vi không có ham muốn. Thưa bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác], xin Ngài hãy nói ve vị the an tinh. Thưa đức The Tôn, xin Ngài hãy nói cho con ve điều này đúng theo sự thật.”

11.2. Thật vậy, đức Thế Tôn sinh hoạt [cư xử] sau khi ngự trị các dục, Tựa như thải dương, có sức nóng, ngự trị trải đất bang sức nóng. Thưa bậc có tuệ bao la, đoi với con là người có tuệ nhỏ nhoi, Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức Sự

lìa bỏ đoi với sanh và già ở nơi đây. Thật vậy, đức Thế Tôn sinh hoạt [cư xử] sau khi ngự tri các dục. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt).. sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “dức Thế Ton?9

TIỂU DIỄN GIẢI 583

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Sau khi biết toàn diện các vật dục, sau khi dứt bỏ? sau khi khắc phục, sau khi thốĩiậ trị, sau khi đè bẹp, sau khi tran áp, sau khi nghiền nát các ô nhiễm dục, đức Thế Tôn sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ? nuôi dưỡng, bảo dưỡng. "Thật vậy, đức Thế Tôn sinh hoạt [cư xử] sau khi ngự trị các dục^, là như thế. Ví như thái dương, có sức nóng, ngự trị trái đất bằng sức nóng: Thái dương nói đến mặt trời, trái đất nói đến địa cầu. Giống như mặt trời có sức nóng, thành tựu sức nóng, sau khi ngự trị, sau khi thống tri, sau khi đè bẹp, sau khi trấn áp, sau khi thiêu đốt trái đất, sau khi xua đi bóng tối đã che phủ toàn bộ bầu trời, sau khi xua tan bóng đêm, sau khi phô bày ánh sáng, nó di chuyển ở không trung, trên bầu trời, một cách mau lẹ theo quỹ đạo ở không gian; tương tự y như vậy, đức Thế Tôn có hào quang trí tuệ, thành tựu hào quang trí tuệ, sau khi xua tan tất cả nhân sanh khởi của các pháp tạo tác... (nt)... b6ng đêm ô nhiễm, bóng tối vô minh, sau khi phô bày ánh sáng trí tuệ, sau khi biêt toàn diện các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi ngự trị, sau khi thống trj, sau khi đè bẹp? sau khi trấn áp5 sau khi nghiền nát các ô nhiễm dqc, đức Thế Tôn sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng. "Ví như thái dương, có sức nóng, ngự tri trái đất bằng sức n6ng" là như thế. Thưa bậc có tuệ bao ỉa, đối với con ỉa người có tuệ nhỏ nhoi: Con thì có tuệ nhỏ nhoi, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thỏi, có tuệ tồi te, còn Ngài có tuệ vĩ dại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiếu, có tuệ tốc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ thấu suốt. Bao la nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trải rộng sánh bằng trái đất. “Thua bậc có tuệ bao la, đôi với con là người có tuệ nhỏ nhoi" là như thê. Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức. Giáo pháp: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn đinh, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, Ẹgồm có] bốn sự thiết lập niệm,..(nt)... Niết-bàn, và sự thực hành đưa đến Niêt-bàn. Đe con có thể nhận thức: Đe con có thể biết, có thể hiểu, có thể nhận thức, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt, có thể chứng đắc, có thể nhìn thấy, có thể chứng ngộ. "Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức" là như thế. Sự lìa bỏ đối với sanh và già ờ nơi đây: Sự dứt bỏ đối với sanh, già, và chết ngay ở nơi đây, sự vắng lặng, sự buông bỏ? sự tịch tinh, bất tử, Niết-bàn. “Sụ* lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

584 KINH TIỂU BÔ

'"Thật vây, đức Thế Tôn sinh hoạt [cư xử] sau khi ngự tri các dục, r f A

Tựa

:
như thái dương, có sứcr nóng, ngự trị trái đất băng sức nóng.
Thưa bậc có tuệ bao ỉa, đôi với con là người có tuệ nhỏ nhoi,
Xin Ngài hãy chỉ dạy vê giáo pháp đê con cỏ thê nhận thức
Sự lìa bỏ đoi với sanh và già ở nơi đây.
11.3. [Đức Thế Tôn nói: "'Này Jatukannī] Ngươi hãy dẹp bỏ sự thèm khát ở các dục Đe nhìn thấy sự xuất ly là an toàn. Dầu đã được nắm bắt hay đã được vứt bỏ, Sự vướng bận chớ có hiện diện đoi với ngươi," Ngươi hãy dẹp bỏ sự thèm khát ờ các dục. Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục.... (nt).. Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Ngươi hãy dẹp bỏ sự thèm khát ờ các dục: Ngươi hãy dẹp bỏ, hãy dẹp hẳn, hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu sự thèm khát ở các dục. "Ngươi hãy dẹp bỏ sự thèm khát ở các duc" là như thế. Jatukannī: Đức Thế Tôn xưng hô với vi Bà-la-môn ấy bằng họ. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt).. sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế ^on.,^ "Bức Thể Tôn nói: Này Jatukannf, là như thế. Đe nhìn thấy sự xuất ly là an toàn. Sự xuất ly: Sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt để nhìn thấy sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, SỊT thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và đường lối thực hành đưa đến Niết-bàn là an toàn, là nơi nương tựa. là nơi tru ẩn, là nơi nương nhờ. là nơi không sợ hãi, là bất hoại, labStuJaNie^Mn. g ự 4

"E)ể nhìn thấy sự xuất ly là an toàn" là như thế. Dầu đã được nắm bắt hay đã được vứt bỏ. Đã được năm bát: Đã được năm lây, đã được bám víu, đã được chập chặt,

TIÊU DIỄN GIẢI 585

đã được bám chặt, đã được hướng đên do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến. Hay đã được vứt bỏ: Nên được quăng bỏ, nên được buông ra, nên được dứt bỏ, nên được xua đi, nên được làm cham dứt, nên được làm cho không còn hiện hữu. "Dầu đã được nắm bắt hay đã được vứt bỏ95 là như thế. Sự vướng bận chớ có hỉện diện đối với ngươi: Luyến ái là vướng bận, sân hận là vướng bận, si mê là vướng bận, ngã mạn là vướng bận, tà kiến là vướng bận, ô nhiễm là vướng bận, uế hạnh là vướng bận. Sự vướng bận này chớ có hiện diện, chớ có ton tại đoi với ngươi, ngươi hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm cham dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu. "Sự vướng bận chớ có hiện diện đối với nguôi" là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: [Đức Thế Tôn nói: "Này Jatukannī] Ngươi hãy dẹp bỏ sự thèm khát ở các dục Đe nhìn thay sự xuất ly là an toàn. y r r Dâu đã được năm bát hay đã được vứt bỏ, Sự vướng bận chớ có hiện diện đôi với ngươi."

11.4. Điều nào trước đây (quá khứ), ngươi hãy làm khô héo điều ấy. Chớ có điều vướng bận sanh khởi đen ngươi sau này (vi lai). Nêu ngươi không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa (hiện tại), Ngươi sẽ song, được yên tịnh. Điều nào trước đây (quá khứ), ngươi hãy làm khô héo điều ấy: Những ô nhiễm nào sanh lên liên quan đến các pháp tạo tác thuộc quá khứ, ngươi hãy làm khô cạn, hãy làm khô héo, hãy làm khô ráo, hãy làm khô queo, hãy làm không còn mầm giống, hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm ấy. “Biều nào trước đây (quá khứ), ngươi hãy làm khô héo điều ấy” là như vậy. Hoặc là, các pháp tạo tác là các nghiệp thuộc quá khứ chưa chín muồi hoặc đã trổ quả, ngươi hãy làm khô cạn, hãy làm khô héo, hãy làm khô ráo, hãy làm khô queo, hãy làm không còn mầm giống, hãy dứt bỏ? hãy xua di, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu các pháp tạo tác là các nghiệp ấy. "Biều nào trước đây (quá khứ), ngươi hãy làm khô héo điều ấy” còn là như vậy. Chớ có điều vướng bận sanh khởi đến ngươi sau này (vi lai): Sau này nói đến thời vị lai. Những điều [vướng bận] nào sanh lên liên quan đến các pháp tạo tác thuộc vi lai: Luyến ái là vướng bận, sân hận là vướng bận, si mê là vướng bận, ngã mạn là vướng bận, tà kiến là vướng bận, ô nhiễm là vướng bận, uế hạnh là vướng bận, mong rằng những điều vướng bận này chớ sanh khởi

cho ngươi; ngươi chớ tạo ra, chớ làm cho sanh ra, chớ làm cho sanh khởi, chớ làm cho hạ sanh, chớ làm cho phát sanh, ngươi hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu những điều vướng bận này. uChớ có điều vướng bận sanh khởi đến ngươi sau này (vj lai)" là như thế. Nếu ngươi không nắm lấy [điều gì] ờ khoảng giữa (hiện tại): Khoảng giữa nói đến các sắc, thọ, tưởng, hành, thức thuộc hiện tại. Ngươi sẽ không chấp nhận, sẽ không nắm lấy, sẽ không bám víu, sẽ không vui mừng, sẽ không thích thú, sẽ không bám chặt các pháp tạo tác thuộc hiện tại do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến. Ngươi sẽ dứt bỏ, sẽ xua di, sẽ làm chấm dứt, sẽ làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. "Nếu ngươi sẽ không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa (hiện tại)" là như thế. Ngươi sẽ sống, được yên tịnh: Do trạng thái đã được an tinhj do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được yên tịnh đối với luyến ái, do trạng thái đã được an tinh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được yên tịnh, do trạng thái đã được vắng lặng, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với sân hận,... (nt).. đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện, được an tịnh, được yên tịnh, được vắng lặng, được tịch diệt, được tịch tinh, ngươi sẽ sống, sẽ tru ngụ, sẽ sinh hoạt, sẽ vận hành, sẽ bảo hộ? sẽ hộ trì, sẽ bảo dưỡng. "Ngươi sẽ sống, được yên tịnh" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Biều nào trước đây (quá khứ), ngươi hãy làm khô hẻo điều ấy. Chớ có điều vướng bận sanh khởi đen ngươi sau này (vỉ lai), Nêu ngươi không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa (hiện tại), Ngươi sẽ song, được yên tinh." r 11.5. Này Bà-la-môn, đôi với vi đã xa lìa sự thèm khát ở danh và sắc về mọi phương diện, Đoi với vị này các lậu hoặc không hiện hữu, Bởi vì chủng, con người rơi vào sự cai quản của tử than. Này Bà-la-môn, đối vói vi đã xa lìa sự thèm khát ờ danh và sắc về mọi phương diện. về mọi

phương diện: Là tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ "sobbaso" này là lối nói của sự bao gồm. Danh: Bốn nhóm không có sắc.2 Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính.

2 Xem chú thích 6 ở trang 359. (ND)

Sự thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt?... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Này Bà-ỉa-môn, đối với vi đã xa lìa sự thèm khát ờ danh và sắc về mọi phương diện: Đối với vị đã xa lìa sự thèm khát, đã tách lìa sự thèm khát, đã từ bỏ sự thèm khát, đã tẩy trừ sự thèm khát, đã giải thoát sự thèm khát, đã dứt bỏ sự thèm khát, đã buông bỏ sự thèm khát, đã xa lìa sự luyến ái, đã tách lìa sự luyến ái, đã từ bỏ sự luyến ái, đã tẩy trừ sự luyến ái, đã giải thoát sự luyến ái, đã dứt bỏ sự luyến ái9 đã buông bỏ sự luyến ái ở danh và sắc về mọi phương diện. "Này Bà-la-môn, đối với vị đã xa lìa sự thèm khát ở danh và sắc về mọi phương diên" là như thế. Đối với vi này các lậu hoặc không hiện hữu. Các lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu. Đối với vi này: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Không hiện hữu: Đôi với vị ây, các lậu hoặc này là không c6, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. "Đối với vị này các lậu hoặc không hiện hữu" là như thế. Bởi vì chúng, con người rơi vào sự cai quản của tử thần: Bởi vì các lậu hoặc nào, con người đi vào sự cai quản của tử thân, hoặc đi vào sự cai quản của sự chết, hoặc đi vào sự cai quản của phe nhóm thuộc Ma vương; đối với vi ấy, các lậu hoặc ấy là không có? không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ9 đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. “B&i vì chúng, con người rơi vào sự cai quản của tử thần" là như thế. Vì thê, đức Thê Ton đã noi răng: "Này Bà-la-môn, đổi với vi đã xa lìa sự thèm khát ơ danh và sắc ve mọi phương diện, Đoi với vi này các lậu hoặc không hiện hữu, Bởi vì chúng, con người rơi vào sự cai quản của tử thân. Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt).. "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.,, “Diễn giải kỉnh Jatukannī" được hoàn tất.

12. DIỄN GIÃI KINH BHADRẢVUDHA (BHADRĀVUDHASUTTANIDDESO)

12.1. [Tôn giả Bhadrâvudha nói răng:] "Con khân câu bậc Khôn Ngoan, bậc Từ Bỏ Chỗ Trủ Ngựf bậc cắt Đứt Tham Ải, bậc Không Còn Dục Vọng, bậc Từ Bỏ Niềm Vui, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, bậc Đã Được Giải Thoát, bậc Từ Bỏ Sự Sắp Đặt [do tham ái và tà kiến]. Sau khi lang nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra đi." Bậc Từ Bỏ Chỗ Trú Ngụ, bậc cắt Đứt Tham Ái, bậc Không Còn Dục Vọng. Bậc Từ Bỏ Chỗ Trú Ngụ: Mong muốn nào, luyến ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vướng bận và chấp thủ nào là sự quyết định, sự chấp chặt và sự tiềm ẩn của tâm ở sắc giói, đối với đức Phật Thế Tôn, các việc ấy đã được dứt bỏ? có rê đã được cát lia, như cây thót nót đã bị cụt ngọn, đã bị làm

cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật được gọi là ubậc từ bỏ chỗ trú ngụ." Mong muốn nào, luyến ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vướng bận và chấp thủ nào là sự quyết đinh, sự chấp chặt, và sự tiềm ẩn của tâm ở thọ giới,... ở tưởng giới,... ở hành giới,... ở thức giới, đối với đức Phật Thế Tôn, các việc ấy đã được dứt bỏ9 có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bi làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khỏd trong tương lai; vì thế, đức Phật được gọi là "bậc Từ Bỏ Chỗ Tru Ngụ.” Bậc Cắt Đứt Tham Ái. Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt).. tham ái cảnh pháp. Đối với đức Phật Thế Tôn, tham ái ấy đã được cắt đứt, đã được cắt lìa, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vì thế, dức Phật là "bậc cắt Đứt Tham Ái/5 Bậc Không Còn Dục Vọng: Dục vọng nói đến tham ái, tức la sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,..(nt).. tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với đức Phật Thế Tôn, dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bi làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc không còn dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không còn dục vọng, đức Thế Tôn không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì khổ dàu, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rung động; vì thế, đưc Phật là "bậc IGiông Con Dục Vọng.

TIÊU DIỄN GIẢI 589

"Bậc Từ Bỏ Chỗ Trú Ngụ, bậc cắt Đứt Tham Ái, bậc Không Còn Dục Vqng" là như thế. Tôn giả Bhadrâvudha nói rằng. Rằng: [Từ "iccíỉ" này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)... Tôn giả: [Từ "āyasmā" này] là lời nói yêu mến,...(nt).. Bhadrâvudha: Là tên của vị Bà-la-môn ây,... (nt)... từ kêu gọi. "Tôn giả Bhadrâvudha nói rằng" là như thế. Bậc Từ Bỏ Niềm Vui, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, bác Đã Được Giải Thoát: Niềm vui nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với đức Phật Thế Tôn, niêm vui ây, tham ái ây đã được dứt bỏ, có rê đã được cát lia, như cây thót nót đã bi cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, khônệ còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là "bậc Từ Bỏ Niêm Vui.” Bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ: Đức Thế Tôn đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua mọi nẻo đường luân hồi, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi. Ngài đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... Việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy." ÍẾBậc Từ Bỏ Niềm Vui, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ" là như thế. Bậc Đã Được Giải Thoát: Đối với đức Thế Tôn, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự luyến ái, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự sân hận,... (nt)... khỏi sự si mê,... (nt).. khỏi tất cả các pháp tạo tác bất thiện. uBậc Từ Bỏ Niềm Vui, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, bậc Đã Được Giải Thot" là như thế. Con khẩn cầu bậc Khôn Ngoan, bậc Từ Bỏ Sự sắp Đặt Sự sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự

sắp đặt do tà kiến. ... (nt).. điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với đức Phật Thế Tôn, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến, vì thế, đức Phật là ubậc Từ Bỏ Sự sắp Đặt.,, Con khan câu: Con yêu câu, con khân câu, con thỉnh câu, con ưng thuận, con ước nguyện, con mong cầu, con khấn nguyện, con nguyện cầu. Bậc Khôn Ngoan: Khôn ngoan nói đến tuệ. Tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê5 sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu sự khôn ngoan, tuệ này; vì thế, dức Phật là "bậc Khôn Ngoài"

"Con khẩn cầu bậc Khôn Ngoan, bậc Từ Bỏ Sự sắp Dãf là như thế. Sau khi lắng nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra đi. Bậc Long Tương: Bậc Long Tượng là [nói đến] đức Thế Tôn. uVị không làm điều tội lỗi,5 là bậc Long Tượng, uvị không đi dếp" là bậc Long Tượng, không trở về" là bậc Long Tượng,... (nt).."dức Thế Tôn không trở là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy. Sau khỉ lắng nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra đi: Sau khi lắng nghe, sau khi nghe được, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi nhận đinh lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ngài, họ sẽ ra đi, họ sẽ xuất hành, họ sẽ khởi hành, họ sẽ đi theo các hướng khác nhau. “Sau khi lắng nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra di" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Bhadrãvudha nói răng:] "Con khân câu bậc Khôn Ngoan, bậc Từ Bỏ Chỗ Trủ Ngụ, bậc cắt Đứt Tham Ải, bậc Không Còn Dục Vọng, bậc Từ Bỏ Niềm Vui, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, bậc Đã Được Giải Thoát, bậc Từ Bỏ Sự sắp Đặt [do tham ái và tà ki2n]. Sau khi lang nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra

Ỉ2.2. Trong khi mong mỏi lời nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng, Vô số người từ các xứ sở đã tụ hội lại, Xin Ngài hãy giảng rô tường tận cho họf Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đủng theo bản the. Vô số người từ các xứ sở đã tụ hội lại. Vô số người: Các Sát-đế-lỵ5 các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người. Từ các xứ sở đã tụ hội lại: Từ xứ Añga, từ xứ Magadha, từ xứ Kaliñga, từ xứ Kāsi, từ xứ Kosala, từ xứ Vajjī, từ xứ Malla, từ xứ Cetiya, từ xứ Vamsa, từ xứ Kuru, từ xứ Pañcāla, từ xứ Maccha, từ xứ Sūrasena, từ xứ Assaka, từ xứ Avanti, từ xứ Yona và từ xứ Kamboja. Đã tụ hội lại: Đã tụ hội lại, đã tụ họp lại, đã tập trung lại, đã tập hợp lại. "V6 số người từ các xứ sở đã tụ hội lai,9 là như thế. Trong khi mong mỏi IM nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng. Bậc Anh Hùng: Bậc Anh Hùng là [nói đến] đức Thế Tôn; ấy có sự tinh tấn^, là bậc Anh Hùng, có năng lực” là bậc Anh Hùng, có tiềm nāng,9 là bậc Anh Hùng, có khả năng,5 là bậc Anh Hùng,... (nt)... có sự rởn lông đã được xa lia" là bậc Anh Hùng. "Vi đã lánh xa tất cả các việc ác xấu ở đời này, Vị có tinh tân ây đã vượt qua sự khô đau ở địa ngục, Vị ấy, có sự tinh tấn, có sự nỗ lực,

Là bậc Anh Hùng, có bản thể như thế, được gọi là 'bậc Tự Tại'." Trong khi mong mỏi lời nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng: Lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ngài. Trong khi mong mỏi: Trong khi mong mỏi là trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu. “Trong khi mong mỏi lời nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng,9 là như thế. Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận cho họ. Cho họ: Cho các Sát-đế-ly, cho các Bà-la-môn, cho các thương buôn, cho các nô lệ, cho các người tại gia, cho các vị xuất gia, cho chư thiên và cho loài người ấy. Ngài: Nói đến đức Thế Tôn. Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn đinh, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ một cách tường tận. “Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận cho hẹ)” là như thế. Bởi vì pháp này đã đươc Ngài biết đúng theo bản thể: Bởi vì pháp này đã được biêt, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định bởi Ngai đúng theo bản thể. "Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể" là như thế. Vì thế, vi Bà-la-môn ấy đã nói rằng: “Trong khỉ mong mỏi lời nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng, Vô số người từ các xứ sở đã tụ hội lại. Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận cho họ, Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đủng theo bản the.fĩ

12.3. [Đức Thế Tôn nói: Này Bhađrãvudha] Nên dẹp bỏ mọi sự nắm giữ và tham ải ở bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa. Bởi vì, moi môt điều gì họ chấp thủ ở the gian, Do chỉnh điều ấy Ma vương theo đuổi loài người, Nên dẹp bỏ mọi sự nắm giữ và tham ái: Sự nắm giữ và tham ái nói đến tham ái ở sác... (lít)... Sự năm giữ và tham ái: Vì lý do gì mà được gọi là sự năm giữ và tham ái? Do tham ái ấy, họ nắm giữ, họ chấp thủ, họ nắm lấy, họ bám víu, họ chấp chặt vê sác; họ năm giữ, họ chấp thủ, họ nắm lấy, họ bám víu, họ chấp chặt vê thọ,.. tưởng,... các hành,... thức,.. cảnh giới tái sanh, ...sự tái sanh, ...sự nối liền tái sanh,.. sự hiện hữu,... sự luân hồi,.. sự luân chuyển; vì lý do ấy, được gọi là sự nắm giữ và tham ái.

592 KINH TIỂU BÔ

9

Nên dẹp bỏ mọi sự: Nên dẹp bỏ, nên dẹp han, nên dứt bỏ, nên xua di, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu mọi sự nắm giữ và tham ái. "Nên dẹp bỏ mọi sự nắm giữ và tham ái" là như thế. Đức Thế Tôn nói: Này Bhadrâvudha... (nt)... Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa. Bên trên là nói đến thời tương lai, bên dưới là nói đến thời quá khứ, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là thời hiện tại. Bên trên là thế giới chư thiên, bên dưới là thế giới địa ngục, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là thế giới loài người. Bên trên là các pháp thiện, bên dưới là các pháp bất thiện, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là các pháp vô ký. Bên trên là cảm thọ lạc, bên dưới là cảm thọ khổ, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là cảm thọ không khổ không lạc. Bên trên là vô sắc giới, bên dưới là dục giới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là sắc giới. Bên trên là từ lòng bàn chân trở lên, bên dưới là từ đỉnh ngọn tóc trở xuống, luôn cả bề ngang và khoảng giữa là ở chính giữa. 66Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa" là như thế. Bỏi vì, mỗi một điều gì họ chấp thủ ờ thế gian: Họ nắm giữ, họ chấp thủ, họ nắm lấy, họ bám víu, họ chấp chặt mỗi một điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến

thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh... (nt)... ở thế gian của các xứ. "Bởi vì, mỗi một điều gì họ chấp thủ ở thế gian" là như thế. Do chính điều ấy Ma vương theo đuổi loài người: Do chính tác động của pháp tạo tác là nghiệp ấy có liên quan đến việc nối liền tái sanh, uẩn Ma vương, giới Ma vương, xứ Ma vương, cảnh giới Ma vương, tái sanh Ma vương, tái tục Ma vương, hữu Ma vương, luân hồi Ma vương, luân chuyển Ma vương theo đuôi [loài người], đi theo, là kẻ theo đuôi. Loài người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, [sinh vật] nhân loại. "Do chính điều ấy Ma vương theo đuổi loài người,9 là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: [Đức Thế Tôn nói: “Này Bhadrāvudha] Nên dẹp bỏ mọi sự năm giữ và tham ái ở bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa. Bởi vì, moi một điều gì họ chấp thủ ở the gian, Do chỉnh điêu ây Ma vương theo đuôi loài người."

TIỂU DIỄN GIẢI 593

12.4. Bởi vậy, trong khi nhận biết [điều này], vi Tỳ-khưu có niệm, không nên chấp thủ bất cứ điều gì ở tất cả thế gian. Trong khỉ xem xét những người bị dính mắc ở sự nam giữ như vậy, [vi ấy biết] nhân loại này bỉ vướng mắc ở lãnh địa của than chết. Bỏi vậy, trong khi nhận biết [điều này],... không nên chấp thủ: Bỏi vậy: Bởi vậy là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy rõ điều bất lợi ấy ở sự nắm giữ và tham ái. uBởi vay" là như thế. Trong khi nhận biết: Trong khi biết, trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt; trong khi biết, trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt rằng: 'Tất cả các hành là vô thuơng"; trong khi biết, trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt rằng: uTất cả các hành là kh6"...(nt)..• "Biểu gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." Không nên chấp thủ: Không nên nắm giữ, không nên chấp thủ, không nên năm lây, kh6ng nên bám víu, không nên châp chặt vào sác; không nên năm giữ, không nên châp thủ, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt vào thọ;... vào tưởng;... vào các hành;... vào thức;... vào cảnh giới tái sanh;... vào sự tái sanh;... vào sự nối liền tái sanh;... vào sự hiện hữu;... vào sự luân hồi;... vào sự luân chuyển. "Bởi vậy, trong khi nhận biết [điều này],... không nên chấp thủ" là như thế. Vi Tỳ-khưu có niệm, [không nên chấp thủ] bất cứ điều gì ờ tất cả thế gian. Vi Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khmi phàm nhân tốt lành hoặc vị Tỳ-khưu là bậc Hữu học. Có nỉệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,..(nt)... vị ấy được gọi là có niệm, Tỳ-khiru có niệm,, là như thế. Bất cứ điều gì: Bất cứ điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức. ở tất cả thế gian: ở tất cả thế gian của khổ cảnh, ở tất cả thế gian của loài người, ở tất cả thế gian của chư thiên, ở tất cả thế gian của các uẩn, ở tất cả thế gian của các giói, ở tát cả thê gian của các xứ. Tỵ-khưu, có niệm, [không nên chấp thủ] bất cứ điều gì ở tất cả thế gian” là như the. Trong khi xem xét những người bi dính mắc ờ sự nắm giữ như vậy: Những người bị dính mắc ở sự nắm giữ nói đến những người nào nắm giữ, chấp thủ, năm lây, bám víu, châp chặt vào sác; năm giữ, châp thủ, năm lây, bám víu, chấp chặt vào thọ;... vào tưởng;.. vào các

hành;... vào thức;..vào cảnh giới

tái sanh;... vào sự tái sanh;... vào sự nối liền tái sanh;... vào sự hiện hữu;... vào sự luân hồi;.. vào sự luân chuyển. Iti: Từ "iti" này là sự nối liền các câu văn,... (nt).. tính chất tuần tự của các câu văn. Trong khi xem xét: Trong khi nhìn xem, trong khi nhận thấy, trong khi nhìn thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi quán xét, trong khi khảo sát. "Trong khi xem xét những người bị dính mác ở sự năm giữ như v là như thế. Nhân loại này bi vướng măc ờ lãnh đỉa của than chét. Nhân loại: Là từ nói đến chúng sanh. Các lãnh địa của thần chết: Nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các pháp tạo tác. Nhân loại bị dính mắc, bị vướng mắc, bi dính vào, bi máng vào, bi vướng vào, bị giữ lại ở lãnh địa của thần chét, ở lãnh địa của Ma vương, ở lãnh địa của sự chết. Giống như gói đồ bị dính mắc, bị vướng mắc, bi dính vào, bi máng vào, bi vướng vào, bi giữ lại ở cái chốt gắn ở tường, hoặc ở cái móc bằng ngà voi, tương tự như vậy, nhân loại bị dính mắc, bị vướnẹ mắc, bị dính vào, bi máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở lãnh địa của thân chét, ở lãnh địa của Ma vương, ở lãnh địa của sự chết. "Nhân loại này bị vướng mắc ở lãnh địa của thần chết" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Bởi vậy, trong khi nhận biết [điều này], vỉ Tỳ-khưu có niệm, không nên chập thủ bát cứ điêu gì ở tát cả thê gian. Trong khi xem xét những người bi dính mắc ở sự nắm giữ như vậy, [vi ấy biết] nhân loại này bi vướng mắc ở lãnh đỉa của than chết." Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)…“Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử." “Diễn giải kỉnh Bhadrãvudha" được hoàn tất.

13. DIỄN GIẢI KINH UDAYA (UDAY4SUTTANỈDDESƠ)

13.1. [Tôn giả Udaya nói rằng:] "Vớiỷ đỉnh [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến Bậc có thiền chứng, không còn bụi bặm, đang ngoi, Bậc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc, Đã đi đên bờ kia của tát cả các pháp, Xin Ngài hãy nói về sự giải thoát do tri giác ngộ, về sự phá vỡ vô minh," Bậc có thiền chứng, không còn bụi bặm, đang ngồi. Bậc có thiền chứng: Bậc có thiền chứng là [nói đến] đức Thế Tôn. Ngài có thiền chứng với sơ thiền, có thiền chứng với nhị thiền, có thiền chứng với tam thiền, có thiền chứng với tứ thiền, có thiền chứng với thiền có tàm có tứ, có thiền chứng với thiền không có tầm chỉ có tứ, có thiền chứng với thiền không có tầm không có tứ, có thiền chứng với thiền có hỷ, có thiền chứng với thiền không có hỷ, có thiền chứng với thiền đồng hành với hỷ, có thiền chứng với thiền đồng hành với khoan khoái, có thiền chứng với thiền đồng hành với xả, có thiền chứng với thiền không tánh, có thiền chứng vơi thiền vo tướng, có thiền chứng với thiền vô nguyện, có thiền chứng với thiền hợp thế, có thiền chứng với thiền xuất thế, thích thú với thiền, găn bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình. uBậc có thiền chưng95 là như thề. Không còn bụi bặm: Luyến ái là bụi bặm, sân hận là bụi bặm, si mê là bụi bặm, giận dữ là bụi bặm, thù hằn là bụi bặm,..(nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là bụi bặm. Đối với đức Phát Thế Tôn, các bụi bặm ấy là đã được dứt bỏ5 có rễ đã được cắt lia, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho

không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. Vì thế5 đức Phật là bậc không có bụi bặm, không còn bụi bặm, lìa khỏi bụi bặm, đã rời xa bụi bặm, đã dứt bỏ hẳn bụi bặm, đã được thoát khỏi bụi băm, đã vượt qua khỏi tất cả bụi bặm. 1. Luyến ái là bụi bặm, nhưng không phải nói đến bụi đấtf Từ "bụi bặm " này là tên gọi của luyến ải. Bậc Hữu Nhãn, sau khi dứt bỏ han bụi bặm này, Vỉ thế, đấng Chiến Thắng được gọi là "bQc Đã Tách Lìa Bụi Bặm, 2. Sân hận là bụi bặm, nhưng không phải nói đên bụi đát, Từ ^bụi bặm " này là tên gọi của sân hận.

Bậc Hữu Nhãn, sau khỉ dứt bỏ hẳn bụi bặm này, Vì thế, đấng Chiến Thắng được gọi là "bQc Đã Tách Lìa Bụi Bặm." r r 3. Si mê là bụi bặm, nhưng không phải nói đên bụi đát, Từ ^bụỉ bặm " này là tên gọi của si mê, Bậc Hữu Nhãn, sau khỉ dứt bỏ han bụi bặm này, Vì thế, đấng Chiến Thắng được gọi là "bậc Đã Tách Lìa Bụi Bặm." "Không còn bụi bàm" là như thế. Đang ngồi: Đức Thế Tôn đang ngồi ở bảo tháp Pāsānaka. "Đang ng3i" là như thế. 4. ^Các vi Thỉnh văn, có ba minh, có sự chiến thắng than chết, hau cận bậc Hiền trí, vị đã đi đen bờ kia của kho, đang ngồi ở sườn của ngọn núi." Đức Thế Tôn đang ngồi còn là như vậy. Hoặc là? đức Thế Tôn có trạng thái đã được tịch tịnh mọi sự năng động [của ô nhiêm], đang ngôi, đã trải qua cuộc sông [của bậc Thánh], đã hoàn tát việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hôi, việc sanh ra lân nữa không có đối với vị ấy." Đức Thế Tôn đang ngồi còn là như vậy. "Bậc có thiền chứng, không còn bụi bặm, đang ngồi,, là như thế. Tôn giả Udaya nói rằng. Răng: [Từ "icccT này] là sự nôi liên các câu văn,... (nt)... Tôn giả: [Từ "āyasmā"' này] là lời nói yêu mến,... (nt)... Udaya: Là tên của vị Bà-la-môn âyv.. (nt)... từ kêu gọi. "Tôn giả Ưdaya nói rằng" là như thế. Bậc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc: Đối với đức Phật Thế Tôn, phận sự và không Ẹhải phận sự, việc nên làm và không nên làm đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bi làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật la bậc đa làm xong phận sự. 5. ^Đổỉ với vi Tỳ-khưu nào không có tham ái, có dòng chảy đã được cắt đứt, có phận sự và không phải phận sự đã được dứt bỏ, sự bực bội [của vị áy] không tìm thấy.'' Bậc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc. Lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu. Đối với đức Phật Thế Tôn, các lạu hoạc ấy là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bi cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì the, đức Phật là bậc không còn lậu hoặc. "Bậc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc^, là như thế. Đã đi đến bờ kia của tất cả các pháp: Đức Thế Tôn là pāragū (người đi đên bờ kia) do việc biêt rõ, pāragū do việc biêt toàn diện, pāragū do việc dứt pāragū do việc tu tập, pāragū do việc chứng ngộ, pāragū ảo việc chứng đạt

[các thiền]; là pāragū do việc biết rõ tất cả các pháp, pāragū do việc biết toàn diện tất cả khổ. pāragū do việc dứt bỏ tất cả ô ĩừiiễm, pāragū do việc phát triển bốn Thánh đạo, pāragū do việc chứng ngộ sự tịch diệt, pāragū do việc chứng đạt đôi với mọi chứng đạt [về thiền định]. Ngài đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh giới; đã

đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh định; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh tuệ; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh giải thoát. Ngài đã đi đến bờ kia, đã đạt đến sự toàn hảo; đã đi đến điểm cuối, đã đạt đến điểm cuối; đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh; đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng; đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất; đã đi đến nơi nương tưa, đã đạt đến nơi nương tưa; đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn; đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ; đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi; đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại; đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử; đã đi đến Niết-bàn? đã đạt đến Niết-bàn. Ngài đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,...(nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vi ấy/9 66Đã đi đến bờ kia của tất cả các pháp" là như thế. Với ý đinh [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến: Là những người có nhu cầu với câu hỏi, chúng con đã đi đến; có ý muốn hỏi câu hỏi, chúng con đã đi đến; có ý nniốn nghe câu hỏi, chúng con đã đi đến. "yói ý định [h6i] câu hỏi, con đã đi đến" là như vậy. Hoặc là, có sự đi đến, sự tiến đen, sự đen gan, sự ngồi gần của những người có ý đinh về câu hỏi, của những người có ý muốn hỏi câu hỏi, của những người có ý muốn nghe câu hỏi. "Vói ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến" còn là như vậy. Hoặc là, có sự truyền thừa về câu hỏi đối với Ngài, Ngài cũng có năng lực, Ngài có khả năng đê thuyết giảng, đê giải thích điều được hỏi bởi con, Ngài hãy di dời gánh nặng này. "Vói ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến" còn là như vậy. Xin Ngài hãy noi về sự giải thoát do trí giác ngộ: Sự giải thoát do trí giác ngộ nói đên sự giải thoát do phẩm vi A-la-hán. Xin Ngài hãy nói về, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về sự giải thoát do phẩm vị A-la-hán. "Xin Ngài hãy nói về sự giải thoát do trí giác ngộ,, là như thế. về sự phá vỡ vô minh: về sự làm vỡ, sự phá vỡ, sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với vô minh, bất tử, Niết-bàn. 66về sự phá vỡ vô minh" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Udaya nói rang:] ^Với ỷ đỉnh [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến Bậc có thiền chứng, không còn bụi bặm, đang ngoi, Bậc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc, Đã đi đên bờ kia của tát cả các pháp,

598 KINH TIỂU BÔ

Xin Ngài hãy nói về sự giải thoát do trí giác ngộ, về sự phả vỡ vô minh."

13.2. [Đức Thế Tôn nói: "Này Udaya] Sự dứt bỏ đôi với những mong muôn vê dục Và những nỗi ưu phiền, cả hai loại, Và việc xua đi sự dã dượi, r Việc ngăn cản các trạng thái hôi hận. M.,. X A. Sự dứt bỏ đôi với những mong muôn ve dục. Mong muốn: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái vê dục, sự yêu mên vê dục, sự nông nhiệt vê dục, sự thèm khát về dục5 sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục liên quan đến ngũ dục. Sự dứt bỏ đối với những mong muốn về dục: Sự dứt bỏ? sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với những sự mong muốn về dục là bất tử, Niết-bàn. "Su dứt bỏ đối với những mong muốn về dục" là như thế. Đức Thế Tôn nói: 6Này Udaya...nt... Và những nỗi ưu phiền, cả hai loại. Nỗi ưu phiền: Là sự không khoan khoái thuộc về tâm, nỗi khổ sở thuộc về tâm, là sự không khoan khoái,

khổ sở sanh lên do ý xúc đã được nhận biết, là cảm thọ không khoan khoái, khổ sở sanh lên do ý xúc. Và những nỗi ưu phiền, cả hai loại: Sự dứt bỏ5 sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đôi với những mong muôn vê dục và những nôi ưu phiên, cả hai loại, là bất tử, Niết-bàn. “Và những nỗi ưu phiền, cả hai loại" là như thế. Và việc xua đi sự dã dượi. Sự dã dượi: Là trạng thái không sẵn sàng của tâm, trạng thái không thích ứng, sự chây lười, sự biếng nhác, sự lười biếng, biểu hiện lười biếng, trạng thái lười biêng, sự dã dượi, biêu hiện dã dượi, trạng thái dã dượi của tâm. Và việc xua đi sự dã dượi: Và sự xua đi, sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đôi với sự dã dượi là bát tử, Niêt-bàn. "Và việc xua đi sự dã duọd" là như thế. Việc ngăn cản các trạng thái hối hận. Hối hận: Vẻ bối rối ở bàn tay cũng là hối hận, vẻ bối rối ở bàn chân cũng là hôi hận, vẻ bôi roi ở bàn tay và bàn chân cũng là hôi hận, lâm tưởng là được phép trong việc không được phép, lầm tưởng là không được phép trong việc được phép, lầm tưởng là có tội ở việc vô tội, lầm tưởng là vô tội ở việc có tội.

TIÊU DIỄN GIẢI 599

e 9 e jf e . -3

Sự hôi hận nào có hình thức như vậy là biêu hiện hôi hận, trạng thái hôi hận, sự ăn năn của tâm, sự bôi roi của ý; việc này gọi là hôi hận. Thêm nữa, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do hai nguyên nhân: Do Ưạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. The nào là sự hoi hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái không làm? Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân.,, Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta đã làm uế hạnh về khẩu, ta đã không làm thiện hạnh về khẩu."...(nt)."Ta đã làm uế hạnh về ý? ta đã không làm thiện hạnh về y."...(nt).."Ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng."...(nt)."Ta đã frộm cắp, ta đã không tránh xa sự ựộm cắp?5... (nt)... “Ta đã tà hạnh trong các dục, ta đã không tránh xa sự tà hạnh trong các dpc."... (nt).. "Ta đã nói doi, ta đã không tránh xa việc nói dối?9... (nt)."Ta đã nói đâm thọc, ta đã không tránh xa việc nói đâm thọc.,\.. (nt)... "Ta đã nói thô 16, ta đã không tránh xa việc nói thô 16."...(nt)... “Ta đã nói nhảm nhí, ta đã không tránh xa việc nói nhảm nhí."...(nt)... “Ta đã hành động tham đắm, ta đã không hành động không tham dắm."...(nt). .. "Ta đã hành độnệ sân hận, ta đã không hành động không sân hận?... (nt)... “Ta đã hành động tà kiến, ta đã không hành động chánh kiến7, Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm là như vậy. Hoặc là, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: "Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới.,, Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta là người có các giác quan không được gìn giữ?\.. “Ta là người không biết chừng mực về vật thực?5.."Ta chưa luyện tập về tỉnh thức.".. "Ta chưa đầy đủ niệm và sự nhận biết rõ y... uBốn sự thiet lập niệm chưa được ta tu tập.5\.. uBôn chánh cân chưa được ta tu tập.,\.. "Bôn nên tảng của thần thông chưa được ta tu tap.".."Năm quyên chưa được ta tu tập?9..."Nm lực chưa được ta tu tập.,\.. uBảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tap.".. "Bạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa

được ta tu tap.”... "Khổ chưa được ta biết toan diện?\.. '"Tập chưa được ta dứt bỏ?9... "Đạo chưa được ta tu tập?9... "Diệt chưa được ta chứng ngộ.,^ Việc ngăn cản các trạng thái hối hận: Việc ngăn trở, việc ngăn cản, sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với các trạng thái hối hận là bất tử, Niết-bàn. "Việc ngăn cản các trạng thái hối hận^ là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Đức Thế Tôn nói: "Này Udaya] Sự dứt bỏ đôi với những mong muôn vê dục Và những nôi ưu phiên, cả hai loại, Và việc xua đi sự dã dượi, r

Việc ngăn cản các trạng thái hôi hận."

600 KINH TIỂU BÔ

13.3. Ta nói về sự giải thoát do tri giác ngộ, Vê sự phả vỡ vô minh, Có xả và niệm hoàn toàn trong sạch, Có sự suy tam đủng pháp đi trước. Có xả và niệm hoàn toàn trong sạch. Xả: Là sự hành xả, biêu hiện của hành xả, biêu hiện của hành xả vượt trội, trạng thái vắng lặng của tâm, trạng thái an tịnh của tâm, trạng thái trung dung cua tam ở tứ thiền. e ĩ A

Niệm: Niệm, sự tùy niệm,... (nt)... chánh niệm liên quan đên xả ở tứ thiên. Có xả và niệm hoàn toàn trong sạch: ở tứ thiền, xả và niệm là trong sạch, thanh tinh, hoàn toàn trong sạch, thuần tinh, tinh khiết, không bợn nhơ, lìa khỏi phiền não5 nhu thuận, có thể sử dụng, ổn định, đã đạt đến trạng thái vững chắc. "C6 xả và niệm hoàn toàn trong sạch" là như thế. Có sự suy tầm đúng pháp đi trước: Sự suy tầm đúng pháp nói đến chánh tư duy. Nó là đầu tiên, là trước hết, là yếu tố đi đầu của sự giải thoát do trí giác ngộ. "C6 sự suy tầm đúng pháp đi trước,, là như vậy. Hoặc là, sự suy tầm đúng pháp nói đến chánh kiến. Nó lả đầu tiên, là trước hết, là yếu tố đi đầu của sự giải thoát do trí giác ngộ. "Có sự suy tầm đúng pháp đi trước" còn là như vậy. Hoặc là, sự suy tầm đúng pháp nói đến minh sát là phần đầu của bốn đạo. Nó là đầu tiên, là trước hết, là yếu tố đi đầu của sự giải thoát do trí giác ngộ. "C6 sự suy tầm đúng pháp đi trư&c" còn là như vậy. Ta nói về sự giải thoát do trí giác ngộ: Sự giải thoát do trí giác ngộ nói đến sự giải thoát do phẩm vị A-la-hán. Ta nói về, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn đinh, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ về sự giải thoát do phẩm vị A-la-hán. “Ta nói về sự giải thoát do trí giác ngO” là như thế. về sự phá vỡ vô minh. Vô minh: Sự không biết về khổ... (nt)... vô minh, si mê là gốc rễ của bất thiện. Vê sự phá vỡ vô minh: Sự phá vỡ, sự dứt bỏ, sự văng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với vô minh là bát tử, Niết-bàn. A uvề sự phá vỡ vô minh,, là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Ta nói vê sự giải thoát do trí giác ngộ, về sự phả vỡ vô minh, Có xả và niệm hoàn toàn trong sạch, Có sự suy tam đủng pháp đi trước,

_____ TIỂU DIỄN GIẢI 601

r

13.4. Thê gian có cái gì là sự ràng buộc? Cái gì, đoi với nó, là phương tiện xem xét? Do lìa bỏ cái gì Được gọi là ^Nỉết-bàn "? Thê gian có cái gì là sự ràng buộc? Cái gì là sự ràng buộc, sự dính măc, sự cột trói, vật làm ô nhiễm của thê gian? Bởi cái gì thế gian bi gắn bó, bi gắn vào, bi gắn chặt, bị gắn liền, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại? "Thế gian

có cái gì là sự ràng buOc?” là như thế. Cái gE đối với nó, là phương tiện xem xét? Cái gì, đối với nó, là sự du hành, sự xem xét, sự xét đoán? Nhờ vào cái gì thế gian du hành, xem xét, xét đoán? "Cái gì, đối với nó, là phương tiện xem xét?" là như thế. Do lìa bỏ cái gì được gọi ỉa “Niếtbàn” Do sự lìa bỏ, do sự vắng lặng, do sự buông bỏ, do sự tịch tịnh của cái gì được gọi là9 được nói là, được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là "Niết-bàn"? “Do lìa bỏ cái gì được gọi làNiếtbàn'?” là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: (iThe gian có cải gì là sự ràng buộc? Cải gì, đoi với nó, là phương tiện xem xét? Do lìa bỏ cái gì Được gọi là 'Niết-bàn'?"

13.5. Thế gian có vui thích là sự ràng buộc. Suy tam, đoi với Yỉó, là phương tiện xem xét. Do lìa bỏ tham ái Được gọi là "Nìết-bàn.” Thế gian có vui thích là sự ràng buộc: Vui thích nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện; cái này được gọi là vui thích. Vui thích nào đối với thế gian là sự ràng buộc, sự dính mắc, sự cột trói, vật làm ô nhiễm, thế gian bi gắn bó, bị gắn vào, bị gắn chặt, bị gắn liền, bị máng vào, bị vướng vào, bi giữ lại bởi sự vui thích này. "Thế gian có vui thích là sự ràng buộc^ là như thế. Suy tầm, đối vói nó, ỉa phương tiện xem xét. Suy tầm: Có chín sự suy tầm: Suy tầm về dục, suy tầm về sân hận, suy tầm về hãm hại, suy tầm về thân quyến, suy tầm về xứ sở, suy tầm về chư thiên, suy tầm liên quan đến sự trắc ẩn đoi với người khác, suy tầm liên quan đến lợi lộc, sự trọng vọng, sự nổi tiếng, suy tầm liên quan đến việc không bị khi dễ; các việc này gọi là chín sự suy tầm. Chín sự suy tầm này, đối với thế gian, là sự du hành, sự xem xét, sự xét đoán. Nhờ vào chín sự suy tầm này, thế gian du hành, xem xét, xét đoán. "Suy tầm, đối với nó, là phương tiện xem xét" là như thế.

Do lìa bỏ tham ái được gọi là ^Niet-ban?5 Tham ái: Tham ái cảnh sắcv.. (nt)... tham ái cảnh pháp. Do lìa bỏ tham ái được gọi là ^Niết-bàn95: Do sự lìa bỏ, do sự vắng lặng, do sự buông bỏ, do sự tịch tịnh của tham ái được gọi là, được nói là, được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diên tả là uNiêt-bàn.n ẾÍDo lìa bỏ tham ái được gọi là 'Niết-bàn'" là như thế. Vì thê, đức The Tôn đã noi răng: '"Thế gian có vui thích là sự ràng buộc. Suy tầm, đối với nó, là phương tiện xem xét. Do lìa bỏ tham ái Được gọi là ^ỉết-bàn \ "

13.6. Đối với vị có niệm như thế nào trong lúc thực hành, Thì thức [của vi ấy] được đình chỉ? Chúng con đã đi đến để hỏi đức Thế Ton, Hãy cho chủng con lang nghe lời nói ấy của Ngài. Đối với vi có niệm như thế nào trong lúc thực hành: Đối với vị có niệm, CÓ sự nhận biêt rõ rệt như thê nào trong lúc thực hành, trong lúc cư xử, trong lúc sinh hoạt, trong lúc vận hành, trong lúc bảo hộ, trong lúc nuôi dưỡng, trong lúc bảo dưỡng. uĐối với vị có niệm như thế nào trong lúc thực hành" là như thế. Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ: Thức được đình chi, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh. "Thi thức [của vị ấy] được đình chí" là như thế. Chúng con đã đi đến để hỏi đức Thế Tôn: Đe hỏi đức Phật Thế Ton, để vấn, để yêu cầu, để thỉnh cầu, để đặt niềm tin, chúng con đã đi lại, đã đi đến, đã đi đen gan, đã đạt đến, đã đi đến gạp Ngài. “Chúng con đã đi đến để hỏi đức Thế T6n" là như thế. Hãy cho chúng con lắng nghe lời nói ấy của Ngài. Điều ấy:

Là lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ngài, hãy cho chúng con lắng nghe, hãy cho chúng con tiếp thu, hãy cho chúng con tiếp nhận, hãy cho chúng con nhận đinh. "Hãy cho chúng con lắng nghe lời nỏi ấy của Ngài" là như thế. Vì thế, vi Bà-la-môn ấy đã nói rằng: r r "D6i với vi có niệm như thê nào trong lúc thực hành, Thì thức [của vỉ ấy] được đình chỉ? Chủng con đã đi đến để hỏi đức Thế Ton, Hãy cho chủng con lắng nghe lời nói ấy của Ngài."

TIÊU DIỄN GIẢI 603

13.7. Đối với vị không thích thú cảm thọ Thuộc nội phần và ngoại phần, Đoi với vi có niệm như vây trong lúc thực hành, Thì thức [của vỉ ấy] được đình chí. Đối với vi không thích thú cảm thọ thuộc nội phần và ngoại phần: Vị có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần, trong khi đang an trú, [vi ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua di, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Vị có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc ngoại phần, trong khi đang an tru, [vi ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vi ấy] dứt bỏ, xua di, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Vi có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần và ngoại phần, trong khi đang an tru, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vi ấy] dứt bỏ, xua di, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Vị có sự quan sát hiện tượng sanh, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần, trong khi đang an tru, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Vị có sự quan sát hiện tượng diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần, trong khi đang an tru,... (nt)...Vi có sự quan sát hiện tượng sanh và diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phân, trong khi đang an tru,... (nt)... Vị có sự quan sát hiện tượng sanh, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc ngoại phần, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ? xua di, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Vị có sự quan sát hiện tượng diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc ngoại phần, trong khi đang an tru,... (nt)...Vị có sự quan sát hiện tượng sanh và diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc ngoại phần, trong khi đang an tru,... (nt)... Vị có sự quan sát hiện tượng sanh, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần và ngoại phần, trong khi đang an trú,...(nt)... Vi có sự quan sát hiện tượng diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần và ngoại phần, trong khi đang an trú,... (nt).. Vị có sự quan sát hiện tượng sanh và diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần và ngoại phần, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vi ấy] dứt bỏ9 xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Với mười hai

biểu hiện này, vi có sự quan sát thọ trên các thọ, trong khi đang an tru,... (nt).. làm cho không còn hiện hữu [sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt]. Hoặc là, trong khi nhìn thấy cảm thọ là vô thường, [vi ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ? xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Trong khi nhìn thấy cảm thọ là khổ,... là cơn bệnh,.. là mụt ghẻ,.. là mũi tên,... là tai ương,... là tật nguyền,... là sự thoát ra, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Với bốn mươi bốn biểu hiện này, vị có sự quan sát thọ trên các thọ, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua di, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. "Đối với vị không thích thú cảm thọ thuộc nội phần và ngoại phn" là như thế. Đối với vi có niệm như vậy trong lúc thực hành: Đối với vị có niệm, có sự nhận biết rõ rệt như vậy, trong lúc thực hành, trong lúc cư xử, trong lúc sinh hoạt, trong lúc vận hành, trong lúc bảo hộ, trong lúc nuôi dưỡng, trong lúc bảo dưỡng. "Đối với vị có niệm như vậy trong lúc thực hành" là như thế. Thì thức [của vi ấy] được đình chỉ: Thức đồng sanh với phúc hành, thức đồng sanh với phi phúc hành, thức đồng sanh với bất động hành được đình chỉ, được vắng lăng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh. "Thi thức [của vị ấy] được đình chi" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ^Đổi với vi không thích thủ cảm thọ Thuộc nội phần và ngoại phần, r Đôi với vị có niệm như vậy trong lúc thực hành, Thì thức [của vỉ ấy] được đình chi Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt).. "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.” “Diễn giải kỉnh Udaya” được hoàn tất.

14. DIỄN GIẢI KINH POSÃLA (POSĀLASUTTANIDDESO)

14.1. [Tôn giả Posãla nói rằng:] 'Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến Gặp bậc đã ngự đên bờ kia của tát cả các pháp, Vi chỉ ra thời quả khứf Không còn dục vọng, đã cắt đứt sự nghi ngờ," Vi chỉ ra thời quá khứ. Vị: Vị ấy là đức Thế Ton, đấng Tự Chủ, vị không có thầy, đã tự mình giác ngộ hoàn toàn các sự thật về các pháp chưa từng được nghe trước đây. Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực. Chỉ ra thời quá khứ: Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ, chỉ ra thời vị lai, và chỉ ra thời hiện tại của bản thân và của những người khác. Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ của bản thân thế nào? Đức Thế Tôn chỉ ra một lân sanh, chỉ ra hai lân sanh, chỉ ra ba lân sanh, chỉ ra bôn lân sanh, chỉ ra năm làn sanh, chỉ ra mười làn sanh, chỉ ra hai mươi lần sanh, chỉ ra ba mươi lần sanh, chỉ ra bốn mươi lần sanh, chỉ ra năm mươi làn sanh,... một trăm lần sanh,... một ngàn lần sanh,... nhiều thành kiếp,... nhiều hoại kiếp,... nhiều thành và hoại kiếp trong thời quá khứ của bản thân rằng: “d nơi ấy, Ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, có sự

nhận biết lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ chỗ ấy, Ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. ở nơi kia, Ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, có sự nhận biết lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vày. Từ nơi kia, Ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi này." Như thế, Ngài chỉ ra nhiều kiếp sống trước với nét đại cương và cá biệt. Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ của bản thân như vậy. Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khư của những người khác thế nào? Đức Thế Tôn chỉ ra một lần sanh, chỉ ra hai lần sanh,... chỉ ra nhiều thành và hoại kiếp trong thời quá khứ của những người khác rằng: “d nơi ấy, vị ấy đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, có sự nhận biết lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ chỗ ấy, vi ấy đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. ở nơi kia, vị ấy đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, có sự nhận biết lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ nơi kia, vị ấy đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi nay.^ Như

thế, Ngài chỉ ra nhiều kiếp sống trước với nét đại cương và cá biệt. Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ của những người khác như vậy. Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ của bản thân và của những người khác trong khi nói về năm trăm Bổn sanh, chỉ ra thời quá khứ của bản thân và của những người khác trong khi thuyết Kinh Mahãpadãnỉya. chỉ ra thời quá khứ của bản thân và của những người khác trong khi thuyêt Kỉnh Mahãsudassaniya, chỉ ra thời quá khứ của bản thân và của những người khác trong khi thuyết Kỉnh Mahãgovỉndiya. chỉ ra thời quá khứ của bản thân và của những người khác trong khi thuyết Kinh Mãghadeviya) Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Cunda, liên quan đến thời kỳ quá khứ, đức Như Lai có trí nhớ lại các đời sống trước. Ta đây muốn [nhớ lại] chừng nào thì nhớ lại chừng ấy. Và này Cunda, liên quan đến thời kỳ vi lai... (nt)... Và này Cunda, liên quan đến thời kỵ hiện tại, trí do giác ngộ sanh của đức Như Lai khởi lên rằng: 'Đây là kiếp sông cuối cùng, giờ đây không còn tái sanh níía.'"2 Trí biết được khả năng của người khác về các quyền là Như Lai lực của đức Như Lai, trí về thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm của chúng sanh là Như Lai lực của đức Như Lai, trí về song thông là Như Lai lực của đức Như Lai, trí về sự thể nhập đại bi là Như Lai lực của đức Như Lai, trí toàn giác là Như Lai lực của đức Như Lai, trí không bị ngăn trở là Như Lai lực của đức Như Lai, trí không quyến luyến, không bi trở ngại, không bị ngăn trở trong mọi trường hợp là Như Lai lực của đức Như Lai. Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ, chỉ ra thời vi lai, chỉ ra thời hiện tại của bản thân và của những người khác như vậy, Ngài chỉ dạy, chỉ bảo, thông báo, ấn định, khai mở, chia sẻ, làm rõ, bày tỏ. uVị chỉ ra thời quá khứ" là như thế. Tôn giả Posâỉa nói rằng: ... (nt)... Không còn dục vọng, đã cắt đứt sự nghi ngờ: Dục vọng nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyên ái mãnh liệt,...(nt)... tham đăm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với đức Phật Thế Tôn, dục vọng tham ái ấy đã được dứt b6, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì the, đức Phật là bậc không còn dục vọng. Do trang thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không dục vọng, đức Thế Tôn không xao động vì lợi lộc,... (nt)... không xao động vì khổ đau, không dao động, không run rẩy,

không chấn động, không rung động. "Không dục vọng95 làlìhưthế. Đã cắt đứt sự nghỉ ngờ: Nghi ngờ nói đến hoài nghi, sự nghi ng& về khổ,... (nt)... trạng thái sửng sốt, sự bối rối của tâm. Đối với đức Phật The Tôn,

1 Ba bài kinh đầu thuộc Trường bộ, tức là D. 14, Kỉnh Đại bổn (Mahāpadānīyasuttam)\ D. 17, Kỉnh Đại Thiện Kiên Vương (Mahāsudassaniyasuttani)\ D. 19, Kình Đại Điên Tôn (Mahãgovỉndiyasuttanỉ). Bai kinh còn lại thuộc Trung bộ, số 83, Kinh Maghadevi (Māghadeviyasuttam). 2 D. 29, Kỉnh Thanh tịnh (Pāsādikasuttarn).

nghi ngờ ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bi cụt ngọn, đã bi làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc đã cắt đứt sự nghi ngờ. uKhông còn dục vọng, đã cắt đứt sự nghi ngờ" là như thế. Bậc đã ngự đến bờ kia của tất cả các pháp: Đức Thế Tôn là pāragū (người đi đến bờ kia) do việc biết rõ, pāragū do việc biết toàn diện, pāragū do việc dứt bỏ, pāragū do việc tu tập, pāragū do việc chứng ngộ, pāragū do việc chứng đạt [các thiền]; là pāragū do việc biết rõ tất cả các pháp,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lân nữa không có đôi với vị 2y." uBậc đã ngự đến bờ kia của tất cả các pháp" là như thế. Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến: Là những người có nhu cầu với câu hỏi, chúng con đã đi đến;..(nt)... Ngài hãy di dời gánh năng này. “Vói ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến" còn là như vậy. Vì thế, vi Bà-la-môn ấy đã nói rằng: [Tôn giả Posâla nói rằng:] '"Vớiỷ định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến Gặp bậc đã ngự đen bờ kia của tất cả các pháp, Vi chỉ ra thời quả khứ, Không còn dục vọng, đã cắt đứt sự nghi ngờ.

14.2. Đối với vi có sắc tưởng đã không còn, Có sự dứt bỏ toàn bộ ve thân, Đang nhìn íhấy "không có gì" Thuộc nọi phan va ngoại phan, Thưa Vỉ dòng Sakya, con hỏi thêm về trí [của vi ấy]; Vị thuộc hạng như thế ấy nên được hướng dẫn thế nào? Đối vói vi có sắc tưởng đã không còn: Thế nào là sắc tưởng? Là sự nhận biết, sự tự nhận biết, trạng thái tự nhận biết của vị đã đạt đến sự chứng đạt về sắc giới, hoặc đối với vị đã sanh lên [sắc giới], hoặc đối với vị có sự trú lạc ở ngay chính bản thân này; điều này là sắc tưởng. Đối với vi có sắc tưởng đã không còn: Đối với vi đã đạt được bốn sự chứng đạt vô sắc, sắc tưởng là không còn, đã được lìa khỏi, đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi. uĐối với vị có sắc tưởng đã không cbn" là như thế. Có sự dứt bỏ toàn bộ về thân: Tất cả sắc thân liên quan đến tái sanh của vi ây đã được dứt bỏ do việc vượt qua khỏi có tính chất tạm thời, sắc thân của vị ấy được dứt bỏ bằng sự dứt bỏ với việc đè nén [do việc chứng đắc thiền vô sắc]. "C6 sự dứt bỏ toàn bộ về thân" là như thế. Đang nhìn thấy 6íkhông có gìw thuộc nội phần và ngoại phần. Không có gì: Là sự chứng đạt Vô sở hữu xứ. Vì lý do gì mà "không có gi”

là sự chứng đạt vê Vô sở hữu xứ? Là vì, vị có niệm, sau khi thê nhập sự chứng đạt về Thức vô biên xứ, sau khi xuất ra từ nơi ấy, rồi làm cho không hiện hữu, làm cho hoàn toàn không còn hiện hữu, làm cho biến mất chính cái thức ấy, và nhìn thấy "không có gi." Vì lý do ấy mà "không có gi" là sự chứng đạt ve Vô sở hữu xứ. “Dang nhìn thấy

'không có gi' thuộc nội phần và ngoại phần^, là như thế. Thưa vi dòng Sakya, con hỏi thêm về trí [của vi ấy]. Vi dòng Sakya: Đức Thế Tôn là vị dòng Sakya, "người đã xuất gia từ gia tộc Sakya" là vi dòng Sakya. ... (nt).."c6 sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lia" là vị dòng Sakya. Con hỏi thêm về trí [của vi ấy]: Con hỏi trí của vị ấy là như thế nào, được tồn tại thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì, có nên được ước muốn? "Thua vi dòng Sakya, con hỏi thêm về trí [của vị ấy]" là như thế. Vi thuộc hạng như thế ấy nên được hướng dẫn thế nào? Vi ấy nên được hướng dẫn, nên được huấn luyện, nên được dẫn dắt, nên được truyền dạt, nên được truyền thụ, nên được khơi mở, nên được tạo niềm tin thế nào? Vị ấy nên được làm cho sanh khởi thượng trí the nào? Vi thuộc hạng như thế ấy: Vị thuộc hạng như thế ấy là vi giống như thế ấy, được tồn tại thế ấy, có kiểu cách ấy, có biểu hiện ấy, là vị có được sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ. "Vi thuộc hạng như thế ấy nên được hướng dẫn thế nào?" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: ^Đối với vi có sắc tưởng đã không còn, Có sự dứt bỏ toàn bộ ve thân, Đang nhìn thây 'không có gì' Thuộc nội phần và ngoại phần, Thưa vị dòng Sakya, con hỏi thêm về trí [của vi ấy]; Vi thuộc hạng như thế ấy nên được hướng dẫn thế nào?"

14.3. [Đức Thế Tôn nói: {iNay Posāla,] trong khi biết rõ tất cả các chỗ tru của thức, đức Như Lai biết vỉ ấy đang trú [ở đâu], đã thiên về [điều nào], có điều ấy là đích đến. ° Tất cả các chỗ trú của thức: Đức Thế Tôn biết bốn chỗ trú của thức căn cứ vào pháp tạo tác, biêt bảy chô trú của thức căn cứ vào sự tái sanh. Đức Thế Ton biết bốn chỗ trú của thức căn cứ vào pháp tạo tác nghĩa là thế nào? Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: uNày các Tỳ-khưu, có sự vướng bận với sắc, thì thức, trong khi tồn tại, [sẽ] tồn tại có đối tượng là sắc, có chỗ nâng đỡ là sắc, có sự rải rắc niềm vui, và [sẽ] đạt đến sự phát triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh. Này các Tỳ-khưu, hoặc là có sự vướng bận với thọ9...

TIỂU DIỄN GIẢI 609

(nt)... Này các Tỳ-khưu, hoặc là có sự vướng bận với tưởng,...(nt)... Này các Tỳ-khưu, hoặc là có sự vướng bận với các hành, thì thức, trong khi tồn tại, [sẽ] tồn tại có đối tượng là các hành, có chỗ nâng đỡ là các hành, có sự rải rắc niềm vui, và [sẽ] đạt đến sự phát triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh^,; đức Thế Tôn biết bốn chỗ trú của thức căn cứ vào pháp tạo tác nghĩa là như vậy. Đức Thế Ton biết bảy chỗ trú của thức căn cứ vào sự tái sanh nghĩa là thế nào? Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, có những chúng sanh có thân khác biệt, có tưởng khác biệt, như là loài người, một số thiên nhân và một số hạng ở chốn bị trừng phạt; đây là chỗ trú của thức loại thứ nhất. Này các Tỳ-khmi, có những chúng sanh có thân khác biệt, có tưởng tương d8ng, như là chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên đã được sanh lên nhờ vào Sơ thiền; đây là chỗ trú của thức loại thứ nhì. Này các Tỳ-khưu, có những chúng sanh có thân tương đồng, có tưởng khác biệt, như là chư thiên cõi Quang Âm thiên; đây là chỗ trú của thức loại thứ ba. Này các Tỳ-khưu5 có những chúng sanh có thân tương đồng, có tưởng tương đồng, như là chư thiên cõi Biến Tịnh thiên; đây là chỗ tru của thức loại thứ tư. Này các Tỳ-khưu, có những chúng sanh, do sự vượt qua hẳn toàn bộ các sắc tưởng, do sự biến mất của các tưởng bất bình, do việc không chú ý đến các tưởng khác biệt [nhận

thức rằng]: 'Hu không là vô biên' rồi tiến vào Không Vô Biên Xứ; đây là chỗ trú của thức loại thứ năm. Này các Tỳ-khưu, có những chúng sanh sau khi vượt qua han toàn bộ Không Vô Biên Xứ [nhận thức rằng]: 'Thức là vô biên' rồi tiến vào Thức Vô Biên Xứ; đây là chỗ trú của thức loại thứ sáu. Này các Tỳ-khiru, có những chúng sanh sau khi vượt qua hẳn toàn bộ Thức Vô Biên Xứ [nhận thức rằng]: 'Không có gi' rồi tiến vào Vô Sở Hữu Xứ; đây là chỗ trú của thức loại thứ bảy. Đức Thế Tôn biết bảy chỗ trú của thức căn cứ vào sự tái sanh nghĩa là như vậy?5 “Tất cả các chỗ trú của thức" là như thế. Đức Thế Tôn nói: Này Posãla. Posâia: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên. Đức Thế Tôn: Là từ ximg hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế !!.” "Dức Thế Tôn nói: Này Posâla,9 là như thế. Trong khi biết rõ..., đức Như Lai. Trong khi biết rõ: Trong khi biết rõ là trong khi hiểu, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thau triệt. Đức Nhu* Lai: Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Cunda, nếu việc quá khứ là không thực, không đúng, không có lợi ích, đức Như Lai không giải đáp điều ấy. Này Cunda, nếu việc quá khứ là thực, là đúng, không có lợi ích, đức Như Lai cũng không giải đáp điêu ây. Này Cunda, nếu việc quá khứ là thực, là đúng, có lợi ích, trong trường hợp ấy, đức Như Lai là người biết thời điểm để giải đáp cho chính câu hỏi ấy. Này Cunda, nếu việc vị lai... (nt).. Này

Cunda, nếu việc hiện tại là không thực, không đúng, không có lợi ích, đức Như Lai không giải đáp điều ấy. Này Cunda, nếu việc hiện tại là thực, là đúng, không có lợi ích, đức Như Lai cũng không giải đáp điều ấy. Này Cunda, nếu việc hiện tại là thực, là dúng, có lợi ích, trong trường hợp ấy, đức Như Lai là người biết thời điểm để giải đáp cho câu hỏi ấy. Như thế, này Cunda, về các pháp quá khứ, vị lai, và hiện tại, đức Như Lai là vị nói đúng thời, vị nói về sự thật, vi nói về mục dích, vị nói về Pháp, vi nói về Luật; vì thế, được gọi là 'đức Như Lai'. Này Cunda, điều gì thuộc về thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, đã được đạt đến, đã được tìm kiếm, đã được cân nhắc bởi ý, mọi điều ấy đều đã được biết rõ toàn diện bởi đức Như Lai; vì thế, được gọi là 'đức Như Lai\ Này Cunda, vào đêm đức Như Lai giác ngộ quả vi Chánh đẳnẹ giác vô thượng, và vào đêm [đức Như Lai] viên tịch Niêt-bàn ở cảnh giới Niêt-bàn không còn dư sót, điều nào đức Như Lai thuyết giảng, nói ra, chỉ dạy trong khoảng thời gian này, mọi điều ấy đều là y như thế, không sai khác; vì thế, được gọi là 'đức Như Lai\ Này Cunda, đức Như Lai nói như thế nào làm như thế ấy, làm như thế nào nói như thế ấy. Như vậy, nói như thế nào làm như thế ấy5 làm như thế nào nói như thế ấy; vì thế, được gọi là 'dức Như Lai\ Này Cunda, ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa- môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, đức Như Lai là đấng Chiến Thắng, bậc Không Bi Thống Tri, bậc Nhìn Thấy Tất Cả? bậc Vận HànhQuyền Lực; vì thế, được gọi là 'đức Như Lai5.59 "Trong khi biết rõ..., đức Như Lai" là như thế. Biết vị ấy đang trú [ờ đâu]: Đức Thế Ton biết về người hiện đang ở thế gian này căn cứ vào pháp tạo tác là nghiệp rằng: "Người này, khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào đọa xứ5 cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục.55 Đức Thế Tôn biết về người hiện đang ở thế gian này căn cứ vào pháp tạo

tác là nghiệp rằng: "'Người này, khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào loài thii." Đức Thế Tôn biết về người hiện đang ở thế gian này căn cứ vào pháp tạo tác là nghiệp rằng: "Người này, khi tan rã thân xác và chết di, sẽ sanh vào thân phận nga quy." Đức Thể Tôn biết về người hiện đang ở thế gian này căn cứ vào pháp tạo tác là nghiệp rang: "Nguôi này, khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào ở loài người.^, Đức Thế Tôn biết về người hiện đang ở thế gian này căn cứ vào pháp tạo tác là nghiệp rằng: "Người này đã thực hành tốt đẹp, khi tan rã thân xác và chết di, sẽ sanh vào chốn an vui, cõi trời, thế gian [này].,, Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "d đây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta nhận biết về một người nào đó rằng: 'Người này thực hành the này, cư xử the này, và đi vào đạo lộ ấy, như thế thì khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục/ ở đây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta

TIÊU DIỄN GIA611

nhận biết về một người nào đó rằng: 'Người này thực hành thế này, cư xử thế này, và đi vào đạo lộ ấy, như thế thì khi tan rã thân xác và chết di, sẽ sanh vào loài thú/ ở dây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta nhận biết về một người nào đó rằng: 'Người này thực hành thế này, cư xử thế này, và đi vào đạo lộ ấy, như thế thì khi tan rã thân xác và chết di, sẽ sanh vào thân phận nga quỷ/ ở đây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta nhận biêt về một người nào đó răng: 'Người này thực hành thê này, cư xử thê này, và đi vào đạo lộ ấy, như thế thì khi tan rã thân xác và chết di, sẽ sanh vào giữa loài người/ ở dây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta nhận biết về một người nào đó rằng: 'Người này thực hành thế này, cư xử thế này, và đi vào đạo lộ ấy, như thế thì khi tan rã thân xác và chết di, sẽ sanh vào chôn an vui, cõi trời, thế gian [này].5 ở dây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta nhận biết về một người nào đó rằng: 'Người này thực hành thế này, cư xử thế này, và đi vào đạo lộ ấy, như thế thì do sự cạn kiệt của các lậu hoặc, nhờ vào thắng trí của mình sẽ chứng ngộ, sẽ đạt đến, và an trú vào sự không còn lậu hoặc, sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ ngay ở đời hiện tại."' "Biết vị ấy đang trú [ở dâu]" là như thế. Đã thiên về [điều nào], có điều ấy là đích đến. Đã thiên về [điều nào]: Là đã thiên về khuynh hướng giải thoát ở Vô sở hữu xứ, đã thiên về nơi ấy, đã thiên về nó, đã xem nó là chủ đạo. Hoặc là, đức Thế Tôn biết rằng: "Người này thiên về sắc, thiên về thinh, thiên về hương, thiên về vị, thiên về xúc, thiên về gia tộc, thiên về đồ chúng, thiên về chỗ ngụ, thiên về lợi lộc, thiên về danh vọng, thiên về lời khen, thiên về hạnh phúc, thiên về y phục, thiên về đồ ăn khất thực, thiên về chỗ nằm ngồi, thiên về vật dụng là thuốc men chữa bệnh, là vị thiên về Kinh, thiên về Luật, thiên về Thắng pháp, thiên về pháp của vị ngụ ở rừng, thiên về pháp của vi chuyên đi khất thực, thiên về pháp của vi chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, thiên về pháp của vị chỉ sử dụng ba y, thiên về pháp của vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà, thiên về pháp của vị không ăn vật thực dâng sau, thiên về pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), thiên về pháp của vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định, thiên về Sơ thiền, thiên về Nhi thiền, thiên về Tam thiền, thiên về Tứ thiền, thiên về sự chứng đạt Không vô biên xứ, thiên về sự chứng đạt Thức vô biên xứ, thiên về sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, thiên về sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng

xứ." aíĐã thiên về [điều nào]^, là như thế. Có điều ấy là đích đến: Yếu tố Vô sở hữu xứ có điều ấy là đích đến, có nghiệp là đích đên, có ạuả thành tựu là đích đên, có sự chú trpng vê nghiệp, có sự chú trọng về việc nối liền tái sanh. Hoặc là, đức Thế Tôn biêt rằng: "Người này có sắc là đích dến,...(nt)...có sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ là đích đến." uĐã thiên về [điều nào], có điều ấy là đích đến" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: "Này Posāla] trong khi biết rõ tất cả các chỗ trú của thức, đức Như Lai biết vị ấy đang trú [ở đâu], đã thiên ve [điều nào], có điều ấy là đích đến. "

r \ jr r r ọ y 14.4. Sau khi biêt được nguôn xuât phát của Vô sở hữu, [biêt được] răng: "Vui thích là sự ràng buộc ", sau khi biêt rõ điêu áy như vây, từ đó nhìn thây rõ nơi ấy; đây là trí như thật của vỉ ấy, của vỉ Bà-la-môn đã song hoàn hảo. Sau khi biết được nguồn xuất phát của Vô sở hữu: Nguồn xuất phát của Vô sở hữu xứ nói đến pháp tạo tác là nghiệp đưa đến Vô sở hữu xứ. Sau khi biết được "pháp tạo tác là nghiệp đưa đên Vô sở hữu xứ là nguôn xuât phát của Vô SỞ hữu", sau khi biêt được "sự dính māc9\ sau khi biêt được í4sự cột tr6i"sau khi biết được "SỊT vướng ban", sau khi biết, sau khi cân nhắc, sau khi xác đinh, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. "Sau khi biết được nguồn xuất phát của Vô sở hữu" là như thế. [Biết được] rằng: 6iVui thích là sự ràng buộc95: Sự ràng buộc bởi vui thích nói đên sự luyên ái ở vô sác. Do sự luyên ái ở vô sc, nghiệp ây bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại. Sau khi biêt được "su luyên ái ở vô sác là sự ràng buộc bởi vui thích", sau khi biết được "SỊT dính mc", sau khi biết được "sự cột tróf\ sau khi biết được "SỊT vướng ban", sau khi biết, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh đinh, sau khi làm rõ rệt. Rằng: Từ "" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn. "[Biết được] rằng: Vui thích là sự ràng buOc" là như thế. Sau khi biết rõ điều ấy như vậy: Sau khi biết rõ, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt điều ấy như vậy. "Sau khi biết rõ điều ấy như vāy" là như thế. Từ đó nhìn thấy rõ noi ấy. N(ri ây: Sau khi chứng đạt Vô sở hữu xứ, sau khi xuât ra từ nơi ây, tại chô đó nhìn thấy rõ các pháp về tâm và sở hữu tâm được sanh lên là vô thường, nhìn thấy rõ là khổ, nhìn thấy rõ là cơn bệnh... (nt)... là sự thoát ra, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát. "Từ đó nhìn thấy rõ nơi ấy" là như thế. Đây là trí như thật của vị ấy: Trí này là đúng đắn, thực thể, chính xác, không bị sai lệch, thuộc về Vị ấy. "Đây là trí như thật của vị ấy,9 là như thế. Của vi Bà-la-môn đã sống hoàn hảo.

Vi Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp:... Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn. Của vị Bà-la-môn đã sống hoàn hảo: Bảy hạng Thánh Hữu học, tính luôn phàm nhân tốt lành, sống, cộng trú, cư trú, lưu trú nhằm đạt đến pháp chưa đạt đến, nhằm chứng đắc pháp chưa chứng đắc, nhằm chứng ngộ pháp chưa chứng ngộ; còn bậc A-la-hán, đã được hoàn mãn, có việc cần làm đã làm, có gánh nặng

đã được đặt xuống, có mục đích của mình đã được đạt đến, có sự trói buộc ở hữu đã được đoạn tận, đã hiểu biết đúng đắn, đã được giải thoát. Vi ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt).. việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.” “Cha vi Bà-la-môn đã sống hoàn h2o" là như thế. Vì thê, đức The Ton đã noi răng: “Sau khi biêt được nguồn xuâtphát của Vô sở hữu, [biêt được] răng: 'Vui thích là sự ràng buộcsau khỉ biết rõ điều ấy như vậy, từ đó nhìn thấy rõ nơi ấy; đây là trí như thật của vi ấy, của vị Bà-ỉa-môn đã song hoàn hảo, 0 Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... "Bạch ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.” uDiễn giải kinh Posâlaw được hoàn tất.

614 KINH TIỂU Bộ

15. DIỄN GIẢI KINH MOGHARĀJA (MOGHARĀJASUTTANIDDESO)

15.1. [Tôn giả Mogharậịa nói rằng:] "Con đã hỏi vi dòng Sakya hai lần. Bậc Hữu Nhãn đã không giải đáp cho con, Và con đã được nghe rang: '[Được hỏi] đến lần thứ ba, bậc Thiên Nhân Ân Sĩ [sẽ] giải đáp, Con đã hỏi vi dòng Sakya hai lần: Vị Bà-la-môn ấy đã hỏi đức Phật Thế Tôn câu hỏi đến hai lần. Được hỏi câu hỏi, đức Thế Tôn đã không giải đáp cho vị ấy [nghĩ rằng]: "Trong khoảng thời gian ấy, sẽ có sự chín muồi của các quyền cho vị Bà-la-môn này.,, Vi dòng Sakya: Đức Thế Tôn là vị dòng Sakya, "ngư&i đã xuất gia từ gia tộc Sakya" là vi dòng Sakya. Hoặc là, "người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn" là vi dòng Sakya. Vị ấy sở hữu các tài sản này, tức là: Tài sản về đức tin, tài sản về giới, tài sản về hổ thẹn [tội lỗi], tài sản về ghe sợ [tội lỗi], tài sản về kiến thức, tài sản về xả thí, tài sản về trí tuệ, tài sản về thiết lập niệm, tài sản về chánh cần, tài sản về nền tảng của thần thông, tài sản về quyền, tài sản về lực, tài sản về yếu tố đưa đến giác ngộ, tài sản về Đạo, tài sản về Quả, tài sản về Niết-bàn, "người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn với các tài sản và bảo vật nhiều loại này" là vi dòng Sakya. Hoặc là, có năng lực, có tiêm năng, có khả năng, dũng cảm, anh hùng, quả cảm, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rởn lông đã được xa lia" là vị dòng Sakya. Con đã hỏi vi dòng Sakya hai lần: Con đã hỏi vi dòng Sakya hai lần, con đã yêu cầu, con đã thỉnh cầu, con đã đặt niềm tin. "Con đã hỏi vi dòng Sakya hai ln" là như thế. Tôn giả Mogharāja nói rằng. Rằng: [Từ "icca” này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)... Tôn giả: [Từ "āyasmā này] là lời nói yêu mến,...(nt)... Mogharāja: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,...(nt)... từ kêu gọi. uTôn giả Mogharāja nói rằng,, là như thế. Bậc Hữu Nhãn đã không giải đáp cho con. Đã không giải đáp cho con: Đã không giải đáp cho con là đã không chỉ dạy, đã không chỉ bảo, đã không thông báo, đã không ấn định, đã không khai mở, đã không chia sẻ, đã không làm rõ, đã không bày tỏ.

TIỂU DIỄN GIẢI 615

Bậc Hữu Nhãn: Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với năm loại nhãn (con mắt): Bậc Hữu Nhãn với nhục nhân, bậc Hữu Nhãn với thiên nhãn, bậc Hữu Nhãn với tuệ nhãn, bậc Hữu Nhãn với Phật nhãn, bậc Hữu Nhãn với toàn nhãn. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với nhục nhãn nghĩa là thế nào? ở nhục nhãn của đức Thế Tôn hiện hữu năm màu sắc:

Màu xanh, màu vàng, màu đỏ9 màu đen và màu trắng. Và các lông mi của đức Thế Tôn: Nơi nào các lông mi mọc, màu xanh ở nơi ấy là màu xanh tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây ummâ. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu vàng, là màu vàng tuyền, màu của kim loại vàng, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây kanikāra. Hai bên đuôi mắt của đức The Tôn có màu đỏ, là màu đỏ tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu của loài mối cánh. Chính giữa [hai con mắt] có màu đen, là màu đen tuyền, không sần sùi, bóng láng, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu trái addāritthaka. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu trắng, là mau ứắng tuyền, trắng tinh, trắng sáng, duyên dáng, đáng nhìn, như là ngôi sao osadhĩ. Nhục nhãn tự nhiên ấy, nương ở kim thân, đã được sanh lên do hạnh nghiệp tốt đẹp trong thời quá khứ; thông qua nó, đức Thế Tôn nhìn thấy xung quanh một do-tuần9 ban ngày và luôn cả ban đêm. Ngay cả vào lúc tối tăm hội đủ bốn yếu tố: Mặt trời đã lặn xuống, vào ngày trai giới thuộc hạ huyền (đêm cuối tháng âm lịch), nơi khu rừng già sâu thẳm, và có đám mây đen lớn trỗi dậy; ngay cả vào lúc tối tăm hội đủ bốn yếu tố có hình thức như thế, Ngài cũng vẫn nhìn thấy xung quanh một do-tuần. ở nơi nào dầu có vách tường, cánh cửa, tường thành, ngọn núi, bụi rậm, hoặc dây leo, cũng không là sự ngăn trở việc nhìn thấy các hình thể. Nếu sau khi làm dấu một hạt mè rồi ném vào cỗ xe chở hạt mè, Ngài vẫn có thể nhặt lên chính hạt mè ấy. Nhục nhãn tự nhiên của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với nhục nhãn nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với thiên nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, với thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp dẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, vị ấy biết được rang các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng: "Quả vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có uế hạnh về thân, có uế hạnh về khẩu, có uế hạnh về ý? vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán thành các hành động do tà kiên. Những kẻ ây9 khi tan rã thân xác và chét di, bị sanh vào đọa xứ, cối khổ, nơi trừĩiệ phạt, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có thiện hạnh vê thân, có thiện hạnh về khẩu, có thiện hạnh về ý, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến. Những người ấy, khi tan rã thân xác và chết di, được sanh vào chốn an vui, cõi trời, thế gian [ny]." Như thế, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, Ngài nhìn thây các chúng sanh trong khi chét đi roi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ngài biết được răng các chúng sanh đêu đi theo nghiệp tương ứng. Và trong khi mong

muốn, đức Thế Tôn có thể nhìn thấy một thế giới,1 có thể nhìn thấy hai thế giới, có thể nhìn thấy ba thế giới, có thể nhìn thấy bốn thế giới, có thể nhìn thấy năm thế giới, có thể nhìn thấy mười thế giới, có thể nhìn thấy hai mươi thế giới, có thê nhìn thây ba mươi thê giới, có thê nhìn thây bôn mươi thê giới, có thê nhìn thấy năm mươi thế giới, có thể nhìn thấy nhất thiên tức tiểu thế giới, có thể nhìn thấy nhi thiên tức trung thế giới, có thể nhìn thấy tam thiên tức đại thiên thế giới.2 Hơn nữa, Ngài mong muốn đến chừng nào thì Ngài có thể nhìn thấy đến chừng ấy. Thiên nhãn của đức Thế Tôn là thanh tinh như vậy. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với thiên nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với tuệ nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Ton là bậc có tuệ vĩ dại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiếu, có tuệ tốc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ• thâu 2 suôt, là bậc r • thiện xảo trong việc chia chẻ r băng tuệ, bậc có trí đã được phát triên, đã đạt đên tuệ phân tích, đã đạt được bôn pháp tự tín, có sự duy trì mười lực, là bậc Nhân Ngưu, bậc Nhân Sư, bậc Nhân Tượng, bậc Nhân Kiệt, bậc Nhân Đạo, bậc có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có [về trí tuệ], có tài sản lớn [về trí tuệ], sở hữu tài sản [về trí tuệ], là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dan, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khơi Mở, bậc Khởi Tín. Chính đức Thế Tôn ấy là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vị tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết ve đạo lộ, là vi hiểu rõ ve đạo lộ, là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ là các đệ tử của Ngài hiện nay đang an trú và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy]. Chính đức Thế Tôn ấy biết [đúng bản thể] điều cần phải biết, thấy [đúng bản thể] điều cần phải thấy, là bậc có bản thể của mắt, có bản thể của trí, có bản thê của pháp, có bản thê của Phạm thiên, là vị công bô, vị tuyên thuyêt, vị chỉ dẫn mục đích, vị ban cho bất tử, bậc Pháp Chủ, đức Như Lai. Đối với đức Thế Tôn ấy, không có việc không biết, không thấy, không hiểu rõ, không chứng ngộ, không chạm đên băng tuệ. Tát cả các pháp liên quan đên quá khứ, tương lai, hiện tại, với mọi biểu hiện, đều đi đến phạm vi ở trong tầm trí tuệ của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì có thể biết, nghĩa là có pháp cần phải biết, có lợi ích cho mình, hoặc có lợi ích cho người khác, hoặc có lợi ích cho cả hai, hoặc có lợi ích liên quan đời này, hoặc có lợi ích liên quan đời sau, hoặc có lợi ích hời hợt, hoặc có lợi ích sâu sắc, hoặc có lợi ích được giấu kín, hoặc có lợi ích được che đậy, hoặc có lợi ích tiêm tàng, hoặc có lợi ích hiên hiện, hoặc có lợi ích không tội lỗi, hoặc có lợi ích không ô nhiễm, hoặc có lợi ích trong trang, hoặc có lợi ích là lợi ích tôi thượng, tát cả [các] điêu ây đêu vận hành ở bên trong trí của đức Phật. Tất cả thân nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí, tất cả khẩu nghiệp đều vận hành theo trí, tất cả ý nghiệp đều vận hành theo trí. Đức

1 Xem chú thích về ^Lokadhātu" (Thế giới) ở trang 223. (ND) 2 Xem chú thích về "Nhất thiên (Tiểu thế giới), Nhị thiên (Trung thế giới), Tam thiên (Đại thiên thế giới),^ ở trang 294. (ND)

Phật Thế Tôn có trí không bị chướng ngại về quá khứ, co trí không bị chướng ngại về vị lai, có trí không bị chướng ngại về hiện tại. Điều có thể biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều có thể biết là chừng ấy. Trí có điều có thể biết là giới hạn, điều có thể biết có trí là giới hạn; vượt qua điều có thể biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều có thể biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Giống như hai nắp đậy của cái hộp được gắn liền đúng đắn, nắp đậy bên dưới không lệch nắp trên, nắp đậy bên trên không lệch nắp dưới, chúng có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau; tương tự như vậy, điều có thể biết và trí của đức Phật Thế Tôn có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Điều có the biết là chừng nào thì trí là chừng ấy5 trí là chừng nào thì điều có thể biết là chừng ấy. Trí có

điều có thể biết là giới hạn, điều có thể biết có trí là giới hạn; vượt qua điều có thể biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điêu có thê biêt; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả các pháp. Tất cả các pháp được gắn liền với sự hướng tâm, được gắn liền với sự mong muốn, được găn liền với sự chú tâm, được gắn liền với sự khởi tâm của đức Phật Thế Tôn. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả chúng sanh. Đức Thế Tôn biết tính tình, biết tiềm năng, biết nết hạnh, biết khuynh hướng của tất cả chúng sanh. Ngài nhận biết các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, có khả năng và không có khả năng. Thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn9 Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài cá và rùa nào, thậm chí luôn cả cá ông và cá voi, chuyển vận ở bên trong đại dương; tương tự như vậy, thế gian tính luôn cõi chư thiên, cối Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn5 các hạng chu thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài có cánh nào, thậm chí luôn cả loài nhân điểu là loài linh thú, chuyển vận ở phạm vi thuộc bầu trời; tương tự như vậy, những vị nào tương đương với vị Sāriputta về tuệ, những vị ấy cũng chuyển vận ở phạm vi thuộc Phật trí; Phật trí thâm nhập, thống trị, và ngự trị tuệ của chư thiên và loài người. Những vị Sát-đế-lỵ sáng suốt, những vi Bà-la-môn sáng suốt, những gia chủ sáng suốt, những vị Sa-môn sáng suôt, tinh tê, quen thuộc với học thuyêt của những người khác như người cung thủ có thể bắn trúng cọng tóc, nghĩ rằng họ hành xử với sự thành tựu của tuệ trong khi bẻ đôi các tà kiến. Sau khi chuẩn bị các câu hỏi, họ đi đến gặp đức Như Lai rồi hỏi các điều bí mật và đã được che giấu. Được đức Thế Tôn giảng giải và trả lời, các câu hỏi ấy trở nên rõ ràng. Những người ấy đều quy thuận với đức Thế Tôn. Khi ấy, chính đức Thế Tôn, trong trường hợp ấy, chói sáng rực rỡ; điều ấy là nhờ vào tuệ. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với tuệ nhãn nghĩa là như vậy.

618 KINH TIỂU BỒ

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với Phật nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, trong khi dùng Phật nhãn quan sát thế gian, đã nhìn thấy các chúng sanh có tam nhìn bị vay bụi ít và có tam nhìn bị vay bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiếu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác. Cũng giống như ở hồ sen xanh, hoặc ở hồ sen hồng, hoặc ở hồ sen trắng; có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, không vươn ra khỏi nước, và được nuôi dưỡng chìm ở bên trong [nước]; có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở tronệ nước, được phát triển ở trong nước, sống ngang bằng mặt nước; và có một sô sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triên ở trong nước, vươn

lên khỏi nước, và tôn tại không bị vây bân bởi nước; tương tự y như thế, đức Thế Ton trong khi dùng Phật nhãn quan sát thế gian đã nhìn thấy các chúng sanh có tàm nhìn bi vây bụi ít và có tâm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thây] một sô chúng sanh đang sông có sự nhìn thây nôi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác. Đức Thế Tôn biết rằng: "Người này có tánh luyến ái, người này có tánh sân, người này có tánh si, người này có tánh tầm, người này có tánh tín, người nay co tánh giác." Đối với người có tánh luyến ái, đức Thế Tôn thuyết bài giảng về đề mục tử thi. Đối với người có tánh sân, đức Thế Tôn chỉ dạy sự tu tập về tâm từ. Đối với người có tánh si, đức Thế Tôn dạy bảo việc đọc tụng, việc vấn hỏi, việc lắng nghe giáo pháp lúc hợp thời, việc bàn luận giáo pháp lúc hợp thời, việc cộng trú với vi thầy. Đối với người có tánh tầm, đức Thế Ton chỉ dạy về niệm hơi thở vào hơi thở ra. Đối với người có tánh tín, đức Thế Tôn chỉ dạy về biểu hiện đem lại sự thành tín: Sự giác ngộ tốt đẹp của đức Phật, tính chất tốt đẹp của Giáo pháp, sự hành trì tốt đẹp của chúng Tăng, và các giới của bản thân. Đối với người có tánh giác, đức Thế Tôn chỉ dạy về ấn chứng của pháp minh sát: Biểu hiện của vô thường, biểu hiện của khổ, biểu hiện của vô ngã. l. "Giống như người đứng ở đỉnh đầu của ngọn núi đả, cũng giống như người có the nhìn thay dân chủng ở xung quanh, tương tự như the ấy, bạch đấng Khôn Ngoan, bạch đang Toàn Nhãn, sau khi bước lên tòa lâu đài làm bang giảo pháp, xin bậc đã xa lìa sau muộn hãy quan sát chủng sanh bị rơi vào sầu muộn, bi thống trị bởi sanh và già." Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với Phật nhãn nghĩa là như vậy.

TIÊU DIỄN GIẢI 619

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với toàn nhãn nghĩa là thế nào? Toàn nhãn noi đen trí toan giác. Đức The Ton đã tiên đen, đã tiên gan, đã đen gan, đã tiên vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu với trí toàn giác. 2. "Đôi với Ngài, không có bát cứ điêu gì ở nơi đây là không được nhìn thây, không được nhận thức, hoặc không thê biêt được. Điêu nào có thê biêt được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhdn." Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với toàn nhãn nghĩa là như vậy. uBậc Hữu Nhãn đã không giải đáp cho con" là như thế. Và con đã được nghe rằng: w[Được hỏi] đến lần thứ ba, bậc Thiên Nhân Ẩn Sĩ [sẽ] giải đápw: "Được hỏi câu hỏi đúng pháp đến lần thứ ba, đức r r Phật [sẽ] giải đáp, không bỏ qua", con đã tiêp thu như vậy, con đã tiêp nhận như vậy, con đã nhận định như vậy. Bậc Thiên Nhân Ẩn Sĩ: Đức Thế Tôn vừa là vị Thiên Nhân vừa là vị Ẩn Sĩ. "Bậc Thiên Nhân Ẳn Sĩ5' là như thế. Giống như vị xuất gia từ hàng vua chúa được gọi là vua chúa ân sĩ, vi xuât gia từ dòng Bà-la-môn được gọi là Bà-la-môn ẩn sĩ, tương tự y như vậy, đức Thế Tôn vừa là vị Thiên Nhân vừa là vị Ản Si. "Bậc Thiên Nhân Ẳn sr là như thế. Hoặc là, đưc Thế Tôn cũng là đã xuất gia" và là vi ẩn sĩ. í6yị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao" la vị ẩn sĩ. "Vi đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu định uẩn lớn lao... (nt).. tuệ uẩn lớn lao... (nt)... giải thoát uẩn lớn lao... (nt)... giải thoát tri kiến uẩn3 lớn lao" là vi ẩn sĩ. "Vi đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự phá tan khối tam tối lớn [ao" là vị ẩn sĩ. uyị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu

sự phá vỡ điều trái khuấy lớn lao" là vị ẩn sĩ. uVị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự nhổ lên mũi tên tham ái lớn lao"...(nt).. sự tháo tung mối rối rắm tà kiến lớn lao”... sự xô ngã ngọn cờ ngã mạn lớn lao”...(nt)... sự văng lặng pháp tạo tác lớn lao".. sự thoát khỏi dòng lũ lớn lao"... sự quăng bỏ gánh nặng lớn lao"... sự cắt đứt vòng quay luân hôi lớn lao"... việc dập tát sự nóng nảy lớn lao”... việc tịch tịnh sự bực bội lớn lao"... việc nâng lên ngọn cờ giáo pháp lớn lao” là vị ẩn sĩ. "Vị đã tìm kiêm, đã tìm tòi, đã tâm câu các sự thiêt lập niệm lớn lao... các chánh cần lớn lao... các nền tảng của thần thông lớn lao... các quyền lớn lao... các lực lớn lao... các yếu tố đưa đến giác ngộ lớn lao... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần lớn lao... lợi ích tối thượng lớn lao, bất tử, Niết-bSn" là vị ẩn sĩ. được tâm câu, được tìm tòi, được tìm kiêm bởi các chúng sanh có uy lực lớn lao [hỏi rằng]: Đức Phật ngự ở đâu? Đức Thế Tôn ngự ở đâu? Chúa của chư thiên ngự ở đau? Đấng Nhân Ngưu ngự ở dâu?" là vị an sĩ. uVà con đã được nghe ràng: [Được hỏi] đến lần thứ ba, bậc Thiên Nhân Ẩn Sĩ [sẽ] giải đáp” là như thế. Vì thế, vi Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

3 Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

[Tôn giả Mogharāja nói răng:] "Con đã hỏi vi dòng Sakya hai lân. Bậc Hữu Nhãn đã không giải đáp cho con. Và con đã được nghe rằng: '[Được hỏi] đến lần thứ ba, bậc Thiên Nhân Ẩn Sĩ [sẽ] giải đáp.'

15.2. Thế giới này, thế giới khác, Thế giới Phạm thiên luôn cả chư thiên Không [thê] biêt rõ quan diêm của Ngài, Của vi Gotama có danh vọng. Thế giới này, thế giới khác. Thế giới này: Thế giới loài người. Thế giới khác: Tất cả các thế giới khác ngoại trừ thế giới loài người. "Thế giới này, thế giới khác,9 là như thế. Thế giới Phạm thiên luôn cả chư thiên: Thế giới có luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đen dòng dõi Sa-môn, Bà-lam6n, chư thiên và loài người. "Thế giới Phạm thiên luôn cả chư thiên" là như thế. Không [thể] biết rõ quan điểm của Ngài: Thế giới không biết quan điểm, sự chấp nhận, sự ưa thích, quan niệm, ý định, chủ tâm của Ngài, không biết, không nhìn thấy, không trông thấy, không đạt đến, Idiông tìm thấy, không tiếp nhận rằng: "Vị này có quan điểm như vậy, có sự chấp nhận như vậy, có sự ưa thích như vậy, có quan niệm như vậy, có ý định như vậy, có chủ tâm như vay." "Không [thể] biết rõ quan điểm của Ngài” là như thế. Của vi Gotama có danh vọng: "Đức Thế Tôn đạt được danh vọng,9 là vị có danh vọng. Hoặc là, "dức Thế Tôn được trọng vọng, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được y phục, đồ ăn khất thực, chỗ nằm ngồi và vật dụng là thuốc men chữa bênh" là vị có danh vọng. uCủa vi Gotama có danh vọng,, là như thế. Vì thế, vi Bà-la-môn ấy đã nói rằng: '"Thế giới này, thế giới khác, The giới Phạm thiên luôn cả chư thiên Không [the] biết rõ quan điểm của Ngài, Của vị Gotama có danh vọng."

15.3. Con đã đi đến bậc có nhãn quan vượt trội như vậy với ỷ đinh [hỏi] câu hỏi: Người đang xem xét the giới như the nào thì tử thần không nhìn thấy [ngươi ấy]? Bậc có nhãn quan vượt trội như vậy: Bậc có nhãn quan vượt trội, có nhãn quan cao cả, có nhãn

quan hạng nhất, có nhãn quan thù thắng, có nhãn quan dẫn đầu, có nhãn quan tối thượng, có nhãn quan tột đỉnh như vậy.

TIỂU DIỄN GIẢI 621

"Bậc có nhãn quan vượt trội như vāy,9 là như thế. Con đã đi đến với ý đinh [hỏi] câu hỏi: Là người có nhu cầu với câu hỏi, chúng con đã đi đến..(nt). Ngài hãy di dời gánh nặng này. “Con đã đi đến với ý đinh [hỏi] câu hỏr9 còn là như vậy. Người đang xem xét thế giới như thế nào: Người đang xem xét, dang quán xét lại, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt thê gian như thế nào. JT A r "Người đang xem xét thê giới như thê nào" là như thê. Tử thần không nhìn thấy [người ấy]: Tử thần không nhìn thấy, không trông thấy, không đạt đến, không tmi thấy; không tiếp nhận. “Tử thần không nhìn thấy [người ấy]” là như thế. Vì thế, vi Bà-la-môn ấy đã nói rằng: r "Con đã đi đên bậc có nhãn quan vượt trội như vậy với ỷ đinh [hỏi] câu hỏi: Người đang xem xét thê giới như thê nào thì tử thân không nhìn thấy [người ấy]? ”

15.4. Ngươi hãy xem xét thê giới là trông không, Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm. Sau khi nhổ lên tà kiến về bản ngã, Như vậy có the vượt qua tử than. Người đang xem xét thê giới như vậy, Thần chết không nhìn thấy [người ầy]. Ngươi hãy xem xét thế giới là trống không. Thế giới: Thế giới địa ngục, thế giới loài thú, thế giới nga quỷ, thế giới loài người, thế giới chư thiên, thế giới của các uẩn, thế giới của các giới, thế giới của các xứ, the giới này, the giới khác, the giới Phạm thiên luôn cả thế giới chư thiên. Một vi Tỳ-khiru nào đó đã nói đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, 'thế giới, thế giới9 được nói đến. Bạch Ngài, về phương diện nào thì 'thế được nói đến?" “Này Tỳ-khưu? 'bị tan rã\ do điều ấy 'thế giới5 được nói đến. Và cái gì bi tan rã? Này Tỳ-khiru, mắt bị tan rã5 các sắc bi tan rã, nhãn thức bị tan rã, nhãn xúc bị tan rã, cảm thọ nào sanh lên do duyên nhãn xúc, dầu là lạc, hay là kho, hay là không kho không lạc, cái ấy cũng bị tan rã; tai bi tan rã, các thinh bị tan rã,... mũi bị tan rã, các hương bị tan r.. lưỡi bị tan rã, các vị bị tan rã,... thân bị tan rã? các xúc bị tan rã,... ý bi tan rã, các pháp bị tan rã, ý thức bi tan rã, ý xúc bị tan rã, cảm thọ nào sanh lên do duyên ý xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay la không khổ không lạc, cái ấy cũng bị tan rãL” Này Tỳ-khưu, tan r*', do điều ấy 'íhế giód“ được nói đến. Ngươi hãy xem xét thế giới là trống không: Xem xét thế giới là trống không theo hai cách: Căn cứ vào việc quan sát sự diễn tiến không thuộc quyền kiểm soát, căn cứ vào việc thay rõ các pháp tạo tác là rỗng không. Xem xét thế

giới là trống không, căn cứ vào việc quan sát sự diễn tiến không thuộc quyền kiểm soát nghĩa là thế nào? Sự kiểm soát ở sắc không đạt được, sự kiểm soát ở thọ không đạt được, sự kiểm soát ở tưởng không đạt được, sự kiểm soát ở các hành không đạt được, sự kiểm soát ở thức không đạt được. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khưu, sắc là vo ngã.4 Này các Tỳ- khưu, bởi vì nếu sắc này là ngã thì sắc này không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể đạt được ở sắc [theo ý muốn] rằng: 'Sắc của ta hãy là như vầy, sắc của ta đừng trở thành như vầy/Này các Tỳ-khiru? chính vì sắc là vô ngã, do đó sắc đi đến bệnh hoạn, và không thể đạt được ở sắc [theo ý muốn] rằng: 'Sắc

của ta hãy là như vầy, sắc của ta đừng trở thành như vầy/ Thọ là vô ngã. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu thọ này là ngã thì thọ này không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể đạt được ở thọ [theo ý muốn] rằng: 'Thọ của ta hãy là như vầy, thọ của ta đừng trở thành như vầy.' Này các Tỳ-khmi, chính vì thọ là vô ngã, do đó thọ đi đến bệnh hoạn, và không thể đạt được ở thọ [theo ý muốn] rằng: 4Thọ của ta hãy là như vầy, thọ của ta đừng trở thành như vầy/ Tưởng là vô nệã. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nêu tưởng này là ngã thì tưởng này không thể đi đên bệnh hoạn, và có thể đạt được ở tưởng [theo ý muốn] rằng: 'Tưởng của ta hãy là như vầy, tưởng của ta đừng trở thành như vầy/ Này các Tỳ-khmi5 chính vì tưởng là vô ngã, do đó tưởng đi đến bệnh hoạn, và không thể đạt được ở tưởng [theo ỵ muốn] rằng: 'Tưởng của ta hãy là như vầy, tưởng của ta đừng trở thành như vây/ Các hành là vô ngã. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu các hành này là ngã thì các hành này không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể đạt được ở các hành [theo ý muốn] rằng: 'Các hành của ta hãy là như vầy, các hành của ta đừng trở thành như vầy.' Này các Tỳ-khưu, chính vì các hành là vô ngã, do đó các hành đi đến bệnh hoạn, và không thể đạt được ở các hành [theo ý muốn] rằng: 'Các hành của ta hãy là như vầy, các hành của ta đừng trở thành như vầy.' Thức là vô ngã. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu thức này là ngã thì thức này không thể đi đến bệnh hoạn, và có the đạt được ở thức [theo ý muốn] rằng: 'Thức của ta hãy là như vầy, thức của ta đừng trở thành như vầy.' Này các Tỳ- khiru, chính vì thức là vô ng,do đó thức đi đến bệnh hoạn, và không thể đạt được ở thức [theo ý muốn] rang: 'Thức của ta hãy là như vầy, thức của ta đừng trở thành như vy'"; xem xét thế giói là trông không, căn cứ vào việc quan sát sự diễn tiến không thuộc quyền kiểm soát nghĩa là như vậy. Xem xét thê giới là trông không, căn cứ vào việc thây rõ các pháp tạo tác là rỗng không nghĩa là thế nào? cốt lõi ở sắc không đạt được, cốt lõi ở thọ không đạt được, cốt lõi ở tưởng không đạt được, cốt lõi ở các hành khônẹ đạt được, cốt lõi ở thức kh6ng đạt được, sắc là không có cốt lõi, là thiếu mất cót lõi, là rời xa cốt lõi so với cót lõi của thường còn, hoặc so với cốt lõi của an lạc, hoặc so với cốt lõi của tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc

4 Tốt hơn nên dịch là: usắc không phải là ngã?, hoặc usắc không phai là ta". (ND)

theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Thọ là không có cốt lõi, la thiếu mất cốt lối, là rời xa cốt lõi,... Tưởng là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, la rời xa cốt lõi,... Các hành là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi,... Thức là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cốt lõi của thường còn, hoặc so với cốt lối của an lạc, hoặc so với cốt lối của tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Giống như cây sậy là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lối, là rời xa cốt lõi; giống như cây đu đủ là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây sung là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây san hô là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lối, là rời xa cốt lõi; giống như cây pãribhaddaka là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như bọt nước là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như bong bóng nước

là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cót lõi; giống như ảo ảnh là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giốíiậ như thân cây chuối là không có cốt lối, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như xảo thuật là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; tương tự y như vậy, sắc là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cốt lõi của thường còn, hoặc so với cốt lõi của an lạc, hoặc so với cốt lõi của tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghía vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biên đổi. Thọ là không có cốt lõi, la thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi,... Tưởng là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi,... Các hành là không có cốt lõi, là thiếu mất cót lõi, la rời xa cót lõi,... Thức la không co cót lõi, là thiêu mát cót lõi, la rời xa cốt lõi so với cốt lõi của thường còn, hoặc so với cốt lõi của an lạc, hoặc so với cốt lõi của tự ngã5 hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Xem xét thế giới là trống không căn cứ vào việc thấy rõ các pháp tạo tác là rỗng không nghĩa là như vậy. Xem xét thế giới là trống không theo hai cách này. Thêm nữa, xem xét thế giới là trống không theo sáu biểu hiện: Mắt là trống không với tự ngã, hoặc với cái thuộc vê tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hay là với tình trạng không bị biến đổi; tai là trống không... mũi là trống không... lưỡi là trống không.. thân là trống không... ý là trống không với tự ngã, hoặc với cái thuộc về tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hay là với tình trạng không bị biến đổi. Các sác là trống không... Các thinh là trống không... Các hương là trống không... Các vị là trống không... Các xúc là trống không... Các pháp là trông không với tự ngã, hoặc với cái thuộc về tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hay là với tình trạng không bị biến đổi. Nhãn thức là trống không... Ý thức là trống không... Nhãn xúc là trống không... Ý xúc là trống không... Thọ sanh lên từ nhãn xúc là trống không... Thọ sanh lên từ ý xúc là

trônệ không... Sác tưởng là trông không... pháp tưởng là trông không... Săc tư là trong không... Pháp tư là trống không... sắc ái là ưống không... sắc tầm là trống không... sắc tứ là trống không... Pháp tứ là trống không với tự ngã, hoặc với cái thuộc về tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghía vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tôn, hay là với tình trạng không bị biên đôi. Xem xét thế giới là ưống không theo sáu biểu hiện là như vậy. Thêm nữa, xem xét thê giới là trông không theo mười biêu hiện: [Xem xét] sắc là trống rỗng, là rỗng không, là trống không, là vô ngã, là không có cốt lõi, là kẻ giết hại, là vật hư hỏng, là gốc gác của tai ương, là có sự rò ri, là bị tạo tác. [Xem xét] thọ... tưởng... các hành... thức... sự tử vong..sự tái sanh.. sự nôi liền tái sanh... sự hiện hữu... vòng quay luân hồi là trong rỗng, là rỗng không, là trống không, là vô ngã, là không có cốt lõi, là kẻ giết hại, là vật hư hỏng, là gốc gác của tai ương, là có sự rò rỉ, là bị tạo tác. Xem xét thế giới là trống không theo mười biểu hiện là như vậy. Thêm nữa, xem xét thế giới là trống khônệ theo mười hai biểu hiện: sắc không phải là chúng sanh, không phải là mạng sông, không phải là người, không phải là thanh niên, không phải là nữ nhân, không phải là nam nhân, không phải là tự ngã, không phải thuộc về tự ngã,

không phải là ta, không phải là của ta, không phải là người nào, không phải là của người nào. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức không phải là chúng sanh, không phải là mạng sông, không phải là người, không phải là thanh niên, không phải là nữ nhân, không phải là nam nhân, không phải là tự ngã, không phải thuộc vê tự ngã, không phải là ta, không phải là của ta, không phải là người nào, không phải là của người nào. Xem xét thê giới là trống không theo mười hai biêu hiện là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, thân này không phải của các ngươi, cũng không phải của những người khác. Này các Tỳ-khưu, thân này nên được xem là nghiệp cũ đã được tạo tác, đã được cố ý, [và] được cảm thọ. Này các Tỳ-khưu, về diều ấy, vị đệ tử của các bậc Thánh, có sự nghe nhiều, khéo léo tác ý đúng đường loi ve pháp tùy thuận duyên khởi như vây: 'Khi cái này có mặt, cái kia có mặt; do sự sanh khởi của cái này, cái kia sanh khởi. Khi cái này không có mặt, cái kia không có mặt; do sự diệt tận của cái này, cái kia diệt tận. Tức là? do duyên vô minh, các hành [sanh khởi]; do duyên các hành, thức [sanh khởi];... (nt)... Như thê là sự sanh lên của toàn bộ khổ uẩn này. Nhưng chính do sự diệt tận hoàn toàn không còn luyên ái đối với vô minh, có sự diệt tận của các hành... (nt).. Như thê là sự diệt tận của toàn bộ khổ uẩn này.^, Xem xét thế giới là trống không còn là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, cái gì không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Và này các Tỳ-khiru, cái gì không phải là của các ngươi? Này các Tỳ-khưu, sắc không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ5 sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Này

các Tỳ-khưu, thọ không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ? sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Tưởng không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Các hành không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ chúng. Những cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Thức không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Này các Tỳ-khưu, các ngươi nghĩ gì về điều ấy, là việc người ta có thể mang đi cỏ, củi, cành, lá ở khu rừng Jeta này, hoặc có thể đốt cháy chiiĩig, hoặc có thể sử dụng chúng tùy theo nhu câu? Thậm chí ý nghĩ như vầy có the khởi lên ở các ngươi rằng: 'Có phải người ta mang chúng ta đi, hoặc đốt cháy chúng ta, hoặc sử dụng chúng ta tùy theo nhu cầu không5?,9 “Bạch Ngài, điều này không đúng.,^ "Diều ấy có nguyên nhân là gi?” “Bạch Ngài, bởi vì cái ấy [cỏ5 củi, cành, lá] không phải là tự ngã của chúng con hoặc thuộc về tự ngã của chúng con." "Này các Tỳ-khưu, tương tự y như thế, cái gì không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Và này các Tỳ-khiru, cái gì không phải là của các ngươi? Sác, này các Tỳ-khira, không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lọi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức, này các

Tỳ-khưu, không phải là của các ngươi, các ngươi hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các ngươi dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các ngươi.,, Xem xét thế giới là trống không còn là như vậy. Đại đức Ānanda đã nói vơi đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, 'thế giới là trống không, thế giới là trống không5 là điều được nói đến. Bạch Ngài, về phương diện nào thì được gọi là: 'Thế giới là trống không5"Này Ānanda, bởi vì quả thật là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã; vì thế, được gọi là: 'Thê giới là trông không/ Và này Ānanda, cái gì là trông không với tự ngã hoặc với cái thuộc ve tự ngã? Mắt, này Ānanda, là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã. Các sắc là trống không... Nhãn thức là trống không... Nhãn xúc là trống không... Cảm thọ nào sanh lên do duyên nhãn xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc; cảm thọ ấy cũng là trống không. Tai là trống không... Các thinh là trống không... Mũi là trống không... Các hương là trống không... Lưỡi là trống không... Các vị là trống không... Thân là trống không... Các xúc là trống không... Ý là trống không... Các pháp là trống không... Ý thức là trống không... Ý xúc là trống không... Cảm thọ nào sanh lên do duyên ý xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã. Này Ānanda, bởi vì quả thật là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã; vi thế, được gọi là: 'Thế giới là trống không.9,9 Xem xét thế giới là trống không còn là như vậy.

626 KINH TIÊU Bộ

Bởi VÌ điều này cũng đã được nói đến: "Này trưởng làng, đôi với người đang nhìn thây đúng theo bản thê sự sanh lên của các pháp một cách rõ rệt, sự liên tục của các hành một cách rõ rệt thì không có sự sợ hãi. y r r ỉ Khi nào băng trí tuệ nhìn thây thê gian giông như cỏ và củi, thì không ước nguyện bất cứ điều gì khác, ngoại trừ sự không còn nối liền tái sanh.,, Xem xét thế giới là trống không còn là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, tương tự y như thế, vi Tỳ-khưu quán sát sắc đến luôn cả tiến trình của sắc, quán sát thọ đến luôn cả tiến trình của thọ, quán sát tưởng đến luôn cả tiến trình của tưởng, quán sát các hành đến luôn cả tiến trình của các hành, quán sát thức đến luôn cả tiến trình của thức. Trong khi vị ấy đang quán sát sắc đến luôn cả tiến trình của sắc, trong khi đang quán sát thọ đến luôn cả tiến trình của thọ, trong khi đang quán sát tưởng đến luôn cả tiến trình của tưởng, trong khi đang quán sát các hành đến luôn cả tiến trình của các hành, trong khi đang quán sát thức đến luôn cả tiến trình của thức, ý niệm về 'iốV hay 'của tôi9 hay 'tôi l'đều không khởi lên ở vi ấy." Xem xét thế giới là trống không còn là như vậy. Ngươi hãy xem xét thế giới là trống không: Ngươi hãy xem xét thế giới là trống không, ngươi hãy quán xét lại, hãy nhìn xem, hãy cân nhắc, hãy xác định, hãy minh đinh, hãy làm rõ rệt. "Ngươi hãy xem xét thế giới là trống không,, là như thế. Này Mogharāja, hãy luôn luôn có nỉệm. Mogharāja: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy. Luôn luôn: Là mọi thời,... (nt)... ở chặng cuối của tuổi thọ. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... vi ấy được gọi là có niệm. "Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niêm" là như thế. Sau khi nhổ lên tà kiến về băn ngã: Tà kiến về bản ngã nói đến thân kiến với hai mươi nền tảng. 4CỞ đây, kẻ phàm phu không lắng nghe, không có sự trông thấy các bậc Thánh, không rành rẽ Thánh

pháp, không được huấn luyện về Thánh pháp, không có sự trông thấy các bậc chân nhân, không rành rẽ pháp chân nhân, kh6ng được huân luyện vê pháp chân nhân, nhận thây sác là tự ngã, hoặc tự ngã có sác, hoặc sắc ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong sắc; nhận thấy thọ... tưởng... các hành... thức là tự ngã, hoặc tự ngã có thức, hoặc thức ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong thức, quan điểm nào có hình thức như vậy là có sự đi đên tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm

lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà ki&n"; điều này là tà kiến về bản ngã. Sau khỉ nhổ lên tà kiến về bản ngã: Sau khi nhổ lên, sau khi kéo ra, sau khi lấy lên, sau khi lấy ra, sau khi rút lên, sau khi rút ra, sau khi dứt bỏ? sau khi xua di, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tà kiến về bản ngã. “Sau khi nhổ lên tà kiến về bản ngã,, là như thế. Như vậy có thể vượt qua tử thần: Như vậy, ngươi có thể vượt qua tử thần, ngươi có thể vượt qua luôn cả sự già, ngươi có thể vượt qua luôn cả sự chết, ngươi có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi. “Nhu vậy có thể vượt qua tử thần,, là như thế. Người đang xem xét thế giới như vậy: Người đang xem xét, đang quán xét lại, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt thế giới như vậy. "Người đang xem xét thế giới như vRy" là như thế. Thần chết không nhìn thấy [người ấy]: Tử thần cũng là thần chết, Ma vương cũng là thần chết, sự chết cũng là thần chết. Không nhìn thấy: Thần chết không nhìn thấy, không trông thấy, không đạt đến, không tìm thấy, không tiếp nhận. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khmi, cũng giống như con nai sống ở rừng đang đi lại trong khu rừng, trong khu rừng lớn, tự tin nó đi, tự tin nó dưng, tự tin nó ngồi, tự tin nó nằm. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Này các Tỳ-khmi, nó không ở trong phạm vi của gã thợ săn. Này các Tỳ-khiru, tương tự y như vậy, vi Tỳ-khưu ngay sau khi tách ly khỏi các dục, tách ly khỏi các bất thiện pháp, đạt đến và tru Thiến thứ nhất, có tầm có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này được gọi là vị đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy. Này các Tỳ-khưu, còn có việc khác nữa, vị Tỳ-khưu, do sự vắng lặng của tầm và tứ, đạt đến và trú Thiền thứ nhì, có sự tĩnh lặng ở nội phần, có trạng thái chuyên nhất của tâm, không tầm không tứ, có hỷ lạc sanh lên do định;..(nt)... Thiến thứ ba... (nt)... Thiền thứ tư...(nt)... Này các Tỳ-khmi, vị Tỵ-khưu này được gọi là vị đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy. Này các Tỳ-khưu, còn có việc khác nữa, vị Tỳ-khiru, do sự vượt qua hẳn toàn bộ các sắc tưởng, do sự biến mất của các tưởng bất bình, do việc không chú ý đến các tưởng khác biệt, [nhận thức rằng:] uHư không là vô biên,9 đạt đến và trú Không vô biên xứ. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khmi này được gọi là vi đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn

nhìn thay.

628 e KINH TIÊU Bộ

Này các Tỳ-khưu, còn có việc khác nữa, vị Tỳ-khưu, sau khi vượt qua hẳn toàn bộ Không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] "Thức là vô biên,9 đạt đến và trú Thức vô biên xứ; sau khi vượt qua han toàn bộ Thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] í6Không có gi" đạt đến và trú Vô sở hữu xứ; sau khi vượt qua hẳn toàn bộ Vô sở hữu xứ, đạt đến và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ; sau khi vượt qua hẳn toàn bộ Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đạt đên và trú Diệt thọ tưởng; và đối với vi này, sau khi nhìn thây băng tuệ, các lậu hoặc được hoàn toàn cạn kiện. Này các Tỳ-khiru, vị Tỳ-khưu này được gọi là vị đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đên nơi mát của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy. Vị đã vượt qua sự vướng mắc ở thế gian, vị ấy tự tin đi, tự tin đứng, tự tin ngồi, tự tin nằm. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Vị Tỳ-khiru không ở trong phạm vi của [Ma vương] ác độc. "Thần chết không nhìn thấy [người ấy]" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Ngươi hãy xem xét thê giới là trông không, Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm, Sau khỉ nho lên tà kiến ve bản ngã, Như vây có thê vượt qua tử thân. Người đang xem xét the giới như vậy, Thần chết không nhìn thấy [người ấy]." Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt).."Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.^, 6íDiễn giải kỉnh Mogharâjaw được hoàn tất.

TIỂU DIỄN GIẢI 629

16. DIỄN GIẢI KINH PEÑGIYA (PIÑGIY4SUTT4NIDDESO)

16.L [Tôn ệiả Piñgiya nói rằng:] "Con đã già, yểu sức, không còn vẻ đẹp, Cặp mắt không còn trong sảng, việc nghe không thoải mái, Mong rang con chớ mệnh chung trong lúc còn mê muội Xỉn Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức Sự lìa bỏ đoi với sanh và già ở nơi đây." Con đã gi yếu sức, không còn vẻ đẹp. Con đã già: Đã già, lớn tuổi, trưởng thượng, đã trâi qua cuộc đời, đã đạt đên tuổi thọ, đã được một trăm hai mươi tuôi từ lúc sanh ra. Yếu sức: Yếu sức là sức lực kém, ít sức lực, ít sức mạnh. IGiong còn vẻ đẹp: Có vẻ đẹp đã xa lìa, có vẻ đẹp đã rời khỏi, có vẻ đẹp đã qua rồi, sắc sáng xinh đẹp ở làn da trước đây đã biến mất, sự bất lợi đã xuất hiện. "Con đã già, yếu sức, không còn vẻ đẹp99 là như thế. Tôn giả Piửgiya nói rằng. Rằng: [Từ "icccT này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)... Tôn giả: [Từ "āyasmā" này] là lời nói yêu mến,... (nt).. Piñgiya: Là tên của vi Bà-la-môn ấy,...(nt)... từ kêu gọi. "Tôn giả Piñgiya nói lẳng" là như thế. Mắt không còn trong sáng, việc nghe không thoải mái: "Cặp mắt không còn trong sáng, không còn tinh anh, không còn tinh tường, không còn tinh khiết. ĩ ĩ L Con không còn thây các hình dáng với mát như th&" "Mt không còn trong sáng" là như the? Việc nghe không thoải mái: "Hai tai không còn trong sáng, không còn tinh anh, không còn tinh tường, không còn tinh khiết. Con không còn nghe âm thanh với tai như thế." uMắt không còn trong sáng, việc nghe không thoải mái,, là như thế. Mong rằng con chớ mệnh chung trong lúc còn mê muội. Mong răng con chớ mệnh chung: Mong răng con chớ mệnh chung, mong răng con chớ tiêu hoại, mong rằng con chớ suy sụp. Mê muội: Mê muội là lầm lạc si mê, không có sự hiểu biết, không đạt đến kiến thức, không có trí,

không có sự rành rẽ, có tuệ tồi.

630 KINH TIÊU Bộ

Trong lúc còn: Con có thể qua đời ngay trong khi còn chưa hiểu thông, chưa đạt đến, chưa hiểu biết, chưa tiếp nhận, chưa chạm đến, chưa chứng ngộ giáo pháp, quan điểm, đường lối thực hành, đạo lộ của Ngài. “Mong rằng con chớ mệnh chung trong lúc còn mê muOi" là như thế. Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức. Giáo pháp: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ toàn hảo ở đoạn dầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn va đày đủ? [gồm c6] bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyên, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn, và sự thực hành đưa đến Niết-bàn. "Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp" là như thế. Đe con có thể nhân thức: Đe con có thể biết, có thể hiểu, có thể nhận thức, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt, có thể chứng đắc, có thể chạm đến, có thể chứng ngộ. "Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức" là như thế. Sự lìa bỏ đối với sanh và già ờ noi đây: Sự dứt bỏ đối với sanh-già-chết ngay ở nơi đây, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh, bất tử, Niết-bàn. “Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi dây" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Tôn giả Piñgiya nói rằng:] "Con đã già, yếu sức, không còn vẻ đẹp, Cặp mát không còn trong sáng, việc nghe không thoải mải. Mong rang con chớ mệnh chung trong lúc còn mê muội. Xin Ngài hãy chỉ dạy vê giáo pháp đê con có thê nhận thức Sự lìa bỏ đoi với sanh và già ở nơi đây."

16.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này PiñgiyaJ Sau khi nhìn thấy những người bi hãm hại do duyên các sắc, Những người xao lãng bị khô sở do duyên các sác, Vì thế, ngươi, này Piñgiya, là người không xao lãng, Ngươi hãy từ bỏ sắc để không còn sanh ra lần nữa." Sau khi nhìn thấy những người bi hãm hại do duyên các sắc. Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính. Do nhân các sắc, do duyên các sắc, bởi lý do các sắc, các chúng sanh bi hành hạ, bị hãm hại, bị hủy hoại, bị giết hại. Họ cho áp dụng các hình phạt nhiều loại ở sắc đang hiện diện: Họ đánh đập bằng những cây roi, họ đánh đập bằng các dây mây, họ đánh đập bằng các gậy ngắn, họ chặt bàn tay, họ chặt bàn chân, họ chặt bàn tay và bàn chân, họ cắt tai, họ xẻo mũi, họ cắt tai và xẻo mũi, họ [đập vỡ đầu] làm thành như hũ cháo chua, họ lột da dầu, họ đốt lửa ở miệng, họ thiêu sống, họ đốt cháy ở bàn tay, họ lột da thành sợi, họ lột da thành đống

TIÊU DIỄN GIẢI 631

9 r • \ đê ở chân, họ kéo căng thân người ở trên dát, họ xiên da thịt băng lưỡi câu, họ khoét thịt thành đong tiền, họ chà xát với chất kiềm, họ quay tròn ở trên thập tự giá, họ đánh cho nhừ tử, họ rưới bằng dâu sôi, họ cho những con chó gặm, họ đặt trên giáo nhọn lúc còn sống, họ chặt đầu bằng gươm. Do nhân các sắc, do duyên các sắc, bởi lý do các sắc, các chúng sanh bi hành hạ, bi hãm hại, bị hủy hoại, bị giết hại như vậy. Sau khi nhìn thấy họ đang bị hành hạ, đang bị hãm hại, đang bị hủy hoại, đang bị giết hại như vậy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau

khi làm rõ rệt. "Sau khi nhìn thấy những người bị hãm hại do duyên các sắc" là như thế. Đức Thế Tôn nói: Này Piñgiya. Piñgiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt).. sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế Ton.^ "Bức Thế Tôn nói: Này Pihgiya" là như thế. Những người xao lãng bi khổ sở do duyên các sắc. Bi khổ sở: Họ bị khổ sở, bi bực bội, bi áp bức, bị đụng chạm; họ bi khiếp sợ, trở nên ưu phiền. Do bệnh ở mắt, họ bị khô sở, bị bực bội, bị áp bức, bi đụng chạm; họ bị khiếp sợ, trở nên ưu phiền. Do bệnh ở tai... (nt)... Do bệnh ở thân... (nt)... Do xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, họ bị khổ sở, bị bực bội, bị áp bức, bị đụng chạm; họ bị khiếp sợ? trở nên ưu phiền. ÍCBị khổ sở do duyên các sắc" là như thế. Hoặc là, khi mát bị hư, bị hoại, bi hỏng, bị mất đi, bị lìa khỏi, bị biến mất, họ bị khổ sở... (nt) trở nên ưu phiền. Khi tai... Khi mũi... Khi lưỡi... Khi thân... IGii sắc... Khi thinh.... Khi hương... Khi vị... Khi xúc... Khi gia tộc... Khi đồ chúng... Khi chỗ ngụ... Khi lợi lộc... Khi danh vọng... Khi lời khen... Khi hạnh phúc... Khi y phục... Khi đồ ăn khất thực... Khi chỗ nằm ngồi... Khi vật dụng là thuốc men chữa bệnh bị hu, bị hoại, bị hỏng, bị mất đi, bi lìa khỏi, bị biến mất, họ bị khổ sở, bị bực bội, bi áp bức, bị đụng chạm; họ bị khiếp sợ, trở nên ưu phiền. khổ sở do duyên các sắc" còn là như vậy. Những người: Các Sát-đê-lỵ? các Bà-la-môn9 các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người. Xao lãng: Sự xao lãng cần được nói đến: Sự buông thả, sự buông xuôi trong việc buông thả của tâm do uế hạnh về thân, hoặc do uế hạnh về khẩu, hoặc do uế hạnh về ý ở năm loại dục, hoặc là trạng thái thực hành không nghiêm trang, trạng thái thực hành không liên tục, trạng thái thực hành không kiên định, có thói quen biếng nhác, trạng thái buông bỏ mong muốn, trạng thái buông bỏ bôn phận, sự không tập luyện, sự không tu tập, sự không làm thường xuyên, sự không quyết tâm, sự không chuyên cân, sự xao lãnệ trong việc tu tập các thiện pháp; sự xao lãng nào với hình thức như vậy là biêu hiện xao lãng, trạng thái bị xao lãng; việc này gọi là sự xao lãng. Có sự xao lãng này, con người trở nên xao lãng.

e 9 r r “Những người xao lãng bị khô sở do duyên các sc” là như thê. Vì thế, ngươi, này Piửgiya, là người không xao lãng. Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy rõ sự bất lợi như vậy ở các sắc. UVÌ thế, ngươi, này Pihgiya” là như thế. Không xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục,... (nt).. sự không xao lãng trong các thiện pháp. “Vi thế, ngươi, này Pihgiya, là người không xao lâtag” là như thế. Ngươi hãy từ bỏ sắc để không còn sanh ra lần nữa. Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính. Ngươi hãy từ bỏ sắc: Ngươi hãy từ bỏ sắc, hãy dứt bỏ sắc, hãy xua đi sắc, hãy làm cham dứt sắc, hãy làm cho không còn hiện hữu sắc. Đe không còn sanh ra lần nữa: Giống như đối với ngươi, sắc có thể được diệt tận ở ngay tại nơi dây, sự hiện hữu liên quan đến việc tái sanh lại nữa không thể hạ sanh ở dục giới, hoặc ở sắc giới, hoặc ở vô sắc giới, hoặc ở cõi dục, hoặc ở cõi sắc, hoặc ở cõi vô sắc, hoặc ở cõi hữu tưởĩig, hoặc ở cõi vô tưởng, hoặc ở cõi phi tưởng phi phi tưởng, hoặc ở cõi một uẩn, hoặc ở cõi bốn uẩn, hoặc ở cõi năm uân, hoặc ơ canh giới tai sanh, hoặc ơ sự tai sanh, hoặc ơ sự tiêp nôi tái sanh, hoặc ở kiêp sông, hoặc ở luân hôi, hoặc ở sự luân chuyên, không thê sanh

ra, không thể sanh khởi, không thể hạ sanh, không thể J>hát sanh, có thể được diệt tận ở ngay tại nơi đây, có thê văng lặng, có thể đi đên sự tiêu hoại, có thể tịch tịnh. "Ngươi hãy từ bỏ sắc để không còn sanh ra lần nữa" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: [Đức Thế Tôn nói: "Này Piñgiya] Sau khỉ nhìn thấy những người bỉ hãm hại do duyên các sắc, 2 Q t T l Những người xao lãng bỉ khô sở do duyên các sác, Vĩ thế, ngươi, này Pỉrigiya, là người không xao lãng, y Ngươi hãy từ bỏ sác đê không còn sanh ra lân nữa."

16.3. Bốn hướng chỉnh, bốn hướng phụ, bên trên, bên dưới, đây là mười phương. Đoi với Ngài, không có bất cứ điều gì ở the gian là không được thấy, không được nghe, không được cảm giác và không được nhận thức [bởi Ngài]. Xỉn Ngài hãy chỉ dạy vê giáo pháp đê con có thê nhận thức sự lìa bỏ đôi với sanh và già ở nơi đây. Bốn hướng chính, bốn hướng phụ, bên trên, bên dưới, đây là mười phương: Là mười phương hướng. Đối vói Ngài, không có bất cứ điều gì ờ thế gian là không được thấy.

TIÊU DIỄN GIẢI 633

không được nghe, không được cảm giác và không được nhận thức [bỏi Ngài]: Đối với Ngài, bất cứ điều gì không được thấy, không được nghe, không được cảm giác, không được nhận thức [bởi Ngài], "du là lợi ích cho bản thân hay lợi ích cho người khác hoặc lợi ích cho cả hai, lợi ích liên quan đời này hay lọd h liên quan đời sau, lợi ích hời hợt hay lợi ích thâm sâu, lợi ích được giấu kín hay lợi ích được che đậy, lợi ích tiềm tàng hoặc lợi ích hiển hiện, lợi ích có tội lỗi hay lợi ích không ô nhiễm, lợi ích trong trắng hay lợi ích là lợi ích tối thượng,\ là không có, không hiện hữu, không tìm thay, không tồn tại. "Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở thế gian là không được thấy, không được nghe, không được cảm giác và không được nhận thức" là như thế. Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức. Giáo pháp: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở? hãy chia sẻ5 hãy làm rõ, hãy bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu,... (nt).. Niết-bàn, và sự thực hành đưa đến Niết-bàn. Đe con có thể nhận thức: Đe con có thể biết, có thể hiểu, có thể nhận thức, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt, có thể chứng đắc, có thể nhìn thấy, có thể chứng ngộ. "Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức" là như thế. Sự lìa bỏ đối vói sanh và già ờ nơi đây: Sự dứt bỏ đối với saiứi-già-chết ngay ở nơi đây là sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh, bất tử, Niết-bàn. "Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đâyM là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: í(Bốn hướng chỉnh, bon hướngỊ)hụf bên trên, bên dưới, đây là mườiphương. Đôi với Ngài, không có bát cứ điêu gì ở thê gian là không được thây, không được nghe, không được cảm giác và không được nhận thức [bởi Ngài]. Xỉn Ngài hãy chỉ dạy ve giáo pháp đe con có the nhận thức sự lìa bỏ đoi với sanh và già ở nơi đây."

16.4. [Đức Thế Tôn nói: "Này Piñgiya] Trong khỉ xem xét những con người bi ngự trị bởi tham ải, Bị sanh khởi bực bội, bi che ngự bởi già; Vĩ thế, ngươi, này Piñgiya, là người không xao lãng, Ngươi hãy từ bỏ tham ải để không còn sanh ra lần nữci." Trong khi xem xét những con người bi ngự tri bỏi tham ái. Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt).. tham ái cảnh pháp. Bi ngự tri bởi tham ái: [Những người] bị ngự tri bởi tham ái

là [những người] đi cùng tham ái, đi theo tham ái, đeo đuổi tham ái? bị chìm đắm trong tham ái, bị xâm chiếm, bi thống tri, có tâm bị khuất phục. Những người: Là từ nói đến các chúng sanh.

Trong khỉ xem xét: Trong khi xem xét là trong khi nhận thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi khảo sát. "Trong khi xem xét những con người bi ngự trị bởi tham i" là như thế. Đức Thế Tôn nói: Này Piủgiya. Piñgiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên. Đứe Thế Tôn: Là từ xung hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Thế lon.,, "Dức Thế Tôn nói: Này Pihgiya" là như thế. Bị sanh khởi bực bội, bi chế ngự bởi già. Bi sanh khỏi bực bội: Bị sanh khởi bực bội bởi sanh, bị sanh khởi bực bội bởi già, bị sanh khởi bực bội bởi bệnh, bị sanh khởi bực bội bởi chết, bị sanh khởi bực bội bởi sầu-bi-khổ-uu-não, bị sanh khởi bực bội bởi khổ ở địa ngục... (nt)... bị sanh khởi bực bội bởi khổ do sự tổn hại về kiến thức, bị sanh khởi tai họa, bị sanh khởi bất hạnh, bị sanh khởi nguy cơ. "Bị sanh khởi bực bOi" là như thế. Bi chế ngự bỏi già: Bi xúc chạm, bi chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi già, bi theo sau bởi sanh, bi đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bi hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi tru ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ. sanh khởi bực bội, bị chế ngự bởi già" là như thế. Vì thế, ngươĩ, này Piốgiya, là người không xao lãng. Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy rõ sự bất lợi như vậy ở tham ái. "Vi thế, ngươi, này Pihgiya" là như thế. Không xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang,... (nt)... sự không xao lãng trong các thiện pháp. "Vi thế, ngươi, này Piñgiya, là người không xao lng" là như thế. Ngươi hãy từ bỏ tham ái để không còn sanh ra lần nữa. Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp. Hãy từ bỏ tham ái: Hãy từ bỏ tham ái, hãy dứt bỏ tham ái, hãy xua đi tham ải, hãy làm chấm dứt tham ái, hãy làm cho không còn hiện hữu tham ái. Đe không còn sanh ra lần nữa: Giống như đối với ngươi,... (nt)... sự hiện hữu liên quan đến việc tái sanh lại nữa không thể hạ sanh; không thể sanh ra, không thể sanh khởi, không thể hạ sanh, không thể phát sanh ở dục giới, hoặc ở sắc giới, hoặc ở vô sắc giới, hoặc ở cõi dục, hoặc ở cõi sắc, hoặc ở cõi vô sắc, hoặc ở cõi hữu tưởng, hoặc ở cõi vô tưởng, hoặc ở cõi phi tưởng phi phi tưởng, hoặc ở cõi một uẩn, hoặc ở cõi bốn uẩn, hoặc ở cõi năm uẩn, hoặc ở cảnh giới tái sanh, hoặc ở sự tái sanh, hoặc ở sự tiếp nối tái sanh, hoặc ở kiếp sống, hoặc

ở luân hồi, hoặc ở sự luân chuyển, có thể được diệt tận ở ngay tại nơi dây, có thể vắng lặng, có thể đi đến sự tiêu hoại, có thể tịch tịnh. "Nguôi hãy từ bỏ tham ái để không còn sanh ra lần nữa^, là như thế. Vì thê, đức Thê Tôn đã noi răng: [Đức Thế Tôn nói: “Này Piñgiya] Trong khi xem xét những con người bi ngự trị bởi tham ải, Bi sanh khởi bực bội, bị che ngự bởi già; Vĩ thế, ngươi, này Piñgiya, là người không xao lãng, Ngươi hãy từ bỏ tham ái để không còn sanh ra lần nữa." Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn, Pháp nhãn không nhiễm bụi tràn, không vết nhơ đã sanh khởi đến nhiều ngàn sinh mạng là những người có cùng sự mong muốn, có cùng sự thực hành, có cùng chủ tâm, có cùng

sự huân tập thành thói quen [trong quá khứ] với vi Bà-la-môn ấy, rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản táïủi hoại diệt.95 Pháp nhãn khônệ nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến vi Bà-la-môn ẩy rằng: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt?, Cùng với việc đạt được Pháp nhãn, áo choàng da dê5 tóc bện, y phục vỏ cây, gậy chống ba chân, bình nước, tóc và râu đều biến mất. Vi ấy trở thành vi Tỳ-khưu có đầu cạo, mặc y phục vải màu ca-sa, mang y hai lớp, bình bát và y, băng hành động thuận theo đạo lý, đã ngồi xuống, chăp tay lên, cúi lạy đức Thế Tôn [nói rằng]: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử." “Diễn giải kinh Piủgiya59 được hoàn tất.

636 KINH TIỂU BỘ

17. DIỄN GIẢI PHÀN TƯỜNG THUẬT VÈ ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ KIA (PÃRÃYANẢNUGĨTINIDDESƠ)

** Đức Thê Tôn đã nói điêu này trong lúc cư ngụ ở xứ sở Magadha tại bảo điện Pāsānaka, Được yêu cầu bởi mười sáu vi Bà-la-môn tùy tùng, Ngài đã giải đáp câu hỏi mỗi khi được hỏi. Đức Thế Tôn đã nói điều này: Ngài đã nói về Kinh Đường đi đến bờ kia này. Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy đinh do việc chứng ngộ, tức là "dức Thế Ton?9 "Đức Thế Tôn đã nói điều này99 là như thế. Trong lúc cư ngụ ờ xứ sở Magadha tại bảo điện Pāsānaka. ở xứ sở Magadha: ở xứ sở có tên Magadha. Trong lúc cư ngụ: Trong lúc sông, trong lúc trú ngụ, trong lúc sinh hoạt, trong lúc vận hành, trong lúc bảo hộ, trong lúc nuôi dưỡng, trong lúc bảo dưỡng. Tại bảo điện Pãsãọaka: Nói đến chỗ ngồi của đức Phật tại bảo điện Pāsānaka. "Trong lúc cư ngụ ở xứ sở Magadha tại bảo điện Pāsānaka^ là như thế. Bởi mười sáu vi Bà-la-môn tùy tùng: Bà-la-môn Piñgiya là người hầu hạ, người theo hầu, người hầu cận, học trò của Bà-la-môn Bâvari. Các vi ấy với vị Piñgiya là mười sáu. "Bởi mười sáu vị Bà-la-môn tùy tùng" là như vậy. Hoặc là, mười sáu vị Bà-la-môn ấy là người hầu hạ, người theo hầu, người hầu cận, học trò của đức Phật Thế Tôn. “Bởi mười sáu vi Bà-la-môn tùy tùng,, còn là như vậy. Được yêu cầu, Ngài đã giải đáp câu hỏi mỗi khi được hỏi. Được yêu câu: Được yêu câu là được thỉnh câu. Mỗi khi được hỏi: Mỗi khi được hỏi, mỗi khi được vấn, mỗi khi được yêu cầu, mỗi khi được thỉnh cầu, mỗi khi được đặt niềm tin. Ngài đã giải đáp câu hỏi: Ngài đã giải đáp câu hỏi, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn đinh, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ. 4CĐược yêu cầu, Ngài đã giải đáp câu hỏi mỗi khi được h6i" là như thế. Vì thế, điều này được nói đến:

TIỂU DIỄN GIẢI 637

"Dức Thế Tôn đã nói điều này trong lúc cư ngụ ở xứ sở Magadha tại bảo điện Pāsānaka, Được yêu cầu bởi mười sáu vỉ Bà-la-môn tùy tùng, Ngài đã giải đáp câu hỏi moi khỉ được hỏi."

** Nêu đôi với từng câu hỏi một, sau khi hiểu thông ỷ nghĩa, sau khi hỉêu thông giáo pháp thì có thể thực hành đúng pháp và thuậnpháp, và còn có the đi đên bờ kia của già và chét. Các pháp nay là sẽ đi đên bờ kia, vì thê, tên gọi của bài giảng pháp này là Đường đi đen bờ kia. Nếu đối với từng câu hỏi một: Nếu đối với từng câu hỏi một của

Ajita, nếu đối với từng câu hỏi một cửa Tissametteyya, nêu đôi với từng câu hỏi một của Punnaka, nêu đối với từng câu hỏi một của Mettagũ, nếu đối với từng câu hỏi một của Dhotaka, nếu đối với từng câu hỏi một của Upasíva, nếu đối với từng câu hỏi một của Nandaka, nếu đối với từng câu hỏi một của Hemaka, nếu đối với từng câu hỏi một của Todeyya, nếu đoi với từng câu hỏi một của Kappa, nếu đối với từng câu hỏi một của Jatukannī, nếu đối với từng câu hỏi một của Bhadrâvudha, nếu đối với từng câu hỏi một của Udaya, nếu đối với từng câu hỏi một của Posãla, nếu đối với từng câu hỏi một của Mogharāja, nếu đoi với từng câu hỏi một của Piñgiya. “N&u đối với từng câu hỏi mộf, là như thế. Sau khi hiểu thông ý nghĩa, sau khỉ hiểu thông giáo pháp: Chính câu hỏi ấy là giáo pháp, câu trả lời là ý nghĩa. Sau khi hiểu thông ý nghĩa: Sau khi hiểu thông, sau khi biết được, sau khi cân nhác, sau khi xác đinh, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt ý nghĩa. "Sau khi hiểu thông ý nghía' là như thế. Sau khi hiểu thông giáo pháp: Sau khi hiểu thông, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt giáo pháp. "Sau khi hiểu thông ý nghĩa, sau khi hiểu thông giáo pháp" là như thế. Thì có thể thưc hành đúng pháp và thuận pháp: Thì có thể thực hành sự thực hành đúng đan, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp. “Thi có thể thực hành đúng pháp và thuận pháp” là như thế. Và còn có thể đi đến bờ kia của già và chết: Bờ kia của già và chết nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Và còn có thể đi đến bờ kia của già và chết: Có thể đi đến bờ kia, có thể chứng đắc bờ kia, có thể chạm đến bờ kia, có thể chứng ngộ bờ kia của già và chết. “V còn có thể đi đến bờ kia của già và ch&t" là như thế. Các pháp này là sẽ đi đến bờ kia: Các pháp này là sẽ đi đến bờ kia, giúp

cho đạt được bờ kia, giúp cho hoàn toàn đạt được bờ kia, giúp cho hoàn toàn đạt đến được bờ kia, vận hành đưa đến việc vượt qua già và chết. "Các pháp này là sẽ đi đến bờ kia" là như thế. Vì thế, [tên gọi] của bài giảng pháp này. Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy. “Vi thế” là nhu thế. “ * Của bài giảng pháp này: Là của bài giảng Đường đi đen bờ kia này. “Vi thế, [tên gọi] của bài giảng pháp này" là như thế. Tên gọi [của bài giảng pháp này] là Đường đi đến bờ kia: Bờ kia nói đến bất tử, Niết-bàn... (nt).. sự tịch diệt, Niết-bàn. Đường đi đến nói đến đạo lộ, tức là chánh kiến... (nt).. chánh đinh. Tên gọi: Là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi. "Tên gọi [của bài giảng pháp này] là Đường đi đến bờ kid' là như thế. r A r Vì thê, điêu này được nói đên: “Nêu đôi với từng câu hỏi một, sau khỉ hiêu thông ỷ nghĩa, sau khi hiếu thônạ giáo pháp thì có the thực hành đủng pháp và thuận pháp, và còn có the đi đên bờ kia của già và chét. Các pháp này là sẽ đi đên bờ kia, vì thê, tên gọi của bài giảng pháp này là 'Đường đi đen bờ kia.

1-2-3. 1. Vi Ajita, vỉ Tissametteyya, vỉ Punnaka, roi vi Mettagū, Vị Dhotaka, và vỉ Upasĩva, vi Nandaf rồi vi Hemaka. 2. Cả hai vi là vị Todeyya với vi Kappa và vỉ sáng

suôt Jatukannī, Vị Bhadrãvudha và vi Udaya, luôn cả Bà4a-môn Posãla, Vị thông minh Mogharāja và vị Đại Ẩn sĩPiñgiya. 3. Những vi này đã đi đến gặp đức Phật, bậc Ân Sỉ có đức hạnh đầy đủ. Trong khi hỏi các câu hỏi vi te, họ đã đen gan đức Phật toi thượng. Những vi này đã đi đến gặp đức Phật. Những vi này: Mười sáu vi Bà-la-môn sẽ đi đến bờ kia. Đức Phật: Vi ấy là đức Thế Tôn, đấng Tự Chủ, vi không có thầy, đã tự mình giác ngộ hoàn toàn các sự thật về các pháp chưa từng được nghe trước đây. Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực. Đức Phật: Với ý nghĩa gì là đức Phật? uVị đã giác ngộ các chân ly" là đức Phật. "Vị đã giúp cho chúng sanh giác ngộ,, là đức Phật. Do trạng thái toàn tri là đức Phật. Do trạng thái nhìn thấy tất cả là đức Phật. Do trạng thái không bị người khác dẫn dắt là đức Phật. Do trạng thái nở rộ [các đức hạnh] là đức Phật.

TIỂU DIỄN GIẢI 639

Do được công nhận đã cạn kiệt các lậu hoặc là đức Phật. Do được công nhận không có tùy phiền não là đức Phật. "Vi có luyến ái đã được xa lìa hoàn ton" là đức Phật. uVị có sân hận đã được xa lìa hoàn toàn^ là đức Phật. uVị có si mê đã được xa lìa hoàn toàn,^ là đức Phật. "Vi hoàn toàn không còn ô nhi3m" là đức Phật. uVị đã đi con đường độc dạo" là đức Phật. độc nhất đã giác ngộ quả vi Chánh đẳng giác vô thuợng" là đức Phật. Do trạng thái đã phá tan sự không giác ngộ là đức Phật. Do việc đạt được sự giác ngộ là đức Phật. Đức Phật: Tên gọi này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chi [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyên và những người cùng huyêt thông tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra. Sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là uđức Phát." Những vi này đã đi đến gặp đức Phật: Những vị này đã đi đến gặp đức Phật, đã đi đến gần, đã ngồi gầiĩ, đã vấn, đà hỏi. "Những vị này đã đi đến gặp đức Phát" là như thế. Bậc Ẩn Sĩ có đức hạnh đầy đủ. Đức hạnh: Nói đến việc đạt được sự toàn hảo về giới, sự thu thúc về giới cũng là đức hạnh, sự thu thúc vê các quyên cũng là đức hạnh, việc biêt chừng mực về vật thực cũng là đức hạnh, sự luyện tập về tỉnh thức cũng là đức hạnh, bảy đức tính tốt cũng là đức hạnh,1 bốn thiền cũng là đức hạnh. Có đức hạnh đầy đủ: Có đức hạnh đầy đủ là có đức hạnh hạng nhất, có đức hạnh thù thắng, có đức hạnh dẫn đầu, có đức hạnh tối thượng, có đức hạnh cao quý. Bậc Ẩn Sĩ: Bậc Ẩn Sĩ là [nói đến] đức Thế Tôn. uVị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao" là bậc Ẩn Sĩ.... (nt)... uVị được tầm cầu, được tìm tòi, được tìm kiếm bởi các chúng sanh có uy lực lớn lao [hỏi rằng]: Đức Phật ngự ở đâu? Đức Thế Tôn ngự ở đâu? Chúa của chư thiên ngự ở đâu? Đấng Nhân Ngiru ngự ở dâu?" là bậc An Sĩ. uBậc Ẩn Sĩ có đức hạnh đầy dỉT là như thế. Trong khi hỏi các câu hỏi vi tế. Trong khi hỏi: Trong khi hỏi là trong khi yêu cầu, trong khi thỉnh cầu, trong khi đặt niềm tin. Các câu hỏi vi tế: Các câu hỏi thâm sâu, khó nhận ra, khó hiểu biết, an tịnh, tuyệt vời, không thuộc phạm vi suy nghĩ, vi tế, có thể hiểu được bởi những bậc sáng suốt.

1 Bảy đức tính tốt {sattasaddhammã): Là có đức tin, có sự hổ thẹn (tội lỗi), có sự ghê sợ (tội lỗi), nghe nhiều, có sự tinh tân đã được phát khởi, có niệm đã được thiết lập, có trí

tuệ (Tạng Luật, Parivārā (Tập yếu) II, TTPV, tập 9, trang 73). (ND)

640 KINH TIỂU BÔ

“Trong khi hỏi các câu hỏi vi tế" là như thế. Họ đã đến gần đức Phật tối thượng. Đức Phật: Vi ấy là đức Thế Tôn,... (nt)... sự quy đinh do việc chứng ngộ? tức là "dức Phật.^ Tối thượng: Đức Phật tối thượng là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý. Đã đến gần: Họ đã đi đến, đã đi đến gần, đã ngồi gần, đã vấn, đã hỏi. "Hq đã đến gần đức Phật tối thượng,9 là như thế. Vì thế, điều này được nói đến: “Những vi này đã đi đến gặp đức Phật, bậc Ân Sỉ có đức hạnh đầy đủ. Trong khi hỏi các câu hỏi vi tế, họ đã đến gần đức Phật tối thượng."

4. Được hỏi những câu hỏi, đức Phật đã giải đáp cho các vi ấy đủng theo sự thật. Với việc giải đáp các câu hỏi, bậc Hiền trí đã làm hài lòng các vỉ Bà-la-môn. Đức Phật đã giải đáp cho các vi ấy. Cho các vi ấy: Cho mười sáu vi Bà-la-môn sẽ đi đến bờ kia. Đức Phật: Vi ấy là đức Thế Tôn,... (nt)... sự quy đinh do việc chứng ngộ, tức là "đức Phật.^ Đã giải đáp: Đức Phật đã giải đáp cho các vị ấy, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã an định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ. “Dức Phật đã giải đáp cho các vi ấy” là như thế. Được hỏi những câu h6i... đúng theo sự thật. Được hỏi những câu hỏi: Được hỏi những câu hỏi, được vấn, được yêu cầu, được thỉnh cầu, được đặt niềm tin. Đúng theo sự thật: Nên chỉ dạy thế nào thì đã chỉ dạy thế ấy, nên chỉ bảo thế nào thì đã chỉ bảo tìế ấy, nên thông báo thế nào thì đã thông báo thế ấy, nen ấn đinh thế nào thì đã ấn định thế ấy, nên khai mở thế nào thì đã khai mở thế ấy, nên chia sẻ thế nào thì đã chia sẻ thế ấy, nên làm rõ thế nào thì đã làm rõ thế ấy, nên bày tỏ thế nào thì đã bày tỏ thế ấy. "Được hỏi những câu hỏi... đúng theo sự thát" là như thế. Với việc giải đáp các câu hỏi: Với việc giải đáp, với việc chỉ dạy, với việc chỉ bảo, với việc thông báo, với việc ấn định, với việc khai mở, với việc chia sẻ, với việc làm rõ, với việc bày tỏ các câu hỏi. "Với việc giải đáp các câu h6i” là như thế. Bậc Hiền trí đã làm hài lòng các vi Bà-la-môn. Đã làm hài lòng: Đã làm hài lòng, đã làm vô cùng hài lòng, đã làm tin tưởng, đã làm vừa lòng, đã làm hoan hỷ.

TIỂU DIỄN GIẢI 641

Các vi Bà-la-môn: Mười sáu vi Bà-la-môn sẽ đi đến bờ kia. Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt).. đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí. "Bậc Hiền trí đã làm hài lòng các vị Ba-la-m0n,9 là như thế. Vì thế, điều này được nói đến: "'Được hỏi những câu hỏi, đức Phật đã giải đáp cho các vỉ ấy đúng theo sự thật. Với việc giải đáp các câu hỏi, bậc Hiền trí đã làm hài lòng các vi Bà-la-môn."

5. Các vi ây được hài lòng với bậc Hữu Nhãn, đức Phật, đang Quyên Thuộc Của Mặt Trời, đã thực hành Phạm hạnh tronQ sự hiện diện của bậc có tuệ cao quỷ. Các vi ấy, được hài lòng với bậc Hữu Nhãn. Các vi ấy: Mười sáu vị Bà-la-môn sẽ đi đến bờ kia. Được hài lòng: Được hài lòng, được vô cùng hài lòng, được tin tưởng, được vừa lòng, được hoan hỷ. "Các vi ấy, được hài long99 là như thế. Với bậc Hữu Nhãn: Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với năm loại nhãn (con mắt): Bậc Hữu Nhãn với nhục nhãn, bậc Hữu

Nhãn với thiên nhãn, bậc Hữu Nhãn với tuệ nhãn, bậc Hữu Nhãn với Phật nhãn, bậc Hữu Nhãn với toàn nhãn. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với nhục nhãn nghĩa là thế nào?... (nt)... Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với toàn nhãn nghĩa là như vậy. "Các vị ấy, được hài lòng với bậc Hữu Nhan" là như thế. Với đức Phật, đấng Quyến Thuộc Cửa Mặt Trời. Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn,... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "đức Phật.99 [Voi] đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời: Mặt trời nói đến Thái Dương. Thái Dương là Gotama theo dòng tộc, đức Thế Tôn cũng là Gotama theo dòng tộc. Đức Thê Tôn là bà con trong dòng tộc, là quyên thuộc trong dòng tộc của Thái Dương; vì thế, đức Phật là quyến thuộc của mặt trời. 66Với đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Tròi" là như thế. Các vi đã thực hành Phạm hạnh: Phạm hạnh nói đến sự kiêng cữ, sự xa lánh, sự kiềm che, sự tránh xa, sự chừa bỏ, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lằn ranh, sự phá hủy cây cầu đối với việc đạt đến các pháp thấp kém. Thêm nữa, theo cách không vòng vo, Phạm hạnh nói đến đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Các vi đã thực hành Phạm hạnh: Các vi đã thực hành Phạm hạnh, các vi đã tiến hành sau khi thọ trì.

"Các vị đã thực hành Phạm hạnh" là như thế. Trong sự hiện diện của bậc có tuệ cao quý: Của bậc có tuệ cao quý, của bậc có tuệ cao cả, của bậc có tuệ hạng nhất, của bậc có tuệ thù thắng, của bậc có tuệ dẫn đầu, của bậc có tuệ tối thượng, của bậc có tuệ cao thượng. Trong sự hiện diện: Trong sự hiện diện là ở xung quanh, ở tại chỗ ngồi, ở không xa, ở kế bên. “Trong sự hiện diện của bậc có tuệ cao quy” là như thế. Vì thế, điều này được nói đến: ''Các vi ây được hài lòng với bậc Hữu Nhãn, đức Phật, đang Quyên Thuộc Của Mặt Trời, đã thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của bậc có tuệ cao quỷ.

6. Theo như điêu đã được chỉ bảo bởi đức Phật đôi với từng câu hỏi mộtf người nào thực hành theo như the thì có the từ bờ bên này đi đen bờ kia. Đối với từng câu hỏi một: Đối với mỗi một câu hỏi của Ajita, đối với mỗi một câu hỏi của Tissametteyya,... (nt).. đôi với môi một câu hỏi của Piủgiya. "Đối với từng câu hỏi m0t" là như thế. Theo như điều đã được chỉ bảo bởi đức Phật Đức Phật: Vi ấy là đức Thế Tôn? đấng Tự Chủ,... (nt).. sự quy định do việc chứng iĩgộ? tóc là "đức Phát." Theo như điều đã được chỉ bảo bỏi đức Phật: Theo như điều đã được chỉ dạy, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rố9 đã được bày tỏ bởi đức Phật. "Theo như điều đã được chỉ bảo bởi đức Phát" là như thế. Người nào thực hành theo như thế: Có thể thực hành sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp. "Người nào thực hành theo như thế" là như thế. Thì có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia: Bờ kia nói đến bất tử, Niết-bàn,... (nt)... sự diệt tận, Niết-bàn. Bờ bên này nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các sự tạo tác. Thì có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia: Từ bờ bên này có thể đi đến bờ kia, có thể chứng đắc bờ kia, có thể chạm đến bờ kia, có thể chứng ngộ bờ kia. "Thi có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia" là như thế. Vì thế, điều

này được nói đến: x ỉ “Theo như điêu đã được chỉ bảo bởi đức Phật đôi với từng câu hỏi một, người nào thực hành theo như thê thì có thê từ bờ bên này đi đên bờ Ida."

TIÊU DIỄN GIẢI 643

7. Người tu tập đạo lộ tối thượng có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia. Đạo lộ ấy đưa đến việc đi đen bờ kia, vì the gọi là Đường đi đen bờ kia, Có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia: Bờ ben này nói đến các ô nhiễm, các uẩn, và các sự tạo tác. Bờ kia nói đen bất tử, Niết-bàn,..(nt).. sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia: Từ bờ bên này có thể đi đến bờ kia, có thể chứng đắc bờ kia, có thể chạm đến bờ kia, có thể chứng ngộ bờ kia. “C6 thể từ bờ bên này đi đến bờ kia" là như thế. Người tu tập đạo lộ tối thượng: Đạo lộ tối thượng nói đến đạo lộ Thánh thiện tám chi phân, tức là: Chánh kiên... (nt).. chánh định. Đạo lộ tối thượng: Là đạo lộ cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn dầu, tối thượng, cao quý. Người tu tập: Người đang tu tập, đang tập luyện, đang làm thường xuyên. “Nguồi tu tập đạo lộ tối thuợng" là như thế. Đạo lộ ấy đưa đến việc đi đến bờ kia: "Dạo lộ, đường lộ, lộ trình, con lộ, con đường, lối di, đường đi, Chiếc thuyền, cây cầu để vượt qua, chiếc bè, chiếc phao, ngõ đi qua." Đưa đến việc đi đến bờ kia: Đưa đến việc đi đến bờ kia là đưa đến việc hoàn toàn đạt được bờ kia, đưa đến việc hoàn toàn đạt đến được bờ kia, đưa đến việc vượt qua già và chết. "Dạo lộ ấy đưa đến việc đi đến bờ kia" là như thế. Vì thế gọi là ^Đường đi đến bờ kia." Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy. Bờ kia nói đến bất tử, Niết-bàn... (nt).. sự tịch diệt, Niết-bàn. Đường đi đến nói đến đạo lộ. Gọi là: Từ "itr này là sự nối liền các câu văn,... (nt)... tính chất tuần tự của các câu văn. "Vi thế gọi là 'Đường đi đến bờ kia"' là như thế. Vì thế, điều này được nói đến: ''Người tu tập đạo lộ tôi thượng cỏ thê từ bờ bên này đi đên bờ kia. Đạo lộ ấy đưa đến việc đi đến bờ kia, vì thế gọi là 'Đường đi đến bờ kia'

8. [Tôn giả Piñgiya nói rằng:] ""Tôi sẽ tường thuật Kỉnh Đường đi đến bờ kia} Bậc không có vét nhơ, có sự thông minh bao la, không còn dục, đã ra khỏi rừng [ô nhiễm]; bậc Long Tượng đã thay như the nào, Nệài đã nói ra như the ấy. Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại nói lời doi trả?" Tôi sẽ tường thuật Kinh Đường đi đến bờ kia: Tôi sẽ tường thuật bài kệ,

2 Xem chú thích 4 ở trang 447. (ND)

644 KINH TIỂU Bộ

tôi sẽ thuyết giảng lại điều đã được thuyết giảng, tôi sẽ nói đến điều đã được nói đến, tôi sẽ nói ra điều đã được nói ra, tôi sẽ phát ngôn điều đã được phát ngôn. "Tôi sẽ tường thuật Kỉnh Đường đi đến bờ kia" là như thế. Tôn giả Piñgiya nói rằng. Răng: Từ "iccd" này là sự nôi liên các câu văn,... (nt)... tính chát tuân tự của các câu văn. Tôn giả: Từ "āyasmā này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng. Piñgiya: Là tên của vị Trưởng lão ấy, là sự ấn đinh, sự chỉ định, sự quy đinh, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi. "Tôn giả Piñgiya nói ring” là như thế. Đã thấy như thế nào, Ngài đã nói ra như thế ấy: Đã thấy như thế nào, Ngài đã nói ra, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thônệ báo, đã ấn định, đã khai mở, đã

chia sẻ, đã làm rõ5 đã bày tỏ như thế ấy. Đã thạy "tất cả các hành là vô thuơng" như thế nào, Ngài đã nói ra, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thôn^ báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ như thế ấy. Đã thấy "tất cả các hành là kh6"...(nt).."Điều ẹì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệf, như the nào, Ngài đã nói ra, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn đinh, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ như thế ấy. "Đã thấy như thế nào, Ngài đã nói ra như thế ấy" là như thế. Bậc không có vết nhơ, có sự thông minh bao la. Bậc không có vết nhơ: Luyến ái là vết nho, sân hận là vết nhơ, si me là vết nhơ, giận dữ..., thù hằn... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là các vết nhơ. Đối với đức Phật Thế Tôn, các vết nhơ ấy đã được dứt bỏ5 có rễ đã được cắt lia, như cây thốt nốt đã bi cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì the, đức Phật là bậc không xao động, không có vết nhơ, không còn vết nhơ, đã rời xa vết nhơ, đã dứt bỏ hẳn vết nhơ, đã được thoát khỏi vét nhơ, đã vượt qua khỏi tát cả vét nhơ. Bao la: Nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trải rộng, sánh bàng trái đất. Thông minh: Nói đến tuệ; tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đen gan, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu tuệ thông minh này; vì thế, đức Phật vô cùng thông minh. "Bậc không có vết nhơ, có sự thông minh bao la" là như thế. Không còn dục, đã ra khỏi rừng [ô nhiễm], bậc Long Tượng. Dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Đối với đức Phật Thế Tôn, các vật dục đã được biết toàn diện, các

Ô nhiễm dục đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được biết toàn diện đối với các vật dục, do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các ô nhiễm dục, đức Thế Tôn không ham muốn các dục, không ước muốn các dục, không ước nguyện các dục, không mong cầu các dục, không nguyện cầu các dục. Những người nào ham muốn các dục, ước muốn các dục, ước nguyện các dục, mong cầu các dục, nguyện cầu các dục, những người ấy có sự ham muốn các dục, có sự luyến ái với ái dục, có sự suy tưởng đến tưởng [về dục], Đức Thế Tôn không ham muốn các dục, không ước muốn các dục, không ước nguyện các dục, không mong câu các dục, không nguyện cầu các dục; vì thế, đức Phật không có dục/ không còn dục, có dục đã được từ bỏ, có dục đã được tẩy trừ, có dục đã được giải thoát, có dục đã được dứt bỏ, có dục đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, đã không còn khao khát, đã được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, song với trạng thái cao thượng tự thân. "Không còn dục,^ là như thế. Đã ra khỏi rừng [ô nhiễm]: Luyến ái là rừng, sân hận là rừng, si mê là rừng, giận dữ là rừng, thù hằn là rừng,...(nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là các nmg. Đối với đức Phật Thế Tôn, các rừng ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lia, như cây thốt nốt đã bi cụt ngọn, đã bi làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. Vì thế, đức Phật là bậc không có rừng, lìa khỏi rừng, không còn rừng, đã rời xa rưng, đã dứt bỏ hẳn

rừng, đã được thoát khỏi rừng, đã vượt qua khỏi tất cả rừng. "Đã ra khỏi rừng [ô nhiễm],, là như thế. Bậc Long Tương: Bậc Long Tượng là [nói đến] đức Thế Tôn. "Vị không làm điều tội là bậc Long Tượng, không đi đến,9 là bậc Long Tượng, "vi không trở "là bậc Long Tượng.... (nt)... uĐức Thế Tôn không trở về" là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy. "Không còn dục, đã ra khỏi rừng [ô nhiễm], bậc Long Tượng95 là như thế. Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại nói lời dối trá? Nguyên nhân của việc gì: Nguyên nhân của việc gì là bởi nguyên nhân gi, bởi lý do gi, bởi căn nguyên gì, bởi duyên gì. "Nguyên nhân của việc gi" là như thế. Lại nói lời dối trá: Lại có thể nói, có thể thuyết, có thể giảng giải, có thể diễn ta lời dối trá. Lại nói lòi dối trá: Lại có thể nói lời sai trái, có thể noi lời nói dối trá, có thể nói lời không thánh thiện, ở dây, một người nào đó đi đến hiệp hội, hoặc đi đến tập thể, hoặc đi đến giữa thân quyến, hoặc đi đến giữa đoàn the, hoặc đi đến

3 Động xừkãmetỉ được ghi nghĩa Việt là t4ham muốn.,, Còn danh từ kāmā được dịch theo hai nghĩa là "hamìnuSĩi" và “dục" tuy theo ngữ cảnh. ở đây akãmo được dịch là 4tkhông có diịc", ở nơi khác được dịch là "không có ham muốn,,. (ND)

giữa các vương tộc, rồi bị mời đến, bi hỏi cung rằng: "Thua ônjg, hãy đến. Ông biết điều nào thì ông hãy nói điều ấy." Kẻ ấy trong khi không biêt đã nói là: "Tôi biếf\ hoặc biết đã nói là: "Tôi không biếf\ hoặc không thấy đã nói là: "Tôi thấy", hoặc thấy đã nói là: uTôi không thấy." Như thế, vì nguyên nhân bản thân, hoặc vì nguyên nhân người khác, hoặc vì nguyên nhân tài sản, hoặc vì nguyên nhân vật chát nhỏ nhen rồi cố tình nói dối; việc này được gọi là nói lời sai trái. Thêm nữa, việc nói dối là với ba yếu tố: Ngay trước đó, vi này khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá9\ trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điêu dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta n6i." Việc nói dối là với ba yếu tô này. Thêm nữa, việc nói dôi là với bôn yêu tô: Ngay trước đó, vị này khởi ỷ rằng: “Ta sẽ nói điều dối trú", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều doi trá", đã nói xong [biết rằng]: "Biều dối trá đã được ta nóF\ đã che giấu quan điểm. Việc nói dối là với bon yếu tố này. Thêm nữa, việc nói dối là với năm yếu tố,... với sáu yếu tố,... với bảy yếu tố,... với tám yếu tố: Ngay trước d6, vị này khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá9\ tronjg khi nói [biết rằng]: í6Ta đang nói điều dối trú đã nói xong [biết rằn^]: "Biều dối trá đã được ta n6i", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều chấp nhận, đã che giấu điều ưa thích, đã che giấu ý tưởng, đã che giấu sự việc. Việc nói dối là với tám yếu tố này. Nguyên nhân của việc gì khiến N^ài lại nói lòi dối trá: Nguyên nhân của việc ệì khiến Ngài lại có thể nói, có the thuyết, có thể giảng giải, có thể diễn tả lời doi trá? ” "Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại nói lời dối trá?" là như thế. Vì thế, vị Trưởng lão Piỏgiya đã nói: [Tôn giả Piñgiya nói rằng:] sẽ tường thuật Kinh Đường đi đến bờ kia, Bậc không có vết nhơ, cỏ sự thông minh bao la, không còn dục, đã ra khỏi rừng [ô nhiễm]; bậc Long Tượng đã thấy như thế nào, Ngài đã nói ra như thế ấy. Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại nói lời dối trá?"

9. Giờ đây tôi sẽ thuật lại lời nói đức độ của bậc đã dứt bỏ vết nhơ và si mê, của bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha, Của bậc đã dứt bỏ vết nhơ và sỉ mê. Vét nhơ: Luyên ái

là vét nhơ, sân hận là vét nhơ, si mê là vét nhơ, ngã mạn là vết nhơ, tà kiến la vết nhơ, ô nhiễm là vết nhơ, tất cả uế hạnh là vết nhơ, tất cả các nghiệp đưa đến hữu là vết nhơ. Si mê: Là sự khôn^ biêt vê khô,... (nt)... sự ngăn trở của vô minh, si mê là gốc rễ của bất thiện; điêu này được gọi là si me. Đối với đức Phật Thế Tôn, vết nhơ và si mê đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc đã dứt bỏ vết nhơ và si mê.

TIỂU DIỄN GIẢI 647

uCủa bậc đã dứt bỏ vết nhơ và si mê,, là như thế. Của bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha. Ngã mạn: Ngã mạn theo một loại: Là sự kiêu hãnh của tâm. Ngã mạn theo hai loại: Ngã mạn do tâng bốc bản thân và ngã mạn do khinh bỉ người khác. Ngã mạn theo ba loại: [Nghĩ rằng:] "Ta là tốt hơn,, là ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta là ngang b$ng'' là ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta là thua kém^, là ngã mạn. Ngã mạn theo bốn loại: Do lợi lộc rồi sanh khởi ngã mạn, do danh vọng rồi sanh khởi ngã mạn, do khen ngợi rồi sanh khởi ngã mạn, do sung sướng rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo năm loại: [Nghĩ ràng:] uTa đạt được các sắc hợp Y' ròi sanh khởi ngã mạn, [nghĩ rằng:] "Ta đạt được các thinh, các hương, các vi, các xúc hợp rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo sáu loại: Do sự thành tựu của mắt rồi sanh khởi ngã mạn, do sự thành tựu của tai..., do sự thành tựu của mũi...do sự thành tựu của lưỡi..., do sự thành tựu của thân..., do sự thành tựu của ý rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo bảy loại: Ngã mạn, cao ngạo, cao ngạo dựa trên ngã mạn, tự ti, tăng thượng mạn, ngã mạn về bản thân, ngã mạn do hiểu biết sai trái. Ngã mạn theo tám loại: Do lợi lộc rồi sanh khởi ngã mạn, do không có lợi lộc rồi sanh khởi tự ti, do danh vọng rồi sanh khởi ngã mạn, do không có danh vọng rồi sanh khởi tự ti, do lời khen rồi sanh khởi ngã mạn, do lời chê rồi sanh khởi tự ti, do sung sướng rồi sanh khởi ngã mạn, do khổ rồi sanh khởi tự ti. Ngã mạn theo chín loại: [Nghĩ răng:] uTa là tót hơn so với người tót hơn" là ngã mạn, "ta là ngang bằng so với người tốt hơn^, là ngã mạn, "ta là thua kém so với người tốt hơn,, là ngã mạn, “ta là tốt hơn so với người ngang b3ng" là ngã mạn, "ta là ngang bằng so với người ngang bằng,9 là ngã mạn, “ta là thua kém so với người ngang bằng” là ngã mạn, "ta là tốt hơn so với người thua k$m" là ngã mạn, “ta là ngang bằng so với người thua kem" là ngã mạn, "ta là thua kém so với người thua kém^, là ngã mạn. Ngã mạn theo mười loại: ở đây một người nào đó sanh khởi ngã mạn về xuất thân, hoặc về dòng dõi, hoặc vê con nhà gia thê, hoặc vê vẻ đẹp của làn da, hoặc về tài sản, hoặc về học vấn, hoặc về công việc, hoặc về tài nghệ, hoặc về kiến thức, hoặc về sự học hỏi, hoặc về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác. Ngã mạn nào với hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm; điều này được gọi là ngã mạn. Gièm pha: Gièm pha, biểu hiện gièm pha, trạng thái gièm pha, sự ganh ghét, việc làm do ganh ghét; việc này được gọi là gièm pha. Đối với đức Phật Thế Tôn, ngã mạn và gièm pha đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt

nót đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điêu kiện sanh khởi trong tương lai. Vì thế, đức Phật là bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha. "Cha bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha" là như thế. Giờ đây tôi sẽ thuật lại lòi nói đức độ. Giờ đây tôi: Từ "handāham" này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đây đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuôi từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn. Tôi sẽ thuật lại lời nói đức độ: Tôi sẽ thuật lại, tôi sẽ chỉ bảo, tôi sẽ thông báo, tôi sẽ ấn định, tôi sẽ khai mở, tôi sẽ chia sẻ, tôi sẽ làm rõ, tôi sẽ bày tỏ lời phát ngôn, lời nói, lời phát biểu, lời thốt ra đã được tiến đến, đã được tiến gần, đã được tiến vào, đã được tiến sát, đã được đạt đến, đã được đầy đủ, đã được thành tựu với sự đức độ. “Giờ đây tôi sẽ thuật lại lời nói đức d" là như thế. Vì thế, vị Trưởng lão Piñgiya đã nói: ^Giờ đây tôi sẽ thuật lại lời nói đức độ của bậc đã dứt bỏ vết nhơ và sỉ mêf của bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha. “

10. Đức Phật, đấng Toàn Nhãn, bậc xóa tan sự tăm tối, Vi đã đi đen tận cùng the giới, đã vượt trội mọi hữu, Không còn lậu hoặc, đã dứt bỏ tất cả kho, Vi xứng đáng có danh xưng đã được tôi hau cận, thưa vỉ Bà-la-môn. Đức Phật, đấng Toàn Nhãn, bậc xóa tan sự tăm tối. Bậc xóa tan sự tăm tối: Bậc đã xóa tan, đã xua tan, đã dứt bỏ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu sự tăm tối bởi luyến ái, sự tăm tối bởi sân hận, sự tăm tối bởi si mê, sự tăm tối bởi ngã mạn, sự tăm tối bởi tà kiên, sự tăm tôi bởi ô nhiêm, sự tăm tôi bởi uê hạnh, sự tạo ra tăm tôi, sự làm cho mù măt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đên sự buôn phiên, không vận hành đến Niết-bắn. Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn,... (nt)..• sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Phật., Toàn Nhãn: Nói đến trí toàn giác. ... (nt)... vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn. “Bức Phật, đấng Toàn Nhãn, bậc xóa tan sự tăm t6i” là như thế. Vi đã đi đến tận cùng thế giổi, đã vượt trội mọi hữu. Thế giới: Một thế giới: Thế giới hiện hữu. Hai thế giới: Thế giới hiện hữu và thế giới sẽ hình thành, thế giới nhàn cảnh đang hiện hữu và thế giới nhàn cảnh sẽ hình thành, thế giới khổ cảnh đang hiện hữu và thế giới khổ canh sẽ hình thành. Ba thế giới: Ba cảm thọ.

TIÊU DIỄN GIẢI e 649

Bốn thế giới: Bốn yếu tố nuôi dưỡng. Năm thế giới: Năm thủ uẩn. Sáu thế giới: Sáu xứ thuộc nội phần. Bảy thế giới: Chỗ trú của thức. Tám thế giới: Tám pháp của thế gian. Chín thế giới: Chín trú xứ của chúng sanh. Mười thế giới: Mười xứ. Mười hai thế giới: Mười hai xứ. Mười tám thế giới: Mười tám giới. Vi đã đi đến tận cùng thế giói: Đức Thế Tôn đã đi đến điểm cuối, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh,... (nt)... đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vi ấy. "Vị đã đi đến tận cùng thế gi&i" là như thế. Đã vượt trội mọi hữu. Hữu: Có hai sự hiện hữu: Sự hiện hữu do nghiệp và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. Cái nào là sự hiện hữu do nghiệp? Phúc hành, phi phúc hành, bất động hành,4 cái này là sự hiện hữu do nghiệp. Cái nào là sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh? Săc5 thọ, tưởng, hành, thức liên quan đến việc nối liền tái sanh, cái này là sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. Đức Thế Tôn đã

vượt qua, đã vượt quá, đã vượt qua khỏi sự hiện hữu do nghiệp và sự hiện hữu lần nữa liên quan đen việc nối liền tái sanh. đã đi đến tận cùng thế giới, đã vượt trội mọi hữu" là như thế. Không còn lậu hoặc, đã dứt bỏ tất cả khổ. Lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu. Đối với đức Phật Thế Tôn, các lạu hoặc ấy là đã được dứt bỏ? có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điêu kiện sanh khởi trong tương lai; vì thê, đức Phật là bậc không còn lậu hoặc. Đã dứt bỏ tất cả khổ: Đối với Ngài, mọi việc liên quan đến việc nối liền tái sanh là khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não?... (nt)... sự tổn hại về kiến thức là khổ, [tất cả] đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tinh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vì thế, đức Phật là bậc đã dứt bỏ tất cả khổ. "Không còn lậu hoặc, đã dứt bỏ tất cả kh8" là như thế. Vi xứng đáng có danh xưng đã được tôi hầu cận, thưa vi Bà-la-môn. Vị xứng đáng có danh xưng: Xứng đáng có danh xưng là có tên gọi

4 Xem chú thích về "phúc hành, phi phúc hành, bất động hành” & trang 77. (ND)

tương đương, có danh xưng tương đương, xứng đáng có danh ximg tương đương. Đức Thế Tôn Vipassī, đức Thế Tôn Sikhī, đức Thế Tôn Vessabhū, đức Thế Tôn Kakusandha, đức Thế Tôn Konâgamana, đức Thế Tôn Kassapa, chư Phật Thế Tôn ấy có tên gọi tương đương, có danh ximg tương đương. Đức Thế Tôn Sakyamuni cũng có tên gọi tương đương, có danh xưng tương đương đối với chư Phật Thế Tôn ấy; vì thế, đức Phật xứng đáng có danh xưng. Đã được toi hầu cận, thưa vi Bà-la-môn: Đức Thế Tôn ấy đã được đến gần, đã được hầu cận, đã được phục vụ tận tình, đã được thăm hỏi, đã được hỏi han bởi tôi* xứng đáng có danh ximg đã được tôi hầu cận, thưa vị Bà-la-môn,5 là như thể. Vì thế, vi Trưởng lão Piñgiya đã nói: “Dỉcc Phật, đấng Toàn Nhãn, bậc xóa tan sự tăm tối, Vi đã đi đen tận cùng the giới, đã vượt trội mọi hữu, Không còn lậu hoặc, đã dứt bỏ tất cả kho, Vi xứng đảng có danh xưng đã được tôi hau cận, thưa vị Bà-la-môn.

11. Giống như loài lưỡng sanh, sau khi lìa bỏ khu rừng cây nhỏ, Có thể sống ở khu rừng có nhiều trải cây, Cũng như vậy, sau khi lìa bỏ người có tầm nhìn nhỏ nhoi, Tôi tựa như con chim thiên nga đã đạt đen biển lớn. Giống như loài lưỡng sanh, sau khỉ lìa bỏ khu rùng cây nhỏ, có thể sống ờ khu rg có nhiều trái cây. Loài lưỡng sanh: Nói đên loài chim. Vì lý do gi, loài lưỡng sanh được gọi là loài chim? "Được sanh ra hai ll" là loài lưỡng sanh: Từ bụng mẹ và từ quả trứng; vì lý do ấy, loài lưỡng sanh được gọi là loài chim. "Loài lưỡng sanh,, là như thế. Giống như [loài lưỡng sanh] sau khỉ lìa bỏ khu rùng cây nhỏ: Giống như con chim, sau khi lìa bỏ, sau khi từ bỏ, sau khi vượt quá, sau khi vượt qua hẳn, sau khi vượt qua khỏi khu rưng nhỏ, khu rừng trống không, khu rưng hẹp có trái cây, ít thức ăn, ít nước uống, có thể đi đen, có thể tìm đến, có thể đạt được khu rừng lớn, khu rừng già khác có nhiều trái cây, nhiều thức ăn, nhiều cây cối, nhiều nước uống, và ở khu rừng già ấy có thể sắp xếp việc tru ngụ. "Giống như loài lưỡng sanh, sau khi lìa bỏ khu rừng cây nhỏ, có thể sống ở khu rừng có nhiều trái cây^, là như thế. Cũng như vậy, sau khi lìa bỏ người có tầm nhìn nhỏ nhoi, tôi tựa như con chim thiên nga đã đạt đến biển lớn. Tương tự như thế: Là phương thức của sự so sánh.

Sau khỉ ỉia bỏ người có tầm nhìn nhỏ nhoi: So sánh với đức Phật Thế Tôn, Bà-la-môn Bâvari và những người khác là thầy của vị ấy thì có tầm nhìn nhỏ

TIỂU DIỄN GIẢI 651

nhoi, có tầm nhìn ít ỏi, có tầm nhìn chút ít, có tầm nhìn thấp kém, có tầm nhìn thấp thỏi, hoặc có tầm nhìn tồi tệ. Sau khi dứt bỏ, sau khi lìa bỏ, sau khi vượt quá, sau khi vượt qua hẳn, sau khi vượt qua khỏi các vị [Bà-la-môn] có tầm nhìn nhỏ nhoi, có tầm nhìn ít ỏi? có tầm nhìn chút ít, có tầm nhìn thấp kém, có tầm nhìn thấp thỏi, có tầm nhìn tồi tệ ấy, tôi đã đi đến, đã tìm đến, đã đạt được, đức Phạt The Tôn là bậc có tầm nhìn vô lượng, có tầm nhìn cao cả, có tầm nhìn hang nhất, có tầm nhìn thù thắng, có tầm nhìn dẫn đầu, có tầm nhìn tối thượng, có tầm nhìn cao quý, bậc không thể sánh bằng, bậc sánh bằng những vị không thể sánh bằng, bậc không người tương đương, không người đối xứng, không người đối thủ, vị Thiên Nhân vượt trội chư thiên, đấng Nhân Ngưu, đang Nhân Su, đấng Nhân Tượng, bậc thuần chủng của loài người, bậc lãnh tụ của loài người, bậc gánh vác sứ mệnh của loài người, bậc duy trì mười lực. Hoặc giống như chim thiên nga có thể đi đến, có thê tìm đến, có thê đạt được hô nước nhân tạo to lớn, hoặc ho thiên nhiên Anotatta, hoặc đại dương không bị xao động, có khối lượng nước không thể ước lượng; tương tự y như vậy, đức Phật Thế Tôn là bậc không bị xao động, có uy lực vô lượng, có trí đã được khai mở, có mắt rộng mở, thiện xảo trong việc chia chẻ bằng tuệ, đã chứng đắc tuệ phân tích, đã đạt đến bốn pháp tự tín, thiên về việc nhập thiền quả thanh tinh, có bản thân tinh khiết, không nói hai lời, bậc tự tại, có lời hứa chác chắn, là bậc vĩ dại, không nhỏ nhoi, sâu thẳm không thể đo lường, khó thâm nhập, có nhiều bảo vật tựa như biển cả, đã thành tựu sáu chi phần của xả, không thể so sánh, bao la không thể đo lường, vị như thế ấy là vi nói về đạo lộ trong số các vị tuyên thuyết, tựa như núi Meru trong số các ngọn núi, tựa như loài nhân điểu trong số các loài chim, tựa như con sư tử trong số các loài thú, tựa như biển cả trong số các đại dương; tôi đã đi đến với vị Đạo sư ấy, bậc chiến thắng cao quý, vị Đại Ân Sĩ. "Cũng như vậy, sau khi lìa bỏ người có tầm nhìn nhỏ nhoi, tôi tựa như con chim thiên nga đã đạt đến biển lớn" là như thế. Vì thế, vị Trưởng lão Piñgiya đã nói: "Giống như loài lưỡng sanh, sau khi lìa bỏ khu rừng cây nhỏ, Có thể sống ở khu rừng có nhiều trải cây, Cũng như vây, sau khi lìa bỏ người có tam nhìn nhỏ nhoi, Tôi tựa như con chim thiên nga đã đạt đen biến lớn."

12. Những người nào trước đây đã giải đáp cho tôi Khác với lời dạy của đức Gotama [nói rang]: "'Đã ỉa như vầy, sẽ là như vầy ", Mọi điêu ây đêu do nghe lời đôn đãi, Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nght Những người nào trước đây đã giải thích cho tôi. Những người nào: Là vị Bà-la-môn Bãvari và những người khác là thầy của vị ấy. Những vi ấy đã giải thích, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn

652 KINH TIÊU Bộ

định, đã khai mở5 đã chia sẻ, đã làm rõ9 đã bày tỏ về quan điểm của mình, về sự chấp nhận của minh, về sự ưa thích của mình, về quan niệm của mình, về ý định của mình, về chủ tâm của mình. “Những người nào trước đây đã giải thích cho t6i” là như thế.

Khác với lời dạy của đức Gotama: Khác với lời dạy của đức Gotama là khác hẳn lời dạy của đức Gotama, trước cả lời dạy của đức Gotama, trước tiên so với lời dạy của đức Gotama, so với lời dạy của đức Phật, so với lời dạy của đấng Chiến Thắng, so với lời dạy của đức Như Lai, so với lời dạy của vị Thiên Nhân vượt trội chư thiên, so với lời dạy của bậc A-la-hán. "Khác với lời dạy của đức Gotama" là như thế. Đã là như vầy, sẽ là như vầy: Nghe nói đã là như vầy, nghe nói sẽ là như vầy. "Đã là như vầy, sẽ là như vầy" là như thế. Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi: Họ đã thuyết giảng mọi điều ấy do nghe lời đồn đãi, do nghe nói như thế, do sự truyền thừa, do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, do nhân suy nghi, do nhân suy luận, do suy đoán theo biểu hiện, do sự suy xét và chấp nhận vê quan diêm, không được chính bản thân biết rõ, không được tự thân quán xét lại. "Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi,9 là như thế. Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ: Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ, sự tăng trưởng của suy tư, sự tăng trưởng của tư duy, sự tăng trưởng của suy tư về dục, sự tăng trưởng của suy tư về sân hận, sự tăng trưởng của suy tư về hãm hại, sự tăng trưởng của suy tư về thân quyến, sự tăng trưởng của suy tư về xứ sở5 sự tăng trưởng của suy tư về chư thiên, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đến sự trắc ẩn đối với người khác, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đến lợi lộc, sự trọng vọng, sự nổi tiếng, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đen việc không bị khi dễ. "Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghr, là như thế. Vì thế, vị Trưởng lão Piñgiya đã nói: “Những người nào trước đây đã giải đáp cho tôi Khác với lời dạy của đức Gotama [nói rang]: y r vây,y sẽ là như vây 5 'Đã là như Mọi điêu ây đêu do nghe lời đôn đãi, Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ." r y 13. Vi xóa tan sự tăm tôi, một mình, đang ngôi, Có sự sáng chói, bậc tạo ra ảnh sáng ấy Là vi Gotama có sự hiểu biết bao laf Là vị Gotama có sự thông minh bao la. Vi xóa tan sự tăm tối, một mình, đang ngồi.

TIÊU DIỄN GIẢI > 653

Một mình: Đức Thê Tôn là một mình theo quy đinh của đời sông xuât gia, một mình với ý nghĩa không người thứ hai, một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái, một mình "c6 luyến ái đã được xa lìa hoàn toàĩi9\ một mình "c6 sân hận đã được xa lìa hoàn toàn", một mình “c6 si mê đã được xa lìa hoàn toàn”, một mình "hoàn toàn không còn ô nhiễm,\ một mình "đã đi con đường độc dạo”, một mình “d giác ngộ quả vi Chánh đẳng giác vô thượng?5 "Một mình,, là như thế. Đức Thế Tôn là một mình theo quy định của đời sống xuất gia nghĩa là thế nào? Đức The Tôn trong lúc đang còn thanh xuân, có tóc đen nhánh của tuổi trẻ, được thành tựu tuổi thanh niên tốt lành, vào giai đoạn đầu của tuổi thọ, trong khi mẹ và cha không mong muốn, với khuôn mặt đầy nước mắt, đang khóc lóc, đang than van, Ngài sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia, sau khi cắt đứt sự vướng bận về vợ con, sau khi cắt đứt sự vướng bận về thân quyến, sau khi cắt đứt sự vướng bận về bạn bè và thân hữu, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà, sau khi đi đến trạng thái không có gì, một mình sống, tru ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. "Dức Thế Tôn là một mình theo quy đinh của đời sống xuất gia" nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn là môt mình với ý nghĩa không người thứ hai nghĩa là thế nào? Trong khi đã được xuất gia như vậy, Ngài một mình thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa

vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tinh. Ngài s6ng một mình, đi một mình, đứng một mình, năm một mình, đi vào làng để khát thực một mình, đi trở ve một mình, ngoi nơi vang vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, s6ng, tru ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. "Đức The Tôn là một mình với ý nghĩa không người thứ hai" nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái nghĩa là thế nào? Ngài một mình như vậy, không người thứ hai, trong khi sống không bị xao lng, có nhiệt tâm, có bản tánh cương quyêt, ở bờ sông Nerafijarā, nơi gốc cây Bô-đề5 trong khi đang nỗ lực về sự nỗ lực vĩ đại, sau khi đã phá tan Ma vương, Thần chết, Hắc ám, thân quyến của nhữnệ kẻ bị xao lãng, cùng với đạo quân binh, Ngài đã dứt bỏ, đã xua đi, đã làm cham dứt, đã làm cho không còn hiện hữu sự vướng mắc là mạng lưới tham ái đã được căng ra. 1. “C6 tham ái là bạn lữ, trong khỉ luân chuyển một thời gian dài đến cõi này và cõi khác, con người không vượt qua được luân hoi. ỉ r r y 2. Sau khỉ biêt được sự bát lợi như vậy, [biêt được] tham ái là n^uôn sanh khởi của khốf vỉ Tỳ-khưu có tham ái đã được xa lìa, không có sự nam giữ, có niệm, nên ra đi du phương." Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn là vi một mình "có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn" nghĩa là thế nào? Là vị một mình "c6 luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn" do trạng thái

đã được dứt bỏ đôi với luyen ái, là vi một mình "c6 sân hận đã được xa lìa hoàn toàn,9 do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sân hận, là vi một mình "c6 si mê đã được xa lìa hoàn toàn" do trạng thái đã được dứt bỏ đối với si mê, là vị một mình "hoàn toàn không còn ô nhiễm55 do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các ô nhiễm. Đức Thế Tôn là vị môt mmh uđã đi con đường độc dạo" nghĩa là thế nào? Con đuờng độc đạo nói đến bốn sự thiết lập niệm,... (nt)... đạo lộ Thánh thiện tám chi phân. 3. ^Vị nhìn thây sự tiêu hoại và châm dứt của sanh, có lòng thương tưởng đen điều lợi ích, nhận biết con đường độc đạo. Trong thời quả khứ các vị đã vượt qua, [trong thời vỉ lai] các vi sẽ vượt qua và [trong thời hiện tại] các vi đang vượt qua dòng lũ băng con đường này." Đức Thế Tôn là vị một mình uđâ đi con đường độc dạo" nghĩa là như vậy. Đức Thế Tôn là vi một mình "đã giác ngộ quả vi Chánh đẳng giác vô thượng,, nghĩa là thế nào? Quả vị giác ngộ nói đến trí ở bốn đạo, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp giác chi, sự thẩm xét, sự thây rõ, chánh kiến. Nhờ vào trí giác ngộ ấy, đức The Tôn đã giác ngộ rằng: "Tất cả các hành la vô thuơng", đã giác ngộ rang: "Tất cả các hành là khổ9\ đã giác ngộ rằng: "Tất cả các pháp là vô .(nt)... đã giác ngộ rằng: uĐiều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều áy đêu có bản tánh hoại diệtz, Hoặc là, điều gì có thể giác ngộ [bởi Sơ đạo], có thể giác ngộ [bởi Nhị đạo], có thể giác ngộ [bởi Tam đạo], có thể giác ngộ [bởi Tứ đạo]/ có thể chứng đắc, có thể chạm đến, có thể chứng ngộ, Ngài đã giác ngộ [Sơ đạo], đã giác ngộ [Nhị đạo], đã giác ngộ [Tam dạo], đã giác ngộ [Tứ đạo], đã giác ngộ đúng đắn, đã chứng đắc, đã chạm đến, đã chứng ngộ toàn bộ điều ấy nhờ vào trí giác ngộ ấy. Đức Thế Tôn là vị một mình uđã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thuợng" nghĩa là như vậy. Vi xóa tan sự tăm tối: Đức Thế Tôn đã xua tan, đã xóa tan, đã dứt bỏ, đã xua đi, đã làm cham dứt, đã làm cho không còn hiện hữu sự tăm tối bởi luyến ái, sự tăm tối bởi sân

hận, sự tăm tối bởi si mê, sự tăm tối bởi ngã mạn, sự tăm tối bởi tà kiến, sự tăm tối bởi ô nhiễm, sự tăm tối bởi uế hạnh, sự tạo ra tăm tối, sự làm cho mù măt5 sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đên sự buôn phiên, không vận hành đến Niết-bắn. Đang ngồi: Đức Thế Tôn đang ngồi ở bảo tháp Pāsānaka. ĔÍĐang ng6i" là như thế. 4. "Các vi Thinh văn, có ba minh, có sự chiên thăng thân chét, hâu cận bậc Hiền trí, vi đã đi đến bờ kia của khổ, đang ngồi ở sườn của ngọn nút Đức Thế Tôn đang ngồi còn là như vậy. Hoặc là, đức Thê Tôn có trạng thái đã được tịch tịnh mọi sự năng động

5 Xem chú thích 5 ở trang 379. (ND)

[của ô nhiễm], đang ngồi. Ngài đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hôi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy." Đức Thế Tôn đang ngồi còn là như vậy. xóa tan sự tăm tối, một mình, đang ng8i" là như thế. Có sự sáng chói, bậc tạo ra ánh sáng ấy. Có sự sáng chói: Có sự sáng chói, có sự khôn ngoan, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh. Bậc tao ra ánh sáng: Bậc tạo ra ánh sáng là bậc tạo ra sự soi sáng, bậc tạo ra sự chiêu sáng, bậc tạo ra cây đèn, bậc tạo ra ngọn đèn, bậc tạo ra sự sáng ngời, bậc tạo ra sự sáng rực. "C6 sự sáng chói, bậc tạo ra ánh sáng ấy" là như thế. Vi Gotama có sự hiểu biết bao ỉa: Vị Gotama có sự hiểu biết bao la, có sự hiểu biết bằng trí, có tuệ là ngọn cờ? có tuệ là cờ hiệu, có tuệ là chủ đạo, có nhiều sự chọn lựa, có nhiều sự khám phá, có nhiều sự xem xét, có nhiều sự tìm tòi, trú vào điêu đã được làm rõ rệt, roi đi theo điêu ây, phát triên theo điêu ây, xem tronjg điều ấy, uốn cong theo điều ấy, chiều theo điều ấy, xuôi theo điều ấy, hướng đen điều ấy, xem điều ấy là chủ đạo. ; 5. "Lá cờ làr biểu hiện • của ngọn • của cỗy xe, khói 9 là biểu hiện : lửa, vị vua là biêu hiện của đát nước, người chông là biêu hiện của phụ nữ, "6 Tương tự y như vậy, vị Gotama có sự hiểu biết bao la, có sự hiểu biết bằng trí, có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là cờ hiệu, có tuệ là chủ dạo, có nhiều sự chọn lựa, có nhiều sự khám phá, có nhiều sự xem xét, có nhiều sự tìm tòi, trú vào điều đã được làm rõ rệt, roi đi theo điều ấy, phát triển theo điều ấy, xem trọng điều ấy, uốn cong theo điều ấy, chiều theo điều ấy, xuôi theo điều ấy, hướng đến điều ấy, xem điều ấy là chủ đạo. "Vj Gotama có sự hiểu biết bao la" là như thế. Vi Gotama có sự thông minh bao la: Bao la nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trải rộng, sánh bằng trái đất. Thông minh nói đến tuệ; tuệ là sự nhận biêt,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu sự thông minh, tuệ này; vì thế, đức Phật vô cùng thông minh. "Vj Gotama có sự thông minh bao la" là như thế. Vì thế, vị Trưởng lão Piñgiya đã nói: "Vi xóa tan sự tăm tôi, một mình, đang ngôi, Có sự sáng chói, bậc tạo ra ánh sảng ấy Là vị Gotama có sự hiểu biết bao la, Là vi Gotama có sự thông minh bao la."

6 Bổn sanh "Vèssantara vĩ đại" (Mahâvessantarạiâtakam), số 547, TTPV, tập 34, trang 387, câu kệ 6198. (ND)

14. Vi ây đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp có thê thây được bởi tự thân, không bỉ chi phổi bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ải, không có tai họa. Đổi với pháp [Niết-bàn] ấyf không có điều tương đương ở bất cứ đâu. Vi ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp. Vi ấy: Vị ấy là đức Thế Tôn? đấng Tự Chủ, vi Không Có Thầy, đã tự mình giác ngộ hoàn toàn các sự thật về các pháp chưa từng được nghe trước đây. Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực. Đã thuyết giảng giáo pháp. Giáo pháp: Ngài đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở? đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ toàn hảo ở đoạn đâu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tinh một cách trọn vẹn và đầy đủ9 [gồm có] bốn sự thiết lập niệm,...(nt)... đạo lộ Thánh thiện tám chi phân, Niêt-bàn, và sự thực hành đưa đên Niêt-bàn. "Vi ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp" là như thế. Có thể thấy được bỏi tự thân, không bỉ chi phối bỏi thòi gian: [Là pháp] có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, hãy đến và hãy thấy, có khả năng dẫn dắt về hướng [Niết-bàn], và nên được hiểu biết tự cá nhân bởi các bậc trí Ạiệ. "Có thể thấy được bởi tự thân" là như vậy. Hoặc là, người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đắc mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liền sau đó, không bi gián đoạn đối với đạo ấy. “C6 thể thấy được bởi tự thân” còn là như vậy. Không bi chi phối bỏi thời gian:7 Giống như những người xuất ra tài sản [vốn] theo đinh ky, họ không đạt được lại liền sau đó, họ chờ đợi một thời gian; pháp này không phải như vậy. Người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đắc mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liền sau đó, không bị gián đoạn đối với đạo ấy, không phải ở nơi khác, không phải ở thế giới khác; "không bị chi phối bởi thời gian" là như vậy. “C6 thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian,^ là như thế. Có sự diệt trừ tham áỉ9 không có tai họa. Tham ái: Tham ái cảnh sắc,...(nt)... tham ái cảnh pháp. Có sự diệt trừ tham ái: Có sự diệt trừ tham ái, có sự diệt trừ luyến ái, có sự diệt trừ sân hận, có sự diệt trừ si mê, có sự diệt trừ cảnh giới tái sanh, có sự diệt trừ việc tái sanh, có sự diệt trừ việc nối liền tái sanh, có sự diệt trừ hữu, có sự diệt trừ việc luân hồi, có sự diệt trừ việc luân chuyển. Không có tai họa: Tai họa nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các pháp tạo

7 Văn bản PãỊi không chính xác. So sánh với 2 đoạn tương tự ở trang 661 và 663. Phần dịch Việt được ghi lại theo sự hiệu đính của Tam tạng Miến Điện. (ND)

tác. Sự dứt bỏ các tai họa, sự vắng lặng các tai họa, sự buông bỏ các tai họa, sự tịch tịnh các tai họa là bất tử, Niết-bàn. “C6 sự diệt trừ tham ái, không có tai hoa" là như thế. Đối vói pháp ấy, không có điều tương đương ờ bất cứ đâu. Đối vói pháp ấy: Đối với Niết-bàn. Không có điêu tương đương: Điêu tương đương là không có, điêu thay thê là không có, điều tương tự là không có, điều đối xứng là không có, không hiện hữu, khòng tìm thấy, không tồn tại. ở bất cứ đâu: ở bất cứ đâu là ở bất cứ nơi đau, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc thuộc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần. "Đối với pháp ấy, không có điều tương đương ở bất cứ âầu" là như thế. Vì thế, vi Trưởng lão

Piñgiya đã nói: ifVi ây đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp có thê thây được bởi tự thân, không bi chi phoi bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Đoi với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu."

15. Tại sao ngươi lại sống xa lìa vỉ ẩy, vỉ Gotama có sự hiểu biết bao ỉa, vỉ Gotama có sự thông minh bao la, dầu chỉ trong chốc lát, này Piñgiya? Tại sao ngươi lại sông xa lìa vi ây: Tại sao ngươi lại sông xa lìa, lại rời xa, lại rời khỏi, lại sống không có đức Phạt? "Tại sao ngươi lại sống xa lìa vị ấy" là như thế. Dầu chỉ trong chốc lát, này Pihgiya: Dầu chỉ trong chốc lát, dầu chỉ trong giây phút, dầu chỉ trong khoảnh khác, dầu chỉ trong giai đoạn, dàu chỉ trong một khoảng thời gian. cT)ầu chỉ trong chốc láf5 là như thế. Piñgiya: Vị Bāvari xưng hô với người cháu8 ấy bang tên. Vi Gotama có sự hiểu biết bao ỉa: Vị Gotama có sự hiểu biết bao la, có sự hiểu biết bằng trí, có tuệ là ngọn cờ5 có tuệ là cờ hiệu, có tuệ là chủ dạo, có nhiều sự chọn lựa, có nhiều sự khám phá, có nhiều sự xem xét, có nhiều sự tìm tòi, trú vào điều đã được làm rõ rệt, roi đi theo điều ấy, phát triển theo điều ấy, xem trọng điêu ây, uon cong theo điêu áy, chiêu theo điêu áy, xuôi theo điêu ây, hướng đên điêu ây, xem điêu ẩy là chủ đạo. "Vj Gotama có sự hiểu biết bao la" là như thế. Vi Gotama có sự thông minh bao la: Bao la nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy5 [là tuệ] bao la, trải rộng, sánh bằng trái đất. Thông minh nói đến tuệ; tuệ là sự nhận biết,...(nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã

8 ở đây, từjāmātaram (con rể) của Tam tạng Sìi Lanka không phù hợp với từ mātulam (cậu, em của mẹ) ở phần sau. Trong khi đó, Tam tạng Thái, Miến và PTS đều ghi là nattãrarn (cháu trai). Vì thế, Piñgiya là cháu và Bāvan là cậu. (ND)

đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu sự thông minh, tuệ này; vì thế, đức Phật vô cùng thông minh. "Vj Gotama có sự thông minh bao la" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng: “Tẹã sao ngươi lại sông xa lìa vỉ ây, vị Gotama có sự hiếu biêt bao ỉa, vị Gotama có sự thông minh bao laf dầu chỉ trong chốc lát, này Piñgiya?"

16. Vỉ ấy đã thuyết giảng cho ngươi giáo pháp có thể thấy được bởi tự thân, không bị chỉ phoi bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ dâu. Vi ấy đã thuyết giảng cho ngươi giáo pháp. Vi ấy: Vị ấy là đức Thế Tôn,... (nt)... Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực. Đã thuyết giảng giáo pháp. Giáo pháp: Ngài đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa,...(nt)... Niết-bàn, và sự thực hành đưa đếnNiết-bàn. “Vi ấy đã thuyết giảng cho ngươi giáo pháp" là như thế. Có thể thấy được bỏi tự thân, không bi chỉ phối bỏi thời gian: [Là pháp] có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, hãy đến và hãy thấy, có khả năng dẫn dắt về hướng [Niết-bàn], và nên được hiểu biết tự cá nhân bởi các bậc trí tuệ. "Có thể thấy được bởi tự thân^, là như vậy. Hoặc là, người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chăng những chứng đác mà còn tìm thây, tiêp

nhận quả vị kê liên sau đó, không bi gián đoạn đối với đạo ấy. "C6 thể thay được bởi tự thân^, còn là như vậy. Không bi chi phổi bởi thời gian: Giống như những người xuất ra tài sản [vốn] theo định kỳ, họ không đạt được lại liền sau đó, họ chờ đợi một thời gian; pháp này không phải như vậy. Người nào, ngay ở kiếp sốnệ này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đác mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liền sau đó, không bị gián đoạn đối với đạo ấy, không phải ở nơi khác, không phải ở thế giới khác. "Không bị chi phối bởi thời gian" là như vậy. "C6 thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian" là như thế. Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Tham ái: Tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thinh,...(nt)... tham ái cảnh pháp. Có sự diệt trừ tham ái: Có sự diệt trừ tham ái, có sự diệt trừ luyến ái? có sự diệt trừ sân hận, có sự diệt trừ si mê, có sự diệt trừ cảnh giới tái sanh, có sự diệt trừ việc tái sanh, có sự diệt trừ việc nối liền tái sanh, có sự diệt trừ hữu, có sự diệt trừ việc luân hồi, có sự diệt trừ việc luân chuyển.

TIỂU DIỄN GIẢI 659

Không có tai họa: Tai họa nói đến các ô nhiễm, các uẩn, các pháp tạo tác. Sự dứt bỏ các tai họa, sự vắng lặng các tai họa, sự buông bỏ các tai họa, sự tịch tịnh các tai họa là bất tư, Niet-baiL "C6 sự diệt trừ tham ái, không có tai hẹ)a" là như thế. Đối với pháp ấy, không có điều tương đương ờ bất cứ dâu. Đối với pháp ấy: Đối với Niết-bàn. Không có điều tương đương: Điều tương đương là không có, điều thay thế là không có, điều tương tự là không có, điều đối xứng là không có, không hiện hữu, khòng tìm thấy, không tồn tại. ở bất cứ đâu: ở bất cư đâu là ở bất cứ nơi đâu, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc thuộc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần. uĐối với pháp ấy, không có điều tương đương ở bất cứ dâu" là như thế. Vì thế, vị Bà-la-môn Bãvari ấy đã nói rằng: "'Vị ây đã thuyêt giảng cho ngươi giáo pháp có thê thây được bởi tự thân, không bi chi phoi bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ải, không có tai họa, Đoi với pháp [Nỉết-bàn] ấyf không có điều tương đương ở bất cứ đâu."

17. Tôi không sông xa lìa vỉ ây, vị Gotama có sự hiêu biêt bao la, vi Gotama có sự thông minh bao laf dầu chỉ trong chốc lát, thưa vị Bà-la-môn. Tôi không sống xa lìa vi ấy: Tôi không sống xa lìa, không rời xa, không rời khỏi, sống khôr^ có đức Phạt. uTôi không sống xa lìa vị ấy" là như thế. Dầu chỉ trong chốc lát, thưa vi Bà-la-môn: Dầu chỉ trong chốc lát, dầu chỉ trong giây phút, dầu chỉ trong khoảnh khắc, dầu chỉ trong giai đoạn, dầu chỉ trong một khoảng thời gian. uDâu chỉ trong chốc láf9 là như thế. Thưa vi Bà-ỉa-môn: Vị Piñgiya ximg hô với người cậu băng sự tôn kính. Vi Gotama có sự hiểu biết bao la: Vị Gotama có sự hiểu biết bao la, có sự hiểu biết bằng trí, có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là biểu hiệu, có tuệ là chủ đạo, có nhiều sự chọn lựa, có nhiều sự khám phá, có nhiều sự xem xét, có nhiều sự tìm tòi, trú vào điều đã được làm rõ rệt, roi đi theo điều ấy, phát triển theo điều ấy, xem trọng điêu ây, uôn cong theo điêu ây, chiêu theo điêu ây, xuôi theo điêu ây, hướng đến điều ây, xem điêu ây là chủ đạo. uVị Gotama có sự hiểu biết bao la" là như thế. Vị Gotama có sự thông minh bao la: Bao la nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trải rộng, sánh bằng trái đất. Thông minh nói đên tuệ; tuệ là sự nhận biêt,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh

kiến. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu sự thông minh, tuệ này; vì thế, đức Phật vô cùng thông minh.

“Vj Gotama có sự thông minh bao la" là như thế. Vì thế, vị Trưởng lão Piñgiya đã nói: “T6i không sổng xa lìa vỉ ayf vỉ Gotama có sự hiểu biết bao la, vi Gotama có sự thông minh bao laf dầu chỉ trong chốc lát, thưa vị Bà-la-môn."

z ọ 7 , , r 1 Ằ t Ả -a 9 Ỉ8. VỊ áy đã thuyêt giảng cho tôi giáo pháp có thê thây được bởi tự thân, không bỉ chỉ phối bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Đổi với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu. Vi ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp: Vị ấy là đức Thế Tôn, đấng Tự Chủ, vị không có thầy, đã tự mình giác ngộ hoàn toàn các sự thật về các pháp chưa từng được nghe trước đây. Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực. Đã thuyết giảng giáo pháp. Giáo pháp: Ngài đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn đinh, đã khai mở? đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ toàn hảo ở đoạn dầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tinh một cách trọn vẹn và đầy đủ, [gồm có] bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cân, bôn nên tảng của thân thông, năm quyên, năm lực, bảy yêu tô đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đến Niết-ban. "Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp" là như thể. Có thể thấy được bởi tự thân, không bi chỉ phối bỏi thời gian: [Là pháp] có thể thấy được bởi tự thân, không bi chi phối bởi thời gian, hãy đến và hãy thấy, có khả năng dẫn dắt về hướng [Niết-bàn], và nên được hiểu biết tự cá nhân bởi các bậc trí tuệ. "Có thể thấy được bởi tự thân,, là như vậy. Hoặc là, người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đắc mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liền sau đó, không bị gián đoạn đoi với đạo ấy. "C6 the thấy được bởi tự thân,, còn là như vậy. Không bi chi phối bỏi thời gian: Giống như những người xuất ra tài sản [von] theo định kỳ, họ không đạt được lại liền sau đó, họ chờ đợi một thời gian; pháp này không phải như vậy. Người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đắc mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liền sau đó, không bị gián đoạn đối với đạo ấy, không phải ở nơi khác, không phải ở thế giới khác. "Không bị chi phối bởi thời gian” là như vậy. "C6 thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian" là như thế. Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp. Có sự diệt trừ tham ái: Có sự diệt trừ tham ái, có sự diệt trừ luyến ái, có

Sự diệt trừ sân hận, có sự diệt trừ si mê, có sự diệt trừ cảnh giới tái sanh, có sự diệt trừ việc tái sanh, có sự diệt trừ việc nối liền tái sanh, có sự diệt trừ hữu, có Sự diệt trừ việc luân hoi, co sự diệt trừ việc luân chuyên. Không có tai họa. Tai hoa: Nói đến các ô nhiễm, các uẩn, các pháp tạo tác. Sự dứt bỏ các tai họa, sự vang lăng các tai họa, sự buông bỏ các tai họa, sự tịch tinh các tai họa là bát tử, Niet-ban. “C6 sự diệt trừ tham ái, không có tai hoa" là như thế. Đối với pháp ấy, không có điều tương đương ờ bất cứ dâu.

Đối vơi pháp ấy: Đối với Niết-bàn. Không có điều tương đương: Điều tương đương là không có, điều thay thế là không c6, điều tương tự là không có, điều đối xứng là không có5 không hiện hữu, khòng tìm thấy, không tồn tại. ở bất cứ đâu: ở bất cứ đâu là ở bất cứ nơi đau, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc thuộc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần. "Đối với pháp ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu,9 là như thế. Vì thế, vị Trưởng lão Piñgiya đã nói: i(Vi ây đã thuyêt giảng cho tôi giáo pháp có thê thây được bởi tự thân, không bỉ chỉ Ị)hối bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Đối với pháp [Nỉết-bàn] ấyf không có điều tương đương ở bất cứ đâu."

19. Tôi nhìn thây Ngài ây băng ỷ hoặc băng mát, Ban đêm và ban ngày, thưa vi Bà-ỉa-môn, không bị xao lãng. Trong khi kính le [đen Ngài], tôi song qua đêm; Chỉnh bang cách ấy, tôi nghĩ là song không xa lìa. Tôi nhìn thấy Ngài ấy bằng ý hoặc bằng mắt: Giống như một người có mắt có thể nhìn thấy, có thể nhận thấy, có thể quan sát, có thể suy xét, có thể khảo sát các vật có hình thể ở nơi ánh sáng, tương tự y như vậy, tôi nhìn thấy, tôi nhận thấy, tôi quan sát, tôi suy xét, tôi khảo sát đức Phật Thế Tôn bằng ý. "Tôi nhìn thấy Ngài ấy bằng ý hoặc bằng mắt" là như thế. Ban đêm và ban ngày, thưa vi Bà-la-môn, không bi xao lãng: Trong khi tu tập pháp tùy niệm Phật băng ý vào ban đêm và ban ngày, không bị xao lãng. “Ban đêm và ban ngày, thưa vi Bà-la-môn, không bị xao lãng95 là như thế. Trong khỉ kính lễ [đến Ngài], tôi sống qua đêm. Trong khi kính lễ: Trong khi kính lễ bằng thân, hoặc trong khi kính lễ bằng lời nói, hoặc trong khi kính lễ bằng tâm, hoặc trong khi kính lễ bằng sự thực hành thuận theo đạo lý, hoặc trong khi kính lễ bằng sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, trong khi trqng vọng, trong khi cung kính, trong khi sùng bái, trong khi cúng dường, tôi sống qua, tôi trải qua, tôi vượt qua ban đêm và ban ngày.

"Trong khi kính lễ [đến Ngài], tôi sống qua dOm" là như thế. Chính bằng cách ấy, tôi nghĩ là sống không xa lìa: Trong khi tu tập việc tùy niệm Phật ấy, tôi nghĩ về Ngài ấy [cho rằng]: "Sống không xa lia", tôi nghĩ, tôi biết về Ngài ấy [cho rằng]: uĐã sống không xa lia", tôi biết như vậy, tôi hiểu như vậy, tôi nhận thức như vậy, tôi thừa nhận như vậy, tôi thấu triệt như vậy. “Chính bằng cách ấy, tôi nghĩ là sống không xa lia" là như thế. Vì thế, vị Trưởng lão Piñgiya đã nói: nhìn thấy Ngài ấy bằng ỷ hoặc bằng mắt, Ban đêm và ban ngày, thưa vi Bà-la-môn, không bỉ xao lãng. Trong khi kỉnh lễ [đến Ngài], tôi sống qua đêm; Chỉnh bằng cách ấy, tôi nghĩ là sổng không xa lìa."

20. Tín, hỷf tâm ỷ và niệm Của tôi không lìa xa lời giảng dạy của đức Gotama. Mỗi phương hướn^ nào bậc có tuệ bao la di chuyển đến, Tôi đây đều kính le theo chỉnh moi phương hướng ẩy. Tín, hỷ, tâm ý và niệm. Tín: Tín là sự tin tưởng, sự tin cậy, sự tịnh tín, niềm tin, tín quyền, tín lực.. (nt)... liên quan đến đức Thế Tôn. Hỷ: Hỷ là sự hân hoan, sự tùy hỷ, sự vui thích, sự cười đùa, sự hài hước, sự vui lòng, sự vui sướng, sự phấn khởi, sự hoan hỷ của tâm liên quan đến đức The Ton. Tâm ý: Tức là tâm, ý, ý thức, trái tim, chất xám, ý, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên liên quan đến đức Thế Tôn. Niệm: Niệm là sự tùy niệm,... (nt)... chánh niệm liên quan đến đức Thế Tôn. “Tín, hỷ, tâm ý và niêm” là như thế. Của tôi không lìa xa lòi giảng dạy của đức

Gotama: Bốn pháp này [không lìa xa] lời dạy của Gotama, lời dạy của đức Phật, lời dạy của đấng Chiến Thắng, lời dạy của đức Như Lai, lời dạy của vị Chúa của chư thiên, lời dạy của bậc A-la-hán. Không lìa xa: Không lìa xa là không đi xa, không rời bỏ? không làm hư hoại. "Của tôi không lìa xa lời giảng dạy của đức Gotama" là như thế. Mỗi phương hướng nào bậc có tuệ bao la di chuyển đến. Mỗi phương hướng nào: Hoặc là hướng Đông, hoặc là hướng Tây, hoặc là hướng Nam, hoặc là hướng Bắc mà Ngài di chuyển, đi đến, bước di, bước tới. Bậc có tuệ bao ỉa: Bậc có tuệ bao la là có tuệ vĩ dại, có tuệ sắc bén, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiếu, có tuệ tốc hành, có tuệ thấu suốt. Bao la nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trải rộng, sánh bằng trái đất.

TIỂU DIỄN GIẢI 663

uMỗi phương hướng nào bậc có tuệ bao la di chuyển đến,, là như thế. Tôi đây đều kính lễ theo chính mỗi phương hướng ấy: Đức Phật ở nơi nào, thì vị ấy cúi mình về chính mỗi phương hướng ấy, uốn cong theo phương hướng ấy, chiều theo phương hướng ấy, xuôi theo phương hướng ấy, hướng đến phương hướng ấy, xem phương hướng ấy là chủ đạo. "T6i đây đều kính lễ theo chính mỗi phương hướng ấy" là như thế. Vì thế, vị Trưởng lão Piñgiya đã nói: “Tín, hỷ, tâm ỷ và niệm Của tôi không lìa xa lời giảng dạy của đức Gotama. Mỗi phương hướng nào bậc có tuệ bao la dỉ chuyển đến, Tôi đây đều kỉnh lễ theo chỉnh mỗi phương hướng ấy.

2L Đôi với tôi, là người đã già nua, có thê lực và sức mạnh kém cỏi, Chính vì thếf thân xác của tôi không theo đến được nơi ấy. Tôi thường đì đen bang cách hướng tâm, Thưa vi Bà-la-môn, bởi vì ỷ của tôi đã được gắn bó với Ngài ấy, Đối với tôi, là người đã già nua, có thể lực và sức mạnh kém cỏi. Là người đã già nua: Người đã già nua là người lớn tuổi, trưởng thượng, đã trải qua cuộc đời, đã đạt đến tuổi thọ. Có thể lực và sức mạnh kém cỏi: Có thể lực và sức mạnh kém cỏi là có sức mạnh ít ỏi, có sức mạnh chút ít. "Đối với tôi, là người đã già nua, có thể lực và sức mạnh kém c6i" là như thế. Chính vì thế, thân xác của tôi không theo đến được nơi ấy: Đức Phật ở nơi nào thì thân xác [của tôi] không theo đên, không di chuyên, không đi đên, không bước tới nơi ấy được. “Chính vì thế, thân xác của tôi không theo đến được nơi ấy" là như thế. Tôi thường đi đến bằng cách hướng tâm: Tôi di chuyển, tôi đi đến, tôi bước tới với việc đi đến bằng cách hướng tâm, với việc đi đến bằng cách suy nghĩ, với việc đi đến bằng trí, với việc đi đến bằng tuệ, với việc đi đến bằng sự giác ngộ. "Tôi thường đi đến bằng cách hướng tâm" là như thế. Thưa vi Bà-la-môn, bởi vì ý của tôi đã được gắn bó vói Ngài ấy. Ý: Tức là tâm, ý, ý thức,... (nt)... từ đó ý thức giới sanh lên. Thưa vi Bà-la-môn9 bỏi vì ý của tôi đã được gắn bó với Ngài ấy: Đức Phật ở nơi nào thì ý [của tôi] được gắn bó? được gan vào, được gắn liền với nơi ấy. "Thua vị Bà-la-môn, bởi vì ý của tôi đã được gắn bó với Ngài ấy" là như thế. Vì thế, vi Trưởng lão Piñgiya đã nói:

664 KINH TIÊU BÔ

^Đôi với tôi, là người đã già nua, có thê lực và sức mạnh kém cỏi, Chính vì thê, thân xác của tôi không theo đên được nơi ây. Tôi thường đi đen bang cách hướng tâm, Thưa vị

Bà-la-môn, bởi vì ỷ của tôi đã được găn bó với Ngài ây."

22. Trong khỉ năm ở đám bùn [nệũ dục], đang chao đảo, Tôi đã bơi từ hòn đảo này đen hòn đảo khác. Rồi tôi đã nhìn thấy đức Phật Toàn Giác, Vỉ đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc. Trong khi nằm ờ đám bùn, đang chao đảo. Trong khỉ nằm ờ đám bùn: Trong khi đang ngồi, trong khi đang nằm, trong khi đang sống, trong khi đang cư trú, trong khi đang lưu tru ở đám bùn [ngũ] dục, ở vũng lầy [ngũ] dục, ở ao hồ [ngũ] dục, ở cơn sốt [ngũ] dục, ở sự vướng bận [ngũ] dục. "Trong khi nằm ở đám bùn,, là như thế. Đang chao đảo: Đang chao động với sự chao động bởi ái, đang chao động với sự chao động bởi tà kiến, đang chao động với sự chao động bởi ô nhiễm, đang chao động với sự chao động bởi sự kết nối, đang chao động với sự chao động bởi quả thành tựu, đang chao động với sự chao động bởi uế hạnh về ý, kẻ bị luyến ái đang chao động bởi luyến ái, kẻ bị sân hận đang chao động bởi sân hận, kẻ bị si mê đang chao động bởi si mê, kẻ bị trói buộc đang chao động bởi ngã mạn, kẻ bị bám víu đang chao động bởi tà kiến, kẻ bị tán loạn đang chao động bởi sự phóng dật, kẻ không dứt khoát đang chao động bởi hoài nghi, kẻ cứng cỏi đang chao động bởi các pháp tiềm ẩn, đang chao động bởi lợi lộc, đang chao động bởi không lợi lộc, đang chao động bởi danh vọng, đang chao động bởi không danh vọng, đang chao động bởi lời khen, đang chao động bởi tiếng chê, đang chao động bởi hạnh phúc, đang chao động bởi khổ đau, đang chao động bởi sanh, đang chao động bởi già, đang chao động bởi bệnh, đang chao động bởi chết, đang chao động bởi sầu-bi-khổ-ưu-não? đang chao động bởi khổ ở địa ngục, đang chao động bởi khổ ở loài thú, đang chao động bởi khổ ở thân phận ngạ quỷ, đang chao động bởi khổ của loài người, đang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc nhập thai, dang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc trụ thai, đang chao động bởi khổ bắt nguôn từ việc ra khỏi thai, đang chao động bởi khổ gắn liền sau khi sanh ra9... bởi khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra,... bởi khổ do sự ra sức của bản thân,. .. bởi kho do sự ra sức của kẻ khác,[.. bởi kho do (thọ) khổj... bởi kho do pháp tạo tác,...bởi kho do sự biến đoi,... bởi kho do bệnh ở mắt,... bởi khổ do bệnh ở tai trong,... bởi khổ do bệnh ở mũi,... bởi khổ do bệnh ở lưỡi,... bởi khổ do bệnh ở thân,... bởi khổ do bệnh ở đầu,... bởi khổ do bệnh ở lỗ tai,... bởi khổ do bệnh ở miệng,... bởi khổ do bệnh ở răng,... bởi ho,... bởi suyên5... bởi so mũi,... bởi nhiệt,.. bởi cam sót,... bởi đau bụng,... bởi xây xẩm,... bởi kiết ly,... bởi đau bụng bão,... bởi dịch tả,... bởi phong cùi,... bởi khoi u5... bởi bệnh chàm,... bởi lao phoi,... bởi động kinh,... bởi

mụt,... bởi nhọt,... bởi ghẻ ngứa,... bỏd sảy,... bởi loét tay chân,... bởi máu và mật5... bởi bệnh tiểu đường,... bởi bệnh trĩ,... bởi ghẻ lở,... bởi loét hậu môn,... bởi bệnh phát khởi từ mật,... bởi bệnh phát khởi từ dàm,. bởi bệnh phát khởi từ gió,... bởi bệnh tổng hợp do mật-đàm-gióv. bởi bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết,... bởi bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều,... bởi bệnh thuộc dạng cấp tính,... bởi bệnh sanh lên vì quả của nghiệp,... bởi lạnh,.. bởi nóng,... bởi đói,... bởi khát,... bởi đại tiện,... bởi tiểu tiện,... bởi kho do sự XÚC chạm vơi ruoi? muôi, gio, năng và các loai bo sát,... bơi kho do cái chét cua mẹ,.. bởi khổ do cái chết của cha, [bởi khổ do cái chết của anh (em) trai,... bởi

khổ do cái chết của chị (em) gái] bởi khổ do cái chết của con trai,... bởi khổ do cái chết của con gái,... bởi khổ do sự tổn hại về thân quyến,... bởi khổ do sự tổn hại về của cải,... bởi khổ do sự tổn hại vì bệnh tật,... bởi khổ do sự tổn hại về giới,... bởi khổ do sự tổn hại về kiến thức, đang lay động, đang xáo động, đang run ray, đang chấn động, đang rúng động. "Trong khi nằm ở đám bùn [ngũ dục], đang chao đảo,9 là như thế. Tôi đã bòi từ hòn đảo này đến hòn đảo khác: Tôi đã bơi, tôi đã lội, tôi đã trôi nổi, tôi đã trôi dạt từ bậc Đạo sư này đến bậc Đạo sư khác, từ lần giảng pháp này đến lần giảng pháp khác, từ nhóm này đến nhóm khác, từ quan điểm này đến quan điểm khác, từ sự thực hành này đến sự thực hành khác, từ đạo lộ này đến đạo lộ khác. "T6i đã bơi từ hòn đảo này đến hòn đảo khác" là như thế. Rồi tôi đã nhìn thấy đức Phật Toàn Giác. Roi: Từ "atha" này là sự nôi liên các câu văn, sự két hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm5 trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuân tự của các câu văn. Toi đã nhìn thấy: Tôi đã nhìn thấy, tôi đã nhận thấy, tôi đã nhìn xem, tôi đã thấu triệt. Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn, đấng Tự Chủ, vị không có thầy,... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là "dức Phật?9 "Rồi tôi đã nhìn thấy đức Phật Toàn Giác,, là như thế. Vi đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc. Vi đã vượt qua dòng lũ: Đức Thế Tôn đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua mọi nẻo đường luân hồi, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vi ấy. "VỊ đã vượt qua dòng lũ" là như thế. Không còn lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu. Đối với đức Phật Thế Tôn, các lậu hoặc ấy là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bi làm cho không còn hiện

hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc không còn lậu hoặc. đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc" là như thế. Vì thế, vị Trưởng lão Piñgiya đã nói: “Trong khi nam ở đảm bùn [ngũ dục], đang chao đảo, Tôi đã bơi từ hòn đảo này đen hòn đảo khác. Rồi tôi đã nhìn thấy đức Phật Toàn Giác, Vi đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc,"

23. Giống như Vakkalỉ có đức tin đã được cởi trói, Bhadrãvudha và Ẫlavigotama [cũng vậy], Tương tụy như vậy, ngươi cũng hãy giải thoát bang đức tin. Này Piñgiya, ngươi sẽ đi đến bờ kia đôi với lãnh địa của thân chét? Giống như Vakkali có đức tin đã được cởi trói, Bhadrãvudha và Ãlavigotama [cũng vậy]: Giống như Trưởng lão Vakkali có đức tin đã được cởi trói, xem trọng đức tin, có đức tin đi trước, hướng đến đức tin, có đức tin là chủ dạo, đã đạt được phàm vị A-la-hán; giông như Trưởng lão Bhadrâvudha có đức tin đã được cởi trói, xem trọng đức tin, có đức tin đi trước, hướng đến đức tin, có đức tin là chủ dạo, đã đạt được phàm vị A-la-hán; giông như Trưởng lão Ảlavigotama có đức tin đã được cởi trói, xem trọng đức tin, có đức tin đi trước, hướng đến đức tin, có đức tin là chủ dạo, đã đạt được phẩm vi A-la-hán. "Giống như Vàkkali có đức tin đã được cỏd trói, Bhadrãvudha và Âlavigotama [cũng vậy],, là như thế. Tương tự y như

vậy, ngươi cũng hãy giải thoát bằng đức tin: Tương tự y như vậy, ngươi cũng hãy cởi trói, hãy giải thoát, hãy tự giải thoát, hãy hướng đến, hãy tăng trưởng đức tin vào: "Tất cả các hành là vô thường,,; hãy cởi trói, hãy giải thoát, hãy tự giải thoát, hãy hướng đến, hãy tăng trưởng đức tin vào: “Tất cả các hành là kh6",... (nt).. "Tất cả các pháp là vô ngãT; hãy cởi trói, hãy giải thoát, hãy tự giải thoát, hãy hướng đến, hãy tăng trưởng đức tin vào: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh diệt tận.^^ "Tương tự y như vậy, ngươi cũng hãy giải thoát bằng đức tin" là như thế. Này Piñgiya, ngươi sẽ đĩ đến bờ kia đối với lãnh đỉa của thần chết: Lãnh địa của thần chết nói đến các ô nhiễm, các uẩn, và các sự tạo tác. Bờ kia đối với lãnh địa của thần chết nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các

9 Vào thời điểm này, đức Phật đang ngự tại thành Sāvatthi. Biết được sự chín muồi về khả năng của Piñgiya và Bāvari, Ngài đã phóng ra hào quang có màu sắc vàng chói. Piñgiya, ngay trong lúc đang ngoi tan dương ân đức của Phật cho Bāvari, đã nhìn thấy hào quang ấy. Trong lúc đàiig xem xét “c gì đây?,? Piñgiya nhìn thấy đức Thế Tôn như đang đứng trước mặt. Piñgiya đã bảo vị Bà-la-môn Bāvari rằng: 4tĐức Phật đã ngự đến." Bà-la-môn Bāvan đã tư chỗ ngồi chắp tay lên và đứng dậy. Đức Thế Tôn sau khi phóng ra hào quang đã hiện thân cho vị Bà-la-môn thấy. Sau khi thấy thời(Kem phù hợp cho cả hai vị, trong lúc chỉ dạy riêng cho Piñgiya, Ngài đã nói lên kệ ngôn này (SnA. II. 606). (ND)

TIỂU DIỄN GIẢI e 667

pháp tạo tác, sự buông bỏ tát cả các mâm tái sanh, sự diệt trừ tham ải, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Này Piñgiya, ngươi sẽ đi đến bờ kia đối với lãnh địa của thần chết: Ngươi sẽ đi đến bờ kia, ngươi sẽ chứng đắc bờ kia, ngươi sẽ chạm đến bờ kia, ngươi sẽ chứng ngộ bờ kia. "Này Pihgiya, ngươi sẽ đi đến bờ kia đối với lãnh địa của thần chết" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “GiSng như Vakkalỉ cỏ đức tin đã được cởi trói, Bhadrãvudha và Âlavigotama [cũng vây], Tương tụy như vậy, ngươi cũngr r thoát bang đức tin,y hãy giải r Này Piñgiya, ngươi sẽ đi đên bờ kia đôi với lãnh địa của thân chét.fĩ

24. Con đây càng thêm tịnh tín sau khi lẳng nghe lời nói của bậc Hiền trí. Ngài là đức Phật Toàn Giác, có màn che đã được cuốn lên, không còn sự cứng cỏi [của tâm], có tài biện giải. Con đây càng thêm tinh tín: Con đây càng thêm tịnh tín, càng tin tưởng thêm hơn nữa, càng tin cậy thêm hơn nữa, càng hướng đến thêm hơn nữa; con đây càng tịnh tín thêm hơn nữa, càng tin tưởng thêm hơn nữa, càng tin cậy thêm hơn nữa, càng hướng đến thêm hơn nữa rằng: “Tất cả các hành là vô thường,,; con đây càng tịnh tín thêm hơn nữa,... (nt)..."Tất cả các hành là khổ95; con đây càng tinh tín thêm hơn nữa,... (nt)..."Tất cả các pháp là vô ngỗT; con đây càng tịnh tín thêm hơn nữa, càng tin tưởng thêm hơn nữa, càng tin cậy thêm hơn nữa, càng hướng đến thêm hơn nữa rằng: "Diều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh diệt tan." "Con đây càng thêm tịnh tín,, là như thế. Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí. Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt). đã vượt qua sự quyên luyên và mạng lưới [tham ái và tà kiên], vị ây là bậc Hiền trí. Sau khi lăng nghe lòi nói

của bậc Hiên trí: Sau khi lăng nghe, sau khi tiêp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi nhận định lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời chỉ dạy, lời khuyên bảo của Ngài. "Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí" là như thế. Ngài là đức Phật Toàn Giác, có màn che đã được cuốn lên. Sự che đậy: Có năm sự che đậy: Sự che đậy do tham ái, sự che đậy do tà kiến, sự che đậy do ô nhiễm, sự che đậy do uế hạnh, sự che đậy do vô minh. Đối với đức Phật Thế Tôn? các sự che đậy ấy đã được mở ra, đã được hủy hoại, đã được mở rộng, đã được mở toang, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được

Vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vì thế, đức Phật là bậc có màn che đã được cuốn lên. Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn,... (nt).. sự quy định do việc chứng ngộ, tức là uđức Phật., • "Ngài là đức Phật Toàn Giác, có màn che đã được cuốn len" là như thế. Không còn sự cứng cỏi [của tâm], có tài biện giải. Không còn sự cứng cỏi [của tâm]: Luyên ái là sự cứng cỏi, sân hận là sự cứng cỏi, si mê là sự cứng cỏi9 giận dữ là sự cứng cỏi, thù hằn là sự cứng cỏi,... (nt).. tất cả các pháp tạo tác bất thiện là sự cứng cỏi [của tâm]. Đối với đức Phật Thế Tôn, các sự cứng cỏi ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bi cụt ngọn, đã bi làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc không còn sự cứng cỏi [của tâm]. Có tài biện giải: Có ba hạng người có tài biện giải: Có tài biện giải do pháp học, có tài biện giải do vấn hỏi, có tài biện giải do chứng đắc. Có tài biện giải do pháp học là thế nào? ở đây, một vị nào đó được học tinh thông một cách tự nhiên ve Suíta, Geyya, Veyyākarana, Gāthā, Udānaf ỉtivuttaka, Jātaka, A bbhutadhamma, Vedalla^ nhờ vào pháp học, vấn đề được sáng tỏ đối với vị ấy. Đây là hạng người có tài biện giải do pháp học. Có tài biện giải do vấn hỏi là thế nào? ở dây, một vị nào đó là người vấn hỏi về mục đích, về cách thức, về tướng trạng, ve nguyên nhân, và về tính chất hợp lý hay không hợp lý; nhờ vào việc vấn hỏi, điều ấy được sáng tỏ đối với vị ấy. Đây là hạng người có tài biện giải do vấn hỏi. Co tài biện giải do chứng đắc là thế nào? ở đây, một vị nào đó đạt đến bốn sự thiết ỉập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, bon Thánh đạo, bon quả vi Sa-môn? bốn tuệ phân tích, sáu thắng trí; đối với vị ấy ý nghĩa đã được biết, pháp đã được biết, ngôn từ đã được biết. Khi ý nghĩa đã được biết thì ý nghĩa được sáng tỏ, khi pháp đã được biết thì pháp được sáng tỏ, khi ngôn từ đã được biết thì ngôn từ được sáng tỏ; trí ở ba sự nhận biết này là tuệ phân tích ve phép biện giải. Đức The Ton đã tiên đen, đã tiên ệân, đã đen gan, đã tiên vào, đã đạt đên, đã tròn đủ, đã thành tựu tuệ phân tích vê phép biện giải này; vì thế, đức Phật là người có tài biện giải. Đối với kẻ nào, pháp học không c6, vấn hỏi không có, chứng đắc không có, đối với kẻ ấy, cái gì sẽ được sáng tỏ? "Không còn sự cứng cỏi [của tâm], có tài biện gimi" là như thế. Vì thế, vị Trưởng lão Piñgiya đã nói: “Con đây càng thêm tinh tín sau khỉ lang nghe lời nói của bậc Hiền trí. Ngài là đức Phật Toàn Giác, có màn che đã được cuốn lên, không còn sự cứng cỏi [của tâm], có tài biện giải. 10 Xem chú thích về "Chín thể loại giáo pháp" & trang 122. (ND)

25. Sau khỉ biết rõ chư thiên bậc thượng, Ngài đã hiểu biết tất cả từ thấp đến cao. Bậc Đạo sư là vi giải quyết dứt điếm các câu hỏi của những người có sự nghi ngờ đang bày tỏ [với Ngài], Sau khi biết rõ chư thiên bậc thượng. Chư thiên: Có ba hạng chư thiên: Chư thiên do chế định, chư thiên do tái sanh, chư thiên do thanh tinh. Chư thiên do chế định là những ai? Chư thiên do chế định nói đến các vị vua, các hoàng tử, và các hoàng hậu; những người này là chư thiên do chế định. Chư thiên do tái sanh là những ai? Chư thiên do tái sanh nói đến chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương, chư thiên cõi Đạo-lợi9... (nt)... chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên và chư thiên nào vượt lên trên cõi ấy; các vị này là chư thiên do tái sanh. Chư thiên do thanh tịnh là những ai? Chư thiên do thanh tinh nói đến các đức Như Lai, các đệ tử của các đức Như Lai là các vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt, và các vị Phật Độc Giác; các vi này la chư thiên do thanh tịnh. Đưc Thế Tôn, sau khi biết rõ chư thiên do chế định là "chu thiên bậc thượng", sau khi biết rõ chư thiên do tái sanh là "chu thiên bậc thượng", sau khi biết rõ chư thiên do thanh tịnh là "chu thiên bậc thượng", sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. "Sau khi biết rõ chư thiên bậc thượng99 là như thế. Ngài đã hiểu biết tất cả từ thấp đến cao: Đức Thế Tôn đã hiểu biết, đã biết rõ, đã nhìn thấy, đã thấu triệt các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho bản thân và cho những người khác. Các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho bản thân là những pháp nào? Sự thực hành đúnệ đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đên lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực vê vật thực, sự luyện tập vê tỉnh thức, niệm và sự nhận biêt rõ, bốn sự thiết lập niệm,... (nt)... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Các việc này được gọi là các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho bản thân. Các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho những người khác là những pháp nào? Sự thực hành đúng đắn,... (nt)... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Các việc này được gọi là các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho những người khác. Đức Thế Tôn đã hiếu biết, đã biết rõ, đã nhìn thấy, đã thấu triệt các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho bản thân và cho những người khác như vậy. "Ngài đã hiểu biết tất cả từ thấp đến cao" là như thế. Bậc Đạo sư là vị giải quyết dứt điểm các câu hỏi: Đức Thế Tôn là vi làm chấm dứt, vị làm kết thúc, vi làm giới hạn, vị làm việc khoanh vùng cho các câu hỏi của những vi đang trên đường đi đến bờ kia; là vị làm chấm dứt, vị làm kết thúc, vị làm giói hạn, vị làm việc khoanh vùng cho các câu hỏi của vị Sabhiya; là vi làm cham dứt, vị làm kết thúc, vi làm giới hạn, vị làm việc khoanh vùng cho các câu hỏi của Thiên chủ Sakka, cho các câu hỏi của Thiên tử Suyâma, cho các câu hỏi của các vi Tỳ-khưu, cho các câu hỏi của các vị Tỳ-khưu-ni, cho các

câu hỏi của các nam cư sĩ, cho các câu hỏi của nữ cư si, cho các câu hỏi của các vị vua, cho các câu hỏi của các vị Sát-đế-lỵ? cho các câu hỏi của các Bà-la-môn5 thương buôn và nô lệ, cho các câu hỏi của chư thiên, cho các câu hỏi của Phạm thiên. "Vj giải quyết dứt điểm các câu h6i" là như thế. Bậc Đạo sư: Đức Thế Tôn là người chỉ đạo đoàn xe. Giống như người chỉ đạo đoàn xe giúp các đoàn xe vượt qua hiểm lộ, giúp vượt qua hiểm lộ có trộm cướp, giúp vượt qua hiểm lộ có thú dữ, giúp vượt qua hiểm lộ có khó

khăn về vật thực, giúp vượt qua hiểm lộ không có nước, giúp cho vượt lên, ẹiúp cho vượt ra, giúp cho vượt khỏi, giúp cho đạt đến vùng đất hoàn toàn an ôn; tương tự y như thế, đức Thê Tôn là người chỉ đạo đoàn xe giúp chúng sanh vượt qua hiểm lộ, giúp vượt qua hiểm lộ của sanh, giúp vượt qua hiểm lộ của già-bệnh-chết-sầu-bi-khổ-ưu-não, giúp vượt qua hiểm lộ của luyến ái, giúp vượt qua hiểm lộ của sân hận,... si mê,... ngã mạn,... tà kiến,... ô nhiễm,... uế hạnh, giúp vượt qua sự nắm giữ của luyến ái, giúp vượt qua sự nắm giữ của sân hận,... sự năm giữ của si mê,... sự năm giữ của tà kiên,.. ô nhiêm,... uê hạnh, giúp cho vượt lên, giúp cho vượt ra, giúp cho vượt khỏi, giúp cho đạt đến vùng đất hoàn toàn an ổn, bất tử, Niết-bàn. "Bức Thế Tôn là người chỉ đạo đoàn xe" là như vậy. Hoặc là, đức Thế Tôn là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dẫn, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khơi Mở, bậc Khởi Tín. "Bức Thế Tôn là người chỉ đạo đoàn xe" còn là như vậy. Hoặc là, đức Thế Tôn là vi làm sanh khởi đạo lộ chưar được sanh khởi, r là vị r • 5sanh ra • đạo lộ chưa e elàm 9 được sanh ra, là vị tuyên thuyêt đạo lộ chưa được tuyên thuyêt, là vị biêt vê đạo lộ, là vị hiêu rõ về đạo lộ, là vi rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ, là các đệ tử của Ngài, hiện nay đang an trú và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy]. “Bức Thế Tôn là người chỉ đạo do xe" còn là như vậy. uBậc Đạo sư là vi giải quyết dứt điểm các câu h6i” là như thế. Của những người có sư nghi ngờ đang bày tỏ [với Ngài]: Những người có sự nghi ngờ sau khi đi đến thì trở thành không còn nghi ngờ, có sự day dứt sau khi đi đến thì trở thành không còn day dứt, có sự lưỡng lự sau khi đi đến thì trở thành không còn lưỡng lự, có hoài nghi sau khi đi đến thì trở thành không còn hoài nghi, có luyến ái sau khi đi đến thì trở thành có luyến ái đã được xa lìa, có sân hận sau khi đi đến thì trở thành có sân hận đã được xa lìa, có si mê sau khi đi đến thì trở thành có si mê đã được xa lìa, có ô nhiễm sau khi đi đến thì trở thành không còn ô nhiễm. "Cha những người có sự nghi ngờ đang bày tỏ [với Nghi]" là như thế. Vì thế, vị Trưởng lão Piñgiya đã nói: “Sau khi biết rõ chư thiên bậc thượng, Ngài đã hiểu biết tất cả từ thấp đến cao. Bậc Đạo sư là vi giải quyết dứt điểm các câu hỏi của những người có sự nghi ngờ đang bày tỏ [với Ngài],

TIỂU DIỄN GIẢI 671

26. Đương nhiên, con sẽ đi đến trạng thái [Niết-bàn] không bị chuyển dịch, không bi lay động; không có pháp tương đương đoi với Nỉết-bàn ở bất cứ đâu. Con không có sự nghỉ ngờ ve nơi này. Xin Ngài hãy ghi nhận con là người có tâm đã được hưởng đen như vây. Khôn^ bị chuyển dịch, không bi lay động: Không bị chuyển dịch nói đến bất tử, Niêt-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Không bi chuyển dịch: Là không thể bị chuyển dịch bởi luyến ái, bởi sân hận5 bởi si mê, bởi giận dữ, bởi thù hằn, bởi gièm pha, bởi ác ý, bởi ganh tỵ, bởi bon xẻn, bởi xảo trá, bởi lừa gạt, bởi bướng bỉnh, bởi hung hăng, bởi ngã mạn, bởi cao ngạo, bởi đam mê5 bởi xao lãng, bởi tất cả ô nhiễm, bởi tất cả uế hạnh, bởi mọi sự bực bội, bởi các lậu hoặc, bởi mọi sự lo lắng, bởi mọi sự nóng nảy, bởi tất cả các pháp tạo tác bất thiện, Niết-bàn là thường còn, bền vững, trường tồn, không có bản chất biến đổi. "'Không bị chuyển dịch,^ là như thế. Không bi lay động: Không bị lay động nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác,..(nt)... sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với pháp ấy, sự sanh lên không

được biết đến, sự hoại diệt không được biết đến, trạng thái biến đổi của nó không được biết đến, Niết-bàn là thường còn, bền vững, trường tồn, không có bản chất biến đổi. uKhông bị chuyển dịch, không bị lay động,9 là như thế. Không có pháp tương đương đối với Niết-bàn ờ bất cứ dâu. Đối vói pháp ấy: Đối với Niết-bàn. Không có pháp tương đương: Pháp tương đương là không có, pháp thay thế là không có, pháp tương tự là không có, pháp đối xứng là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, khống tồn tạĩ ở bất cứ đâu: ở bất cư đâu là ở bất cứ nơi đâu, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc thuộc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần. "Không có pháp tương đương đối với Niết-bàn ở bất cứ dàu" là như thế. Đương nhiên, con sẽ đi đến... Con không có sự nghi ngờ về noi này. Đương nhiên: Từ "addhā" này là lời nói nhất định, lời nói không ngờ vực, lời nói không nghi ngờ, lời nói không hai nghĩa, lời nói không gây ra sự lưỡng lư, lời nói bảo đảm, lời nói đưa đến lợi ích, lời nói không sai trái, lời nói không đoi chọi, lời nói khang định. Con sẽ đi đến: Con sẽ đi đến là con sẽ chứng dắc, con sẽ chạm đến, con sẽ chứng ngộ. "Đương nhiên, con sẽ đi đến" là như thế. Con không có sự nghi ngờ về nơi này. về n(ri này: về Niết-bàn. Sự nghi ngờ là không có, sự hoài nghi là không có, sự lưỡng lư là không có, sự ngờ vực là không c6, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ? đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thê sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

672 KINH TIÊU BÔ

"Đương nhiên, con sẽ đi đến... con không có sự nghi ngờ về nơi này" là như thê. Xin Ngài hãy ghi nhận con là ngưM có tâm đã được hướng đến như vậy. Xin Ngài hãy ghi nhận con như vậy: Xin Ngài hãy nhận đinh con có tâm uốn cong theo Niêt-bàn9 chiều theo Niết-bàn, xuôi theo Niết-bàn, hướng đến Niết-bàn như vậy. “Xin Ngài hãy ghi nhận con là người có tâm đã được hướng đến như vay" là như thế. Vì thế, vi Trưởng lão Piñgiya đã nói: “Dương nhiên, con sẽ đi đên trạng thải [Nỉêt-bàn] không bi chuyên dịch, không bỉ lay động; không có pháp tương đương đoi với Niết-bàn ở bất cứ đâu. Con không cỏ sự nghi ngờ ve nơi này. Xin Ngài hãy ghi nhận con là người có tâm đã được hướng đen như vậy." uDiễii giải phẩm Đường đi đến bờ kia” được chấm dứt.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.